

BAN TRUYỀN THÔNG
GIA ĐÌNH SA-LÊ-DIÊNG VIỆT NAM
WENDY M. WRIGHT
Lm. Gioan Nguyễn Văn Ty, SDB chuyển ngữ

CON TIM

thổ lộ với

con tim

TRUYỀN THỐNG LINH ĐẠO SA-LÊ

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

WENDY M. WRIGHT

Lm. Gioan Nguyễn Văn Ty SDB chuyển ngữ

CON TIM THỎ LỘ VỚI CON TIM

Truyền thống Linh đạo Sa-lê

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

**Wendy M. Wright, HEART SPEAKS TO HEART,
*The Salesian Tradition***

The Traditions of Christian Spirituality Series
Orbis Books
Mary Knoll, New York 10545
USA

Chuyển ngữ:

**Gio-an Nguyễn Văn Ty SDB, CON TIM THỎ LỘ VỚI CON TIM,
*Truyền thống linh đạo Sa-lê.***

Bộ sách về Truyền thống Linh đạo Ki-tô giáo

LỜI TỰA

Hiện nay, đặc biệt trong thế giới phương Tây, đang lan rộng khát vọng đi tìm linh đạo dưới bất kỳ dạng thức nào. Điều này không chỉ giới hạn trong nhóm quần chúng đạo đức, những người đi năng đi nhà thờ. Ước vọng tìm ra cho mình một nguồn mạch nào đó đáp ứng nhu cầu thiêng liêng đã làm cho nhiều người đi tìm sự khôn ngoan ở bất cứ đâu, kể cả những nơi bất thường nhất. Nhiều người tìm kiếm nơi các nền văn hóa xa lạ, chẳng hạn họ say mê linh đạo của các thổ dân Mỹ châu hoặc dân bản địa Úc châu. Kẻ khác lại thấy các tôn giáo khác như Ấn giáo, Phật giáo Tây Tạng, hoặc các nhóm thần bí như *Kabbalat Do Thái giáo* hay *Sufi Hồi giáo* hấp dẫn hơn. Một trong các vấn đề là, khi so sánh với các tôn giáo khác, trong đầu óc nhiều người hình như Ki-tô giáo đã không mấy quan tâm tới linh đạo. Một vài khuôn mặt trong quá khứ như *Hildegard ở Bingen* hay *Meister Eckhart* được suy tôn chỉ là luật trừ hiếm hoi. Suy nghĩ như vậy là điều rất đáng tiếc, bởi vì Ki-tô giáo, cả Đông lẫn Tây phương, trải dài suốt hai mươi thế kỷ đã sản sinh không biết bao nhiêu là nguồn khôn ngoan thiêng liêng. Nhiều truyền thống trong số này vẫn còn tiếp tục hoạt động cho tới ngày nay; số khác đã từng bị rơi vào quên lãng nhưng nay lại được tìm thấy và trên đà đang phục hồi.

Đã từ lâu, kể từ khi bộ sách phong phú này được quảng bá, các truyền thống linh đạo Ki-tô giáo qua bản Anh ngữ, đã lại tới được tay các độc giả. Trong bối cảnh hiện nay, việc xuất hiện một bộ sách mới giúp nhiều người hơn nhận thức được sự phong phú thiêng liêng đã từng hiện hữu trong truyền thống

Ki-tô giáo thì quả là một sự kiện rất hợp thời.

Mục tiêu khái quát của bộ sách là chọn ra một số truyền thống linh đạo thích hợp nhất đối với các độc giả hiện nay. Bộ sách tìm cách trình bày khảo luận đề tài cách chính xác và quân bình cả về tính lịch sử lẫn tính chủ đề. Các tác giả cũng rất ý thức nhu cầu phải gắn kết với kinh nghiệm và các giá trị hiện đại để tránh trình bày các truyền thống cách máy móc một chiều. Các tác giả chắc chắn đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng về truyền thống mình viết cách khoa học bao có thể, tuy nhiên điều làm họ bận tâm hơn cả là cuốn sách phải viết sao cho các độc giả phổ thông cũng có thể hiểu được.

Một trong các vấn đề bộ sách này gặp phải là từ vựng linh đạo (*spirituality*). Thí dụ như việc từ vựng này ngày càng được sử dụng vượt ra ngoài phạm trù tôn giáo và không nhất thiết phải hàm chứa nội dung tín ngưỡng, như truyền thống vẫn quen làm. Ngoài ra giữa một Ki-tô hữu và một Phật Ty chẳng hạn, từ này cũng có thể mang nội dung cơ bản rất khác nhau. Ngay trong nội bộ Ki-tô giáo từ vựng trong ý nghĩa hiện đại của nó cũng chỉ xuất hiện mới đây thôi; và thực tế nội dung cũng bị biến thái cách rất tế nhị theo các biến thiên không gian và thời gian. Suốt dòng lịch sử, “linh đạo” bao trùm cả một bề dày kinh nghiệm nhân loại và một lãnh vực rộng lớn các giá trị và thực hành khác nhau.

Trong bộ sách này, các tác giả không buộc phải theo một định nghĩa “linh đạo” riêng biệt nào; tuy nhiên cho dầu bộ sách có ngày càng dày thêm lên, giữa các tác giả và các truyền thống linh đạo họ nghiên cứu, vẫn có một trọng tâm chung. Mọi truyền thống linh đạo Ki-tô giáo đều bắt nguồn từ ba điều;

thứ nhất, cho dầu có rút cảm hứng từ kinh nghiệm hàng ngày hay trực giác tôn giáo đến từ bất cứ đâu, thì tất cả mọi linh đạo Ki-tô đều phải bén rễ sâu trong Thánh Kinh, đặc biệt trong Phúc Âm; thứ hai, tất cả các truyền thống linh đạo đều không xuất phát từ một học thuyết trừu tượng nào đó, nhưng từ nỗ lực sống các giá trị Tin Mừng cách tích cực và nghiêm túc trong một bối cảnh lịch sử - văn hóa nhất định; thứ ba, kinh nghiệm hay trực giác của cá nhân hay tập thể không bao giờ đơn độc, chúng luôn qui về truyền thống đức tin, việc thực hành và đời sống cộng đoàn phổ quát hơn. Trong nhãn quan Ki-tô giáo, linh đạo sẽ không hệ tại ở việc đọc kinh cầu nguyện hoặc thi hành một việc đạo đức đặc biệt nào; nó liên quan tới toàn thể con người, được định hình trong mối tương quan với Thiên Chúa trong Đức Ki-tô Giê-su, qua sự ngự trị của Chúa Thánh Thần, và trong lòng cộng đoàn tín hữu.

Toàn thể bộ sách viết về các tuyên thống mà khoảng hai chục năm về trước có lẽ đã chẳng ai dám bàn tới. Chính các tác giả đã được khích lệ để, khi cần, dám thách thức cả các giả định sai lạc liên quan tới truyền thống mà họ nghiên cứu. Trong khi hoàn toàn ý thức về các định kiến của riêng mình, các tác giả vẫn tìm cách sửa sai những sai lệch trong quá khứ. Đôi khi họ phải đặt thành vấn đề ngay cả những điều trước đây được coi như cội nguồn “chính thống”. Các nhân vật, cũng như các thực hành trước đây bị coi là “ngoài lề” cũng có thể phải xét lại. Nghiên cứu linh đạo trong quá khứ nhiều khi coi thường hay hoàn toàn lãng quên vai trò của phụ nữ. Đôi khi khảo sát các truyền thống linh đạo cũng mang tính một chiều vì được viết theo góc nhìn phiếm diện của vùng Âu châu - Bắc Đại Tây Dương.

Tuy nhiên bất cứ một bộ sách nào thì cũng phải mang tính lựa lọc. Nó không kỳ vọng đáp ứng được toàn bộ truyền thống linh đạo Ki-tô quá đồi phong phú. Nguyên tắc lựa đương nhiên là vấn đề cần được đưa ra bàn luận. Tôi thiết nghĩ chúng ta đã đạt được một sự quân bình thích hợp nào đó, giữa một bên là sở thích của độc giả, bên kia là nguy cơ thu hẹp đề tài. Cuối cùng thì quyết định cũng phải được lấy dựa trên tiêu chuẩn ưu tiên dành cho các truyền thống đạt mức độ kinh điển nào đó, đồng thời còn tiếp tục khơi dậy được trí tưởng tượng của con người hiện đại. Trong giới hạn này, tôi tin tưởng rằng bộ sách sẽ công hiến một trình bày khá quân bình về những gì truyền thống linh đạo Ki-tô muốn công hiến.

Trong tư cách Tổng phát hành bộ sách, tôi thành thực tri ân tất cả các tác giả đã vui lòng đóng góp, cùng với các cuộc trao đổi đối thoại mà công việc đòi hỏi. Tôi đặc biệt ghi nhận chất lượng công việc tuyệt vời của họ đã làm cho công tác của tôi nhẹ đi rất nhiều. Ấn hành một bộ sách như thế này là một công việc rất phức tạp. Tôi đã làm việc rất sát sao với ban ấn loát của *Darton, Longman and Todd and Robert Ellsberg of Ohio Books*. Tôi phải tri ân họ ngàn lần vì các nâng đỡ đầy tình huynh đệ và những góp ý quý giá. Không có họ bộ sách này chắc chắn không bao giờ có thể thành hình được.

PHILIP SHELDRAKE

Sacrum College, Salisbury

LỜI TỰA VÀ TRI ÂN

Cuốn sách nghiên cứu truyền thống linh đạo Sa-lê này tốt nhất nên được coi như nhập đề cho một khảo cứu chuyên sâu hơn; phần vì bất cứ một công trình khảo cứu sơ bộ nào thời cũng chỉ là lời mời gọi độc giả lần mò khám phá sâu hơn nữa sự phong phú tiềm ẩn bên trong. Tuy nhiên nghiên cứu này còn là một dẫn nhập theo một nghĩa khác nữa; khác với các truyền thống linh đạo lâu đời và quen thuộc hơn như Biển Đức, Phan Sinh, Đa Minh, Cát Minh, Y Nhã, truyền thống Sa-Lê lâu nay vẫn chưa được các học giả quan tâm nghiên cứu cách sâu rộng và thấu đáo. Tất nhiên đã có một nguồn tư liệu rất quý giá liên quan tới các vị sáng lập truyền thống này vào thế kỷ XVII là Phan-xi-cô Sa-lê (*Francois de Sales*) và Gio-na San-tan (*Jeanne de Chantal*); gần đây cũng đã xuất hiện nhiều tác phẩm khảo cứu bằng Pháp ngữ liên quan đến dòng các Nữ Tu Thăm Viếng được hai vị này sáng lập nên, đồng thời cũng có một số nghiên cứu liên quan tới một nữ tu Thăm Viếng vào cuối thế kỷ XVII là Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-cốc (*Marguerite-Marie Alacoque*). Vượt qua thế kỷ XVII, truyền thống này đã chính thức lan tỏa tới mọi hang cùng ngõ hẻm trong thế giới Công giáo dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là qua những trước tác của Phan-xi-cô Sa-lê. Trong số các biểu dạng của thế kỷ XIX và XX, ngoại trừ truyền thống linh đạo được các Sa-lê-diêng của Don Bosco phát huy (đồng thời cũng là truyền thống đã được nghiên cứu cách sâu rộng hơn hết), phần lớn đều chưa được một học giả nào khai thác. Các

bản văn về linh đạo Sa-lê thời kỳ sau cùng này chủ yếu được lưu hành dưới dạng các câu chuyện đạo đức, hoặc còn bị ẩn dấu trong các bản thảo lưu giữ tại văn khố các tu viện hay các văn phòng giám tỉnh. Chính vì thế mà cuốn sách này mong trở thành một lời mời gọi, không những được các độc giả đọc nhiều hơn, mà các vị học giả cũng tiếp tục công tác cần thiết là nghiên cứu cách thấu đáo và khoa học các bản văn, các nhân vật và tư tưởng của họ, cũng như các tổ chức của truyền thống linh đạo Ki-tô giáo rất cao đẹp này.

Trong tư cách một người lập bản đồ, tôi chỉ xin phác ra đây những nét mà tôi tin là chính xác nhất, cho dầu chúng vẫn chỉ là bản thảo, bản đồ sơ bộ hướng dẫn các nhà thám hiểm khai phá vùng đất mới và bổ sung các chi tiết làm sao lột tả được cảnh trí thực tế sinh động của vùng đất này. Và vì lịch sử truyền thống linh đạo này cho tới nay được biết đến cũng như được nghiên cứu quá ít, nên tôi đã cất công thêm vào một số chú thích mang tính thông tin, đôi khi hơn cả cần thiết cho một cuốn sách thuộc loại này. Hy vọng điều này không làm phiền quý độc giả phổ thông, đồng thời cũng giúp hướng dẫn các vị nào muốn tiếp tục công việc tra cứu sau này.

Vì tên các nhân vật quen thuộc như Phan-xi-cô Sa-lê (*Francois de Sales*), Gio-a-na San-tan (*Jeanne de Chantal*), Ma-ga-ri-ta A-la-côc (*Maguerite-Marie Alacoque*), Don Bosco (*Giovanni Bosco*) rất khó đọc trong nguyên ngữ, nên tôi mạn phép dùng tên Việt (tiếng Anh trong nguyên bản của tác giả) quen dùng trong lịch phụng vụ

Đúng là tập sách nào thì cũng phải dựa vào sự nâng đỡ cũng như các góp ý của độc giả, thì cuốn sách này cũng thế.

Tập sách sẽ không thể ra đời nếu không có sự cộng tác của một đạo quân xung kích tinh nhuệ, tức các bạn thuộc nhóm Sa-lê. Trong suốt hơn một thập kỷ qua chúng tôi đã gặp gỡ nhau, không đều đặn cho lắm và trong nhiều bối cảnh đổi thay, để cùng nhau lần mò khám phá ra di sản chung. Cuốn sách này phản ánh sự đóng góp độc đáo của hơn 20 hội thảo viên là học giả của nhiều tổ chức Giáo hội về linh đạo Sa-lê (NB. dịch giả bỏ qua bản liệt kê dài trong đó tác giả nêu tên từng người một). Tôi cũng muốn dành lời cảm ơn đặc biệt cho 6 thành viên đã giúp đọc kỹ lại bản thảo và có những sửa chữa quý giá. Ngoài ra cuốn sách còn chịu ảnh hưởng, được soi sáng, và nhận được nhiều công sức đóng góp của các cá nhân và tập thể (NB. Dịch giả bỏ qua bản danh sách tác giả liệt kê 22 cá nhân và 11 tập thể). Tôi xin gởi lời tri ân tới từng vị một.

Sau hết cuốn sách này mắc nợ nhiều nhất nhân vật trưởng ban tổ chức các khóa hội thảo linh đạo Sa-lê, đồng thời cũng là sáng lập viên của Trung tâm Tài liệu Đờ San (*De Sales*), cha cố *Joseph F. Powers*, OSFS. Trong suốt hơn 20 năm qua ngài đã là người bạn nghiên cứu, cộng sự, học giả, giáo sư đỡ đầu, người hướng dẫn và thôi thúc và bạn thân của tôi. Chính qua những nỗ lực của ngài – cùng với các giáo dân, linh mục và tu sĩ dòng Tận Hiến, các Nữ tu dòng Thăm Viếng và nhiều học giả khác - mà gia đình Sa-lê đã dần tiến tới việc công nhận một gia sản thiêng liêng chung. Cuốn sách này chính là để tưởng nhớ công ơn ngài cách riêng vậy.

ĐÔI LỜI CỦA DỊCH GIẢ

Các độc giả Việt thân mến!

Xin trân trọng gửi tới quý độc giả nỗ lực chuyển ngữ cuốn sách từ nguyên tác Anh ngữ qua Việt ngữ của tôi, với tâm trạng mong muốn được đóng góp phần nào vào việc thăng tiến đời sống thiêng liêng và Tin Mừng của quý bạn.

Năm 2004, trước khi lên đường truyền giáo Mông Cổ (*Mongolia*), Tổng Quyền dòng Sa-lê-diêng Don Bosco có cho phép tôi được dành một năm bồi dưỡng tại Học viện *Don Bosco Hall*, thuộc Đại học *Berkeley, California*, Hoa Kỳ. Trong số các khóa tôi theo học có môn Linh Đạo Sa-lê (*Salesian Spirituality*), dưới sự hướng dẫn của giáo sư *Joseph Boenzi SDB*. Trong số các tài liệu căn bản tôi phải đọc trong khóa học, tôi tâm đắc nhất cuốn “*Heart Speaks to Heart*” của tác giả *Wendy M. Wright*. Qua cuốn sách này tôi không những thấu hiểu cách căn cơ hơn về linh đạo Sa-lê-diêng mà tôi đã được lĩnh hội từ năm tập viện xa xưa (1960 - 1961), mà còn giúp tôi khám phá ra Con Tim nhân ái của Thiên Chúa, điều mà có lẽ đã giúp tôi thấu hiểu và nắm bắt được cách thấu đáo hơn qua trải nghiệm cái chết lâm sàng tại *Mongolia* vào tháng 9 năm 2007. Kể từ đó tôi luôn giữ cuốn sách bên mình, đọc đi đọc lại, và từ đó rút ra cho mình được nhiều lợi ích thiêng liêng.

Qua cha *Joe Boenzi*, tôi đã được tác giả đồng ý cho xuất bản cuốn sách chuyển ngữ này để chuyển tới tay các độc giả Việt Nam. Tôi chân thành cảm ơn giáo sư Giu-se và tác giả về sự chấp thuận này.

Trong công việc chuyển ngữ, tôi gặp phải vấn đề tên riêng các nhân vật và các vùng miền thuộc các ngôn ngữ khác nhau, để giải quyết tôi xin phép được áp dụng một vài nguyên tắc sau đây: Khi Việt hóa các tên quen thuộc nhằm dễ dàng phát âm, tôi sử dụng bao có thể cách phiên âm theo lịch Công giáo, nhưng viết theo qui tắc đơn âm của tiếng Việt. Còn các tên ít xuất hiện, tôi xin được giữ nguyên gốc (tiếng Anh, tiếng Pháp, hay tiếng Ý...) để độc giả sau này quen thuộc với mặt chữ, cho dầu không giúp được cách phát âm; các tên nguyên ngữ đều được in chữ nghiêng (*italic*). Riêng với từ “*Salesian*” tôi sẽ dùng phiên âm “Sa-lê-diêng” rất quen thuộc với các độc giả thuộc Gia đình của “Don Bosco”, nhưng cũng chỉ giới hạn trong các trường hợp liên quan tới linh đạo *Salesian* trong nội dung dòng Don Bosco chúng tôi vẫn hiểu; còn trong các trường hợp khác, để nhấn mạnh nội dung linh đạo này bắt nguồn trực tiếp từ Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, tôi sẽ đơn giản dùng chữ “Sa-lê” cho thích hợp với kết cấu tiếng Việt. Linh đạo Sa-lê là di sản phổ quát của toàn Giáo hội, nhưng khi được thánh Gioan Bosco triển khai, và nhất là khi được ứng dụng vào sứ mệnh giáo dục chuyên biệt sẽ được phiên dịch là “Sa-lê-diêng”.

Tôi đặt công việc này trong con tim của Thánh Tâm, và coi nó như một cuộc thổ lộ của con tim mình với con tim của các anh em Sa-lê-diêng Don Bosco trước hết, sau đó là toàn thể các thành phần thuộc Gia Đình Sa-lê-diêng, và rộng hơn nữa với tất cả các tâm hồn đang muốn tìm gặp Con Tim Thiên Chúa, nhờ vào linh đạo Thánh Phan-xi-cô Sa-lê.

Linh Mục Gio-an Nguyễn Văn Ty SDB

1. TRUYỀN THỐNG LINH ĐẠO SA-LÊ

Trong tác phẩm nghiên cứu về *Pierre de Bérulle* và trường phái linh đạo Pháp thế kỷ XVII, tác giả *William Thompson* nhận xét “Chúng ta có lý để nói tới một trường phái linh đạo Pháp từ khi xuất hiện một số tư tưởng chỉ đạo vạch ra viễn tượng nền tảng giúp mở ra hướng nhìn mới được nhiều người cùng chia sẻ.”¹ Nhận xét này áp dụng rất đúng cho truyền thống linh đạo Sa-lê, một trường phái linh đạo chia sẻ một số tương đồng về thời gian và xuất xứ với trường phái linh đạo Pháp². Không như nhiều trường phái linh đạo lừng danh khác mà biểu hiện chính được lưu truyền trong lịch sử thông qua một tổ chức tu sĩ rất rõ ràng như dòng Phan Sinh, Đa Minh, Biển Đức hay Cát Minh chẳng hạn – truyền thống Linh Đạo Sa-lê có một cơ cấu lỏng lẻo hơn và một thước đo kém phần rõ ràng hơn. Dầu vậy vẫn đã xuất hiện một gia đình thiêng liêng Sa-lê thật độc đáo, khởi đầu từ một số suy tư được nhen nhúm từ đầu thế kỷ XVII, vào kỷ nguyên được mệnh danh là tiền Công giáo hiện đại, để rồi nhân quan rộng mở của nó tiếp tục nuôi dưỡng sự thánh

1 *Bérulle and the French School: Selected Writings*, do William M. Thompson xuất bản, Lowell M. Glendon dịch, SS (New York/Mahwah: Paulist Press, 1989) trang 80

2 Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan đôi khi được coi là tiền thân của Trường phái Pháp. Thực ra Pierre de Bérulle chính là người đã hình thành nên truyền thống này ngay từ đầu, đã cùng với de Sales, tạo nên cuộc phục hưng tu đức đầu thế kỷ XVII. Họ rất quen biết nhau. Các nhân vật khác của trường phái Pháp là Jean Eudes và Jean Jacques Olier, đều là những người hâm mộ các bậc tiền bối Sa-lê. Tuy nhiên hai truyền thống này có sự khác biệt trong một số nguyên tắc có tính căn bản. Xin tham khảo thêm Wendy M. Wright, “The Salesians and Bérullean Spiritual Tradition”, *Alive for God now: Proceeding from the Conference Exploring Contemporary Influences from the French School* (Buffalo: St John Eudes Center, 1995) trg. 157-67.

thiện Ki-tô hữu mãi cho tới ngày nay.

Phan-xi-cô Sa-lê (*Francois de Sales*) (1567 - 1622), vị Giám mục vùng Sa-voa (*Savoie*) nói tiếng Pháp, một nhà thuyết giảng đầy cuốn hút, một văn sĩ và linh hướng thời danh, chính là khuôn mặt dễ nhận diện nhất của truyền thống này. Phan-xi-cô thường được coi như người sáng lập nên trường phái linh đạo Sa-lê. Đúng vậy, nhãn quan độc đáo về đời sống Ki-tô hữu của ngài, các biểu tượng ngài sử dụng trong việc hướng dẫn thiêng liêng và trong các trước tác bình dân, đặc biệt tác phẩm *Dẫn vào Đời sống Đạo đức* (*Introduction à la Vie Dévote*) đã thực sự hình thành nên truyền thống này. Tuy nhiên truyền thống Sa-lê vào thời kỳ đầu còn được hình thành do một phụ nữ Pháp tên là Gio-a-na San-tan (*Jeanne de Chantal*) (1572 - 1641), người bạn thiêng và đồng sáng lập dòng nữ Đức Mẹ Thăm Viếng³. Chính cộng đoàn các phụ nữ rất đặt biệt này đã là thành quả tình yêu Thiên Chúa mà hai người san sẻ cho nhau, và viên tượng canh tân lại xã hội Ki-tô giáo để trong đó mọi người thuộc mọi bậc sống và hoàn cảnh khác nhau đều có thể trở nên môn sinh sùng ái của Đức Ki-tô, và nên men làm nổi tấm bánh Giáo hội đổi mới lên. Suốt 19 năm trời kể từ khi Phan-xi-cô qua đời, Gio-a-na đã là nhân vật hướng dẫn và củng cố hội dòng Thăm Viếng thêm vững chắc. Do đó truyền thống Sa-lê đã mang đậm ấn dấu của bà cũng như của Giám mục Sa-lê.

Sau khi người cha cũng như mẹ sáng lập từ trần, linh đạo Sa-lê thăng tiến trên hai đại lộ chính, đó là các tác phẩm

3 Về các đóng góp của Gio-a-na xin tham khảo “Lời Tựa” của Wendy M. Wright và Joseph F. Power, OSFS cho *Francis de Sales, Jane de Chantal: Letter of Spiritual Direction*, dịch Péronne-Marie Thibert, VHM (Mahwah, NJ: Paulist Press 1988) trg 70-86

cũng như danh tiếng của thánh Phan-xi-cô Sa-lê và dòng tu nữ Thăm Viếng. Dòng tu này đã nhanh chóng được nhiều người biết tới, trong cũng như ngoài nước Pháp, ảnh hưởng cũng như chịu ảnh hưởng bởi các trào lưu Công giáo cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII. Đặc biệt Dòng Thăm viếng trở thành vườn ươm cổ vũ lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa Giê-su đang ngày càng trở nên phổ biến. Nữ tu dòng Thăm Viếng Ma-ga-ri-ta A-la-côc (*Maguerite-Marie Alacoque*), (1647 - 1690) có liên quan mật thiết với lòng sùng kính này. Trong cuộc Cách mạng Pháp, Thánh Tâm dần trở thành trào lưu chuẩn mực trong giới bảo hoàng Công giáo (do đó chống lại phe cách mạng và cộng hòa). Đó cũng là khuynh hướng chuẩn mực cho toàn thể thế giới Công giáo trong cuộc chiến đầu thế kỷ XX chống lại phe “tân đại” (*modernism*), bị coi là chủ nghĩa chống giáo sĩ, duy khoa học và duy thực dụng (*positivism*) của thế giới hiện đại.

Cho dầu dòng Thăm Viếng có bị bách hại nghiêm trọng trong cuộc Cách mạng Pháp và những xáo trộn chính trị Âu châu sau đó vào thế kỷ XIX, những tác phẩm của Phan-xi-cô Sa-lê tiếp tục được phổ biến và lưu hành rộng rãi trong giới Công giáo cũng như Tin Lành. Vào giữa thế kỷ XIX, linh đạo Sa-lê nhận được một sức đẩy mới trong nhiều lãnh vực tới độ thế kỷ XIX được mệnh danh là “lễ Ngũ Tuần Sa-lê”⁴. Một số hội dòng mới được thành lập dưới sự bảo trợ của thánh Phan-xi-cô Sa-lê hay qua ảnh hưởng của dòng Thăm Viếng, nhằm củng cố Hội Thánh đang lâm nguy. Tại Sa-voia Tu Hội Tận Hiến Thừa Sai thánh Phan-xi-cô Sa-lê của *Annecy*, do Linh mục *Pierre Mermier* (1790 - 1862) sáng lập và được Giám

4 Henri L'Honoré, “Ramification de la famille Salésienne”, trong *L'Univers Salésien: Saint François de Sales hier et aujourd'hui*, các bản văn do Hélène Bordes và Jacques Hennequin thu thập và xuất bản (Paris: Université de Metz, 1994) trg 459-71

mục *Annecy* là *Pierre Joseph Rey* bảo trợ, cùng với sự xuất hiện của cộng đoàn chị em là Nữ Tu Thánh Giá ở *Cavanod*, thành lập năm 1839 do Mẹ *Echenier*, mang mục đích thực hiện việc truyền giáo nội bộ ngay trong các vùng đất đã xa lìa Ki-tô giáo. Tại *Piémont*, một linh mục trẻ tuổi là *Don Bosco* (1815 - 1888) thành lập một gia đình hoạt động tông đồ của riêng ngài mang danh hiệu Sa-lê-diêng. Gia đình này bao gồm các Sa-lê-diêng *Don Bosco*, các Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo hữu (do *Don Bosco* đồng sáng lập với *Maria Mazzarello*) và Hiệp hội các Cộng tác viên. Từ Pa-ri (*Paris*), Đức Ông *de Ségur* là một người rất mực sùng mộ thánh Phan-xi-cô Sa-lê, tích cực phát triển một mạng lưới các nhóm Sa-lê tại thủ đô và các tỉnh phụ cận. Tiếp theo đó Cha *Henri Chaumont* (1838 - 1896), cùng với bà *Carré de Malberg* sáng lập hội các Nữ Tử thánh Phan-xi-cô Sa-lê cho phụ nữ. Ngoài ra *Chaumont* còn thành lập một hội thiêng dành cho các linh mục địa phận lấy tôn chỉ là linh đạo Sa-lê. Từ các hiệp hội Pa-ri này đã hình thành nên các Thừa sai Sa-lê của Mẹ Vô Nhiễm, một dòng tu tại Ấn Độ, và Huynh đoàn thánh Phan-xi-cô Sa-lê, một hội đạo đức giáo dân.

Ở phía nam Pa-ri, dưới sự bảo trợ của *Ségur*, *Genevan* Giám mục *Mermillod* và Mẹ *Marie de Sales Chappuis* (1793-1875) của tu viện Thăm Viếng *Troyes*, một số hội dòng xuất hiện lấy nguyên lý Sa-lê làm tôn chỉ. Cha *Louis Brisson* (1817-1908) cùng với *Léonie Aviat* (1844 - 1875) vào năm 1871 thành lập dòng các Nữ Tu của thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Bốn năm sau chính *Brisson* cùng với Mẹ *Chappuis* thành lập một cộng đoàn nam, dòng Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Các biểu hiện đầy tính đoàn sủng của “lễ Ngũ tuần Sa-lê” này, mỗi người mỗi vẻ, quảng bá đoàn sủng Sa-lê bằng cách mở rộng chân trời suy tư và giải thích hình ảnh chủ đạo của truyền thống Sa-lê này.

Việc truyền giáo hải ngoại đã mang truyền thống linh đạo Sa-lê vượt ra ngoài Âu châu. Dòng Thăm Viếng thành lập công cuộc trên hòn đảo Anh quốc, Đông và Nam Âu, Châu Mỹ Latinh và Bắc Mỹ; các Thừa sai thánh Phan-xi-cô Sa-lê của *Annecy* hoạt động rất mạnh bên Ấn Độ; dòng Thăm Viếng thành lập tại Tân thế giới và đảm trách nhiều công cuộc giáo dục nữ giới tại Cộng hòa Hoa Kỳ mới thành lập; các dòng Tận Hiến, nam cũng như nữ; và nhất là Gia đình Sa-lê-diêng của Don Bosco đều đã đạt tới tầm vóc quốc tế. Bước qua thế kỷ XXI, các Sa-lê-diêng của Don Bosco đã trở thành dòng tu công giáo lớn thứ ba cấp thế giới. Hơn thế nữa, việc phổ biết rộng rãi (đặc biệt sau Công đồng Va-ti-can II) các chức tác đạo đức của thánh Phan-xi-cô Sa-lê dành cho giáo dân đã tiếp tục làm cho các nguyên lý tu đức Sa-lê thấm sâu vào sâu trong Giáo hội Công giáo, cũng như vào phạm trù Ki-tô giáo rộng lớn hơn trên toàn thế giới.

Tâm điểm của truyền thống linh đạo này là cả một nhân quan, lần đầu tiên được phổ biến vào đầu thế kỷ XVII, về một thế giới nơi con tim nhân loại và con tim Thiên Chúa gặp gỡ nhau. Mọi cặp mắt đều dồn về vị Giám mục Sa-voa, Phan-xi-cô Sa-lê, người đã mang lại cho Ki-tô giáo nhân quan này. Tên của ngài đã dính liền với truyền thống linh đạo đặc sắc đó; tư tưởng của ngài, và trong mức độ nào đó, tư tưởng của mọi bậc tiền bối Sa-lê, sẽ được trình bày nơi đây lồng trong tiểu sử của ngài. Có ý kiến cho rằng mọi nền thần học đều phải mang tính lịch sử; do đó chắc hẳn bất cứ việc phổ biến sâu rộng một nhân quan linh đạo nào thì cũng không chỉ dựa trên kiến thức thần học, mà còn phải được tôi luyện trong một tiến trình cảm nghiệm. Kinh nghiệm cá nhân được giải thích qua lăng kính của gia sản tôn giáo nhận được, và ngược lại gia sản đó cũng phải trải qua thử nghiệm là những kinh nghiệm sống nhất định.

Trong tiến trình này, một truyền thống tôn giáo phong phú như Ki-tô giáo sẽ phải cất lên được nhiều ngôi biệt thự kiểu cách, trong đó các cư dân có thể chọn để ăn ở tùy theo sở thích; mỗi ngôi biệt thự được xây dựng từ một loạt các biểu tượng (*symbols*) lấy từ Kinh Thánh, rồi được giải thích và áp dụng vào những hoàn cảnh rất khác biệt. Chính vì thế mà biết được tiểu sử của các “minh tinh” Sa-lê này, các vị được coi là các thánh nhân của cả một truyền thống, là điều hết sức cần thiết để có thể hiểu được các nhãn quan thiêng liêng đã từng làm cho đời sống họ nên phong phú.

Thật vậy, như thần học gia *Karl Rahner* đã xác định, ta có thể coi “các thánh” của bất cứ truyền thống linh đạo nào đều là các nhà thám hiểm đầy gan dạ. Từ chất liệu của một thời điểm lịch sử nào đó, các ngài đã rèn nên những lối sống Ki-tô hữu mới thích hợp cho chính thời đại đó. Những cách sống Ki-tô hữu này sẽ soi sáng các thế hệ sau, để rồi ngược lại các thế hệ sau sẽ điều chỉnh lại biểu đồ mà các ngài đã khai phá. Các vị tiền bối Sa-lê cũng phải như thế thôi! Có thể trong số họ một vài người được, một vài người không được Giáo hội Rô-ma chính thức ghi nhận là “Thánh” để được tưởng nhớ trong niên lịch phụng vụ; các hào quang Sa-lê được ghi nhận trong cuốn sách này đều là những lữ khách gan dạ, mỗi người mỗi vẻ, nổi gót các vị tiền phong Sa-lê hầu sáng tạo nên những lối sống mới, thực hành mới, những cộng đoàn và nhận thức mới, bắt nguồn từ cùng một gia sản, là mơ về một thực tại phong phú, vừa rất nhân loại lại vừa rất thần linh: Ước mơ về một thế giới gồm các con tim.

2. THẾ GIỚI CÁC CON TIM: PHAN-XI-CÔ SA-LÊ

Khi một người vừa có chút quan tâm tới Thiên Chúa, lập tức họ nghiệm ra ngay một cảm giác ngọt ngào xâm chiếm tâm hồn; điều này chứng minh cho thấy Thiên Chúa quả là Thiên Chúa của các cõi lòng... Mỗi cảm khoái và tín thác này mà một con tim nhân loại tự nhiên có trong Chúa, chắc hẳn phải tới không đâu khác hơn là từ sự đồng cảm giữa Thiên Chúa tốt lành và linh hồn chúng ta...⁵

Thánh Phan-xi-cô Sa-lê

Người ta đồn rằng ngài giảng mà “như tâm sự”. Vị Giám mục Sa-voa đầy sức hút đã chiến trọn con tim của từng cử tọa nghe ngài thuyết giảng. Ngài còn thu phục con tim của nhiều người khác nữa – từ các bậc quyền thế trong triều đình Pháp, các vị thượng thừa trong các câu lạc bộ tu đức ở Pa-ri, các người được ngài trực tiếp linh hướng hoặc qua giao tiếp thư từ trong phạm vi chăm sóc mục vụ, bà nông dân ngài gặp trong chuyến du hành bí mật trong vùng phi Công giáo do nhóm tin lành Can-vanh (*Calvin*) kiểm soát, người đầy tớ diếc cam phục vụ ngài nhiều năm... Người đương thời cảm phục Phan-xi-cô Sa-lê vì lối truyền đạt tâm đối tâm mà họ coi như một đức tính độc đáo của nhân cách ngài.

5 *Oeuvres de Saint Francois de Sales*, Ấn bản trọn bộ các bút tích và ấn phẩm gốc do các nữ tu Thăm Viếng Tu viện Premier Monastère d' Annecy biên soạn, 26 cuốn (Anessy: Nierat, 1892-1964)

Ngài tiếp mọi người đến với Ngài với cùng một cung cách thân thiện nhẹ nhàng, và chưa từng xua đuổi bất kỳ ai cho dầu địa vị họ có thể nào đi nữa. Ngài luôn bình thản và dịu dàng lắng nghe bao lâu người ta còn cần nói. Dân chúng mong được nếm cảm sự ngọt ngào thanh nhàn mà lúc nào ngài cũng đem đến cho tâm hồn họ; điều này giúp họ tin tưởng cởi mở cõi lòng, nhất là khi họ muốn đề cập tới các vấn đề thiêng liêng⁶.

Tuy nhiên khả năng dễ mến và dễ tiếp xúc của vị giám mục không đơn thuần là một đức tính tự nhiên. Đó là biểu lộ ra bên ngoài một con tim có chất lượng, một con tim trên đó, như ngài thường nói, tên của Đức Giê-su đã được khắc ghi. “*Vive Jésus!*” (“Sống Giê-su!”)⁷ là châm ngôn của ngài. Câu khí lực này thật đơn sơ nhưng trong đó nắm gọn toàn bộ nền thần học tu đức hướng về một thế giới gồm các con tim, thần linh lẫn nhân loại.

6 *St Francis de Sales: A Testimony by St Chantal*, bản dịch của Elisabeth Stopp, (Hyattsville, Maryland: Institute of Salesian Studies 1967) trg. 138-9

7 Dịch giả: dựa vào tư tưởng của Gio-a-na San-tan trong chương 3, và theo ý kiến của một số tác giả nghiên cứu linh đạo Sa-lê, tôi thấy *vive Jésus!* dịch là “Hãy sống Giê-su!” sẽ sát nghĩa hơn. Theo Google: Salesian Spirituality: “Live Jesus” is not the same as “Long Live Jesus,” or “Hooray for Jesus,” or “Three Cheers for Jesus!” It is the verbal imperative- “[You] Live Jesus!” in the sense of “Be Jesus” or “let Jesus be you”. It is the imitation of Christ with an attitude, the attitude that everything one does, everything one thinks and believes, everything one says is Christ alive.

NHỮNG NĂM THƠ ẤU

Phan-xi-cô Sa-lê chào đời năm 1567, con đầu lòng được mong đợi đã lâu của ngài *de Boisy*, và bà vợ trẻ *Francoise de Sionnaz*, thuộc giới thượng lưu vùng Sa-voa. Đứa bé mang tên lâu đài và thửa đất gia đình nơi nó được sinh ra – *Château de Sales*. Nó chính là niềm vui của mẹ nó và sẽ gắn bó với bà suốt đời. Vì là con đầu lòng mang hy vọng cho cả một gia đình quý tộc công giáo nên Phan-xi-cô được hưởng trọn một nền giáo dục lịch duyệt tại một số các trường tốt nhất trong vùng. Bất cứ đứa trẻ hoàng nào thuộc lãnh địa Sa-voa cũng đều thế cả⁸. Năm khoảng 12 tuổi cậu được gửi đi học tại Trường Trung học Dòng Tên tại *Clermont* ở Pa-ri, có lẽ là do chính cậu chọn lựa vì nghe biết học sinh các trường khác không được quan tâm tới đạo đức như trong các trường Dòng Tên. Lần đầu tiên trong đời vượt ra khỏi ranh giới của sinh quán là lãnh địa công tước, cậu bé Phan-xi-cô nhạy cảm rất đau lòng nhận ra sự tàn phá do năm tháng chiến tranh tôn giáo gây ra trên đất Pháp, giai đoạn văn hóa Âu châu rung động, mà sau này các sử gia mệnh danh là thời đại Phục Hưng - Cải Cách: các nhà thờ bị tàn phá, các tượng đài tôn giáo hoang phế, chứng tích của cuộc chiến tranh giữa các người thuộc phe bảo hoàng Công giáo Pháp và phái Tin Lành *Huguenot*.

Vì ra đời trong giai đoạn nhiễu nhương toàn bộ cuộc sống của chàng trai Đờ San (*de Sales*) sẽ sau này mang một dấu ấn. Nhân cách của cậu phát triển, bên trong dựa vào sức cải tổ của Giáo hội Công giáo Rô-ma, bên ngoài là các thách

8 Nền văn hóa Sa-voa chịu ảnh hưởng của cả Pháp lẫn Ý, nhưng vẫn giữ được sắc thái riêng. Dòng họ Sa-voa, một thế lực chính trị lớn trong xã hội Công giáo, cai trị vùng này trên 1000 năm. Xem *Histoire de la Savoie*, ed. Paul Guichonnet (Toulouse: Eduard Privat, 1973).

đồ từ phe Tin Lành. Thời kỳ này được mệnh danh là “Công giáo hiện đại buổi đầu”⁹, đâu đâu người ra cũng nói tới cải cách: Cải cách cơ cấu Giáo hội hiện hành và phát triển những cơ chế mới hầu thúc đẩy cải cách, xuất hiện các dòng tu cải cách, giải thích rõ hơn các điều Giáo hội dạy và thiết lập các chương trình nhằm cải thiện việc giáo dục cho giáo sĩ và giáo dân. Nhưng trên hết phải nói đây chính là thời kỳ đầy nhiệt tình canh tân thiêng liêng. Đâu đâu cũng thấy giáo dân, tu sĩ, giáo sĩ khao khát có được bản dịch các tác phẩm văn chương đạo đức cổ điển đang lưu hành, cũng như nghiền gẫm các tác phẩm mới sáng tác. Mọi người đổ xô đi tìm những gì là thần bí, và rất thích thú với các thị kiến. Nổi lên cả một trào lưu quan tâm sâu xa tới tu đức và đời sống Ki-tô hữu dần thân, và đem ra thực hiện. Tại Trường Trung học *Clermont* chàng trai Phan-xi-cô đã được đào tạo cả về kiến thức lẫn thiêng liêng trong một nền giáo dục nhân bản Ki-tô hữu được Ban Giáo sư Dòng Tên gây dựng. Các ngài là một tập thể được ngọn lửa cái cách đương thời nung nấu đã đề ra một chương trình tri thức rất chặt chẽ với một nền giáo dục cổ điển sâu rộng mà tột đỉnh là môn triết và thần học đặt nền tảng trên định đề là tất cả mọi khả năng con người, bao gồm cả nghệ thuật, tri thức đều phải được trau dồi vì vinh danh Thiên Chúa¹⁰. Vì nhận được nền giáo dục thiêng liêng chặt chẽ mang sắc thái Dòng Tên tại *Clermont* nên chàng trai Phan-xi-cô được khích lệ để trở thành

9 John W. O'Malley đã gọi thời kỳ này là Early Modern Catholicism (Công giáo hiện đại buổi đầu). Cf. *Early Modern Catholicism: Essay in honor of John W. O'Malley, SJ*, Ed. Kathleen Comerford and Hilmar M. Pabel (Toronto: University of Toronto Press. 2001).

10 Khảo luận về nền giáo dục Dòng Tên thời kỳ đầu tìm thấy ở John W. O'Malley, *The First Jesuits* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1993).

một nhà “chiêm niệm trong hoạt động”, tìm kiếm Thiên Chúa trên hết mọi sự và quảng đại hiến mình phục vụ Đức Ki-tô và Hội Thánh được bảo đảm là của Ngài.

Trong thời gian theo học môn Thần học, Phan-xi-cô đã rơi vào vực thẳm một cuộc khủng hoảng thiêng liêng sẽ ảnh hưởng đến nhãn quan thiêng liêng độc đáo mà ngài sẽ cống hiến cho thế giới. Khi đọc học thuyết “tiền định” của thánh Âu-tinh và Tô-ma A-qui-nô, cậu rơi vào mối hoài nghi về phần rỗi đời đời của mình. “Một Thiên Chúa nghiêm nghị tiền định số người này được cứu rỗi còn kẻ khác thì không” phản lại hoàn toàn Thiên Chúa tình yêu mà Phan-xi-cô hằng tôn thờ. Cậu bị cuốn hút cách đặc biệt bởi Thiên Chúa được vị Giáo sư môn thần học và tiếng Hip-ri là Tu sĩ Biển Đức *Gilbert Génébrard* trình bày khi chú giải sách Diễm Tình Ca. Qua *Génébrard* chàng thanh niên Đờ San xác tín rằng lịch sử thế giới và ơn cứu rỗi thực tế là chính lịch sử của tình yêu¹¹. Hình ảnh sống động của Diễm Tình Ca, với mô tả điệu nhảy yêu đương thẩm thiết đã ngấm sâu vào tâm trí Phan-xi-cô. Làm sao mà cậu có thể hòa hợp cho được một Thiên Chúa của tiền định với Thiên Chúa Chàng Rể mà cậu hằng ôm ấp? Cuối cùng thì cậu cũng đã chiến thắng được cơn chiến đấu khắc khoải đó bằng một hành vi phó thác anh hùng; “Con sẽ yêu Ngài, lạy Chúa, ít là ở đời này, cho dầu có không được yêu Ngài trong đời vĩnh cửu... chỉ xin Chúa đừng liệt con vào số những kẻ nguyên rửa Thánh Danh Chúa”. Và hầu như lời khấn nguyện được chấp nhận,

11 Để thấu triệt thảo luận đề tài vị thánh và Diễm Tình Ca xem André Brix, OSFS, *Francois de Sales: commente le Cantique des Cantiques*, (France: n.p., n.d.). Cũng nên xem *St Francis de Sales: The Mystical Exposition of the Cantic of Canticles*, dịch Thomas F. Dailey, OSFS (Center Valley; PA: Allentown College of St Francis de Sales, 1996).

Phan-xi-cô lập tức được thoát khỏi cơn thất vọng¹². Có lẽ dựa trên cảm nghiệm hiện sinh sâu sắc này mà de Sales đã đặt nền móng cho nền linh đạo “lạc quan” mà ngài sẽ xây dựng¹³. Quan niệm về sự quan phòng bao la đầy yêu thương của Thiên Chúa đi đôi với cảm giác không còn sợ hãi bơ vơ sẽ chi phối toàn bộ suy tư tương lai của Phan-xi-cô. Do đó vào năm 1619 ngài có thể viết cho quý bà de Veyssillieu những suy tư mang đậm nét Sa-lê như sau:

Đừng có lo nghĩ điều gì sẽ xảy ra ngày mai, bởi vì cùng một Cha hằng hữu đang lo cho bà ngày hôm nay cũng sẽ chăm sóc bà ngày mai và luôn mãi. Hoặc là Ngài sẽ gìn giữ bà khỏi điều xấu, hoặc là sẽ làm cho bà can đảm vô cùng để chịu được các điều đó. Vậy thì hãy an tâm. Hãy xua khỏi lòng trí bất cứ điều gì làm bà bất an¹⁴.

Chính tại Đại học Pa-du-a nơi Phan-xi-cô tiếp tục việc học mà chàng sinh viên trẻ sẽ trải qua một cuộc khủng hoảng nữa, để rồi quan điểm của chàng càng được định hình rõ hơn. Pa-du-a là một trung tâm văn hóa và nghệ thuật quan trọng của một I-ta-li-a Phục Hưng. Cha của Phan-xi-cô muốn gửi chàng tới đại học danh tiếng của thành phố đó để theo học luật. Chàng vâng lời cha theo học môn luật nhưng đồng thời cũng thêm khóa thần học nữa. Và dưới sự linh hướng của linh mục Dòng Tên, cha *Antonio Possevino* chàng còn nuôi mộng ước

12 Ravier. *Francis de Sales: Sage and Saint*, trg. 32

13 Cf. William B. Marceau, CSB, *Optimism in the Works of St Francis of Sales* (Bangalore, India: SFS Publications, 1983).

14 *St Francis de Sales, Selected Letters*, dịch Elisabeth Stopp (New York: Harper and Bros., 1960) trg. 261-2

làm linh mục. Tại Pa-du-a vấn đề tiền định lại tiếp tục ám ảnh chàng, vì cho dầu diện thiêng liêng của cuộc khủng hoảng đã được giải quyết nhưng diện tri thức thì chưa. Trong khi vẫn còn phải vật lộn với vấn nạn và trong tình trạng hoang mang về mặt tri thức, Phan-xi-cô quyết định từ bỏ lối giải thích của Âu-tinh và A-qui-nô. Tư thế thần học mà chàng cảm thấy xứng hợp hơn cả là ơn sung và lòng nhân từ của Chúa, điều mà các đoạn văn Thánh Kinh và Tin Mừng đã quả quyết: Thiên Chúa muốn cứu vớt toàn thể loài người, chứ không chỉ số ít được chọn¹⁵. Quan điểm này sẽ dần trở thành nền tảng thần học của nhân quan linh đạo về một thế giới các con tim. Sự cứu rỗi phổ quát là điều Thiên Chúa muốn, nhưng Phan-xi-cô hiểu rõ, nó còn tùy thuộc nơi mỗi người có cộng tác với ơn thánh đã được trao ban đầy đủ hay không. Đời sống mỗi người cần thể hiện sao cho có thể đáp trả được hồng ân yêu thương. Và như thế, trong những năm tháng theo học tại Pa-du-a, Phan-xi-cô tiếp tục củng cố nền đào tạo thiêng liêng của mình. Chàng luôn mang trong mình và đọc đi đọc lại mỗi ngày cuốn thủ bản tu đức mới xuất bản của linh mục *Lorenzo Scupoli* nhan đề “*Chiến đấu Thiêng liêng*”, trong đó đề xuất phương thế giúp tâm hồn trở nên hoàn thiện qua cầu nguyện, suy gẫm và xét mình.

Hơn nữa để định hướng cuộc sống, chàng sinh viên còn cẩn thận viết xuống nguyên cả một chương trình *linh thao* cho riêng mình để sống hàng ngày. Thứ luật đời sống này sẽ giúp chàng vun trồng nếp sống đạo đức khi phải chìm ngập trong thế giới sinh viên thường là buông thả. Luật này gồm “Thao

15 Trong vấn đề này de Sales đã đứng về phe Molina SJ (Molinist) trong cuộc tranh luận gay gắt đã từng làm rung động Giáo hội một thời

luyện nhằm chuẩn bị ngày sống”, giúp nhìn trước những biến cố sẽ xảy ra trong ngày, dự phòng các khó khăn, quyết tâm không bao giờ sức phạm đến Chúa vì bất cứ lý do gì, và cầu xin để Thánh Ý Chúa luôn được thể hiện trong mọi sự. “Luật điều hành ngày sống” gồm Thánh Lễ hàng ngày, giờ cầu nguyện (được gọi là “giác ngủ thánh” để bắt chước người môn đệ Chúa thương là Gio-an tựa đầu vào ngực Chúa), thời giờ “thư giãn chừng mực”, và “qui luật dành cho Chuyện văn và Hội họp” gồm giới hạn tình bạn cho một số người có phẩm hạnh tốt, trong khi duy trì tương quan thân mật và tôn trọng đối với hết thảy mọi người¹⁶. Luật ngày sống này giúp uốn nắn đời sống nội tâm nơi vị giám mục tương lai. Phải chăng đó là tiền thân của những gì ngài sẽ nhấn nhủ các tâm hồn khao khát Chúa trong tập sách *Dẫn vào Đời sống Đạo đức*, được xuất bản 20 năm sau? Ảnh hưởng của *Linh thao* Y Nhã cổ điển là rất rõ ràng trong nội qui sinh viên này. Thánh Y Nhã, - đáng sáng lập Dòng Tên Chúa Giê-su, đã để lại cho hội dòng ngài một qui trình tĩnh tâm kỳ diệu, tập trung vào việc dùng trí tưởng tượng suy gẫm Thánh Kinh; nhờ đó người linh thao sẽ lòng đời sống mình vào cuộc sống và sứ mệnh của Đức Ki-tô. Chính Phan-xi-cô đã nhiều lần thực hành *Linh Thao*. Thế rồi chàng sinh viên Padua đã đặt việc thực hành “giác ngủ thánh” hàng ngày vào chính tâm điểm của *Luật Đời sống*.

Như cơ thể cần giấc ngủ để bồi bổ và xoa dịu tứ chi nhức mỏi, cũng thế linh hồn cần thời giờ ngủ nghỉ trong cánh tay của Đấng Lang Quân thiên quốc hầu lấy lại sức mạnh và nhiệt huyết cho đời sống thiêng liêng

16 Tham khảo *Spiritual Exercises by Francis de Sales*, dịch William N. Doughtery, OSFS. Ed. Joseph F. Chorpennning, OSFS (Toronto: Peregrina Publishing, 1993).

đã mỗi một rãi rời. Do đó mỗi ngày tôi sẽ dành một số thời giờ cho giấc ngủ thiêng này hầu làm cho linh hồn tôi, như tông đồ được Chúa yêu (Ga 13:23-24), sẽ hoàn toàn tin thác yên nghỉ bên ngực yêu thương, đúng hơn là trong con tim từ ái của Đấng Cứu Thế từ nhân¹⁷.

Việc thực hành giấc ngủ thiêng gồm nguyên gồm 7 điểm dẫn tới cảm nghiệm sâu xa về tình yêu và lòng nhân ái của Chúa. Khởi đầu chàng gọi nhớ những ân huệ mình đã được Chúa ban, vẻ đẹp của các nhân đức và đời sống yêu thương phục vụ, chuyển qua việc suy nghĩ về sự xấu xa của tội lỗi, tình trạng đáng thương của các tội nhân tương phản với sự khôn ngoan mà đời sống, sự thương khó và cái chết của Đức Ki-tô mang lại, và kết thúc bằng tâm tưởng về vẻ đẹp của công lý Chúa, của đức Trinh Nữ Ma-ri-a, các Thánh và Ba Ngôi Thiên Chúa. Tất cả hướng tới cao điểm là “Phan-xi-cô” được nghỉ yên bên ngực Chúa.

Sau cùng thì tôi sẽ an nghỉ trong tình yêu của lòng nhân ái độc nhất vô nhị của Thiên Chúa. Tôi sẽ nếm cảm, nếu có khả năng, sự tốt lành vô biên, trong chính nó chứ không phải trong kết quả của nó. Tôi sẽ uống thứ nước hằng sống này, tại chính nguồn mạch chứ không phải từ bình chứa hay qua ống dẫn tạo vật. Tôi sẽ thưởng thức thánh nhan Chúa ngon ngọt dường bao trong chính nó, từ chính nó và vì chính nó¹⁸.

Việc thực hành chiêm niệm an nghỉ bên trái tim Chúa (bén rễ sâu trong truyền thống) sẽ nâng đỡ chàng trai Sa-voa

17 Ibid., trg 30

18 Ibid., trg 35

trong suốt cuộc sống, và sẽ trở thành nền tảng hiện sinh của nhân quan thần học về một thế giới các con tim¹⁹. Rằng việc thực hành này là liên tục và mang lại kết quả phong phú đã được người bạn tâm tình Gio-a-na San-tan gợi nhớ hai năm sau khi ngài qua đời:

Tại *Lyons*, nơi lần cuối cùng tôi được gặp ngài, ngài nói với tôi: “Ai có thể khuấy động nỗi sợ an bình của chúng ta? Ngay cả khi mọi sự bị đổ nhào, tôi cũng không để mình rơi vào lo âu, vì toàn thể trái đất rộng lớn này có là gì nếu đem so với sự bình an tâm hồn?” Sự cương quyết này, theo tôi, chính là kết quả của một đức tin sống động luôn cảnh tỉnh: Bởi vì ngài nhìn mọi sự lớn nhỏ đều tới từ Thiên Chúa quan phòng, nơi mà ngài an nghỉ còn hơn cả một trẻ thơ trong lòng mẹ nó. Ngài đã tỏ lộ cho chúng tôi biết là chính Chúa đã dạy cho ngài bài học này ngay từ thời niên thiếu...²⁰

Khi Phan-xi-cô kết thúc chương trình học, cha chàng đã dàn xếp để cậu quý tử bắt đầu cái nghề luật sư danh giá, lập gia đình và thừa hưởng gia tài cơ ngơi của gia đình. Thế nhưng chàng trai vừa tốt nghiệp lại có ý định được trọn vẹn thuộc về Chúa với một trái tim không chia cắt. Được sự đồng tình của bà mẹ, dần dần chàng đã thuyết phục được ông bố đồng thuận với mình. Phan-xi-cô nhanh chóng lãnh nhận các chức thánh,

19 Việc thực hành giác ngộ thiêng của Phan-xi-cô bắt nguồn từ việc thực hành *Lectio Divina* trong các tu viện. Đoạn Thánh Kinh hoặc sách thiêng liêng được hấp thụ thông qua một tiến trình gồm *lectio* (đọc), *meditatio* (suy gẫm), *oratio* (cầu nguyện) và *contemplation* (chiêm niệm)

20 *St Francis of Sales: A Testimony by St Chantal*, trg 168

và vì xuất thân từ gia đình thế giá, ngài sớm được cất nhắc lên tước tổng quản giáo phận (*provost*), phụ tá cho Giám Mục Giơ-ne-vơ. Ngài đã khởi đầu sự nghiệp “nô bộc” của Giáo hội như thế đó. Giáo hội Công giáo hiện đại thời đầu mà vị tổng quản trẻ bắt đầu phục vụ là một Giáo hội đầy nghị lực cải cách nóng bỏng. Cải cách ở mọi tầng lớp: ở cấp giám mục và linh mục; cấp đòi tu truyền thống qua việc thành lập các cộng đoàn tu sĩ mới đầy tinh thần canh tân như Dòng Tên, *Barnabites*, *Ursulines*, Dòng Nguyễn Xá, Cát Minh nhiệm nhặt, *Theatines*; và qua việc sinh động giáo dân²¹. Tâm điểm của phong trào cải cách này là một cuộc canh tân đời sống thiêng liêng rất sinh động. Ai ai cũng khao khát có được lòng đạo đức được nuôi dưỡng bằng các tác phẩm văn chương về đời sống thiêng liêng, hoặc được dịch thuật hoặc sáng tác mới... đồng thời họ cũng rất nhiệt tình trực tiếp tham gia vào các hoạt động bác ái nhằm xoa dịu nỗi thương đau của xã hội.

TRUYỀN GIÁO VÀ LINH HƯỚNG

Đờ San nhiệt tình lao vào chức vụ mới được trao phó, theo gương thánh Ca-rô-lô Bô-rô-mê-ô thành Mi-lan, tấm gương mẫu cho các giám mục Công giáo cải cách. Biểu lộ đầu tiên của lòng nhiệt tình ngài là đảm nhận sứ mạng nguy hiểm và liều lĩnh trong lãnh địa *Chablais*. Mặc dầu làm tổng quản cho giám mục Giơ-ne-vơ, đức giám mục không có thường trú tại tòa của ngài vì Giơ-ne-vơ đã trở thành lãnh địa phái Can-vanh thời giám mục trước, và nghi lễ Công giáo bị cấm đoán

21 Cf. *Religious Orders of the Catholic Reformation: Essays In Honor of John Colin on His Seventy-fifth Birthday*, ed. Richard L. De Molen (New York: Fordham University Press, 1994).

tại đó. Theo ước muốn của huân tước vùng Sa-voa, cha Phan-xi-cô nhắm tới việc chiếm lại vùng *Chablais* cho phe Công giáo. Vũ khí của ngài sẽ không phải là sắt đá mà bằng Lời đầy yêu thương có sức thuyết phục. Công tác truyền giáo đầy đầy những khó khăn, nhiều lần khi giảng dạy cha phải trực diện đối mặt với phe nghịch, bị đe dọa thủ tiêu... không nói tới các khổ cực do cái giá lạnh vùng núi An-pơ. Những người hâm mộ sau này thường truyền tụng câu chuyện về cái đêm ngài trên đường một mình về nhà, sau chuyến đi bộ truyền giáo tới các làng mạc *Chablais* hẻo lánh; ngài bị một bầy chó sói tấn công. Ngài vội trèo lên một cây cao, và phải buộc mình vào một cành cây kẻo bị rớt xuống trong lúc chờ sáng và bầy sói tàn đi. Trong nhiệt tình rao giảng phúc âm, vị linh mục trẻ đã từng có dịp gặp trao đổi với *Theodore Beza*, thần học gia Tin Lành nổi tiếng. Vị tổng quản không thay đổi được đầu óc của *Beza*, nhưng sứ mạng đã đạt được một số kết quả; đã ghi nhận được một số linh hồn trở lại và lễ nghi công giáo bắt đầu được cử hành trong vùng. Quan trọng hơn nữa, chính cuộc truyền giáo *Chablais* đã củng cố nhận thức của vị linh mục trẻ rằng; thuyết phục bằng lời nói phát xuất từ con tim vẫn hiệu quả hơn là chiến đấu bằng vũ khí hay tranh luận gắt gao²².

Trong tương lai tuy nhiên, tác vụ chính của nhà truyền giáo Sa-voa sẽ là giữa giáo dân Công giáo Rô-ma hơn là tại nơi truyền giáo. Sau 4 năm xông pha truyền giáo, Phan-xi-cô được gởi đi Pháp với tư cách sứ giả ngoại giao. Chân trời rộng mở vượt ra ngoài tỉnh lỵ Sa-voa hạn hẹp cho phép ngài tiếp xúc

22 Về việc truyền giáo tại Chablais, tham khảo Patricia J. Siegel, "The Unsung Hero of the Reformation: St Francis de Sales", *War and its Uses: conflict and creativity*; eds. Jürgen Kleist and Bruce A. Butterfield (New York: Peter Lang, 1999), trg 47-59

với những luồng sáng lớn của phong trào đạo đức. Các lãnh đạo phong trào Phục hưng linh đạo Pháp vẫn thường gặp gỡ nhau tại câu lạc bộ Pa-ri do quý bà *Barbe Acarie* thành lập. Lui tới câu lạc bộ này là nhiều nhân vật tiêu biểu cho mọi trào lưu linh đạo Công giáo đương thời; trong số đó có *Pierre Bérulle*, được coi như tiền thân của trường phái Linh đạo Pháp, với tâm điểm là nền thần bí Ki-tô. Trường phái này sẽ thống trị Giáo hội Pháp trong phần hậu bán thế kỷ XVII. *Bérulle* cũng là yếu tố thành lập Nguyên Xá Pháp, cộng đoàn thiêng liêng hiến thân cho việc canh tân các linh mục. Cùng với quý bà *Acarie* và sự hỗ trợ của giám mục Dò San tương lai, *Bérulle* đã đưa dòng Cát Minh của Tê-rê-xa A-vi-la đến nước Pháp. *Dom Beau cousin (Carthusian)* và *Benedict of Canfield* đã mang tới câu lạc bộ các phương pháp cầu nguyện và hãm mình mới có xuất xứ từ truyền thống thần bí vùng sông *Rhine* – Hòa Lan. Linh mục *Pierre Coton SJ*, cha giải tội của nhà vua và triều đình, Vinh Sơn Phao-lô sau này thành lập Dòng La-da-rít và Nữ tử Bác ái cũng đã từng thăm viếng câu lạc bộ *Acarie*. Cha Phan-xi-cô thoải mái tiếp xúc với các nhân vật này, và quý bà *Acarie* thực tế đã chọn ngài làm cha giải tội.

Riêng về Phan-xi-cô, ngài tiêu biểu cho trường phái sau này được mệnh danh là truyền thống “đạo đức nhân bản”²³. Nhà văn kiêm sử gia *Henri Brémond* đã mô tả đạo đức nhân bản như một xác tín rằng con người vẫn còn “tương đối đủ khả năng” để hành động cho phần rỗi linh hồn của mình. Dầu có

23 Diển ngữ này do Henri Bremond đặt. Xin xem *A Literary History of Religious Thought in France: from the Wars of Religion down to Our own Time*, Vol 1, *Devout Humanism* (London: Society for Promoting Christian Knowledge, 1930). Tuy nhiên không phải mọi học giả đều đồng tình với định nghĩa cũng như xác định đặc điểm được cho là thích hợp với nền nhân bản của de Sales

bị tổn thương do sa ngã phạm tội, bản tính con người vẫn giữ được khuynh hướng tự nhiên là hướng về Thiên Chúa như cứu cánh. Con người vẫn có thể thi hành việc tốt lành cần thiết để cộng tác với ơn sung hầu tiến tới cùng đích. Thuyết nhân bản Ki-tô gồm cả việc nghiên cứu Kinh Thánh và các tác phẩm giáo phụ, đồng thời cũng đánh giá cao sự khôn ngoan của thế giới cổ đại và mọi hình thức nghệ thuật, vì nghệ thuật qua nét đẹp sẽ kéo con người tới gần cái Đẹp Thần Linh hơn.

Vị linh mục Sa-voa tìm cách chiếm trọn trái tim, không những của thành viên câu lạc bộ mà còn của cả thành phố Pa-ri; Ngài thuyết giảng tại các nơi công cộng, với sức thu hút tới độ vua *Henri IV* cố thuyết phục ngài rời bỏ Sa-voa để nhập vào hàng giáo phẩm Pháp. Nhưng cha Phan-xi-cô đã quá gắn bó với mảnh đất quê hương và thị trấn *Annecy* nơi ngài cư trú – ngài thường gọi nó là “*Nessie* thân yêu”. Cũng do nhận thức rằng giám mục giáo phận nhất thiết phải có nơi cư trú nên ngài đã tể nhị khước từ những lời mời mọc.

GIÁM MỤC GIƠ-NE-VƠ: GIẢNG DẠY VỀ TÌNH YÊU THIÊN CHÚA

Vừa trở lại Sa-voa thì giám mục tiền nhiệm qua đời, cha Phan-xi-cô Sa-lê đầu còn rất trẻ đã được bầu chọn làm giám mục kế nhiệm.

Để chuẩn bị thụ phong, ngài đã làm cuộc cuộc tĩnh tâm dài ngày. Ngài lên một chương trình sống phù hợp với chức vụ mới lãnh nhận, đó là một nếp sống được lý tưởng tông đồ truyền thống soi dẫn: Khó nghèo, bố thí, cầu nguyện, tiếp xúc mục vụ với “dân” ngài, được nâng đỡ bởi kinh nguyện hàng

ngày, đọc sách thiêng và Thánh Thể. Những quyết định này không đơn thuần chỉ là một nền đạo đức tẻ nhạt, nhưng là những nguyên tắc từ cõi lòng mà vị tân giám mục dùng để điều hành mọi công việc của mình. Ngài thực sự sống rất giản dị, tiết giảm người giúp việc tòa giám mục và rộng rãi bố thí. Ngài quảng đại dấn thân phục vụ. Ngài giảng không ngừng, dạy giáo lý, cải tổ các tu viện, năng thăm viếng mục vụ, và ngồi tòa giải tội không mỏi mệt. Mỗi ngày ngài dùng một phần thời giờ đáng kể để viết và trả lời một khối lượng thư từ rất lớn, một số liên quan đến công vụ, nhưng phần lớn liên quan tới việc hướng dẫn thiêng liêng cho rất nhiều người xin ngài lời khuyên.

Hoạt động nhiệt thành của Giám mục Đờ San bắt nguồn từ các nguyên tắc lý tưởng mà ngài đã học được từ thời sinh viên niên thiếu. Ngài tự coi mình đang lo việc Chúa là tận căn canh tân Hội Thánh, qua việc vun trồng nhiều tâm hồn đạo đức thuộc mọi tầng lớp để làm tám bánh Ki-tô giáo giầy men. Đạo đức, trong ngôn ngữ của vị giám mục "... không là gì hơn một sự mềm dẻo và sinh động thiêng liêng, nhờ đó bác ái có thể hoạt động được trong ta, nói cách khác, chúng ta làm vì đức ái, mau mắn và đầy mến thương"²⁴.

Đạo đức khi đó đơn thuần chỉ là sống một cuộc sống hiến mình cho tình yêu; được tình yêu Thiên Chúa thôi thúc, người đạo đức sẽ tìm cách yêu thương cận thân của mình. Đương nhiên diễn tả trên chẳng có vẻ gì cao siêu cho lắm vì chỉ đơn thuần là đời sống Ki-tô hữu. Tuy nhiên vị giám mục đã ý thức

24 Francis de Sales, *Introduction to the Devout Life*, Pt. I., Chương 1, dịch Missionaries of St Francis de Sales (Bangalore, India: SFS Publications, 1990) trg 11

rất rõ cái cách mà Ki-tô hữu phải sống đời mình cách chân thực nhất; điều đó liên quan tới hình ảnh thánh kinh được tìm thấy trong Mát-thêu 11:

Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách của tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng. (Mt 11, 28-30)

Đức Giê-su có lòng hiền hậu và khiêm nhường này chính là tâm điểm của nhãn quan thiêng liêng của Phan-xi-cô Sa-lê. Nhiều sợi chỉ của ảnh hưởng từ thời niên thiếu và những năm đầu trưởng thành đã đan quện với nhau để dệt nên tấm thảm thiêng liêng phác họa một “thế giới của các con tim”. Thực ra nét vẽ của tấm thảm thiêng liêng này đã bắt đầu lộ rõ; Thiên Chúa, trong nhãn quan của giám mục Sa-voa, là chính tình yêu. Cho dầu tự bản chất Ngài vượt xa những gì con người có thể hình dung, ta vẫn có thể nói cách biểu tượng rằng Ngài có một Con Tim là nguồn mạch mọi thứ tình yêu. Con Tim Thiên Chúa trao ban sự sống; đó chính là cõi lòng, là mạch nước, là sinh lực sôi sục. Con Tim đó thở, đập và co thắt. Trong chính bản thể của mình, Con Tim Thiên Chúa là Ba Ngôi, cấu thành bởi tình yêu hỗ tương trao cho nhau giữa Chúa Cha và Chúa Con “được thực hiện trong cùng một khát vọng duy nhất là trao hiến tình yêu cho nhau... khát vọng duy nhất đó không gì hơn là chính Thần Khí cùng được phóng ra do hai hơi thở

cùng một lúc”²⁵. Đặc tính của Thiên Chúa tự bản chất được mừng tượng như một mối tương quan rất năng động. Trong sự sung mãn vô biên, Ba Ngôi tự bùng nổ và tuôn trào. Thực tế thì tạo vật chẳng qua chỉ là kết quả của năng lượng nội tại của Tình Yêu tuôn trào và trao ban chính mình cách dư dật. Hơn thế nữa, Con Tim thần linh đó tiềm tàng trong mọi tạo vật đang hoạt động theo cách tương quan rất năng động. Trong hiến dâng Tình Yêu Thiên Chúa cũng muốn lãnh nhận và lôi cuốn về mình tất cả mọi sự Ngài đã dựng nên. Do đó ta có thể nói Con Tim Thiên Chúa yêu mến con tim loài người và mong được kết hiệp với nó.

Con người, theo chứng từ của Kinh Thánh, được tạo dựng theo hình ảnh giống như Thiên Chúa. Theo linh đạo Sa-lê, sự tương đồng thần linh này được thể hiện cách rõ rệt nhất nơi trái tim con người. (Cần ghi nhớ là đối với Phan-xi-cô Sa-lê “con tim” không chỉ hàm ý cảm xúc, tình cảm, nhưng hơn thế nữa nó mang nội dung Thánh Kinh: Là chính trung tâm, bản ngã của con người; do đó “con tim” bao gồm cả trí tuệ và lý trí cũng như tình cảm và ý chí.) Con tim loài người, vì được dựng nên để biết và yêu mến Thiên Chúa, nên cũng giống như đối tác của mình, nó luôn năng động và tương quan. Nó cũng thở và đập; khi hít vào nó hấp thụ tình yêu, khi thở ra nó tuôn trào chính mình cho cận nhân và cho chính nguồn mạch của nó. Ta có thể nói: Con tim loài người được tạo thành để đập

25 *Oeuvres*, V, *Traité* trg 203-208. Về thế giới Sa-lê của những con tim, xin đọc Wendy M. Wright, “*That Is What It Is Made For*”: The Image of the Heart in the Spirituality of Francis de Sales and Jane de Chantal”, *Spiritualities of the Heart*, ed. Annice Callahan, RSCJ (Mahwah, NJ: Paulist Press, 1990) trg 143-58 và John Abbruzzese, *The Theology of the Heart in the Writings of St Francis de Sales* (Rome: Pontifical University of St Thomas Aquinas, 1983).

cùng một nhịp đập với con tim của Thiên Chúa. Phan-xi-cô gọi hai nhịp đập của con tim yêu thương này là, nhịp “tình yêu khoái cảm” (yêu tiếp nhận) và nhịp “tình yêu thương cảm” (yêu trao ban).

Như thế Con Tim vĩnh cửu của Thiên Chúa và con tim được tạo dựng của con người đã được hoạch định để kết hiệp. “Nguyện Chúa sống trong tim con vì nó được tạo nên cho điều đó”, trích lời của chính Phan-xi-cô²⁶. Tuy nhiên rõ ràng là con tim loài người đập sai nhịp; chúng thờ và đập theo nhịp của riêng mình và không còn cùng đập một nhịp với con tim của Thiên Chúa. Chúng đã bị tổn thương và hoen ố do tội nguyên tổ. Điều cần thiết bây giờ là tìm ra được môi giới làm cầu nối giữa hai địa hạt nhân loại và thần linh, một con tim vừa là mẫu mực vừa là trung gian có khả năng biến đổi con tim loài người và cho phép nó trở lại tình trạng như lúc nó được tạo thành; Con Tim đó chính là con tim thập giá của Đức Ki-tô, Đấng mời gọi mọi người đến và học nơi Ngài vì Ngài có con tim hiền hậu và khiêm nhường.

Đức Giê-su hiền hậu và khiêm nhường không phải là một dung mạo tình cảm. Trong thế giới Sa-lê của những con tim đầy chính là đức tính riêng của vương quốc Thiên Chúa. Nếu đọc kỹ hơn, ta thấy đoạn Tin mừng Mát-thêu 11 giống lên lời mời gọi được lồng trong bài giảng nói về mẫu nhiệm Nước Trời. Đoạn văn tiếp tục khẳng định rằng tron nhiệm cục đó Chúa Cha được mạc khải qua Chúa Con; “Hãy đến với tôi,” Ngài tuyên bố, “và học cùng tôi vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường”. Như thế thì việc “thể hiện Nước Thiên

26 Gio-a-na San-tan đã trích dẫn lời này trong tiến trình phong thánh, sau khi de Sales đã qua đời. Xem *St Francis de Sales: A Testimony by St Chantal*, trg 64

Chúa” được biểu lộ trong con tim hiền hậu và khiêm nhường, đảo lộn là loại bỏ hoàn toàn các giá trị của thứ trật tự được mọi người chấp nhận. Đặc điểm của Nước Thiên Chúa không còn là quyền hành thi thố trên kẻ khác, tự khẳng định và giàu sang, mà là tình yêu Thiên Chúa và cận nhân được thể hiện qua các nhân đức thầm kín tạo được tương quan, như lịch duyệt và khiêm tốn. Như thế môn sinh Sa-lê trước hết và trên hết phải là một cuộc trao đổi của cõi lòng. Nó hệ tại ở việc thực hành “sống Giê-su”, thông qua việc vun trồng các nhân đức nhỏ mọn nhưng tạo tương quan. Môn sinh là người suốt đời mở rộng con tim để được con tim hiền hậu của Giê-su biến đổi và ngự trị. Trong lời dẫn nhập tác phẩm “*Dẫn vào Đời sống đạo đức*” tác giả Đờ San đã diễn giải lời Chúa kêu gọi như bốn phận thiêng liêng của riêng mình.

“Hãy trở về với ta bằng cả trái tim con,” Chúa nói. “Hỡi con, hãy cho Cha trái tim con”. Vì con tim là nguồn mọi hành động của con người, nên trái tim nào thì hành động đó. Khi vị Hôn Phu mời gọi tâm hồn, Ngài nói: “Hãy dùng ta như con dấu đóng trên tim con, con dấu đóng trên cánh tay con”. Đúng thế, ai đã có Đức Ki-tô Giê-su trong tim sẽ sớm có Ngài trong tất cả mọi lỗi hành xử bên ngoài của mình.

Vì lẽ đó... trên hết thấy mọi sự, Cha mong ước được khắc ghi trên trái tim chúng con câu châm ngôn linh thiêng này “Sống Giê-su!”... Cùng với thánh Phao-lô chúng con có thể thốt lên lời thánh thiện này: “Không còn phải là tôi sống, mà là Đức Ki-tô sống trong tôi”. Tóm lại, bất cứ ai chiếm được con tim một người là chiếm được toàn bộ con người đó²⁷.

GIẢNG DẠY VỀ YÊU THA NHÂN

Tuy nhiên, sự biến đổi sâu xa của con tim nhân loại không chỉ giới hạn trong phạm vi giữa cá nhân với Thiên Chúa. Các con tim nhân loại không chỉ đập theo nhịp với con tim thần linh mà còn với nhau nữa. Con tim nào đã được Con Tim hiền dịu của Đức Giê-su xâm chiếm thì cũng sẽ soi sáng và lôi cuốn những trái tim khác tới với mình, để cùng đập, cùng thở bằng sức mạnh của tình yêu. Do đó, mọi hình thức hiệp thông và truyền thông nhân loại đều trở nên thiết yếu trong thế giới Sa-lê của các con tim. Tất cả đều phải là những con lộ của dòng chảy tình yêu. Vì được dựng nên bởi và cho tình yêu, nên mọi người nam nữ đều thể hiện căn tính thực của mình khi để cho tất cả các mối tương giao của họ được điều hợp cách dịu dàng bởi và chú ý tới nguồn mạch tối hậu của tình yêu. Giảng thuyết, viết lách, dạy dỗ, và bất luận loại hướng dẫn nào cũng phải đều được coi như “chiếm đoạt cõi lòng” bởi và cho trái tim hiền hậu của Đức Ki-tô. Trong lá thư rất đặc sắc viết vào năm 1604, tự nó có thể được coi là một tiểu luận, Phan-xi-cô lúc đó là một nhà giảng thuyết được ưa chuộng, đã khuyên Tổng Giám mục *André Frémyot* - anh của Gio-a-na San-tan, về nghệ thuật giảng dạy làm sao chinh phục được các cõi lòng.

Giảng thuyết phải bộc phát, trịnh trọng, can đảm, tự nhiên, cứng cáp, sốt sắng, nghiêm trang và chậm một chút... Tóm lại... phải nói với tình cảm và lòng đạo đức, đơn sơ và trong sáng, tự tin và xác tín về giáo lý chúng ta dạy dỗ và tìm cách thuyết phục. Nghệ thuật lớn nhất vẫn là không nghệ thuật gì hết. Lời lẽ của chúng ta phải bùng cháy, không phải bằng la hét hay điệu bộ khoa trương, nhưng bằng tình cảm phát xuất từ

bên trong. Chúng phải tới từ con tim chứ không từ môi miệng. Chúng ta phải nói hay, nhưng là con tim nói với con tim, vì miệng lưỡi chỉ nói vào tai nghe mà thôi.²⁸

Như vậy mối tương quan Sa-lê lý tưởng sẽ là kết hiệp các con tim lại để tôi luyện chúng thành khát vọng cùng nhau khám phá và đạt thấu tình yêu trọn vẹn trong Thiên Chúa Tình Yêu. Mọi thứ tình yêu đều bắt nguồn từ mạch thần linh: Tình yêu độc thân, tình yêu hôn nhân, tình yêu Chúa và tình yêu bạn hữu, tất cả đều đan quyện với nhau. Trong suốt cuộc sống, chính Phan-xi-cô đã vun trồng biết bao mối tương giao đầy ấp yêu thương và quên mình, nhất là trong những tình bạn thiêng liêng. Đáng ghi nhớ nhất là tình bạn kéo dài suốt 19 năm với *Jeanne Frances Frémyot* - Bá tước Đờ San-tan. Cùng với Gioa-na ngài đã lập dòng Đức Mẹ Thăm Viếng, cộng đoàn nữ lý tưởng để thể hiện cái thế giới Sa-lê của các con tim. Qua nhiều năm tháng hai người bạn thân thiết trong Chúa Ki-tô đã liên lạc với nhau “cách tâm tình”; và càng gần với người Bạn Mến Thương thần linh bao nhiêu, họ lại càng thân mật với nhau bấy nhiêu. Về sức mạnh của sợi dây tình yêu trói buộc hai người, Phan-xi-cô đã viết:

Trong tương quan giữa hai ta, anh không hề muốn có bất cứ điều ràng buộc nào ngoại trừ tình yêu và tình bạn Ki-tô đích thực, sức trói buộc của nó được thánh Phao-lô gọi là “sợi dây trọn lành”. Và thật sự nó là như thế, vì không ai tháo cởi được nó, đồng thời nó cũng không bao giờ chùng xuống. Mọi ràng buộc khác đều là tạm bợ, kể cả lời khấn vâng phục có thể bị đứt vì cái

28 *On the Preacher and Preaching by St Francis de Sales*, dịch John K. Ryan (US: Henry Regnery Co., 1964) trg.6

chết hay những điều xảy ra. Riêng ràng buộc tình yêu thì ngày càng lớn mạnh hơn theo thời gian và còn được thêm sức mạnh mới nhờ chịu đựng. Nó thoát khỏi cả tử thần có lưỡi hái cắt được hết mọi sự, ngoại trừ tình yêu, vì “tình yêu mạnh như sự chết và uy lực hơn cả âm phủ”, lời vua Sa-lô-mon... Đây là sợi dây ràng buộc hai ta, là sợi xích càng trói cột và xiết chặt chúng ta bao nhiêu thì lại càng làm ta thấy dễ chịu và tự do bấy nhiêu. Uy lực của chúng chỉ là ngọt ngào, sức mạnh của chúng chỉ là dịu êm. Không có gì mềm mỏng hơn chúng, cũng không có gì vững chắc hơn chúng. Vì thế hãy coi anh được liên kết với em thật mật thiết, và em đừng có lo lắng tìm hiểu gì hơn về nó, ngoại trừ biết rằng dây ràng buộc này không hề nghịch với bất cứ ràng buộc nào khác, cho dầu là lời khấn hay hôn nhân.²⁹

Khả năng thiết lập tình bạn của Đờ San còn được minh chứng bằng tình bạn suốt đời với *Antoine Favre*, Chủ tịch Thượng viện Sa-voa, người cùng chia sẻ với Phan-xi-cô một mảnh đất quê hương, một lòng đạo đức thâm sâu, và viễn tượng về một xã hội Ki-tô nhân bản. Hai người bạn cùng nhau thành lập Câu lạc bộ *Florimontane* hoạt động một thời gian ngắn. Đó là một trung tâm thảo luận và nghiên cứu về nhiều lãnh vực khác nhau như chính trị, văn chương, thiên văn, toán học, ngôn ngữ, thần học, triết học... Hai ngài suốt đời thân thiết; *Favre* trở thành cánh tay mặt của Đờ San, tham vấn trong lãnh vực xã hội, người cố vấn và khích lệ. Họ liên lạc với nhau hầu như hàng ngày, hai người bạn đáng kính này đã nâng đỡ nhau trong mọi sự, cách quân bình và trong giới hạn của chức vụ và bổn

29 *Oeuvres, XII, Lettres* trg 2, 225

phận đối với Thiên Chúa, gia đình và người khác.³⁰

Tình bạn thiêng liêng là rất sinh tử đối với Phan-xi-cô. Nó nắm giữ vai trò then chốt trong thế giới Sa-lê của các con tim. Bởi khi tình bạn được hiểu như một hình thái của tình yêu, hỗ tương và tương quan ngang hàng, một khi được bén rễ sâu trong tình yêu Chúa được hai người cùng san sẻ, nó có thể trở thành một con đường thiêng liêng đích thực. Lòng bên lòng, hai người bạn mở cho nhau khả năng yêu thương, khích lệ và thách đố nhau tiến vào vòng tay nhân ái của Thiên Chúa ngày càng sâu hơn. Đức Giám mục còn đặc biệt khuyên những ai “sống giữa đời”, là các giáo dân không sống trong các cộng đoàn mang mục đích thiêng liêng rõ ràng nhưng chăm lo gia đình và lo chuyện làm ăn trong xã hội, nên tìm nơi tình bạn thiêng liêng nguồn năng đỡ cho mình.

Ngài còn khuyên nhủ các người đời, song song với việc có bạn thiêng nâng đỡ, hãy tìm người hướng dẫn thiêng liêng để giúp họ sống đạo đức giữa những vất vả của gia đình và công việc. Chính ngài đã trở thành linh hướng của biết bao người; ngài duy trì thơ từ thường xuyên với những ai xin lời khuyên về mọi vấn đề, từ hôn nhân cho tới cầu nguyện, từ tập tành các nhân đức cho tới các trò giải trí nguy hiểm như khiêu vũ. Ngài cũng thường gài vào trong các thư từ riêng tư một số các suy tư tổng quát về đời sống thiêng liêng hầu mong các thư đó được chuyển tay trong các câu lạc bộ đạo đức. Một điều khá ngộ nghĩnh là phần đa thư từ mà vị giám mục viết

30 Terrence A. McGoddrick, *The Sweet and Gentle Struggle: Francis de Sales on the Necessity of Spiritual Friendship* (Lanham: University Press of America, 1996), tr 2-68. Trong sách “*Dẫn vào...*” Phan-xi-cô Sa-lê phân biệt giữa tình bạn thiêng liêng và các loại tình bạn khác, trong đó có cả những giao tiếp chơi bời, phù phiếm.

đều dành cho phụ nữ. Ngài rất có tài hướng dẫn họ (thực tế đó cũng là điều đôi lúc ngài bị chỉ trích: Người ta thắc mắc tại sao ngài tốn phí bao thời giờ quý giá cho hạng người ỉ xèo như vậy?); trong nhóm này có một mệnh phụ còn trẻ, *Louise de Charmoisy*, vợ của một vị đại sứ Sa-voa. Vị giám mục khuyến nhủ bà cách sống đạo hạnh ngay giữa việc triều chính. Các thư ngài viết để hướng dẫn bà *Charmoisy*, cùng với các thư khác viết cho bạn bè như Nữ tu viện trưởng *Abbess Rose Bourgeois* và cô em *Madamme Brulart*, đã trở thành nền tảng cho cuốn sách đầu tiên mà cũng là cuốn nổi tiếng nhất “*Dẫn nhập vào Đời sống Đạo đức*”.

Giám mục Phan-xi-cô dạy *Louise*, *Rose* và các bạn khác rằng, đạo đức là ơn gọi thật của mỗi người, và có thể sống trong bất kỳ nghề nghiệp và hoàn cảnh nào. Ngài không phải là người đầu tiên trong Giáo hội Công giáo xác quyết điều đó, nhưng chắc chắn là người đã có công phổ biến ý niệm này, nhất là qua cuốn thủ bản thiêng liêng *Dẫn nhập* nêu trên, để trở thành cảm nang cho nhiều thế hệ tín hữu, Công giáo cũng như Tin lành. Lời kêu gọi dẫn bước vào đời sống đạo đức (linh đạo Sa-lê) của thế kỷ XVII là tiền đề và đặt nền móng cho “ơn gọi phổ quát tiến tới sự thánh thiện” mà Công đồng Va-ti-can II long trọng tuyên bố vào thế kỷ XX³¹.

31 “Ơn gọi Phổ quát Tiến tới sự Thánh thiện” trong Hiến Chế Lumen Gentium về Hội Thánh. Tham khảo Yves M.J. Congar, OP. “Francis de Sales Today”, *Salesian Studies*, 3 (Winter 1966) 5-9.

Ngày 29 /01/1967 Đức Thánh Cha Phao-lô VI trong diễn từ *Sabaudiae gemma* đã khẳng định: “Không ai hơn là thánh Phan-xi-cô Sa-lê, trong số các Tiến sĩ Hội Thánh mới đây, đã đi tiên phong trước các quyết nghị của Công đồng với tầm nhìn nhạy bén và tiến bộ đến thế. Ngài đã đóng góp bằng chính gương mẫu đời sống, bằng sự phong phú của học thuyết chính xác và lành mạnh, bằng hành động mở rộng và kiện cường con đường thiêng liêng của sự trọn lành Ki-tô hữu cho mọi bậc sống và mọi điều kiện sống”.

CÔNG VIỆC MỤC VỤ

Bức thâm thiêng liêng này về một thế giới tương quan và năng động của các con tim đan quện vào nhau chính là nền móng trên đó mọi hoạt động của vị Giám mục Đờ San được thực hiện. Một trong các trọng trách mục vụ cấp bách nhất mà ngài phải đương đầu là thương thuyết để thiết lập tại vùng *Chablais* một sự hiện diện Công giáo linh hoạt, qua đối thoại tôn giáo liên li, cải cách, và đào tạo đầy đủ hàng giáo sĩ thuộc giáo phận mình. Nhiệm vụ này ngài bắt tay thực hiện với sự lịch duyệt sâu sắc, dựa vào thuyết phục và bác ái là những phương thế cải tổ. Ngài muốn các linh mục của ngài cũng phải thực hiện bốn phận mình với cùng một tinh thần như thế, và ngài khuyên nhủ họ:

Hãy có lương tâm ngay thẳng và trong sáng... Hãy có ước vọng nóng bỏng mong cứu các linh hồn... Hãy có sự thận trọng của một thầy thuốc... Trên hết, hãy bác ái và cần trọng... Khi con gặp người nào có lương tâm âu lo hay buồn phiền quá mức vì tội lỗi mình đã phạm, con phải vực tinh thần họ dậy và tìm mọi cách an ủi họ, bảo đảm cho họ về lòng thương xót vô biên của Chúa, Đấng ngàn lần vĩ đại trong tha thứ, hơn là tất cả tội lỗi trần gian kết tội họ, và con phải hứa giúp đỡ tất cả mọi nhu cầu họ cần để cứu rỗi linh hồn họ.³²

Mọi bận rộn tràn ngập ngày sống của vị giám mục đều được ngài gánh vác với cùng một tinh thần mà ngài đã mời gọi các linh mục của mình chu toàn. Năm tháng trôi qua, ngài chu

32 Trích trong Ravier, *Francis de Sales: Sage and Saint*, trg 131

toàn các chuyến đi thăm viếng mục vụ đầy nhọc mệt tới các vùng quê hẻo lánh nhất thuộc giáo phận. Trong khi vẫn phải quan tâm giải quyết các vấn đề quản trị, kiện tụng và hòa giải, ngài không ngừng giảng dạy với tất cả tâm tình. Ngài quan tâm tới các giáo dân khiêm tốn đạo hạnh cũng ngang với các quan chức đạo đời. Quả vậy, tác phẩm mà sau này trở thành một tuyệt tác đầy tham vọng: “*Khảo luận về Tình yêu Thiên Chúa*” đã hình thành từ việc Phan-xi-cô làm quen với một phụ nữ quê mùa mộc mạc mà ngài gặp tại khu chợ nhỏ của thị trấn Amancy. Trong cặp mắt của vị giám mục bà góa này - chủ nhân một cửa tiệm tạp hóa lại là cả một tâm hồn yêu mến Chúa thật vĩ đại. Bà quảng đại với người nghèo, tế nhị quan tâm tới mọi người bà quen biết và trung thành trong kinh nguyện. Có thể chứng từ của người đàn bà quê chất phác này đã thúc đẩy Phan-xi-cô cầm lại cây bút và bắt đầu cả một dự tính viết lách lâu dài để hình thành nên một tuyệt tác mà lúc đầu ngài đề tựa là “*Đời sống của Đức ái Thánh thiện*”..³³

Quan tâm sâu sắc tới phẩm chất tâm hồn của từng con người đơn lẻ giữa bao hoạt động chính trị xã hội phức tạp khi đi kinh lý quả đã cho thấy nét đặc đáo của vị giám mục Phan-xi-cô Sa-lê. Ngài không hề rời cặp mắt khỏi sự độc đáo của từng con tim cho dầu liệt kê các hoạt động có tầm cỡ quan trọng lịch sử có dài tới mấy. Khi thi hành trách vụ giám mục, rất nhiều khi ngài trở thành trung gian các cuộc hòa giải, một việc mà ngài cho là rất thiết yếu với trọng trách của mình. Chẳng hạn vào năm 1606, ngài được Đức Thánh Cha tham khảo về cuộc tranh cãi thần học giữa dòng Tên và dòng Đaminh thường được gọi là vụ *De Auxiliis*; cuộc tranh luận về tương quan giữa

33 Bản văn hoàn chỉnh của *Khảo Luận* đúng hơn đã được gọi hứng bởi Gio-a-na San-tan và cộng đoàn nữ tu Thẩm viếng.

ân sủng và tự do con người, đồng thời cũng là vấn đề gai góc đã phân chia Ki-tô giáo thành phe Tin Lành và phe Công giáo. Giải đáp của Giám mục Phan-xi-cô không mang tính tín lý nhưng là hiện sinh, phát xuất từ cuộc chiến đấu thiêng liêng mà cá nhân ngài đã từng trải qua: Chúa muốn mọi người được cứu rỗi nhưng vẫn tôn trọng để con người tự do chấp nhận hay từ khước ơn thánh. Những ai chấp nhận, ngài ban cho họ lòng ăn năn, tình yêu mến và ơn bền đỗ.

Ngoài ra Giám mục Đờ San, cho dầu có ngập đầu ngập cổ với các công việc cai quản giáo phận và giảng dạy liên tục, nhưng vì có tài hòa giải, ngài còn phải tham gia công tác ngoại giao nữa. Năm 1616 ngài thương thuyết để giải quyết cuộc chiến giữa Tây Ban Nha và Sa-voa, rồi sau đó lại phải tham gia phái đoàn đặc sứ Sa-voa cầu hôn Công chúa *Christine*, em vua *Louis XIII* nước Pháp cho *Victor Amedée* của *Piemont* - Hoàng Thái Tử của vương triều Sa-voa. Sứ mạng cuối cùng này cuốn ngài vào luồng nước đầy mưu mô của triều đình chính trị Pháp, bên cạnh những con người đầy quyền lực như *Marie de Medici* và Hồng y *Richelieu*. Giám mục Đờ San không mấy quan tâm tới những phô trương hay mưu mẹo của các triều đình châu Âu, ngài xuất sắc phục vụ bằng sự hiện diện hòa giải của mình. Ngài gây một ảnh hưởng mạnh mẽ bằng đường lối mà một người đương thời đã miêu tả là “một sự kết hợp tuyệt vời giữa chiêm niệm thần bí với bác ái trong sáng, và sự tinh tế của phán đoán nhân loại trong tất cả sự khôn ngoan của nó”³⁴

Giám mục Phan-xi-cô rất quan tâm tới các lo toan chính trị và xã hội, nhưng trong tất cả mọi sự, tiêu điểm của ngài rõ ràng là luôn tập chung vào mầu nhiệm của con tim nhân loại và

lời nói tự do đáp trả tiếng mời gọi của lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa. Con tim của người giàu có quyền uy và con tim của người dân đen vô danh tiểu tốt, tất cả đều là đối tượng của mối lo toan hàng đầu của vị giám mục. Đạo đức, như ngài nhấn nhủ “*Philothea*”, danh xưng ngài dùng để chỉ mọi độc giả sách *Dẫn vào Đời sống Đạo đức...*, là vấn đề của con tim, là sự biến đổi bên trong thúc đẩy hành động bên ngoài. Người ta có thể “Sống Giê-su!” ngay sau quầy tính tiền của cửa hàng tạp hóa tỉnh lẻ, làm công việc thủ kho, hay là một thượng lưu trong cung đình vua chúa.

Do đó mà các lá thư ngài viết, cho dầu đề cập tới không biết cơ man nào là đề tài, và gửi tới hàng trăm địa chỉ khác nhau, vẫn luôn được đón đọc như tới từ ngòi bút của cùng một vị linh hướng đầy linh hứng. Điều lôi cuốn người ta đến với ngài chính là phẩm chất của con tim ngài, con tim đã được ghi khắc tên hiền dụ Giê-su. Người đương thời còn bị các bài giảng thuyết của ngài cuốn hút, cho dầu ngày nay khi đọc các bài giảng được ghi lại, các độc giả thế kỷ XXI khó thấy thuyết phục so với các công trình khác của ngài³⁵. Tuy nhiên, chính hai tập sách vĩ đại đã đặt Phan-xi-cô Sa-lê vào vị trí được mến chuộng nhất trong thư mục khoa linh đạo Ki-tô giáo. Giữa những bận rộn thiên hình vạn trạng của cuộc sống, vị

35 Quả vậy, đối với độc giả đạo đức, các bài giảng đã không được chuyển dịch tốt cho mấy, cho dầu đối với các học giả, chúng là cả một kho quý giá. Hầu như cả đời vị giám mục nói theo dàn bài ngắn, còn các bài giảng là do các thánh giả chép xuống. Trong tiến trình đó nhiều cái bị mất mát như cung giọng, sắc thái, các đảo ngữ hóm hỉnh, điệu bộ, nét mặt và nhiều điều khác. Tóm lại, trong trường hợp de Sales thì phương tiện chuyển tải lại là một phần quan trọng của sử điệp.

Cf. Hélène Bordes”, *Les sermons de Francois de Sales*, Doctorat d’ état, 1989, (France, Université de Metz).

Giám mục Gio-ne-vơ đã dùng những mảnh vụn thời giờ để viết xuống nền linh đạo tương giao sâu xa nhất của ngài – đó là nhãn quan về một thế giới của các con tim.

CUỐN “*KHẢO LUẬN*” VÀ HỌC THUYẾT HAI Ý MUỐN CỦA THIÊN CHÚA

Cuốn sách *Dẫn vào Đời sống Đạo đức* được viết rút từ kinh nghiệm linh hướng của ngài, là một thủ bản thực tế nhất nhằm đào tạo thiêng liêng các giáo dân người đời; ngược lại cuốn *Khảo luận về Tình Yêu Thiên Chúa* là một tác phẩm đầy tham vọng trong đó ngài muốn khám phá sâu hơn quan điểm nền tảng. Khảo luận là một tập sách “đơn sơ trong sáng” mô tả sự hình thành, phát triển, tàn lụi, hoạt động, lợi ích và hoàn thiện của tình yêu Thiên Chúa³⁶. Đây chính là bài ca vĩ đại nhất mà giám mục Đờ San đã cất lên để ca ngợi tình yêu trao đổi thân tình giữa con tim nhân loại và con tim thần linh.

Chính ở giữa tập “*Khảo luận*” - tập VIII và IX mà ta đọc thấy học thuyết đặc sắc của vị giám mục về lối sống giữa hai ý muốn của Thiên Chúa³⁷. Học thuyết này là phương thể mẫu chốt để một người có thể “Sống Giê-su” và thực hiện cuộc trao đổi giữa các con tim. Vì kết hiệp với Chúa là mục đích chính của đời sống con người, đồng thời cũng là ước muốn thâm sâu nhất của con tim nhân loại, nên ước muốn đó phải có chủ đích rõ ràng là hướng tới cùng đích của nó. Ý muốn con người

36 Xem *Oeuvres, V, Traité de l'amour de Dieu*.

37 Đào sâu học thuyết độc đáo này ta tìm thấy trong Joseph P. Power, OSFS, “Entre l'une et l'autre volonté divine”, trong *L'Unidivers Salésien: Saint François de Sales hier et aujourd'hui*

phải nên một với ý muốn của Thiên Chúa. Theo Phan-xi-cô Sa-lê, tự bản chất ý muốn của Thiên Chúa là điều không thể biết được; tuy nhiên có hai lối diễn tả chính ý muốn của Thiên Chúa mà con người có cơ nhận ra:

Lối thứ nhất Phan-xi-cô gọi là “ý muốn tỏ lộ của Thiên Chúa”, nghĩa là ý muốn Chúa biểu lộ trong các giới điều, các lời khuyên, các truyền thống tôn giáo, và qua “soi sáng”. Nói cách khác, ý muốn tỏ lộ được biết nhờ việc qui về các chỉ dẫn phân định truyền thống như tham khảo Kinh Thánh, huấn quyền Giáo hội, đời sống các thánh, các thực hành truyền thống (như công việc bác ái), các lời khuyên phúc âm (nghèo khó, khiết tịnh và vâng phục), hay vun trồng các nhân đức. Người ta tham khảo ý kiến của các bậc thầy khôn ngoan, tìm lời khuyên của các vị linh hướng đáng tin cậy, và rồi được lương tâm hướng dẫn, họ biện phân điều “Chúa tỏ lộ” trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó. Tình yêu thúc đẩy một người khám phá ra “ý muốn tỏ lộ” này được Đờ San gọi là “tình yêu hòa hợp”; tức là kết hiệp ý muốn mình, gắn bó và hòa hợp nó với ý muốn tỏ lộ của Thiên Chúa.

Con đường thứ hai là ý muốn Thiên Chúa bộc lộ thông qua kinh nghiệm sống của con người; Phan-xi-cô gọi nó là “ý muốn vui thích của Thiên Chúa”. Ta chủ yếu biết được ý muốn này thông qua các khó khăn, các biến cố khó lường, các tình huống chằng đâu vào đâu, hay các đau khổ phần hồn cũng như phần xác; ý muốn này đơn giản đòi người yêu phải “khuất phục”. Chính ở điểm này mà khổ chế nội tâm “Sa-lê” trở nên rõ ràng nhất. Tình yêu khuất phục trước “ý muốn vui thích của Thiên Chúa” có thể được biểu lộ qua chịu đựng vì yêu, hay thậm chí có thái độ rung rung thánh thiện trước các sự vật. Theo cách này, ý muốn con người liên tục được hòa tan vào sự

kết hiệp yêu thương với ý muốn của Thiên Chúa.

Học thuyết của Phan-xi-cô Sa-lê về hai ý muốn trở thành kiệt xuất khi ta đem áp dụng vào đời sống thiêng liêng thiêng để tạo nên sự căng thẳng quân bình và tế nhị giữa hai tình yêu. “Chúng ta hãy can đảm sống giữa ý muốn này và ý muốn kia của Thiên Chúa”, ngài viết³⁸. Nói cách khác, điều này đòi ta phải tham gia cách năng động vào tất cả mọi sự việc; ta sẽ tìm cách yêu Chúa trọn vẹn qua việc chọn lựa đúng đắn, tiến bước trung thành, phát triển nhận thức, vận dụng khả năng biện phân, hầu dần bước trên con đường mà ta cho là được Chúa gọi trong cuộc sống. Đặc biệt trong các quyết định quan trọng, như lựa chọn ơn gọi – linh mục, đời tu hay hôn nhân – ý muốn tỏ lộ của Thiên Chúa phải được nghiêm túc tìm kiếm, tuy nhiên mỗi người cũng còn phải quảng đại và uyển chuyển đáp lại những biểu hiện của “ý muốn vui thích” của Thiên Chúa. Trong tất cả, miễn là không dính dáng tới tội lỗi, con người yêu mến được mời gọi chấp nhận: Bệnh tật, thất bại ngăn trở trong các hoạch định, thậm chí khô khan nguội lạnh cũng như khắc khoải thiêng liêng, qua đó ý muốn con người sẽ dần dần hội nhập được vào mầu nhiệm đời sống thần linh; kết quả của việc nhập thành một này sẽ là tình yêu tinh ròng, yêu Chúa trên hết mọi sự chỉ vì chính Ngài mà thôi. Đây mới đích thực là thứ tình yêu mà con tim nhân loại được dựng nên và Người Yêu thần linh luôn mời gọi nó hướng tới. Con tim con người lúc đó sẽ hoàn toàn an nghỉ bên trái tim của Thiên Chúa³⁹.

38 *Treatise*, Tập 9

39 Những chương trong *Khảo Luận* bàn về việc thực hành yêu mến và kết hợp với Chúa trong cầu nguyện được coi là chịu ảnh hưởng, đúng hơn là được viết, bởi người bạn nghĩa thiết của Phan-xi-cô là Gio-a-na Sang-tan và cộng đoàn Thăm Viếng đầu tiên.

NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI

Cho dầu lịch sử đã ghi nhận rất nhiều điều xuất chúng mà vị giám mục Đờ San đã thực hiện, vẫn còn rất nhiều dự tính tương lai hằng ấp ủ mà ngài sẽ chẳng bao giờ thực hiện được. *Thonon* - thủ phủ của *Chablais*, sẽ chẳng bao giờ có thể trở thành “Giơ-ne-vơ Công giáo” như ngài từng hoạch định. Ngài cũng không bao giờ có thể thành lập trường trung học Dòng Tên trong giáo phận, hay một chủng viện, một Nguyên Xá dành cho linh mục. Mỗi cơ sở hoạch định nêu trên, ngài biết, sẽ là những đóng góp vào kế hoạch lâu dài và quan trọng nhằm canh tân thiêng liêng giáo phận, đồng thời nuôi dưỡng cái thể giới của những trái tim đã được biến đổi⁴⁰. Ngay cả hội dòng Thăm Viếng hèn mọn, cho dầu đã có chút phát triển nhưng cũng dần bị biến dạng về tính cơ cấu và linh hoạt vì tác động từ bên ngoài.

Bị thôi thúc bởi viễn tượng một thể giới của những con tim và ước vọng được sống trong viễn ảnh đó, Phan-xi-cô Sa-lê đã không cho phép mình nghỉ ngơi. Các công việc phục vụ đa diện đối với dòng Thăm Viếng, giáo phận, các linh hồn tới xin lời khuyên và linh hướng, công tác Hội Thánh trao, công việc triều đình, và các bận tâm gia đình, đã vắt cạn sức lực ngài. “Đừng xin gì, mà cũng đừng từ chối gì: cha đã lặp đi lặp lại câu nói này nhiều lần”, ngài trả lời như thế cho Mẹ *de Blonay* - bề trên tu viện Thăm Viếng *Lyons* khi Mẹ xin ngài ban cho lời khuyên để các chị em khắc ghi vào tâm khảm. Trung thành với châm ngôn đó nên, cho dầu bị đau thận nặng

40 Tiểu sử do Dirk Koster viết cung cấp lối nhìn mới về những thất bại này.

và đang kiệt sức do Tổng Công Hội dòng *Bernardines* mà ngài được mời tham khảo, ngài vẫn đáp lời Huân Tước Sa-voa yêu cầu ngài có mặt trong một sứ mạng ngoại giao tới *Avignon* vào cuối năm 1622.

Dầu đã được báo trước là sức khỏe không cho phép ngài hành trình chuyển về nhưng Phan-xi-cô vẫn lên đường trong tiết đông lạnh giá. Trên đường về ngài còn phải lo toan biết bao công chuyện khác nữa. Khi về tới *Lyons* ngài vẫn tham gia các nghi lễ phụng vụ và lễ hội như chương trình ấn định, vẫn ngồi tòa, giảng dạy, bàn hỏi và tiếp khách. Ngài cũng đi gặp Gio-a-na San-tan đang hành trình theo một hướng ngược lại để bàn về một số vụ việc liên quan tới hội dòng. Đặc biệt ngài đã chọn trú ngụ trong túp lều nhỏ bé của người làm vườn trong khuôn viên tu viện Thăm Viếng *Lyons* hơn là trong ngôi biệt thự sang trọng mà đoàn tùy tùng của ngài đóng bản doanh. Ngày 27 tháng 12, ngày lễ của môn đệ Gio-an, người được Chúa thương mến, ngài ngất xỉu và hôm sau qua đời ở tuổi 55. Cái chết đột ngột của vị mục tử - giám mục - linh hướng đã đánh động không những đông đảo các bậc quyền quý đang vây quanh, mà nhất là các bạn hữu đang vắng mặt, trong số đó có *Antoine Favre* và Gio-a-na San-tan, cũng như rộng rãi quần chúng Sa-voa và Pháp mà ngài hằng thương mến và đã tận tụy phục vụ với trọn con tim.

3. NGUỒN THÁNH: GIO-A-NA SAN-TAN VÀ DÒNG ĐỨC MẸ THĂM VIẾNG

Bởi vì Thiên Chúa, trong tất cả sự tốt lành của Ngài, đã qui tụ con tim chúng ta nên một, các chị em thân mến, cho phép mẹ được chào hết thấy mọi người, như một cộng đoàn, và từng cá nhân một, bởi vì Chúa sẽ không cho phép mẹ chào hỏi chúng con cách nào khác. Lời chào đó là như vậy: ... Hãy Sống Giê-su! Trong ký ức, trong ý muốn và trong hành động của chúng ta! Chị em hãy có tinh thần hiền hậu dễ mến đối với nhau... hãy đạt cho bằng được sự hợp nhất giữa các con tim đầy yêu thương⁴¹.

Thánh Gio-a-na San-tan

Lần đầu khi được gặp vị Giám mục Giơ-ne-vơ, nàng đang là một góa phụ ở tuổi 33⁴². Bốn năm trước, đức lang quân thương mến của nàng là huân tước *de Chantal, Christophe du Rabutin*, đã chết trong một tai nạn săn bắn để lại cho nữ huân tước phiền muộn bốn đứa con dại và một con tim đau khổ chỉ biết tìm an ủi nơi Thiên Chúa. *Jeanne Francoise Frémyot*, Nữ

41 *Jeanne Francoise Frémyot de Chantal, Sa Vie et ses Oeuvres*, Éditions authentique publiée par les soins des Religieuses de Monastère de la Visitation Sainte Marie d' Annecy (Paris; Plon. 1874), IV, *Lettres* trg. 1,290-91

42 Tiểu sử hay nhất về Gio-a-na bằng Anh ngữ là của Elisabeth Stopp's *Madame de Chantal: Portrait of a Saint* (Westminster; MD: The Newman Press, 1963.

huân tước Đờ San-tan, đã tới nghe giảng mùa chay ở *Dijon*, thị trấn nơi chôn rau cắt rốn của nàng thể theo lời mời của cha nàng là *Bénigne Frémyot*, thẩm phán trong nghị viện địa phương. Sau sự ra đi của chồng, nàng và các con phải tới sống trên cơ ngơi của bố chồng; ông đang chung sống với bà hầu - tình nhân và con cái bất hợp pháp của họ; tình cảnh nàng do đó thật sự là khó khăn. Họ hàng thôi thúc nàng tái giá, nhưng chính Gio-a-na thì thấy có một khát vọng mới đang trào dâng trong con tim. Như trước đây nàng đã yêu thương chồng say đắm bao nhiêu thì giờ đây nàng thấy khát vọng được say mê hiến dâng đời mình cho Thiên Chúa bấy nhiêu. Làm cách nào thực hiện được điều này, nàng không hề biết, những thôi thúc thì vẫn còn đó. Trong khi chờ đợi, nàng hướng mọi chú tâm vào việc giáo dục con cái, con riêng và cả các đứa trẻ bất hợp pháp của ông bố chồng nữa. Nàng cũng quan tâm chăm sóc các nông dân nghèo khổ đang sống quanh cơ ngơi của gia đình. Chuyển đi tới *Dijon* tham dự mùa Chay cho phép nàng có chút thời giờ nghỉ ngơi. Loạt bài giảng mùa Chay năm đó do vị giám mục tới từ Sa-voia thuyết giảng đầy sức thu hút. Và khi Phan-xi-cô Sa-lê bước lên bục giảng hôm đó, một ngày tháng Ba năm 1604, Gio-a-na kinh ngạc nhận ra đó chính là nhân vật đã xuất hiện trong thị kiến kỳ lạ mới đây của nàng, khi nàng đang thả vó ngựa phi trong khu trang trại gia đình để giải sầu.

TÌNH BẠN THIÊNG LIÊNG

Và như thế là bắt đầu một trong các tình bạn thiêng liêng thần tiên nhất trong biên niên lịch sử Ki-tô giáo! Người góa phụ trẻ, như nhiều người khác đương thời, đã tìm thấy nơi Phan-xi-cô Sa-lê một vị hướng dẫn tâm hồn đầy tiềm năng;

chỉ trong vài năm ngắn ngủi, ngài đã dẫn dắt bà thực hành đời sống thiêng liêng qua việc triển khai một số qui luật sống thích hợp với hoàn cảnh cá biệt của bà. Lúc đầu bà còn do dự và lo lắng vì bị kiểm tỏa bởi lời khuyên và chỉ thị của vị linh hướng cũ rất nghiêm khắc. Dần dần bà cảm thấy tin tưởng hơn, thoải mái để có thể gieo mình vào vòng tay nhân ái của Thiên Chúa. Vị linh hướng mới giới thiệu cho bà một số việc thực hành hàng ngày cho bà khả năng đón nhận tình yêu Chúa trao ban hầu mở rộng cõi lòng đáp trả. Mỗi khi ngài khuyên bảo một việc thực hành nào thì đó không còn phải là khuôn mẫu thi hành cách máy móc thụ động, nhưng là đáp trả cách thâm sâu và quảng đại tác động của Thánh Thần tự đáy con tim.

Thưa bà,

Lá thư này nhằm bảo đảm với bà thêm một lần nữa rằng tôi rất lưu tâm giữ lời hứa sẽ viết thư cho bà thường xuyên theo khả năng cho phép. Sự ngăn cách thể lý giữa bà và tôi càng lớn bao nhiêu thì tôi lại cảm thấy sự liên kết bên trong chúng ta càng gần gũi bấy nhiêu. Tôi sẽ không ngừng cầu xin Chúa kiện toàn công việc ngài đang thực hiện nơi bà, là làm cho ước vọng và dự tính đạt tới sự sung mãn đời sống Ki-tô hữu của bà thành hiện thực. Ước vọng nội tâm đó bà nên tiếp tục ân cần vun trồng, chăm sóc, coi như đích thực đó là công việc của Chúa Thánh Thần và là tia sáng của ngọn lửa tình yêu thần linh Ngài... Mỗi ngày sống đều cống hiến cho bà các dịp may để làm cho ước vọng đó được chín mùi... Và bà nên coi điều đó như một trong số các cột trụ của tòa nhà thiêng liêng.

Cột trụ thứ hai lại chính là tình yêu của tình trạng góa bụa của bà... Mọi cấu trúc của ngôi nhà hạnh phúc của bà hoàn toàn dựa trên hai cột trụ này. Mỗi tháng một lần bà hãy coi kỹ lại xem nếu cây cột này hay cây cột kia có bị suy yếu; bà hãy sử dụng phần nào bài nguyện ngắm đạo đức tương tự như bài tôi gửi kèm theo đây... Bà chỉ sử dụng nếu thật sự bà muốn, bởi vì trong mọi sự và bất cứ khi nào tôi cũng muốn bà được cảm thấy mình hoàn toàn tự do khi sử dụng các phương thể đạt tới sự trọn lành. Bao lâu các cây cột này của tòa nhà thiêng liêng còn vững chắc, bà không cần quan tâm cho lắm tới các việc làm này.

Bà cần lưu tâm để đừng rơi vào bối rối... hãy luôn sống trước mặt Chúa theo cách bà đã biết; tránh lo âu và bận tâm vì nó sẽ cản trở bà đạt tới hoàn thiện. Hãy nhẹ nhàng đặt trái tim bà vào trong vết thương Chúa, không chút áp đặt. Hãy kỷ thức trọn vẹn cho lòng từ ái và thương xót của Chúa; và Ngài sẽ không bao giờ bỏ rơi bà. Hơn nữa, vì tất cả các điều trên, bà hãy bám chặt lấy Thánh Giá và đừng bao giờ lơ lửng⁴³.

Điều mà vị linh hướng đang dạy cho bà đó là “Sống Giê-su!” (*vive Jésus*), điều sẽ biến con tim bà trở thành một bình đựng qua đó sự sống thần linh có thể đi vào trần gian.

Tâm hồn chúng ta phải hạ sinh, không phải bên ngoài mà là bên trong, một bé trai xinh xắn, ngọt ngào và

43 Francis de Sales, Jane de Chantal: *Lettres of Spiritual Direction*, trg. 123-5

hiền dịu nhất trên đời; đó là Giê-su mà chúng ta phải cư mang ngay trong chính mình. Bà phải mang bầu Ngài, bà chị thân mến, và ngợi khen Thiên Chúa là Cha của đứa bé đó⁴⁴.

Và đáp trả của Gio-a-na San-tan lúc nào cũng đầy nhiệt tình; ngay từ đầu bà đã ước mong nuôi dưỡng khát vọng được Chúa khắc ghi vào trái tim, và bà không muốn để cho bất cứ điều gì đứng giữa bà và Đấng bà yêu mến. Trong thời gian khó khăn nhất của cao trào gia đình ép bà tái giá, bà đã nung nóng một cây thép và khắc tên Giê-su vào phần thịt trên ngực; điều này thực tế sẽ không cho phép bà mặc các bộ áo đầm hở ngực, theo thói quen các quý bà thượng lưu thời đó trong giao tiếp xã hội. Vị linh hướng thường nhắc nhở bà là tên Giê-su phải được nhiệt tình ghi khắc trong con tim cũng như trên da thịt. Sau này nhiều sử gia sẽ ghi nhận hành động này như một hành vi trung thủy đính ước với đức lang quân thần linh, đồng thời cũng là tham dự vào đau khổ của Đấng Chịu Đóng Đinh và biểu hiệu của sự kết hiệp thần bí giữa Gio-a-na với Người Yêu của bà⁴⁵.

Dưới sự chỉ dạy của Phan-xi-cô, tâm hồn bà nữ hầu tước góa bụa đã nở hoa; bà đã học biết kiên nhẫn chờ đợi, bằng lòng với tình yêu Chúa trong bất cứ hoàn cảnh sống nào của mình. Thời gian trôi qua, mối tương quan giữa hai người ngày càng thâm thiết; càng ngày Gio-a-na càng xuất hiện như cộng sự thân thiết của vị giám mục. Họ nhận ra mối liên hệ giữa họ là

44 Trích của Wendy M. Wright, *Bond of Perfection: Jane de Chantal and Francois de Sales* (Mahwah, NJ: Paulist Press, 1983)

45 Chú giải này là do Francoise-Madeleine de Chaugy, cháu gái và thư ký của Gio-a-na. Cuốn tiểu sử bà viết cho chúng ta biết nhiều chi tiết và có cái nhìn thấu đáo về đời sống và tinh thần của nữ Huân Tước.

“sợi giây hoàn thiện”, một con đường thiêng liêng cùng tiến bước dẫn họ tiến sâu hơn vào tình yêu phục vụ đối với Thiên Chúa⁴⁶. Sợi giây tình bạn ràng buộc họ lại thật đáng ghi nhận, không chỉ vì nó có những nét quá cao đẹp đặc biệt, nhưng còn vì nó cho thấy rõ hơn bao giờ hết nhãn quan Sa-lê về một thể giới của các con tim. Ngay từ rất sớm, vị giám mục đã cảm thấy sức mạnh của sự kết hiệp giữa hai người: Họ nhìn thấy nơi nhau phản ánh niềm hy vọng sâu xa nhất và khả năng bao la nhất của chính mình. Tháng 6 năm 1604, chỉ một tháng sau khi họ gặp nhau, Phan-xi-cô đã dám viết:

... Ngay từ lần đầu tiên bà tham khảo tôi về đời sống nội tâm của bà, Chúa đã phú cho tôi một tình yêu mãnh liệt đối với tinh thần của bà. Khi bà xưng tội với tôi cách tỉ mỉ, trong hồn tôi đã hình thành một mối ràng buộc bền chặt với bà khiến tôi kính yêu bà ngày càng hơn. Điều này khiến tôi phải viết cho bà rằng chính Chúa đã trao tôi cho bà; và tôi không ngừng suy nghĩ làm sao tình cảm tôi có trong tâm trí lại cứ lớn mạnh lên mãi thế, nhất là khi tôi cầu nguyện Chúa cho bà. Nhưng chính lúc này, hỡi người con gái yêu của cha, nơi con đã xuất hiện một phẩm chất mà cha không thể diễn tả nổi, chỉ biết rằng hiệu quả của nó sẽ là sự ngọt ngào nội tâm bất cha phải cầu chúc cho con một tình yêu Thiên Chúa trọn hảo và các ơn lành thiêng liêng khác. Không, cha không hề đi quá xa sự thật một tí nào; cha nói như thể trước mặt Chúa của cõi lòng cha cũng như của cõi lòng con. Mỗi tình cảm đều mỗi khác! Tình cảm cha có đối với con mang một tính chất đem lại cho cha niềm

46 Về tình bạn này, xem *Bond of Perfection* và McGoldrick, *The Sweet and Gentle Struggle*.

an ủi vô bờ và nếu mọi người biết được sẽ rất ích lợi cho chính cha muôn vàn. Con hãy tuyệt đối tin đây là sự thật và đừng có ngờ vực gì⁴⁷.

Tình cảm sâu sắc của cuộc trao đổi thiêng liêng giữa hai người, có thể còn khá xa lạ đối với cảm xúc của con người hiện đại, càng được phát huy nhờ thói thư từ tâm giao thời đó. Các lá thư cho thấy họ tin tưởng rằng hiệu quả thiêng liêng của những con tim rực lửa yêu Chúa là sẽ dẫn dắt được nhiều con tim khác tiến sâu vào vòng tay trù mến của Thiên Chúa hơn. Các lá thư của họ bắt đầu nói tới trái tim “hai ta”, tâm hồn “hai ta”; hai người đang kết hiệp nên một trong việc kiếm tìm cùng một lý tưởng tốt lành.

... Đúng là, hồi con thân yêu, sự nên một của chúng ta hoàn toàn hiến dâng cho sự hiệp nhất cao sâu nhất, tới độ mỗi ngày cha càng cảm thấy rõ sự liên kết giữa hai ta sống động tới độ cha không thể nào quên con đi bao lâu khi cha chưa quên mất chính mình, để càng bám chặt hơn vào Thánh Giá Chúa⁴⁸.

Gio-a-na là người tình thầm thiết của Chúa, và bà không ngừng rất ý thức cảm thấy được kêu mời hiển minh trọn vẹn cho Tình Quân. Dần dần nội dung lời mời gọi đó là gì ngày càng trở nên sáng tỏ hơn giữa Gio-a-na và vị linh hướng. Vài năm trôi qua, một hình thức sống mới đã từ từ xuất hiện nhờ việc họ cùng nhau biện phân, qua các tiếp xúc thí điểm Phan-

47 *Oeuvres*, XII, *Lettres* trg. 2, 354.

48 *Oeuvres* XIII, *Lettres* trg. 3, 147; *Bond of Perfection*, trg 123

xi-cô đã có với một số cộng đoàn tu sĩ Ý, và các tình huống cuộc sống của Gio-a-na. Tương tự như Đờ San-tan góa bụa, có rất nhiều phụ nữ có lòng yêu Chúa tha thiết và cảm thấy được gọi để sống cuộc sống tu sĩ thực thụ, nhưng do tuổi tác quá già hay quá trẻ, tình cảnh góa bụa, trách nhiệm con cái, sức khỏe mỏng manh hay thể lý bất trắc, họ không đủ điều kiện để gia nhập một trong các cộng đoàn cải cách nhiệm nhặt rất phổ biến thời đó. Các thiếu phụ trong hoàn cảnh đó cần tìm thấy một cộng đoàn có nội vi uyển chuyển cho phép họ, nếu cần, có thể lo công chuyện gia đình, cũng như lo đáp ứng nhu cầu bà con láng giềng; do đó họ cần một qui luật nhẹ nhàng nhấn trên nội tâm hơn là kỷ luật bên ngoài. Cả hai người bạn đều vui mừng vì họ cùng nhau dấn thân vào việc thành lập một dòng tu nữ mới như thế. Đờ San đã viết về cuộc phiêu lưu của họ như sau:

Em sẽ không thể tin rằng tim anh được kiên cường như thế nào khi hai chúng ta cùng quyết tâm làm mọi sự để thực hiện điều đó. Về điều này anh cảm thấy ngọt ngào vô cùng, đồng thời cũng cảm thấy tình yêu mãnh liệt anh có đối với em. Bởi vì anh yêu em với một tình yêu không gì sánh bằng. Nó mạnh mẽ nhưng mềm mại, không thể cân đo cũng không hề che đậy, nó dịu dàng, linh hoạt, hoàn toàn trong trắng và bình thản. Tóm lại, nếu anh không lầm, nó là hoàn toàn trong Chúa⁴⁹.

Và Gio-a-na, vào buổi tối trước ngày tuyên khấn sống đời tu sĩ năm 1611, đã viết những lời chối chang về ơn gọi mới của bà như sau:

49 Ibid., trg 295; *Bond of Perfection*, trg 124

“Khi nào hùng đông ngày vui mới tới?” Cái ngày mà tôi sẽ lại được dâng hiến mình cho Chúa để không hề lấy lại? Trong lòng thương xót vô biên, ngài đã cho tôi một nhận thức đặc biệt mạnh mẽ về ơn được thuộc trọn về chỉ mình ngài mà thôi; nếu cứ tiếp tục mãi như thế này, nó sẽ nuốt chửng tôi mất... Hỡi ôi, càng quyết định trung thành với Đấng Cứu Chuộc bao nhiêu thì tôi lại càng nhận ra rằng không gì có thể đền đáp lại tình yêu vĩ đại đó. Tôi thật đau đớn thấy mình bị ngăn trở bởi yếu đuối! Nhưng tại sao tôi lại đặt bút viết điều này? Chẳng qua là để đem hồng ân Chúa hạ xuống tới trình độ nghèo hèn của mình, và tôi vẫn không tài nào hy vọng diễn tả nổi tình yêu đã mời gọi tôi sống khó nghèo trọn vẹn, vâng phục khiêm tốn và khiết tịnh trinh trong⁵⁰.

Nhãn quan này được mở ra cho cả hai chính khi cô em gái của Phan-xi-cô đột ngột qua đời sau một thời gian được trao cho Gio-a-na săn sóc. Không gì có thể an ủi được Gio-a-na sau khi bà đã thật sự làm tất cả mọi sự có thể để cứu cô gái khỏi chết. Làm thế nào để giải tỏa được nỗi phiền muộn này chứ? Ít lâu sau thì cô con gái trưởng của Gio-a-na là *Marie Aymée* đính hôn với ông em của Phan-xi-cô; nhưng vì cô dâu còn quá trẻ, rõ ràng có nhu cầu bà mẹ phải ở gần bên. Đôi vợ chồng trẻ xứng đôi vừa lứa đã chuyển nơi ở tới Sa-voa, vì thế mà *Annecy*, nơi có tòa giám mục, được chọn làm địa điểm thành lập cộng đoàn mới. *Celse-Bénigne*, trai trưởng của Gio-a-na đã tới tuổi đi học nên được gởi tới sống với ông cậu *André Frémyot* là tổng giám mục *Bourges*. Hai đứa gái út là

50 Stopp, *Madame de Chantal*, trg 137-8

Francoise và Charlotte sẽ theo mẹ sống chung với cộng đoàn, tuy nhiên *Charlotte* đã đột ngột qua đời vì bệnh sốt rét trước cả khi kế hoạch này được thực hiện. Còn lại mình *Francoise* theo mẹ đến tổ ấm mới và sống với mẹ cho tới tuổi trưởng thành. Khi cô tới tuổi cập kê, Gio-a-na thu xếp xây dựng gia đình cho *Celse-Bénigne* và *Francoise*. Các đàn xếp lo cho đám con cái của bà Đờ San-tan tuy mang lại cho bà nhiều âu lo, nhưng lại không được các thế hệ sau thông cảm. Ta chỉ cần mình định rằng, bà đã không hề coi nhẹ bổn phận; tuy nhiên dưới sự linh hướng của Phan-xi-cô, bà luôn cố gắng là một bà mẹ yêu thương, đồng thời trung thành với con đường thánh hiến bà nghĩ là Chúa đã dọn ra cho bà⁵¹.

DÒNG ĐỨC MẸ THĂM VIẾNG

Cộng đoàn nữ tu đó phải như thế nào? - Phải là - theo như vị giám mục và người bạn Gio-a-na của ngài lúc này thấy - một thể hiện cụ thể cái thế giới của các con tim, một đời sống Ki-tô hữu chân chính! Khởi đầu từ *Annecy* với ba người gia nhập, đó là quý bà Đờ San-tan, người bạn lâu đời của gia đình là *Charlotte de Brécard*, và *Jacqueline Favre*, con gái của *Antoine Favre*, bạn thân của Phan-xi-cô. Cùng với họ còn có

51 Gio-a-na thường được nhắc tới như vị thánh đã bỏ thế gian bước qua thân các con cái mình để gia nhập đời tu. *Celse-Bénigne* quả thật đã nằm chắn ngang cửa khi bà mẹ ra đi. Tuy nhiên cho dầu ông bố có còn sống và bà mẹ có ở lại thì cậu vẫn tới ở với ông chú để lo chuyện học hành. Gio-a-na, sau khi đã cẩn thận chuẩn bị mọi sự cho cuộc đổi thay, đã thật sự đau lòng vì thái độ diễn xuất của con. Dòng tu bà gia nhập vẫn dành cho con bà quyền tới thăm mẹ, cũng như bà vẫn có thể về lo chuyện gia đình. Nhiều năm sau, khi đã được bà đàn xếp mọi sự yên bề, chính ông viết cho mẹ mình rằng, giả sử bà có tiếp tục sống đời thế tục, bà cũng không thể nào lo cho ông chu đáo như đã làm.

một thành viên “ngoại trú” nữa là *Anne-Jacqueline Coste*, người đàn bà quê mùa mà Phan-xi-cô đã gặp trong hành trình truyền giáo vùng *Chablais*. Bà đã cứu mang nhiều người Công giáo trú ngụ bất hợp pháp trong lãnh thổ Tin Lành. Kế hoạch đầu tiên của cộng đoàn này thật giản dị. Cùng với Gio-a-na, Phan-xi-cô đã dành phần lớn các năm tháng giám mục của ngài để sáng tạo nên cộng đoàn độc đáo này. Cộng đoàn trở thành biểu hiện cụ thể cho một số nguyên lý mà cả hai cùng áp ủ trong tim.

Khi còn là sinh viên tại Pa-du-a, Phan-xi-cô đã tiếp xúc với các cộng đoàn tu sĩ canh tân, nam cũng như nữ, đang mọc lên như nấm trên khắp bán đảo Ý, trong số đó bản mẫu là cộng đoàn *Frances di Roma*, một dòng nữ giáo phận rất linh hoạt, trong đó các phụ nữ đạo đức có thể hiến trọn mình cho việc cầu nguyện và phục vụ tha nhân. Sau này trong khi thi hành trách vụ giám mục, ngài cũng nhận thấy một số linh hồn, đặc biệt các phụ nữ đạo đức ở ngay trong giáo phận ngài cũng như trên toàn nước Pháp, vì lý do này hay lý do khác, không tìm được một chỗ ổn định trong lòng Giáo hội thời đó để có thể đáp trả trọn vẹn lời mời gọi yêu mến Chúa với cả con tim, khối óc và tâm hồn. Chính vì, như truyền thống Sa-lê hằng quan niệm, đời sống đạo đức trước hết và trên hết phải là vấn đề của nội tâm, của con tim, nên nó có thể được theo đuổi dưới nhiều hình thức khác nhau. Các phụ nữ bề ngoài rất tầm thường này có thể không thích hợp cho một lối tu đức nhiệm nhặt khắc khổ của các đan viện Cát Minh cải cách, hay với các miền truyền giáo, nhưng rất có thể họ được kêu gọi thực hành các nhân đức nhỏ mọn trong một cộng đoàn mà, nếu thực hành được điều đó, sẽ trở thành các tiểu hành tinh của một vũ trụ rộng lớn hơn gồm toàn các con tim thần linh và nhân loại. Nếu biết

linh hoạt sống sự căng thẳng giữa hai ý muốn của Thiên Chúa, các phụ nữ chất phác này có khả năng vào sâu trong sự tự do của các con cái Chúa, thoải mái an nghỉ bên ngực Đấng tình quân trong kinh nguyện, rồi phục vụ lẫn nhau tâm đối tâm; và khi nhu cầu đòi hỏi, họ khiêm tốn tham gia phục vụ những ai túng quẫn ngay trong các khu xóm gần nhất. Họ không phải là một tổ chức chiêm niệm truyền thống, một tu viện khép kín; họ cũng chẳng phải là cộng đoàn hoạt động cho một sứ mạng tông đồ nhất định. Thực hiện được một dòng tu nữ theo kiểu này ngay trong giáo phận mình, dần dần được biết đến dưới tên gọi Dòng Đức Mẹ Thăm Viếng⁵², chính là mơ ước giám mục Phan-xi-cô và quý bà Gio-a-na San-tan hằng ấp ủ trong tim⁵³.

Trong suốt 12 năm trời, với Gio-a-na San-tan vừa làm tập sinh, giáo tập và bề trên đầu tiên, cả hai nhân vật đã cùng nhau lèo lái con thuyền dòng Thăm Viếng mỏng manh xuất bến xưởng tại Sa-voia để tiến ra biển khơi Pháp Quốc, nơi nó dần biến thành một con tàu lớn dành cho các tâm hồn đạo đức

52 Về dòng Thăm Viếng, xem *Visitation et Visitandines aux XVII et XVIII Siècles* (Actes du Colloque d'Annecy, 1999), Études réunies et présentées par Bernard Dompnier et Dominique Julia, C.E.R.C.O.R.

53 Từ lâu các nghiên cứu đều cho rằng Dòng Thăm Viếng khởi thủy là một cộng đoàn tu sĩ hoạt động, và vào năm 1618 khi nó chính thức bị đóng khung lại thì giấc mơ của vị giám mục đã sụp đổ. Các học giả cho thấy các Nữ Tử Bác Ái do Vinh Sơn Phao-lô và Louise de Marillac thành lập năm 1633 mới là thể hiện giấc mơ của Phan-xi-cô Sa-lê. Thực tế thì lại lịch lại tế nhị hơn nhiều. Trong khi các nữ tu Thăm Viếng khởi thủy không có lời khấn công khai và không có một nội vi tu viện chính thức, họ không được thành lập để thi hành một sứ mệnh ngoài “sứ mệnh Sống Giê-su!”. Tiên quyết đời sống của họ là cầu nguyện, và khi có nhu cầu họ mới vươn tới phục vụ cận nhân.

Xem Wendy M. Wright, “The Visitation of Holy Mary: The First Years (1610-1618)” trong *Essays on the Religious Orders of the Catholic Reformation*, ed. Richard de Molen (New York: Fordham University, 1994) trg. 217-240

được rất nhiều người biết tới. Dòng Thăm viếng có một cơ chế dễ thích ứng – lần đầu tiên người ta gọi nó là “cộng đoàn”, “tu hội” hay “nhà” thay cho “đan viện, dòng tu” – do nó không có những gì mà một tu viện chính qui đòi hỏi, như nội vi hoàn chỉnh, lời khấn trọng thể, và phê chuẩn của Giáo hoàng. Các hội viên tuyên các lời khấn nghèo khó, thanh khiết và vâng phục đơn giản không mang tính ràng buộc của giáo luật. Trong khi sự phân cách được đề cao hầu duy trì được bầu khí cầu nguyện, thì tường rào ngăn cách các phụ nữ khỏi thế gian lại khá sơ sài; các bà góa có thể đi ra khỏi tu viện tùy theo nhu cầu gia đình mình đòi hỏi. Sau năm tập khi có yêu cầu, từng hai hội viên một có thể ra ngoài phục vụ bác ái cho bà con lối xóm, ngoài ra các phụ nữ đã có gia đình nhưng có nhu cầu cần canh tân đời sống thiêng liêng vẫn có thể gia nhập cộng đoàn trong một thời gian ngắn để tĩnh tâm. Lối sống uyển chuyển và cách tân này được cho phép bởi được coi là một tổ chức thuộc giáo phận, dưới bản quyền giám mục địa phương, thay vì trực thuộc Roma hay một thẩm quyền liên quốc gia như nhiều dòng tu nữ chính qui khác. Đời sống thường ngày được sắp xếp theo nhịp điệu cầu nguyện của Tiểu Kinh Phụng Vụ Đức Mẹ, xen kẽ với thời giờ dành cho việc tay chân (chủ yếu là công việc nội trợ), giờ đọc sách cá nhân và giải trí tập thể. Qui luật uyển chuyển và giản dị này được thiết lập để làm cho ngôi nhà được trở nên, như lời Gio-a-na nói, “một tiểu vương quốc của đức ái”.

Ôi các chị em thân mến, cộng đoàn Thăm Viếng thân yêu của chúng ta quả là một tiểu vương quốc của đức ái. Nếu hiệp nhất và tôn trọng lẫn nhau không ngự trị, sớm muộn nó sẽ bị chia cắt và hoang tàn, tiêu tan tất cả niềm vui mà mọi cố gắng nhân loại cũng sẽ không bao

giờ lấy lại được... Vì thế chúng ta hãy cùng cầu xin để Thánh Thần Tình Yêu liên kết mọi tâm hồn, ban cho chúng ta được kết hiệp với Chúa cách bền chặt và sống động qua việc trọn vẹn gắn bó ý ta với Ý Chúa, qua việc duy trì được con tim và tinh thần hiệp nhất giữa chúng ta, trọn vẹn tôn trọng nhau, và qua cuộc sống hòa hợp và tình cảm hỗ tương trong cộng đoàn nhỏ bé chúng ta, không bao giờ giữa chúng ta còn nói “của chị” hay “của tôi”, mà chỉ chân thành phục vụ lẫn nhau vì vinh danh cao cả Chúa mà thôi...⁵⁴

Chính Đức Trinh Nữ mà Gio-a-na hằng yêu mến ngay từ thời niên thiếu, đã là đấng bảo trợ công cuộc non nớt này⁵⁵. Hình ảnh Kinh Thánh “Maria đi thăm bà chị họ Ê-li-da-bet” (Lc 1:39-56) đã tóm kết như một lô-gô toàn bộ tinh thần của hội dòng mới mẻ này⁵⁶. Đối với Gio-a-na và Phan-xi-cô, mẫu nhiệm Thăm Viếng tóm lược toàn bộ các mẫu nhiệm Ki-rô hữu vì trước hết và trên hết đó là mẫu nhiệm diễn tả tính năng động của tình yêu. Vì tình yêu Thiên Chúa tự nó mang tính xuất thần và truyền đạt, nên nó tuôn trào ra và đổ trên mọi tạo vật, để rồi lại lôi kéo mọi tạo vật trở về với mình. Hành động của Thiên Chúa trên thế giới có thể được coi như cuộc thăm viếng của tình quân; và bởi vì tình yêu bản chất là muốn chia sẻ nên

54 Wright, *Bond of Perfection*, trg. 140-41.

55 Mẹ đẻ của Gio-a-na qua đời khi sinh con từ khi Gio-a-na mới 18 tháng tuổi. Gio-a-na lớn lên với cảm nghiệm sâu sắc sự che chở đầy tình mẫu tử của đức Nữ Trinh Maria.

56 Xem Hélène Bordes, “Charité et humilité dans l’oeuvre de Francois de Sales”, *XVII siècle*, 43 (1991), trg 15-25, và cùng tác giả “La méditation de mystère de la Visitation par Francois de Sales et l’esprit de l’ordre de la Visitation”, trong *Visitation et Visitandines*, trg. 69-88

nó cũng thúc đẩy các cuộc viếng thăm⁵⁷. Quả vậy, mầu nhiệm Nhập Thể như Thánh Kinh trình bày trong cảnh trí Truyền Tin đúng là một “nụ hôn” Thiên Chúa dành cho nhân loại, Thiên Chúa yêu thương kết hợp với con người qua Maria, vị hôn thê và tình quân của Người. Nụ hôn này đã làm mọi tạo vật lên tinh thần và toàn thể giới được biến đổi. Sau khi chính mình được viếng thăm, tới phiên mình Maria thu tóm toàn bộ sức mạnh của tình yêu đã vội vã lên đường, vượt qua núi đồi để tới nhà bà chị họ Ê-li-da-bét. Tại đó hai người phụ nữ đang cưu mang gặp nhau – một lớn tuổi hơn từ lâu căn cỗi mà nay đang ở cữ, và một trẻ hơn đã chín mùi với Tình Yêu mà thế giới hằng ước mơ..., thế là một cuộc thăm viếng khác đã xảy ra. Và dấu ấn của bất cứ cuộc thăm viếng thần linh nào thì bao giờ cũng là biến đổi. Nhờ chỉ một cuộc gặp gỡ tầm thường giữa hai chị em họ hàng thế là cả hai người phụ nữ đều đã được biến đổi. Họ được biến đổi, cũng như thế giới đã được biến đổi trong tác động của Tình Yêu Thiên Chúa. Trong cuộc gặp gỡ giữa hai tâm hồn này, hai người phụ nữ đã trở nên hình ảnh vừa riêng tư lại vừa đại đồng được Thánh Thần tình yêu linh hứng. “Thăm Viếng chính là ... con đường, là dấu chỉ tự tại của Hội Thánh qua các thời đại, trong tiến trình thể hiện kế hoạch của Thiên Chúa cho trần gian⁵⁸.”

Như thế trong linh đạo Sa-lê, nước Thiên Chúa - vương quốc tình yêu thần linh, được mang hình ảnh một cuộc thăm viếng là điều quá thích hợp – một kết hợp giữa tình yêu Thiên Chúa và tình yêu nhân loại, tình yêu được thể hiện cách sinh

57 Về Nhập Thể như là “nụ hôn”, xem *The Sermons of St. Francis of Sales on Our Lady*, trg 135-6.

58 Bordes, “Méditation du Mystère de la Visitation”, trg. 71.

động nhất trên trần gian này bằng một tình bạn thiêng liêng, đó là một cuộc trao đổi tình yêu hỗ tương giữa hai người bạn; mỗi tương quan cùng nhau chia sẻ sẽ là mẫu mực cho cuộc biến đổi khi Nước Chúa trị đến. Trong bài giảng vào ngày 02 tháng 6 năm 1618 - lễ Đức Mẹ Thăm Viếng cho cộng đoàn mang tước hiệu đó, giám mục Phan-xi-cô đã nói "... Đức Nữ Trinh... không những có nhân đức bác ái, nhưng ngài còn lãnh nhận nhân đức này cách toàn vẹn tới độ ngài đã trở nên chính bác ái; Mẹ đã cur mang Đáng là tình yêu trọn hảo, và đã được ngài biến đổi để chính Mẹ trở nên tình yêu..."⁵⁹

Theo vị giám mục thì sự biến đổi của Đức Ma-ri-a nên tình yêu được thể hiện trong sự triển nở hoàn hảo nhân đức khiêm nhường. Qua nhiều năm tháng suy tư, tư tưởng Phan-xi-cô đã phát triển tới độ ngài nhận ra sự liên kết giữa tình yêu và khiêm nhường trong một cách thức rất đặc biệt; thực vậy, khiêm nhường đã trở thành một đặc tính riêng của dòng Thăm Viếng. Gio-a-na và các nữ tu phải thực sự là những người noi gương Đức Nữ Trinh. Chính việc nhìn nhận sự "thấp hèn" đã cho Ma-ri-a khả năng trở thành bình tiếp nhận sáng kiến của Thiên Chúa cho trần gian, đã làm cho Tình Yêu có thể được hạ sinh. Và cũng vì khiêm hạ mà tình yêu mến Chúa của Mẹ đạt tới hiệu quả đến thế; rồi cũng chính vì khiêm tốn phục vụ mà tình yêu đối với cận nhân của Nữ Trinh đã mang lại kết quả mỹ mãn ngay trong cuộc gặp gỡ với bà chị họ.

Đức Mẹ đã không thỏa lòng với việc hạ mình trước tôn nhan Thiên Chúa, vì Mẹ biết rất rõ khiêm nhường và bác ái sẽ chỉ kiện toàn khi nào chúng được chuyển

tới cận nhân. Tình yêu Thiên Chúa phải tiến tới tình yêu tha nhân, như vị tông đồ vĩ đại đã quả quyết: Tình yêu đối với các người anh em càng lớn bao nhiêu thì càng cân xứng với tình Thiên Chúa yêu thương bạn bấy nhiêu⁶⁰.

Các nữ tu Thăm Viếng bắt chước Mẹ Ma-ri-a, sống sự hòa hợp nhiệm mầu giữa tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân; tình yêu này vừa là tiếp nhận đồng thời cũng vừa trao ban. Và cũng như Mẹ, họ sẽ phải làm điều này cách kín đáo, vì giống như các nhân vật trong Thánh Kinh – hai phụ nữ quê mùa chất phát, tiếp tục làm các công việc nội trợ - các chị em Thăm Viếng cũng đang lưu giữ trong mình cái bí mật hoàn vũ về một tình yêu cứu độ. Do đó mầu nhiệm Thăm Viếng tỏ lộ sức năng động vừa của con tim Thiên Chúa, vừa của con tim nhân loại, và qua suy tư Sa-lê, nó sẽ có tác động trên đời sống các Ki-tô hữu vượt xa hơn cả cộng đoàn nữ tu mang danh nó. Vợ chồng hay bạn hữu, hay bất kỳ cộng đoàn nhân loại nào... tất cả đều được kêu mời đạt tới sự hiệp nhất các cõi lòng là tiếng vang vọng sâu thẳm nhất của con tim Thiên Chúa.

Chú giải kinh thánh sâu sắc trên của Phan-xi-cô về mầu nhiệm Thăm Viếng đã là định hướng cho cả cộng đoàn nữ tu mang danh hiệu ấy. Qua năm tháng các chú giải này càng được triển khai rộng rãi hơn song song với việc ngài thăm dò các ứng dụng của nó bên trong thế giới của các con tim. Đối với ngài, hành vi ngày càng rộng mở của tình yêu biến đổi sẽ không dừng lại nơi cuộc Thăm Viếng cứu độ của Sứ Thần dành cho Mẹ hay cuộc thăm viếng của hai phụ nữ trên vùng

60 *Sermons... On Our Lady*, trg. 159.

đồi núi. Nụ hôn cứu độ của Chúa đã khai mở cả một hoạt động cứu độ của Đức Ki-tô nơi trần gian. Đúng vậy, “Đấng cứu độ trong bụng mẹ” đã khởi sự công trình biến đổi của ngài trước cả khi ngài sinh ra, trước hết nơi người mẹ ruột, sau là nơi Giu-se - người cha nuôi. Cùng quan điểm với một số người đương thời, Phan-xi-cô tin chắc rằng Giu-se đã tháp tùng hôn thê trong cuộc hành trình tới nhà bà chị họ Ê-li-da-bet. Con tim của Giu-se đã rung động vì tình cảm dành cho đứa con nuôi. Cuộc thăm viếng tạo biến đổi, bắt đầu từ vùng đồi núi đó, rồi tỏa dần ra như một vòng tròn ngày càng mở rộng. Khởi đi từ Hải Nhi, biến đổi lan tỏa tới Ma-ri-a và Giu-se, tới Ê-li-da-bét và chồng bà là Gia-ca-ri-a. Chẳng bao lâu sau sức năng động của tình yêu đó sẽ không gì có thể kiềm chế nổi. Tình yêu trao hiến cho nhau đã được khai sinh giữa hai con người sẽ tỏa sáng ra bên ngoài khởi đầu từ các thành viên Thánh Gia Thất, mà Phan-xi-cô hùng hồn đề cao như một hình ảnh thu nhỏ của thế giới các con tim Sa-lê⁶¹.

CÁC NHÂN ĐỨC NHỎ MỌN

Mầu nhiệm Thăm Viếng trong Thánh Kinh mang ý nghĩa biểu tượng đã được vị giám mục nhiệt tình bàn tới, và rồi được vị bề trên tiên khởi mang ra sống trọn vẹn, trở nên qui luật sâu xa nhất mà tu hội Thăm Viếng non nớt triển khai thành lối sống

61 Về điều này, xem Chorprenning, “Connecting Mysteries”.

Lòng tôn thờ Thánh Gia và sùng kính thánh cả Giu-se đã tự phát triển tới cao trào thế kỷ XVII. Họa sĩ thường vẽ cuộc “thăm viếng kép” của Ma-ri-a và Giu-se gặp Ê-li-da-bét và Gia-ca-ri-a. Phan-xi-cô Sa-lê đã kết hợp mầu nhiệm Thăm Viếng và Thánh Gia Thất lại với nhau để diễn tả viễn tượng tương quan thiêng liêng của ngài.

nội tâm cũng như ngoại tâm của mình⁶². Các thực hành bên ngoài, như ta đã bàn tới, là một hình thái đời tu vừa chùng mực vừa linh hoạt cho phép thực hành được cả hai tình yêu; đối với Chúa và đối với cận nhân của mình. Kinh nguyện là phương tiện tiên quyết để nuôi dưỡng tình yêu đối với Chúa; còn cách diễn tả tình yêu thứ hai thì cận nhân, một phần gồm những kẻ túng thiếu sống quanh cộng đoàn mà các nữ tu đầu tiên tận tình chăm sóc, nhưng còn thiết thực hơn là chính các phần tử cộng đoàn. Các nữ tu Thăm Viếng cần gia tăng tình yêu giữa họ với nhau qua việc “Sống Giê-su”. Họ cần để cho con tim mình được khoét sâu xuống bằng việc thực hành các điều mà Gio-a-na và Phan-xi-cô gọi là các nhân đức nhỏ mọn. Không phải ai cũng được kêu mời thực hành các nhân đức anh hùng hoặc thực hiện các công trình vĩ đại, nhưng ai cũng có thể làm các việc nhỏ mọn với tình yêu nồng cháy. Do đó khiêm nhu, nhẫn nhục, đơn sơ, tốt bụng và hiền hậu phải là các nhân đức mà các nữ tu Thăm Viếng cần vun trồng.

Hiền hậu – *douceur* – là nhân đức tiêu biểu nhất của linh đạo Sa-lê, và là nhân đức cùng với khiêm nhu, đã ngấm sâu vào tu hội non nớt⁶³. Hiền hậu và khiêm nhu là yếu tố cấu thành của trái tim Đức Giê-su khi ngài kêu mời tất cả “Hãy đến với tôi và hãy học cùng tôi, vì tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng”. Hiền hậu - *Douceur* gợi lên nét đáng mến, dễ thương trong cung cách cư xử bên ngoài cũng như phẩm chất cõi lòng

62 Phương pháp giải thích Kinh Thánh của Phan-xi-cô Sa-lê rất truyền thống. Ngài công nhận lời mạc khải có thể mang các ý nghĩa văn tự, ẩn dụ, luân lý, thiêng liêng. Về phương pháp ngài dùng, xin xem *On the Preacher and Preaching*.

63 *Douceur* có thể được dịch là hiền từ, ngọt ngào, hiền hậu, hiền lành... nhưng không hạn từ nào diễn tả đúng nội dung của từ tiếng Pháp

bên trong. Hiền hậu cần được đem ra thực hành trước hết giữa các thành phần trong cộng đoàn; đó chính là lối sống đặc sắc nhất của các nữ tu Thăm Viếng. Trong một lá thư viết năm 1624 cho *Charlotte de Brécard*, một trong các Mẹ Bề Trên tiên khởi, Gio-a-na đã nhắc nhở: Hiền hậu phải là đặc tính ghi dấu ấn lên đời sống các nữ tu Thăm Viếng.

Con thân yêu của Mẹ, nhân danh Chúa, con hãy rất kiên nhẫn chờ đợi các chị em đáng mến này sửa mình, và cư xử hiền dịu với chị em. Hãy đối xử với họ bằng con tim thương mến, làm sao cho các chị em tự nhận ra các lỗi lầm mình phạm, mà không cần phải cứng cỏi, bức dọc hay buồn bức không cần thiết; làm sao qua việc giúp đỡ của con, các chị em sẽ được khích lệ vượt thắng mà vẫn được thu hút bởi lối hành xử dễ mến của con. Đây chính là cách thức chinh phục các tâm hồn không gì cưỡng lại được, và là đặc điểm của chúng ta vậy⁶⁴.

Đúng thế, cách thức mà Gio-a-na San-tan dùng để hướng dẫn các phụ nữ gia nhập cộng đoàn Thăm Viếng là lối linh hướng độc đáo sau này sẽ được mệnh danh là “chinh phục cõi lòng” qua thuyết phục nhẹ nhàng và khích lệ⁶⁵. Gio-a-na viết

64 *Sa vie et ses oeuvres*, XVII, 26: Letter MCCXXIII viết cho Mẹ De Brécard. Cũng trong *Sainte Jeanne de Chantal: Correspondance*, édition critique, Tome II, 353 (Lettre 658)

65 Xem Marie-Patricia Burns, “La tendresse en Ste. Jeanne de Chantal”, trong *Annales Salésiennes*, 3 (1972), 10-11. Về cách hướng dẫn đầy tình mẫu tử của Gio-a-na tham khảo thêm Wendy M. Wright, “La douceur maternelle dans la direction spirituelle de Jeanne de Chantal”, trong *L’Univers Salésien*, trg. 307-319, và Isabelle Brian, “La Lettre et l’esprit: Jeanne de Chantal, directrice spirituelle”, trong *Visitation et Visitandines*, trg. 53-67

cho một nữ tu Thăm Viếng khác trong cộng đoàn nhận trách nhiệm hướng dẫn các linh hồn trẻ những lời như sau:

Em thân mến, chị van xin em hãy coi sóc cộng đoàn em với cõi lòng rộng rãi; em hãy tạo cho chị em một tinh thần tự do thánh và hãy xóa khỏi tâm trí em cũng như tâm trí chị em tinh thần cưỡng chế phục dịch. Nếu có nữ tu nào tỏ ra thiếu tin tưởng nơi em, đừng vì thế mà tỏ ra lãnh đạm với chị ấy nhưng hãy biết chiếm lại lòng tin tưởng của chị ấy bằng tình yêu và hiền dịu... Em càng tỏ ra quan tâm, cởi mở và chịu đựng chị em bao nhiêu thì càng chiếm được cõi lòng họ bấy nhiêu. Đây là cách tốt nhất để giúp chị em tiến bộ trên đường trọn lành của ơn gọi họ⁶⁶.

Gio-a-na đã hấp thụ được khả năng từ mẫu trước hết nhờ vào việc chăm sóc các đứa con của mình, đồng thời cũng nhờ các thực hành thiêng liêng mà bà đã lãnh hội từ vị giám mục Sa-voa. Các khả năng này dẫn tới việc thực hành các nhân đức nhỏ mọn và thể hiện cách sinh động thể giới các con tim trong hội dòng Đức Mẹ Thăm Viếng. Trong tư cách bề trên tiên khởi, bà biểu lộ trực giác mẫu tử trong việc dưỡng dục những người được trao phó cho bà coi sóc, đồng thời cũng rất bén nhạy trước nhân cách rất đa diện của họ. Phương pháp hướng dẫn của Gio-a-na đậm nét Sa-lê, và bà nỗ lực vun trồng nơi tất cả các phụ nữ khoác áo choàng mẫu tử thiêng liêng trong các cộng đoàn bà mới thiết lập. Sau này bà có thể đặt bút xuống viết cho một bề trên thuộc tu viện Thăm Viếng tại *Belley* như sau:

66 *Sa vie et ses oeuvres*, VII, 557, Lettre MDCCCLXXII. Lá thư cập nhật này được tìm thấy trong v.6, trg. 620-22, trong ấn bản Cerf. các thư của Gio-a-na do M.P.Burns xuất bản.

Con rất thân yêu của Mẹ, ôi Chúa đáng được muôn đời ngợi khen vì giờ đây con đã trở thành mẹ Bê trên! Mẹ nguyện xin Chúa lòng lành ban cho con tinh thần xứng hợp với chức mẹ thiêng liêng, là người - trong hiền dịu và thân tình - quan tâm chăm sóc sự tiến bộ của các tâm hồn; không bao giờ hối hả, nhất là trước các vấn đề thế tục. Niềm tin thác con đặt nơi tình yêu và sự quan phòng của đấng Lang Quân phải giải phóng con khỏi tất cả mọi lo lắng và làm cho con tin tưởng rằng, ngài sẽ lo liệu cho mọi nhu cầu của con, miễn là con nỗ lực làm vừa lòng ngài qua việc trung thành giữ luật và tín thác vào lòng nhân từ ngài. Đó chính là tâm tình Mẹ dành cho con, hỡi người con rất thân mến; và Mẹ có thể bảo đảm rằng nó sẽ đem đến cho con muôn vàn phúc lành⁶⁷.

Cho một nữ tu khác, bà viết:

Con rất thân yêu của Mẹ, Mẹ khuyên con hãy hết lòng khích lệ các tập sinh tiến bước trong tình yêu đối với đức Lang Quân thiên quốc, nhưng luôn với tinh thần hiền hậu, nhẫn nại và bác ái, là những tâm tánh sẽ giúp con gánh đỡ những yếu đuối của chúng: Chảnh mắng, chậm chạp, thiếu xót..., đừng bao giờ tỏ ra ngạc nhiên về các điều đó để chúng không bao giờ mất niềm tin tưởng trọn vẹn nơi con⁶⁸.

67 Wendy M. Wright, "Jane de Chantal's Guidance of Women: The Community of the Visitation and Womanly Values", trong *Modern Christian Spirituality: Methodological and Historical Essays*, ed. Bradley C. Hanson (Atlanta, Georgia: Scholar's Press, 1990) trg. 113-38.

68 Ibid.

TỬ ĐẠO VÌ TÌNH YÊU

Gio-a-na đã sống giữa trần đời cho tới tuổi 38 trong tư cách một thiếu nữ, người vợ, người mẹ và bà góa. Suốt 31 năm còn lại bà đã sống như vị sáng lập dòng; tập sinh đầu tiên rồi giáo tập cũng đầu tiên, rồi Mẹ bề trên đầu tiên của cộng đoàn non trẻ. Cuộc sống bà là một cuộc sống thật tròn đầy. Lịch sử ghi nhận bà như vị thuyền trưởng tài ba biết lèo lái con thuyền Thăm Viếng được lớn mạnh cả về lượng cũng như về danh tiếng. Vào thời điểm bà qua đời năm 1641, trên 80 cơ sở đã được thiết lập. Tu viện *Annecy* được biết đến như soái hạm của cả một hạm đội, *Sainte Source* (nguồn thánh) từ đó các tu viện khác kín mức nguồn cảm hứng. Sợi dây nối kết các nhà-tu viện độc lập không nặng tính luật pháp, nhưng là dây yêu thương và trung thành với qui luật và truyền thống của Hội Dòng. Thế nhưng một khi sứ mệnh và mục tiêu của các cộng đoàn tu sĩ được truyền lại thông qua hiến pháp và tập tục, thì công tác của vị sáng lập trở nên khó khăn hơn nhiều. Sau khi người bạn và cố vấn của bà là Phan-xi-cô qua đời năm 1622, Gio-a-na gánh lấy trọng trách chủ chốt là duy trì được sự liên tục trong cơ chế của hội dòng Thăm Viếng. Bồn phận của bà là phải theo dõi sao cho các giáo tập, các bề trên coi sóc chị em phù hợp với tinh thần Sa-lê⁶⁹, phải đấu tranh sao cho cơ chế quản trị bảo đảm được đoàn sủng, như trường hợp vài năm sau đó một thanh tra Tòa Thánh muốn áp đặt trên cộng đoàn các

69 Để soi sáng cho cuộc tranh luận về linh đạo của dòng Thăm Viếng trong một thế kỷ rưỡi sau khi Gio-a-na qua đời, xem chương viết về Các Thư Luân Lưu được trao đổi giữa các tu viện, "Regard à l'interieure d'une congrégation féminine", trong Jean Delumeau, *Un chemin d'histoire ; Chrétienté et christianisation* (France: Fayard, Librairie Arthème, 1981) trg. 209-30.

đổi thay mà bà biết là sẽ làm thay đổi chính bản chất của tinh thần dòng⁷⁰.

Ngay cả trước khi Phan-xi-cô mất, dòng Thăm Viếng đã bị biến thể từ hình thức cơ cấu thời nguyên thủy. Chỉ vài năm sau khi thành lập tu viện *Annecy*, một nhóm phụ nữ ở *Lyons* - Pháp đã tìm cách thiết lập một nhà Thăm Viếng riêng. Trong cuộc điều đình với Hồng y Tổng Giám mục, vấn đề nội vi tu viện được đưa ra thảo luận. Tại Sa-voa, dưới quyền Giám mục Đor San, cộng đoàn cải cách tìm được đất sống, còn bên Pháp thì bị chống đối mạnh mẽ. Kết quả của cuộc tranh luận là: hội dòng bị biến thành một tu viện có lời khấn công, các nữ tu không còn được ra khỏi nội vi để thăm viếng các người nghèo sống chung quanh. Tới năm 1618, Hội dòng Thăm Viếng đã bị cơ cấu hóa thành một Hội Dòng Nữ chiêm niệm được giáo luật công nhận. Dầu sao thì tinh thần nội tâm độc đáo của dòng – thể giới của các con tim – vẫn còn được duy trì, cùng với các qui luật nhẹ nhàng như thói quen nhận các hội viên góa bụa, tàn tật và cao niên. Gio-a-na chấp nhận các thay đổi trên với thái độ riêng: bà sẵn sàng đón nhận tất cả những gì bà cho là ý muốn của Chúa: “... đột nhiên chúng ta thấy định hướng của mình bị sửa khác đi, so với cách sống sống nội vi như Cha Đáng Kính của chúng ta hằng mong muốn...”⁷¹

Cho dầu tự bản chất bà là một nhà quản trị tài ba, tuy nhiên khi quyết định hiến dâng cuộc đời còn lại của mình cho

70 Roger Dévos, “Le testament spirituel de Sainte Jeanne-Francoise Frémoyot de Chantal et l’affaire de visiteur apostolique”, trong *Revue d’Histoire de la Spiritualité*, 48 (1972), trg. 453-76 và 49 (1973), trg. 199-226, 341-66.

71 Wright, *Bond of Perfection*, trg. 160

Chúa, bà góa Đờ San-tan đã không hề mừng tượng nổi mình sẽ phải hoạt động liên tục nhiều đến như thế. Vào cuối đời bà hạ bút viết: “Bản thân tôi rất ghét hoạt động, vì thế khi tôi ép mình phải hoạt động vì hoàn cảnh đòi hỏi, thể xác cũng như lòng trí tôi lúc nào cũng như bị dồn ép”⁷². Điều bà kiếm tìm là được thân mật, lòng bên lòng gặp gỡ Người Yêu thần linh của mình; cả đời bà tìm kiếm điều này. Cho dầu phải bôn ba với các bồn phận quản trị, Gio-a-na vẫn luôn nghiệm thấy ơn gọi đích thực của mình là âm thầm sống nội tâm thân mật với Thiên Chúa, được thể hiện trong kinh nguyện. Và khi đã già dặn hơn trong thực hành, bà đã khai triển được một lối cầu nguyện độc đáo, đậm nét đơn sơ và chiêm niệm; “tinh thần ta hiện diện trước mặt Chúa và Người trước mặt ta... đó chính là cầu nguyện”, bà viết⁷³. Theo bà, chỉ cần đơn giản giữ mình trước Chúa với tất cả sự chú tâm đầy yêu thương mà một người có thể làm, có hoặc không có những suy nghĩ hoặc ngôn từ cao siêu hay sâu sắc, đó là tất cả những gì Thiên Chúa đòi hỏi. Cầu nguyện của Gio-a-na, đúng hơn, kinh nguyện độc đáo của các nữ tu Thăm Viếng, là rất mực đơn sơ và khiêm tốn: đó là ước muốn nồng cháy của con tim, và sẵn sàng nhẫn nhục chịu đựng tất cả những gì Chúa muốn. Đó là thứ cầu nguyện mà bà muốn dạy dỗ và vun trồng nơi các con cái thiêng liêng. Thật vậy, đáng sáng lập rất thâm tín rằng sự thân mật lòng bên lòng chính là tâm điểm của căn tính Hội Dòng Thăm Viếng.

... Mẹ nhận ra rằng sự hấp dẫn rộng khắp của các nữ tử Thăm Viếng chính là thực hành rất giản dị sự hiện diện

72 *Sa vie et ses oeuvres*, trg. 6, 114

73 *Ibid.* II, trg. 324

của Chúa thông qua việc trọn vẹn phó thác mình cho sự Quan Phòng của Người... Ngay từ đầu nhiều người đã bị hấp dẫn bởi điều này, và hình như Chúa cũng muốn dùng phương tiện này để giúp chúng ta đạt được cùng đích là kết hợp trọn vẹn tâm hồn chúng ta với Người. Tóm lại, Mẹ tin rằng lời cầu nguyện này là thiết yếu nhất đối với Tu hội nhỏ bé của chúng ta, và là hồng ân lớn nhất Chúa ban tặng để chúng ta phải cảm tạ Người đến muôn đời.⁷⁴

Thứ cầu nguyện “*simple remise*” hay tín thác đơn sơ này vừa con thảo lại vừa hiền thê. Nó đồng thời phản ánh sự phó thác của em bé được ru ăm trên cánh tay ôm ấp của mẹ cha và sự trao hiến mà tình nhân cảm thấy khi lao vào vòng tay thân ái của tình quân. Tuy nhiên sự thân mật lòng bên lòng lôi cuốn nữ tu Thăm Viếng sẽ không mãi phải là một tình yêu tươi trẻ. Càng già dặn trong cầu nguyện, nữ tu Thăm Viếng càng tăng trưởng trong quan hệ với một Giê-su chết vì yêu trên đồi Cal-vê. Trải nghiệm nội tâm độc đáo nhất của cầu nguyện Thăm Viếng là phản ánh được tình yêu thập giá đó.

Những ai được dẫn vào con đường này sẽ buộc phải có một con tim thuần khiết, khiêm hạ, phục tùng và hoàn toàn lệ thuộc vào ý Chúa muốn. Họ phải tìm mọi cách làm cho tinh thần họ thành hết sức giản đơn, loại bỏ mọi phản chiếu từ quá khứ, hiện tại hay tương lai. Và thay vì chăm chú vào điều họ đang làm hay sẽ làm, họ phải nhìn lên Chúa, bao có thể quên đi chính mình

74 Ibid. I, trg. 341. Volume I, *Mémoire* do Francoise-Madeleine de Chaugy, thư ký của Gio-a-na viết

trong mọi sự để gia tăng quan tâm tới Chúa, kết hiệp tinh thần mình với lòng Chúa nhân lành trong tất cả mọi điều xảy đến vào mọi thời điểm; và điều này cần làm cách thật đơn sơ.

Tiến trên con đường này, điều rất thường xảy ra cho linh hồn là, họ sẽ bị nhiều lo ra khuấy động và không có được sự trợ giúp của cảm xúc. Chúa thường rút khỏi họ cảm giác ngọt ngào về sự hiện diện của Người, cùng với mọi niềm an ủi, ánh sáng nội tâm để họ rơi vào bất lực và vô cảm hoàn toàn; điều này có thể xảy ra với người này nhiều hơn với người khác.

Điều này có thể làm cho các tâm hồn thiếu kinh nghiệm đôi lúc phải kinh ngạc. Tuy nhiên họ cần vững vàng và bám chắc vào Người trong hết mọi tư tưởng, cảm xúc, khổ đau... chấp nhận và coi trọng như nhau mọi đường lối Chúa muốn thực hiện nơi mình. Họ sẵn lòng hy sinh bản thân và hoàn toàn từ bỏ bất cứ công việc nào để thuận theo tình yêu và ý muốn của Người, không màng được thấy hoặc muốn thấy điều họ đang làm và phải làm. Tuy nhiên hoàn toàn vượt lên trên quan điểm và sự hiểu biết cá nhân họ phải kết hiệp với Chúa nơi phần thưởng của trí lòng họ và hoàn toàn tan biến trong Người. Bằng cách đó, họ sẽ tìm được bình an giữa chiến tranh và an nghỉ giữa công việc. Nói cách đơn giản: Trong đau đớn ta phải nhẫn nhục, và chịu đựng trong khổ nguy.⁷⁵

Xây dựng một nội tâm quảng đại giữa những khô khan

75 *Réponses de notre très honorée et digne Mère Jeanne Françoise Frémoyot de Chantal sur les règles, constitutions et coustumier de notre ordre de la Visitation* (Paris, 1632), trg 517-24

chính là linh đạo của Gio-a-na và con cái thiêng liêng của bà. Nếu ta dám xác quyết rằng, mối tương quan giữa Thiên Chúa và con người là sự kết hiệp giữa các con tim, đồng thời thừa nhận rằng, để đạt được sự thân mật cần con tim nhân loại phải trở nên một với trái tim Giê-su, thì tiêu chuẩn của việc biến đổi đó chính là “tự làm rỗng”. “*Không còn là tôi sống mà là đức Ki-tô sống trong tôi*” lời của Phao-lô trong thư gửi giáo đoàn Ga-lat (2:20) câu này tóm lược toàn bộ chương trình sống nội tâm của Gio-a-na San-tan.

Thật rất chính xác khi xác quyết: Gio-a-na chính là môn sinh trung thực nhất của Phan-xi-cô Sa-lê. Bà đã dùng phần lớn năm tháng đời mình để duy trì hoài bão của vị quân sư được luôn sống động, và cái viễn tượng của ngài về “một thế giới các con tim” sẽ được thể hiện nơi hội dòng Thăm Viếng. Tuy nhiên phản chiếu của bà lại là một khúc xạ tinh thần Sa-lê theo một phong cách riêng rất độc đáo⁷⁶. Ngay cả trước khi gặp được Giám mục Đor San tại *Dijon* năm 1604, bà đã khao khát mãnh liệt được tự diệt tận căn. Trong thời gian thọ tang, bà góa trẻ này đã nhận được nhiều trực giác thiêng liêng; một lần kia Chúa đã như nói với bà: “Nhu Con Cha là Giê-su đã vâng lời, Cha cũng dành con cho vâng phục”. Một thời gian sau, ngay trong khu trại của ông bố chồng, bà đã được cho thấy “tình yêu Chúa muốn thiêu rụi tôi trong mọi sự mà tôi coi là của mình, và tôi sẽ còn gặp nhiều thử thách bên trong cũng như bên ngoài, vì “đối với tôi, hình như chịu đau khổ vì Chúa là

76 Elisabeth Stopp viết về tinh thần độc đáo của Gio-a-na trong *Hidden in God: Essays and talks on St Jane Frances de Chantal* (Philadelphia: Saint Joseph's University Press, 1999) đặc biệt trg. 71-82, 93-108, và 109-116. Cũng xem Wendy M. Wright, “Jeanne de Chantal and the “Martyrdom of Love”: the Exploration of a Theme” trong *Salesian Insight*, ed. Marceau, trg 41-42.

nắm cảm tình yêu nơi dương thế, hết như sở hữu Chúa là nắm cảm tình yêu Ngài trên trời”.⁷⁷

Hình như gợi ý trên đã trở thành hiện thực; Mẹ Bê Trê sẽ tiếp tục nghiệm ra điều mà trong tình trạng góa bụa bà đã từng trực cảm. Suốt đời Gio-a-na đã âm thầm chịu những nghị nan về đức tin, những “cám dỗ” xáo trộn ơn gọi, và khô khan trong kinh nguyện. Cho dầu người đương thời coi bà như một phụ nữ rất mực đoan trang ngạo ngạt nhân đức, bà lặng lẽ chịu đựng gánh nặng của quản trị, và những rối rắm mà dòng Thăm Viếng non trẻ chắc chắn gặp phải. Đáp lại các khó khăn nội ngoại, bà đơn giản tiếp tục thực hành việc thả mình vào các sự việc mà bà cho là ý Chúa muốn. Sự khôn ngoan đậm nét Sa-lê đã được bộc lộ rõ hơn trong thái độ của bà trước cuộc gặp gỡ cuối cùng đầy thất vọng với Phan-xi-cô năm 1622. Cả hai đều đang hành trình – vị giám mục trong vai trò tuyên úy của một phái đoàn hoàng gia, bà với công việc bề bộn của tu hội-khi họ gặp nhau trong phòng khách của tu viện Thăm Viếng tại Lyons, Gio-a-na ao ước được trao đổi về đời sống nội tâm với cha giải tội lâu năm nhưng thời giờ lại quá ngắn ngủi. Họ đã qua những giờ phút cuối cùng bên nhau trao đổi về... việc quản trị cộng đoàn.

Mẹ rời Lyons với phép lành của vị giám mục khả kính và hy vọng sẽ được gặp lại người tại *Annecy*, và Mẹ lại lên đường tới tu viện chúng ta ở *Grenoble*. Trên quãng đường tâm hồn Mẹ buồn rầu vô cùng vì người cha đáng kính đã không cho phép Mẹ được giải bày đời nội tâm của mình. Tuy nhiên, vì không muốn nghĩ về

77 *Sa vie et ses oeuvres*, trg. 6,114

mình cũng như khỏi suy nghĩ về điều người làm, nên Mẹ đã làm một hành vi phó thác cho Thánh Ý Chúa, và ngay trên xe ngựa Mẹ cất tiếng hát thánh vịnh 26, “Chúa là ánh sáng của con”. Khi tới câu: “Dầu cha mẹ có bỏ con đi nữa, thì hãy còn có Chúa đón nhận con” Mẹ đã lặp đi lặp lại nhiều lần. Đây là phương thuốc chữa Mẹ được lành, phương thuốc Mẹ sử dụng thường xuyên trước các nghịch cảnh nội tâm: Tín thác qua các câu thánh vịnh.⁷⁸

Một vài tuần lễ sau, khi nghe tin người bạn tinh thần đột ngột qua đời, bà cũng áp dụng cùng một thực hành đó.

Khi *M. Michel* trao lá thư cho tôi, tìm tôi đập liên hồi. Ngờ ngợ là một ai tín, tôi phó nộp tôi vào tay Chúa và ý muốn của Người. Tôi hiểu ý nghĩa câu tôi nhận được tại *Grenoble*: “Người không còn nữa”... Tôi quì gối, thờ lạy sự quan phòng Chúa và ôm lấy thánh ý Người với trọn năng lực mình, trong khi đó đau khổ trào dâng trong tôi menh mông.⁷⁹

Gio-a-na đã than khóc cả ngày hôm đó cho tới tận chiều tối.

Tối bữa tối, Mẹ không thể ăn uống gì và phải rút về phòng sớm. Mẹ bề trên ở *Grenoble* truyền mang lên phòng Mẹ một ổ bánh nướng với đường, nhưng chị bếp hiểu lầm nên tẩm muối thay vì đường; và Mẹ đã nhắm

78 Ibid., trg. 212. Trong bản Kinh Thánh mới là Thánh Vịnh 27

79 Ibid., trg. 214

nháp trong tinh thần yêu mến thuần thực. Khi không còn ăn nổi nữa, Mẹ để bánh qua một bên. Bề trên tới kiểm tra tình trạng sức khỏe và nhận ra ổ bánh quá mặn. Khi được hỏi có bệnh không, Mẹ trả lời “không”, và còn thêm “Mẹ đang trong trạng thái không thấy gì ngọt ngào ngoài thánh ý Chúa, và không có gì cay đắng ngoài sự thương khó đón đau của Người.”⁸⁰

Một phần cũng do gia cảnh, tính khí và kinh nghiệm bản thân mà Gio-a-na nhấn mạnh trên tương quan tình yêu Thiên Chúa - con người, và do đó đưa nó vào thể giới Sa-lê của các con tim. Học thuyết dứt khoát của bà là một tình yêu tinh ròng, quảng đại và liên tục từ bỏ mình, mộ mến vâng phục và đau khổ là các yếu tính cấu thành việc sống Giê-su và đón nhận trái tim bị đâm thấu tởm tã của Người. Gio-a-na đặc biệt nhấn mạnh trên việc thực hành “qui hàng ý muốn vui thích của Thiên Chúa”, khía cạnh về ý Chúa không thể lường trước đã được Phan-xi-cô Sa-lê bàn sâu rộng khi viết cuốn *Khảo luận về Tình Yêu Thiên Chúa*.

Cuộc đối thoại với các nữ tu Thăm Viếng trong một giờ giải lao sau đây bộc lộ rõ tính khí độc đáo nhất của bà. Câu chuyện tự phát đã được *Francoise-Madeleine de Chaugy*, một trong các thư ký của bà ghi lại. *Chaugy* biết Mẹ bề trên của mình rất rõ; là cháu gọi Gio-a-na bằng cô, *Francoise-Madeleine* đã gia nhập tu viện qua tiếp xúc với bà cô ruột. Do tình thân mật giữa hai người và trí nhớ cũng như khả năng viết văn của *Francoise* mà hậu thế chúng ta biết được đôi chút thâm kín về người phụ nữ này đã sống một đời rất xã hội nhưng lại hoàn

80 Ibid., trg. 215

toàn giữ nét nội tâm riêng tư. Dịp xảy ra vào năm 1632, ngày lễ thánh Ba-si-li-ô, một trong các giáo phụ của Giáo hội thời đầu.

“Các con thân mến, thánh Ba-si-li-ô và hầu hết các giáo phụ trụ cột của Giáo hội đều không tử đạo. Các con có biết tại sao không?” Sau khi mỗi người chúng tôi đều cố gắng trả lời, Mẹ nói tiếp, “Mẹ thiết tưởng có một thứ tử đạo được gọi là tử đạo tình yêu, khi Chúa gín giữ đời sống các tôi tớ Chúa hầu họ có thể làm rạng danh Người. Chính điều này sẽ làm cho họ cùng lúc vừa là tử đạo, vừa là hiền thánh”. Mẹ nói tiếp, “Mẹ biết rằng đây là thứ tử đạo các nữ tu Thăm Viếng được mời gọi thực hiện, và Chúa sẽ cho phép các chị em được nếm đau khổ nếu các chị em may mắn xin cho được ơn này”.

Một chị em lên tiếng hỏi làm sao thực hiện được thứ tử đạo đó? - “Con hãy hoàn toàn thuận theo ý Chúa và con sẽ cảm nghiệm được!” Rồi Mẹ tiếp, “chính tình yêu Chúa sẽ là lưỡi gươm đâm vào trong cõi thâm sâu và bí nhiệm nhất nơi ta, và sẽ phân ta ra khỏi chính bản ngã của chính mình. Mẹ biết đã từng có một tâm hồn như thế,” Mẹ nói thêm, “Tình yêu của người đó đã bị tổn thương tới độ, người đó thực nghiệm như có một bạo chúa thọc lưỡi gươm vào bà để phân rẽ hồn lìa khỏi xác”. Tất cả chúng tôi đều hiểu Mẹ đang nói về chính mình. Một chị muốn biết cuộc tử đạo này kéo dài bao lâu; Mẹ trả lời, “Từ lúc chúng ta hiến mình trọn vẹn cho Chúa không chần chừ cho tới lúc chết. Nhưng chỉ áp dụng cho các con tìm quảng đại, không chút tính toán và tuyệt đối trung thành trong tình yêu. Còn những con tim yếu, mới có chút khả năng yêu và bền lòng, thì Chúa chẳng cho phép chịu tử đạo như thế

đâu. Người sẽ để họ tiếp tục đi trên nẻo đường hẹp kéo họ ngã dọc đường. Thiên Chúa không bao giờ làm trái với ý muốn tự do”. Có người hỏi, có bao giờ tử đạo tình yêu ngang tầm với tử đạo thể lý không? Mẹ trả lời, “Các con đừng nghĩ đến bằng hay không bằng, cho dầu theo Mẹ chúng không khác nhau lắm đâu, bởi vì “tình yêu mãnh liệt như sự chết”, và tử đạo tình yêu đau đớn hơn cả ngàn lần, và tiếp tục sống thi hành ý Chúa thì hơn cả thí ngàn đời sống vì đức tin, tình yêu và trung thành.”⁸¹

Ý thức vững chãi về lối sống tâm đôi tâm với Thiên Chúa tình yêu chịu đóng đinh chính là đóng góp tích cực nhất của Gio-a-na cho linh đạo Sa-lê. Đương nhiên điểm này cũng đã từng là nhãn quan của Phan-xi-cô; chính ngài, trong tác phẩm “*Khảo luận*”, đã miêu tả Núi Sọ là Núi Tình Nhân. Nhưng Gio-a-na đã để lại cho con cái bà trong dòng Thăm Viếng một gương sống số phận của tình nhân. Do đó, trong ấn bản thế kỷ XXI các thư từ của Gio-a-na, bà đã có thể viết lời kêu gọi rất độc đáo gửi các nữ tu Thăm Viếng như sau:

Trong dòng Thăm Viếng, Tình Yêu phải là khởi sự, là phương tiện và là cùng đích của đời sống thiêng liêng. Để có thể nộp mình cho công tác Tình Yêu, nữ tu Thăm

81 Ibid. trg. 356-57. Chaugy đã nhấn trên đề tài ruồng rẫy và đau khổ khi viết hồi ký về Gio-a-na. Lối giải thích về kinh nghiệm thiêng liêng của Gio-a-na như thế này không có gì sai. Chỉ cần lướt qua các tài liệu khác như thư từ, các giải đáp ghi nhận được, các bài nói chuyện liên quan tới Hiến Luật và truyền thống của bà, ta cũng thấy đâu đâu điều này cũng được nhấn mạnh.

Viếng phải để cho Tình Yêu cất khỏi mình mọi thứ khác, dầu là tự ái hay tự kỷ. Tình yêu sẽ thanh luyện chị, để chị sống chuyên lo chỉ tìm ý Chúa mà thôi. Chị sẽ sống trong vô cảm thánh đối với tất cả những gì không phải là tình yêu, hay cả sự ruồng bỏ của tình yêu.⁸²

NHỮNG NĂM CUỐI ĐỜI

Trong những năm cuối đời, quí bà Đờ San-tan đã tạo mọi điều kiện cho Hội Dòng Thăm Viếng được thành công, tựa hạt kim cương chói sáng trên vương niệm các cộng đoàn tu sĩ đầy sức sống mới được hình thành tại nước Pháp trong thế kỷ XVII⁸³, thế nhưng đồng thời những kinh nghiệm mất mát của bản thân bà cũng cực kỳ to lớn. Trong số bốn người con, chỉ một mình *Francoise* sống lâu hơn mẹ. Các thư từ qua lại giữa hai mẹ con còn sót lại kể cho chúng ta những câu chuyện cảm động. Với cùng một sự kiên trì hiền dịu bà áp dụng cho các nữ tu, Gio-a-na khéo léo hướng dẫn cô con gái thượng lưu kết hôn với ngài *De Toulonjon* quyền quí, sau những mất mát đau thương của con cái và ông chồng cũ. Đứa con út của bà, *Charlotte*, mất sớm, ngay sau khi mẹ nó gia nhập cộng đoàn. *Marie Aymée* kết hôn với em của Phan-xi-cô là *Bernard* mất khi sinh con ở độ tuổi 19 ngay trong vòng tay mẹ nó; trước đó nó đã liên tục sảy thai nên sức khỏe rất yếu kém. Cậu con cả

82 Marie-Patricia Burns, VHM. *Francoise-Madeleine de Chaugy: dans l'ombre et la lumière de la canonisatin de Francois de Sales* (Annecy: Académie Salésienne, 2002) trg 35-6

83 Về các dòng tu mới, xem *Essays on the Religious Orders of the Catholic Reformation*, trg. 216-50

của Gio-a-na, *Celse-Bénigne*, sinh thời đã từng gây nhiều đau khổ cho mẹ nó (có một lúc nó đã phải đi biệt xứ vì thách đấu kiếm bất hợp pháp), lập gia đình, có một con gái (sau này là quý bà *De Sevigné*), qua đời trong trận chiến năm 1627. Gio-a-na cũng sống lâu hơn các bạn thân yêu tiên khởi của cộng đoàn Thăm Viếng. Chỉ trong một năm, năm 1637, các bạn thân yêu thời đầu là *Jacqueline Favre*, *Charlotte de Brécharde* và *Péronne-Marie de Châtel* đều ra đi. Đương nhiên bà cũng đã mất người bạn Phan-xi-cô. Mỗi mất mát đều làm cõi lòng bà tan nát. Chỉ những tháng cuối đời khi được cất khỏi một số gánh nặng của việc quản trị, Gio-a-na mới cảm thấy được giải thoát khỏi khô khan và thử thách nội tâm đã từng đeo đuổi bà nhiều năm tháng.

Vào mùa chay năm 1641, Gio-a-na không qua khỏi chứng viêm màng phổi. Trong chuyến hành trình tới tu viện *Moulins*, một trong các chuyến đi thường xuyên, bà nhận thấy bệnh tình đã quá trầm trọng. Trong khi được các bác sĩ, các con cái thiêng liêng và người bạn là nữ bá tước *Montmorency* chăm sóc, bà đã yêu cầu đọc lớn tiếng cho bà nghe chương cuối tiểu sử của Phan-xi-cô Sa-lê do cháu bà viết, trong số nhiều đoạn văn bà ưa chuộng của thánh Âu-tinh và Giê-rôm. Các nữ tu Thăm Viếng thuộc nhiều cộng đoàn than khóc bà. Họ sẽ ghi nhớ bà mãi như một tượng đài sống của kinh nghiệm thiêng liêng sống “tâm đối tâm”.

4. “VÀNG SÁNG LỚN”: TRUYỀN BÁ TINH THẦN SA-LÊ

Thế kỷ chúng ta đã được chứng kiến hai vàng sáng lớn: một là thánh Ca-rô-lô Bô-rô-mê-ô, hai là chân phước Phan-xi-cô Sa-lê; hai đấng lúc này đang chiếu sáng trên vòm trời Hội Thánh để tôn vinh Chúa và kỳ công của Người, đồng thời cũng để soi sáng các thế hệ mai sau⁸⁴.

Nicolas Caussin, SJ, Khảo luận về Ứng xử Thiêng liêng Theo Tinh thần của Chân phước Phan-xi-cô Sa-lê, Giám mục và Hoàng tử của Gio-ne-vơ, 1637

Với việc ra đi của hai đấng khai sáng lên truyền thống Sa-lê, Phan-xi-xô năm 1622 và Gio-a-na năm 1641, một niên đại đã khép lại. Viễn tượng về một thế giới của các con tim mà các ngài là hiện thân và loan truyền cách đầy thuyết phục, giờ đây cần được gieo vãi bằng các đường lối khác; và Hội Dòng Thăm Viếng đã là cái máng cơ chế để qua đó viễn tượng này tuôn trào. Nhiều nữ tu Thăm Viếng đã theo gương các đấng sáng lập trở thành hiện thân của viễn tượng đó cho các thế hệ kế tiếp. Thêm vào đó, các trước tác của Phan-xi-cô dần trở nên phổ biến, được tái bản, chuyển ngữ và được truyền bá ra nước ngoài, đã trở thành một gia sản văn chương bền vững và rộng khắp đáng kinh ngạc. Hơn thế nữa, danh tiếng của hai vị được

84 Được trích dẫn do Raymond Darricau, “Saint Francois de Sales d’après l’oeuvre du Père Nicolas Caussin, Jesuit (1583-1651)”, trong *L’Univers Salésien*, trg 348.

vun đắp và phổ biến thông qua việc xuất bản tiểu sử và chuyện tích về các ngài lại càng truyền bá và gọi hứng cho các thế hệ tín hữu sau này. Một tường trình đầy đủ về ảnh hưởng rộng khắp của linh đạo Sa-lê trên tư tưởng và nền đạo đức Công giáo cũng như Tin lành qua các thế kỷ kế tiếp, sau khi hai vị sáng lập qua đời, là điều không thể; tuy nhiên cũng nên có một khảo sát mang tính chọn lọc nêu lên được khái niệm về các đường lối khác nhau qua đó truyền thống này tiếp tục được duy trì, đặc biệt qua các thập niên đầu của thế kỷ XIX.

CHÂN DUNG CÁC ĐẲNG SÁNG LẬP

Không bao lâu sau khi đã an táng vị giám mục xuất sắc trong phần mộ ngài tại Nhà Mẹ dòng Thăm Viếng tại *Annecy*, người đương thời bắt đầu ghi chép các hồi tưởng về ngài, mong sớm dành cho ngài một chỗ trong hàng ngũ các thánh. Một trong số những người đầu tiên chính là ông bạn trẻ *Feuillant Dom Jean de Saint-Francois*, được biết tới dưới cái tên *Jean Goulu*. Chỉ mới hai năm sau khi Phan-xi-cô qua đời, ông này đã cho xuất bản một cuốn tiểu sử. Chân dung Phan-xi-cô do *Goulu* phác họa rất đáng trân trọng vì vừa đơn sơ, chân thực đồng thời tế nhị lột tả được nét tinh thần độc đáo của vị giám mục quá cố, một điều khá hiếm hoi trong các cuốn tiểu sử được viết thời đó. Nhiều chi tiết trong cuốn sách đã được chính Gio-a-na San-tan cung cấp. Áng văn chương tuyệt phẩm của *Goulu* sau này được coi là chuẩn mực cho cách viết tiểu sử thời đầu. Có lẽ kém thành công hơn một chút là cuốn tiểu sử của *Charles August de Sales*, cháu của Phan-xi-cô, tổng quản tăng

hội Gio-ne-vơ, được viết vào năm 1634.⁸⁵

Năm 1637, văn sĩ và nhà giảng thuyết dòng Tên *Nicholas Caussin* xuất bản tập *Khảo luận về Ứng xử Thiêng liêng theo Tinh thần của Chân phước “Francis de Sales”- Giám mục và Hoàng tử của Gio-ne-vơ*. Tác phẩm tán tụng Đor San như một vị giám mục cải cách đầy quyền uy và nhiệt tình đã chặn đứng được các lạm dụng trong giáo phận, và một vị thánh sở hữu được tất cả các nhân đức cao đẹp và anh hùng nhất mà sự thánh thiện Công giáo hiện đại đòi hỏi. Theo *Caussin* Phan-xi-cô Sa-lê là gương mẫu của tính bình thần thiêng liêng và là ông hoàng của tính nhân bản Ki-tô giáo, đã anh hùng cộng tác với ân sủng trong một tình yêu trọn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân. Chân dung anh hùng được *Caussin* vẽ lên một phần để phản bác luận điệu cho rằng tính hiền hậu và lạc quan của Phan-xi-cô là do chiều theo sự yếu đuối của con người.⁸⁶ Lối trình bày mạnh mẽ của cuốn sách trở thành tiêu biểu cho thể loại văn chương sẽ có ảnh hưởng lớn trên các độc giả hậu bán thế kỷ XVII.

85 Ngay sau khi Phan-xi-cô qua đời, 4 cuốn tiểu sử đã được biên soạn, do Goulu; do *Messure de Longuetterre*, một giáo sĩ thuộc tòa giám mục Annecy; do *Minin Louis de la Rivère* dòng Phan Sinh; và do *Philibert de Bonneville*, một cha Capucin ở Sa-voa. Cả bốn vị này đều rất quen biết Phan-xi-cô và cộng tác với các anh ngài là Gio-an và Lu-y, cũng như với Gio-a-na Santan. Trong bốn vị đó, Goulu có công hơn cả. Xem *Elisabeth Stopp*, “Jean Goulu và cuốn “Tiểu Sử” về Phan-xi-cô Sa-lê”. *Modern Language Review*, 62 (1967), 226-37. Goulu xin Gio-a-na viết xuống cảm tưởng của bà về người quá cố và bà đã đáp ứng. Cũng xem *Elisabeth Stopp*, “A Character Sketch of St Francis de Sales: St Chantal’s Letter of December 1623 to Dom Jean de Saint Francois”, *Salesian Studies*, 3-4 (1966-67), trg. 44-55

86 Xem *Darricau*, “Saint Francois de Sales d’après l’oeuvre du Père Nicolas Caussin”. Ý định của *Caussin* không phải là viết một tiểu sử của vị giám mục, nhưng là trình bày ngài như gương mẫu đời sống thiêng liêng và linh hướng.

Một chân dung thiêng liêng khác của nhân vật Sa-voa này, tuy không anh hùng bằng nhưng chắc chắn rất thuyết phục và có tầm ảnh hưởng lớn, đã được *Jean-Pierre Camus*, giám mục địa phận *Belley* vẽ lên; bức họa càng đáng tin cậy vì *Camus* đã là bạn thân quen lâu năm của vị giám mục tiền bối. Thực vậy, Phan-xi-cô đã phong chức giám mục cho người bạn trẻ này và trong nhiều năm tháng ngài luôn được coi là cố vấn và linh hướng của ông. “*Tinh thần của Phan-xi-cô Sa-lê*”, gần giống với sách của *Caussin*, không phải là một tiểu sử theo nghĩa hiện đại nhưng là một khảo luận được xếp đặt theo một số đề tài thiêng liêng: Từ các nhân đức trọn lành tới ước muốn thống hối, các phiên muện thiêng liêng, việc mục vụ của giám mục lo cho đàn chiên... *Camus* đã phần trích dẫn lại các lời của Phan-xi-cô đã từng được ấn hành, nhưng đồng thời cũng ghi nhận các biến cố, các giai thoại, hay những phát biểu mà ngài nhớ đã từng được nghe vị quá cố lên tiếng. Là một văn sĩ viết áng văn thiêng liêng theo kiểu viết tiểu thuyết, *Camus* đã thần tượng hóa Đờ San và cố ghi lại đời sống gương mẫu của ngài cách sinh động bao có thể. *Tinh thần của Phan-xi-cô Sa-lê* trở nên nổi tiếng, và bản ngắn xuất bản năm 1727 được nhiều người biết tới nhất, đã được tái bản nhiều lần, không những tại Pháp mà còn bên Đức, đồng thời cũng đã được dịch qua tiếng Ý và Anh; bản Anh ngữ cuối cùng xuất bản năm 1952⁸⁷. Chính tác phẩm sống động này của *Camus* đã góp phần lớn vào việc chuyển tải tinh thần Sa-lê của đảng sáng lập xuyên qua các thế kỷ sau.

87 Jean-Pierre Camus, *The Spirit of Francis de Sales, Bishop and Prince of Geneva*, edited and newly translated, and with an introduction by Carl Franklin Kelley (New York: Harper, 1952)

Tường thuật tiêu biểu của *Camus* như sau:

Các bạn đã biết rất rõ đảng Đảng Kính Phan-xi-cô coi bác ái trọng như thế nào, nhưng ở đây tôi chỉ xin công hiến cho các bạn một số lời dạy của ngài liên quan tới đề tài lớn này.

Cho một linh hồn đã đặt mình trọn vẹn dưới sự hướng dẫn của ngài, ngài nói: “Chúng ta phải làm mọi việc vì yêu chứ không bao giờ vì ép buộc. Ta yêu vâng lời chứ không sợ bất tuân phục. Cha để lại cho con tinh thần tự do: Không phải vì không còn phục tùng, vì như thế là tự do của xác thịt, nhưng là loại trừ áp đặt, bối rối và nhiệt tình thái quá. Dầu con có yêu mến vâng lời và tùng phục tới đâu đi nữa, cha mong con tạm dừng một lúc cái việc mà vâng lời đang đòi con làm, để làm một việc chính đáng hoặc bác ái mà hoàn cảnh lúc đó yêu cầu. Sự “chênh mảng” này có thể được coi là một thứ vâng phục. Con hãy đóng đây vâng phục bằng bác ái”.

Chính phát xuất từ tinh thần tự do rất Ki-tô hữu và thánh thiêng này mà ngài rất thường viết trong các lá thư: “Hãy giữ cho con tim bạn luôn được bình an”. Điều này có nghĩa là: Hãy coi chừng vội vàng, lo lắng và cay đắng trong tim. Ngài gọi các điều này là sự sụp đổ của lòng đạo đức. Ngài còn không muốn người ta suy gẫm về các chân lý lớn như Sự Chết, Phán xét và Hỏa ngục, bao lâu họ chưa biết tưởng nhớ tới tình Chúa yêu thương... Điểm mà ngài thực sự muốn nhấn mạnh là chúng ta phải kính sợ Chúa vì yêu, chứ không phải yêu Chúa vì sợ. Ngài thường nói, “Yêu Chúa vì sợ là đổ mật gan vào đồ ăn và giải con khát bằng dấm chua; nhưng kính sợ Chúa

vì yêu là làm cho ngài đáng, lô hội cũng trở nên ngọt ngào.”⁸⁸

Một số những câu xúc tích và được trích dẫn nhiều nhất được cho là của Đờ San có thể tìm thấy trong tường thuật của *Camus*. “Với một thìa mật bạn có thể bắt được nhiều ruồi hơn là cả một thùng dấm”, hay “Chân lý mà không bác ái sẽ có xuất xứ từ một bác ái không thật”, hay “Chúng ta phải kính sợ Chúa vì yêu ngài chứ không yêu Ngài vì sợ hãi”, các câu như thế rất có thể không phải là những lời chính xác từ miệng ngài Sa-voa nói ra, nhưng bảo đảm chúng diễn đạt học thuyết của ngài về một thế giới của các con tim chinh phục được chính con tim Thiên Chúa qua hiền hậu và bác ái.⁸⁹

Ngoài các bức chân dung được lưu hành rộng rãi của *Goulou*, *Charles Auguste de Sales*, *Camus* và *Caussin*, bức họa vẽ lên ngài Sa-voa đáng kính cách xác thực nhất tới từ chính Gio-a-na San-tan. Năm 1627, bà xuất hiện trước ban điều tra sơ bộ phong thánh để làm chứng về người bạn thân (hiện diện trong buổi đó có cả *André Frémyot*, Tổng Giám mục *Bourges*, và *Jean-Pierre Camus*). Cuộc điều tra kéo dài cả tuần lễ và Gio-a-na phải cẩn thận ghi lại các hồi tưởng dựa trên 55 câu hỏi được tòa án giáo quyền soạn thảo. Qua các lời cung khai

88 *Camus, The Spirit of Francis de Sales*, trg 56-7.

89 Có người đặt câu hỏi có phải *Camus* là chứng tá trung thực của *De Sales*. *Alexander T. Pocetto*, OSFS, bản luận trong tài liệu không xuất bản của khóa hội thảo về Nghiên Cứu Sa-lê, “Jean-Pierre Camus (1584-1652) như người truyền bá tinh thần Sa-lê”, xác nhận điều này. Bản văn gốc của *Camus* xuất hiện khoảng 1639 – 1641. *Pierre Collot* làm một bản tóm ngắn năm 1727

của bà, một bức họa đáng kinh ngạc dần dần xuất hiện. Dựa trên bộ sưu tập các thư Phan-xi-cô đã viết cho mình, cũng như một lá thư bà viết cho *Jean Goulou* khi ông đang trước tác cuốn “*Tiểu sử*” của ngài Sa-voa⁹⁰, cho dầu bị giới hạn trong khuôn khổ các câu hỏi phải trả lời, bức chân dung Gio-a-na phác lên đã gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu đậm hơn hẳn tác phẩm của *Caussin* chẳng hạn, khi tác giả với ngòi bút đầy uy tín đã có mô tả vị giám mục như một nhà cải cách anh hùng, một giáo sĩ gương mẫu và một nhà truyền giáo. Về phần Gio-a-na, bà mô tả bạn mình như một người đã hoàn toàn tuân theo Thánh Ý Chúa trong mọi sự:

... Tôi luôn nhận biết vị Đáng Kính như một người hoàn toàn thuận theo Thánh Ý Chúa, tin thác vào đó cách tuyệt đối và vô điều kiện. Ngài vẫn thường nói là không gì xảy ra có thể làm ngài từ bỏ quyết tâm vững vàng là sẵn lòng chấp nhận bất cứ điều gì Chúa quyết định dành cho ngài, cho bất cứ ai hay bất cứ việc gì liên quan tới ngài.

Khoảng năm tuần lễ sau khi tu hội Thăm Viếng được thành lập, tôi bị cảm sốt nặng, tình trạng tồi tệ tới độ mọi người đều cho là hết đường cứu chữa. Trong tình thế gay go đó đáng Đáng Kính tới thăm tôi, ngài nói: “Có thể tất cả những gì Chúa muốn là nỗ lực và thiện chí chúng ta chuẩn bị đoàn thể nhỏ bé này sẵn sàng cho Người, giống như Người chỉ muốn A-bra-ham sẵn sàng hy sinh con mình. Nếu lúc này Người muốn chúng ta

90 Ấn bản in đầu tiên của lời cung khai được xuất bản trong *Divers Suppléments aux oeuvres de Saint Francois de Sales* (Lyons 1837) do Tu viện Trường De Baudy của Giơ-ne-vơ.

quay lại điểm như khi vừa mới cất bước lên đường, sẵn sàng thôi, vì Ý Ngài sẽ luôn được thể hiện!”. Bây giờ thì tôi có thể nói rằng đây chính là một sự từ bỏ anh hùng bởi vì ngài thấy trước lối sống này của chúng tôi sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các linh hồn hơn...⁹¹

Tường thuật của Gio-a-na ở đây nhấn mạnh trên sự phó thác đáng yêu của Phan-xi-cô cho “ý muốn vui thích” của Thiên Chúa, và đề cao khả năng ngài thoải mái sống giữa “hai ý Chúa muốn”. Bà tiếp tục các chứng từ khác về Thánh Ý Chúa trong cùng một mạch văn, xử dụng các kinh nghiệm gia đình làm mẫu.

Ngài chứng kiến cái chết của cha ngài và của hai người em ngài yêu quý, ngài than khóc và buồn sầu vô cùng; tiếp đó là một người em gái và em dâu. Khi thương nhớ lên tới cao điểm, ngài thốt lên như tác giả thánh vịnh: “Con sẽ nín lặng, và sẽ không mở miệng thốt lời, vì lạy Chúa, do Ngài mà mọi sự này xảy ra”. Khi mẹ ngài qua đời, người mẹ ngài thương mến còn hơn cả bản thân, sau khi đã vuốt mắt và ôm hôn mẹ lần cuối, trái tim ngài vỡ tung và ngài khóc như chưa từng khóc kể từ khi thụ phong linh mục, tuy nhiên không chút biểu lộ cay đắng, vì cho dầu nỗi buồn có sâu đậm, đó vẫn là một nỗi buồn bình tâm. “N như thánh vương Đa-vít con thưa: “Con sẽ nín lặng, và sẽ không mở miệng thốt lời, vì lạy Chúa, do Ngài mà mọi sự này xảy ra. Dĩ nhiên nếu không phải là do Chúa làm, con sẽ kêu rống lên trước cú đập này, nhưng vì do Chúa nên con

91 St Francis de Sales: *A Testimony by St Chantal*, trg 113-14

không dám kêu than hay phản đối, bởi vì xét cho cùng, chúng tôi từ bàn tay nhân lành của Cha, người Cha mà con đã yêu tha thiết ngay từ thời niên thiếu, xin cảm tạ lòng nhân ái Cha”. Lần khác ngài nói với tôi: “Thâm sâu trong con tim máu thịt, cha cảm thấy nổi mất mát ghê gớm, dầu vậy cha vẫn cảm thấy sự dịu ngọt của an bình, tâm trí cha vẫn êm ái an nghỉ trong sự quan phòng của Chúa, và điều này làm cha rất hạnh phúc, bất chấp mọi đau buồn.”⁹²

Chúng tôi mang tính cá nhân của người bạn thân có lẽ đưa được độc giả tới gần con tim của Phan-xi-cô hơn là các giới thiệu công khai do người bên ngoài làm. Tuy nhiên không hẳn chứng từ của Gio-a-na có thể bảo đảm kéo dài danh tiếng của vị giám mục ngang hay bằng với các bài ca ngợi khác; quan trọng hơn hết vẫn là các tác phẩm do chính tay ngài chước tác.⁹³

Còn riêng về Gio-a-na San-tan, chính bà cũng được nhiều người quen biết ca tụng⁹⁴; điển hình nhất là bài tường thuật do *Jeanne Chézard de Matel* (1596 - 1670) để lại. Nữ tác giả này là một người đầy thị kiến và sáng lập dòng Nữ Tu Ngôi Lời

92 Ibid. trg. 114-15. Cha của Phan-xi-cô mất năm 1610, hai em Gallois và Bernard (chồng của Marie-Aymée) lần lượt mất năm 1614 và 1617. Em gái Jeanne ngã quỵ năm 1607 tại Burgundy khi được Gio-a-na săn sóc.

93 Lá thư đầu của Gio-a-na đã được xử dụng như nhập đề cho bộ sưu tập của Veuillot năm 1865 *Letters of Francis de Sales*. Sainte Beuve, một sử gia của Port Royal, năm 1861 đã công nhận bức chân dung Gio-a-na phác họa là một tuyệt tác. Tuy nhiên so với tác phẩm của Camus, nó rất ít tới tay các độc giả.

94 Xem Elisabeth Stopp, *Hidden in God* để thấy hình ảnh của Gio-a-na đổi thay qua các thế hệ

Nhập Thể. Khi còn là một phụ nữ đời tại *Roanne*, quý bà *De Matel* đã rất quen biết Hội Dòng Thăm Viếng mới được thành lập và có một lần đã được trực tiếp gặp đáng sáng lập. Trong một lá thư viết từ *Lyons* vào đầu năm 1642, bà báo cáo cho một cha dòng Tên quen biết rằng, vào tháng 08 năm trước bà được biết Gio-a-na đi qua *Lyons* trên đường tới *Moulins*. Lúc đó bà được cảnh báo là Gio-a-na sẽ sớm qua đời (thực tế là đã chết vào tháng 12). Cuối năm đó, *Jeanne de Matel* mộng thấy mình ở trong một nguyên đường Thăm Viếng và một nhân vật mặc toàn đồ trắng toát trao cho bà các dụng cụ thương khó của Chúa. Nhân vật đó là “thánh” Gio-a-na mà bà tin chắc rằng lúc này đang ở bên Chúa và bầu cử cho việc thiết lập cộng đoàn Ngôi Lời Nhập Thể của bà. Trong một vài dịp trọng đại khác, bà nói là đã nghiệm thấy sự hiện diện thiêng liêng của Mẹ Đờ San-tan vào hai dịp cụ thể bà đã được thị kiến nhiệm mầu liên quan tới dòng Thăm Viếng và Gio-a-na, người mà bà quả quyết là đã được “hưởng vinh quang”⁹⁵. San-tan thật đã in đậm hình bóng mình trong trí tưởng tượng tôn giáo của nhiều người đương thời.

Người viết tiểu sử chính về San-tan, trang trọng và ít giai thoại hơn, chính là nữ tu *Francoise-Madeleine de Chaugy*, thư ký riêng và cháu nội đã từng được bà cô hướng dẫn khi còn là tập sinh Thăm Viếng⁹⁶. Mẹ *Chaugy* có khiếu văn chương,

95 *A Hundred letters from the Correspondence of Jeanne Chézard de Matel*, ed. Kathleen McDonagh, IWBS (Corpus Christi, Texas: Sisters of the Incarnate Word and Blessed Sacrament, 1994)

96 *Mémoire* của Mẹ De Chaugy trong Vol. I của *Sa vie et ses oeuvres*. Về Francoise-Madeleine xem Marie Patricia Burns, VHM, *Francoise Madeleine de Chaugy: dans l'ombre et la lumière de la canonization de Frnacois de Sales* (Annecy: Académie Salésienne, 2002)

nhiều năm là bạn tâm giao của Gio-a-na và hiểu rất rõ tinh thần Thăm Viếng nguyên thủy nhờ chính mình đã thực hành được. Do đó bức chân dung bà vẽ về Gio-a-na, cho dầu không phải là tiêu sử theo đúng nghĩa hiện đại, nhưng lại rất chân thực và lột tả con người cách tuyệt vời. Hồi ký của *Chaugy* chia thành ba phần: đời sống thể tục, đời tu sĩ và các nhân đức. Nó có giá trị vì chứa đựng nhiều lời nguyên văn của Gio-a-na, và còn ghi lại một số giai thoại tiết lộ được chiều sâu cuộc sống.

Kể từ đó xuất hiện diện mạo người phụ nữ Gio-a-na mang trong mình một khả năng tự hiến hiếm có. Chủ đề được lập đi lập lại trong chuyện tích là bà không ngừng phó thác mình trong tay Chúa, điều mà bà hằng thực hành. Không những Gio-a-na đã sống lâu hơn tất cả mọi người thân – ông chồng, ba trong số bốn đứa con, ông anh và người cha, người bạn thân thiết Phan-xi-cô, và các phần tử cùng sáng lập dòng Thăm Viếng thời đầu – nhưng trong hàng chục năm bà được trao trọng trách thiết lập cơ chế pháp luật và truyền thống cho hội dòng mới thành lập. Bà có năng khiếu quản trị bẩm sinh nhưng lại không yêu thích gì nó; thêm vào đó, bà phải suốt đời chiến đấu với nỗi ngờ vực thiêng liêng. Trong tường thuật của *Chaugy*, Gio-a-na luôn luôn quay về với việc tín thác đơn sơ cho Chúa; “trao nộp mình cho Thánh Ý Chúa” là điệp khúc cuộc sống bà. Điển hình là kinh nghiệm bà trải qua trong cái đêm trước khi gia nhập cộng đoàn Thăm Viếng mới thành lập. Từ nhiều năm bà đã cẩn thận chuẩn bị cho giờ phút này, cầu nguyện để biện phân ý Chúa cho đời mình, sắp đặt gia sản mình và con cái, giải quyết các vấn đề pháp lý và trách nhiệm bản thân để rời khỏi sự sở... Thế rồi giữa đêm khuya thanh vắng, tâm hồn bà tràn ngập một cơn sợ hãi khủng khiếp: Nhờ đâu tất cả chỉ là một sai lầm trầm trọng? Bà thấy mình không

xứng đáng, tất cả hướng sống này chỉ là một trò bịp bợm? Phải chăng bà đã đánh lừa cả vị linh hướng? Nhỡ đâu chính bố chồng và cả các đứa con thân yêu sẽ kêu gào lên Chúa để phản đối mình? Và để chống trả các nỗi sợ hãi khủng khiếp này, bà đã:

... làm một hành vi phó nộ chính mình và mọi sự cách trọn vẹn trong bàn tay Thiên Chúa. Sau này khi đề cập tới con cám dỗ này, Mẹ nói: “Tôi còn nhớ rất rõ mình đã được chữa khỏi khi dâng lên những lời sau đây: Lạy Chúa, xin ghé mắt nhân từ nhìn đến thân phận đốn hèn của con, Con xin mãi mãi phó thác con cho sự quan phòng Chúa;... trong cuộc sống này và trên cõi trường sinh con chỉ quan tâm tới một điều là tuân theo và phục vụ uy quyền Chúa mà thôi”. Với những lời dâng hiến chân thành phát ra từ đáy lòng yêu mến, Mẹ đáng kính của chúng ta không những đã phục hồi được sự an bình đã có trước đây mà còn nhận được niềm vui và sức mạnh hoàn toàn mới nữa...”⁹⁷

Chính vì Gio-a-na chỉ đặt bút viết khi có nhu cầu, khi mà thư từ hay văn bản mà việc quản trị tu hội đòi hỏi, mà cuốn hồi ký do *Chaugy* viết có một giá trị đặc biệt. Nó được phát hành rộng rãi cho công chúng dưới dạng hiệu đính do công của bá tước *Henry de Maupas du Tour*, giám mục địa phận *Le Puy*⁹⁸. Bản văn của *Maupas du Tour* xuất hiện chỉ ba năm sau khi

97 *Sa vie et ses oeuvres*, trg. 135

98 Hiệu đính được tìm thấy chủ yếu ở phần ba, trong đó vị giám mục đã thêm một số nhan đề của ngài và một chuỗi các châm ngôn trích dẫn từ Mẹ De Chantal. Xem Stopp, *Hidden in God*, trg. 51 tt.

Gio-a-na qua đời. Danh tiếng của Mẹ Sáng Lập cũng đã được truyền khẩu bên trong cộng đoàn Thăm Viếng, với những nét được *Chaugy* phác họa ghi nhận bà là một phụ nữ phi thường đầy đam mê, được tình yêu Thiên Chúa cuốn sâu vào lối sống của một giấc mơ về thế giới của các con tim. Dầu không thua kém vị linh hướng của mình về lòng nhiệt thành và dấn thân, tuy nhiên Gio-a-na do bẩm sinh vốn ít sôi sục, đối với sử tích bà cũng thâm kín và bí ẩn hơn.

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Hiển nhiên là cuốn sách *Dẫn nhập vào Đời sống Đạo đức* của Phan-xi-cô Sa-lê mới là yếu tố chính trách nhiệm cho tầm ảnh hưởng độc đáo và bền lâu của ngài. Ngay từ lúc sinh thời, ngài đã trực tiếp biên soạn một số ấn bản. Bản thảo đầu tiên là vào khoảng 1607 – 1608, đó là một tập hợp và sửa chữa vội vàng một loạt các ghi chú mà ngài đã, giữa bao công việc bề bộn, viết cho một số các phụ nữ đạo hạnh như *Louise Chastel*, Quý bà *De Charmoisy*... Chính họ là những người được ngài xưng hô là “Phi-lô-tê-a thân yêu” trong lời tựa của cuốn “*Dẫn Nhập*”. Nhiều “*Philothea* = người yêu của Thiên Chúa” trong số các người tuấn đến nghe vị giám mục giảng, và họ tiếp tục tìm tới ngài để được hướng dẫn sống đời đạo hạnh giữa cuộc đời bề bộn của người vợ, người mẹ, quý bà có nhiều trọng trách trong xã hội. Trong những năm 1610, mỗi khi công việc bề bộn của chức giám mục cho phép, ngài duyệt lại bản thảo và triển khai nó thành một bản văn gồm năm phần. Năm tháng tiếp theo, ngài trau chuốt “*Dẫn Nhập*” thêm chút nữa, và vào năm 1619 cho ra đời bản văn trở nên quen thuộc với nhiều thế hệ độc giả. Vì tác phẩm này được người ta săn lùng nhiều

nên giữa các lần tái bản, rất nhiều bản lậu đã được ấn hành bên Pháp, và cũng nhiều bản dịch không phép xuất hiện tại Ý, Anh, Hòa Lan và Tây Ban Nha.

Sau khi ấn bản 1619 xuất hiện, việc xuất bản đã được tiêu chuẩn hóa hơn. Tới cuối thế kỷ XIX, ước lượng đã có tới hơn 400 lần tác phẩm được tái bản⁹⁹. Riêng tại Anh quốc, ấn bản Công giáo bị cấm đoán cũng như ấn bản Tin Lành bị cắt xén (phần liên quan tới Thánh Thể và Giáo hoàng đều bị đục bỏ) đều tiếp tục lưu hành tràn lan. Ngay cả vua *James I* cũng sở hữu một cuốn bìa mạ vàng và cẩn đá quý được *Marie de Medici*, góa phụ của vua *Henri IV* gửi tặng ngay thời giám mục Đờ San còn sống; vị vua nước Pháp này đã bị ấn tượng sâu sắc khi nghe ngài giảng tại Pa-ri. Còn vua *James* sau khi đọc cuốn sách đã giữ lại bên mình trong vài tuần lễ và tỏ ý muốn gặp vị tác giả tài ba¹⁰⁰. Một phần cũng do phong trào nhân văn Ki-tô giáo thúc đẩy; thời đó khuynh hướng muốn có ấn bản các sách đạo đức bằng tiếng bản xứ rất thịnh hành nên các tái bản càng gia tăng rất cao. Tuy nhiên mức độ tái bản của cuốn “*Dẫn vào*” còn vượt xa hơn cả thời đại nền văn hóa nhân văn của Phan-xi-cô. Đúng hơn chính giá trị cuốn sách mới là lý do tại sao nó được phổ biến sâu rộng đến thế.

99 Xem Lời phi lộ của André Ravier trong xuất bản *Pléiade*, *Saint Francois de Sales: Oeuvres*, trg 3-15. Năm 1969 Ravier nhận xét là trong suốt thế kỷ XIX và XX chưa có ai theo dõi các lần tái bản sau này. Có lẽ cho tới nay vẫn thế

100 Elisabeth Stopp, *A Man to Heal Differences: Essays and talks on St Francis de Sales* (Philadelphia; St Joseph's University Press, 1997), trg. 85 tt. Cũng nên xem William C. Marceau, “Early English Translations of Salesian Writings”, *Indian Journal of Spirituality*, 8:2 (June 1995) 155-64

Đâu là yếu tố làm cho “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” thâm nhập vào được trí tưởng tượng của các độc giả thuộc nhiều quốc gia - bị chia cắt bởi các nhóm giáo phái khác nhau, và trải qua được nhiều thế kỷ? Dùng lời của một nhà chú giải dòng Tên thế kỷ XX: “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” trong một thời gian dài được coi như cuốn “kinh nhật tụng” của các Kitô hữu không thể hoặc không muốn rời bỏ cuộc sống thế tục, nhưng lại mong muốn sống đức tin phép rửa cách lành thánh¹⁰¹.

Mặc dầu cho rằng học thuyết mình trình bày là không có gì mới mẻ, nhưng cách Phan-xi-cô trình bày các lời khuyên nhủ về đời sống thiêng liêng truyền thống đã làm nó trở nên thích hợp với hoàn cảnh sống của người đời. Trong lãnh vực này ngài đã đi trước “lời kêu gọi phổ quát nên thánh” của Công đồng Va-ti-can II tới hơn ba thế kỷ.

Tất cả những ai đã từng viết về đời sống đạo đức thường chỉ có trong đầu ý hướng là viết cho những người hoàn toàn tách ra khỏi cuộc sống tục lụy giữa đời. Ít ra thì họ cũng dạy một lối sống đạo đức dẫn đến một sự tách rời hoàn toàn ra như thế. Ý hướng của tôi là dạy dỗ những người sống trong thị trấn, kết bạn, thậm chí sống trong cung điện sa hoa... những người này vì bậc sống mình đã buộc phải sống cuộc đời bình thường với tất cả vẻ bên ngoài của nó. Rất nhiều khi những người này không hề muốn, thậm chí không hề nghĩ đến việc đi vào một đời sống đạo đức... và họ tự bào chữa cách sai lầm rằng, điều đó hoàn toàn vô vọng.

Những người này thường nghĩ là không ai đã lao mình

101 Oeuvres, Pléiade, trg 14

vào cuộc sống quay cuồng giữa đời lại có thể chạm tay vào được nhánh vạn tuế của sự trọn lành Ki-tô hữu. Nhưng tôi lại muốn họ hiểu ra rằng, ví như con ngọc trai sống giữa biển khơi lại không để bất cứ giọt nước mặn nào lọt được vào viên ngọc trai của nó, và... ví như một vài loài côn trùng có thể bay quanh đồng lửa mà đôi cánh không hề bị cháy xém, cũng vậy có những người với tinh thần can đảm và kiên quyết vẫn có thể sống giữa đời mà không bị tinh thần đời làm vẩn đục, tìm được mạch nước ngọt ngào của đạo đức giữa một thế giới xô đẩy bởi các đợt sóng mặn, và có thể cất cánh bay giữa các ngọn lửa cám dỗ của thế tục mà đôi cánh của ước mơ đời sống thánh thiện đạo đức không hề bị cháy rụi.¹⁰²

Lời thích nghi di sản thiêng liêng cho hợp với lối sống thế tục này không hề làm cho cốt lõi của đời sống thiêng liêng Ki-tô hữu bị hư hỏng; việc vun trồng một đời sống được Thần Khí Đức Ki-tô biến đổi vẫn sẽ mãi mãi là mục tiêu. Tuy nhiên sự biến đổi này đạt được không qua các việc thực hành bên ngoài là tiên quyết, nhưng qua sống một chiều sâu nội tâm. Con tim người đó phải mở ra đón lấy sự hiện diện sống động và canh tân của Thiên Chúa. Ông/bà đó phải “Sống Giê-su”, nghĩa là việc mở rộng này phải luôn là một chuyển động của tình yêu. Để giải thích chân lý này Phan-xi-cô dùng hình ảnh của việc trạm khắc.

102 Francis de Sales, *Introduction to the Devout Life*, bản dịch của Missionaries of St Francis de Sales)Bangalore, India: SFS Publications, 1990), Lời nói đầu, trg 1-2

Tóm lại, ai thương mến một người, tình yêu sẽ tự nhiên làm cho lòng trí họ luôn hướng về người họ thương. Con tim chàng sẽ tràn ngập tình cảm đối với nàng. Chàng sẽ luôn mở miệng ca ngợi nàng. Nếu vắng nàng, chàng sẽ không bỏ lỡ bất cứ dịp nào để thư từ tỏ tình với nàng. Chàng sẽ trạm khắc tên nàng trên mọi thân cây, mọi vật dụng chàng gặp... Tương tự như thế, ai yêu mến Chúa sẽ không ngừng tư tưởng về Ngài, tìm kiếm Ngài, mong đợi và nói về Ngài. Và họ cũng sẽ trạm khắc thánh danh Giê-su trên ngực mọi người trên mặt đất này, nếu có thể làm được điều đó.¹⁰³

Khả năng diễn đạt của Phan-xi-cô, sử dụng ngôn ngữ thế nào mà làm cho các chân lý thâm sâu của đời sống thiêng liêng các độc giả nắm bắt được, là điều đáng kính phục. Ngài cố gắng trình bày chân lý rằng tất cả mọi tình yêu đều phát xuất từ Chúa và tối hậu lại qui về Người, nhưng... không chỉ nhằm bình dân hóa mà còn nhằm diễn tả sao cho thật hấp dẫn và lôi cuốn, Trong thế giới Sa-lê, con người không có hai trái tim, một để yêu Chúa một để yêu tha nhân, nhưng chỉ có một trái tim được Thiên Chúa tạo nên cho chính Người, và để thể hiện trọn vẹn kế hoạch Người đối với vạn vật. Tất cả mọi tình yêu, nếu được định hướng đúng, đều coi như có khả năng đưa con người vào sâu trong mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa; bởi vì tình yêu và các chuyển động của nó vừa là phương thế lại vừa là mục tiêu. Một khi vun trồng mối tương quan thẩm thiết hướng về Thiên Chúa, thì hôn nhân và gia đình, đời cộng đoàn và tình bạn đều sẽ làm cho sự hiện diện sống động của Tình

103 *Introduction*, II, Ch. 12, bản dịch của John K. Ryan (New York: Doubleday Image, 1950) trg. 82

Yêu được trở lại nơi trái đất này. “*Vive Jésus!* Hãy sống Giê-su!” là như thế.

“*Dẫn Vào*” là cuốn thủ bản mà một người mới vào cũng có thể hiểu được, còn người đã tiến xa về đường thiêng liêng cũng có thể lãnh hội với kết quả; nó hướng dẫn tâm hồn người thể tục tiến tới kế hoạch Tình Yêu. Trong tinh thần “*linh thao*” Y Nhã mà Phan-xi-cô trước đây đã được đào tạo, “Người tình-*Philothea*” được đề xuất một loạt bài suy gẫm về sự tốt lành của Thiên Chúa và sự đốn mạt của tội lỗi con người hầu đưa tới quyết tâm chọn con đường sống đạo đức, một đời sống trao hiến trọn vẹn cho tình yêu. Theo đó, “nàng” được hướng dẫn sử dụng một số phương thế cầu nguyện và thực hành đạo đức, trong số đó có việc tham dự các bí tích. Có lẽ trong số các thực hành này, độc đáo nhất và được diễn tả theo cách Sa-lê nhất, là việc mà vị giám mục gọi là “kết bó hoa thiêng” vào cuối giờ nguyện gẫm, một phương pháp giúp hòa nhập cách thâm sâu vào những điều đã khám phá ra trong cầu nguyện.

Bạn cần kết một bó hoa thiêng nho nhỏ! Tôi muốn nói điều này; nếu có ai đã tản bộ qua một vườn hoa sắc sỡ sẽ cảm thấy ước muốn trước khi rời khỏi đây được phép hái lấy vài ba bông hoa để gửi hoặc để giữ lấy cho suốt ngày sống. Đó cũng là điều ta cần làm khi linh hồn ta, sau khi đã được thưởng thức và suy niệm về một màu nhiệm nào, chọn lấy một hoặc hai điểm mà ta cảm thấy là thỏa mãn hơn hết và thích hợp nhất cho bước tiến thiêng liêng, để năng nhớ tới chúng và hít gửi chúng cách thiêng liêng trong suốt ngày sống.¹⁰⁴

104 Ibid. II, 7, trg. 86. “Bó hoa thiêng” chính là một dạng Sa-lê của xét mình Y Nhã cần phải làm vào giờ cuối mỗi ngày.

Phần thứ ba của cuốn “*Dẫn Vào*” bàn về việc thực hành các nhân đức. Các “nhân đức nhỏ mọn” được các vị sáng lập Sa-lê yêu quý và đề cao, được mô tả phải được thực hành ra sao trong hoàn cảnh của Phi-lô-tê-a. Các nhân đức nhỏ mọn này đều xuất phát từ chính đức bác ái. Trong cách diễn tả duyên dáng, Phan-xi-cô đã mô tả như sau:

Con ông chúa không bao giờ bay ra ngoài đồng trống mà không có bầy ông lính vây quanh, cũng vậy bác ái không bao giờ đi vào tâm hồn mà không kéo theo tất cả các nhân đức khác, ra lệnh và kiểm soát chúng như viên sĩ quan đối với binh lính vậy. Nó không sử dụng tất cả cùng một lúc, hay cùng một nơi... Thường thì không có nhiều dịp để thực hành các nhân đức như mạnh bạo, bao dung, quảng đại, nhưng các nhân đức như hiền hậu, dịu dàng, tiết độ, đoan trang hay khiêm tốn lại luôn cần để điều tiết bất cứ hành động nào trong đời sống. Có nhiều nhân đức khác cao cả hơn các nhân đức này, tuy nhiên việc thực hành các nhân đức này lại xem ra cần kíp hơn. Đường có thể ngon miệng hơn muối, nhưng người ta lại sử dụng tới muối nhiều hơn.¹⁰⁵

Chính trong phần bàn về các nhân đức này mà Phan-xi-cô đã có các lời khuyên thiêng liêng vừa tinh tế vừa có sức thuyết phục nhất. Hiền hậu đối với người khác cần phải được kèm theo hiền lành đối với chính mình; khó nghèo trong tinh thần phải được duy trì ngay giữa các dư giả, cũng như phong phú tinh thần ngay giữa các thiếu thốn kinh tế. Đặc biệt ngài nhấn mạnh trên khiêm nhường nội tâm, phân biệt nó với sự

105 Ibid. III, trg. 1, 117-18

hạ mình giả tạo hầu được người ta khen ngợi hay quý chuộng. Và ngài khuyên rằng chính cuộc sống, nhất là trong điều kiện “sống đúng bậc sống mình” sẽ cống hiến nhiều kinh nghiệm khiêm hạ hơn là ta có thể tự tìm cho mình.

Trong phần bàn tổng quát về các nhân đức, Phan-xi-cô đã lồng vào các lời khuyên của ngài về tình bạn và tình yêu hôn nhân. Như đã nói tới, trong suy nghĩ của ngài Sa-voa, tình bạn, đặc biệt tình bạn thiêng liêng có một tầm quan trọng gần như tuyệt đối. Đối với một người muốn thực hành con tim yêu thương thì việc có quanh mình những con người có trái tim rực lửa yêu Chúa là điều thiết yếu, cũng như nhất thiết phải xa tránh những ai đeo đuổi mỗi quan hệ chỉ vì mục đích cầu lợi hay lôi cuốn. Ngài đặc biệt cho rằng điều này là tuyệt đối cần thiết ngay cả với người thể tục.

... Những ai sống giữa trần thế và ước muốn tập tành các nhân đức nhất thiết phải hợp lại với nhau trong một tình bạn thiêng liêng thánh. Bằng cách này họ khích lệ, nâng đỡ và dìu dắt nhau trong việc làm điều thiện... cũng như che chở và hỗ trợ nhau giữa không biết bao nhiêu là hiểm nguy mà họ phải trải qua.¹⁰⁶

Càng đáng quan tâm hơn là lời bàn của Phan-xi-cô về đời sống hôn nhân, trước hết và trên hết là sự kết hiệp giữa hai người bạn, một điều quá cấp tiến đối với người đương thời. Trong khi vẫn coi việc sinh con cái và dưỡng dục Ki-tô hữu là thiết yếu đối với bí tích hôn nhân, nhưng trong phong cách độc đáo Sa-lê, cuốn sách “*Dẫn Vào*” dạy rằng phẩm chất nội tâm

106 Ibid. III, trg. 19, 117.

con người hay mối tương quan mới là quyết định. Tình yêu trao đổi giữa vợ chồng là một sự “kết hiệp tâm hồn không gì có thể chia cắt”, ý nghĩa đó của hôn nhân được đặt cao hơn cả việc chăm sóc con cái. Sự kết hợp này cần phải được đặt nền tảng trên “cùng nhau say mê Thiên Chúa”, được nâng đỡ bằng những cử chỉ tình cảm mơn trớn.

Tình yêu và trung thành được liên kết với nhau luôn làm nảy sinh thân mật và tin tưởng. Do đó nhiều vị thánh trong đời sống gia đình đã rất âu yếm mơn trớn nhau, mơn trớn thật sự âu yếm, nhưng trong sạch, dịu dàng và chân thành... Thánh Lu-y Vua chẳng hạn, rất nghiêm ngặt đối với thân xác mình, nhưng lại rất âu yếm trong tình yêu đối với vợ, tới độ nhiều người phàn nàn vì ngài đã quá âu yếm. Lẽ ra ngài phải được ca tụng vì đã có thể can đảm làm cho tinh thần hôn nhân đi xuống tới các bồn phận nhỏ mọn, nhưng lại rất thiết yếu để duy trì tình yêu hôn nhân.¹⁰⁷

Hai phần cuối của cuốn “*Dẫn Vào*” luận về các phương thế gìn giữ khỏi cám dỗ; các cám dỗ tinh tế bên trong như buồn phiền, lo lắng, thất đảm, khoe khoang, ganh tị, ghen tương, ve vãn, cũng như các lỗi cuốn cụ thể bên ngoài mà cuộc sống sa hoa trong cung đình Âu châu trình bày. Tác phẩm kết thúc với một số việc thực hành cụ thể như xét mình, đối diện với tình yêu Thiên Chúa và quyết định để củng cố mình trong đời sống đạo đức.

107 Ibid. III trg. 38, 216.

Các tác phẩm khác của Phan-xi-cô Sa-lê đều được dịch ra và xuất bản sau khi ngài qua đời.¹⁰⁸ Cuốn “*Khảo luận về Tình yêu Thiên Chúa*”, tác phẩm đầy tham vọng và diễn đạt tốt nhất toàn bộ viễn tượng thiêng liêng của ngài, được dịch ra tiếng Ý, Anh, Tây Ban Nha, Đức, Ba Lan và La-tinh trong thế kỷ XVII và XVIII. Cuốn “*Đàm thoại thiêng liêng và Huấn Đức*” cũng được phát hành qua một số ấn bản không chính thức. Thực tế đây chỉ là những ghi chép các bài nói chuyện ngắn trong tinh thần gia đình của Phan-xi-cô cho các nữ tu Thăm Viếng tại “Hội Quán” tức cộng đoàn tiên khởi. Vào một ngày đẹp trời, dưới lùm cây của mảnh vườn nhỏ sau nhà, nhóm nhỏ các nữ tu vây quanh vị sáng lập khả kính để cùng nghe ngài nói về các điều căn bản cho tinh thần và đời nội tâm: vâng phục, phó thác, tin tưởng, giản dị, chân thành, đơn sơ, cũng như các đề tài thực tế như Luật Dòng, nhận và tuyên khấn của các hội viên. Tuy nhiên cả hai tập “*Huấn Đức*” lẫn “*Khảo luận*” đều không có được số độc giả rộng rãi như cuốn “*Dẫn Vào*”. Cũng chính nhờ tác phẩm *Dẫn vào Đời sống Đạo đức* mà thánh nhân được ghi nhớ nhất vậy.

Gia sản văn chương của Gio-a-na không thể sánh được với người bạn của bà. Văn phong của bà được bà ý thức giữ sao cho thật giản dị và chân chất, giống như việc thực hành nhân đức đơn sơ, không hề kêu gọi cặp mắt các độc giả. Bà không có tác phẩm nào tương tự như “*Dẫn Vào*” hay “*Khảo Luận*” của Đờ San. Bà chỉ viết trong khả năng của một người quản trị và hướng dẫn thiêng liêng cho cộng đoàn Thăm Viếng

108 Sách *Khảo Luận* xuất bản lần đầu năm 1616. Phan-xi-cô thực ra đã bắt đầu viết tác phẩm này trước cả khi ngài viết cuốn sách *Dẫn Vào* bình dân hơn được xuất bản năm 1607. Vì xuất hiện một số bản thảo rất khác nhau khiến việc nghiên cứu cách khoa học sẽ không dễ thực hiện.

của bà, vì thế phần lớn những gì bà viết chỉ được lưu hành trong nội bộ Hội Dòng. Dầu vậy vẫn có một tổng hợp các lá thư bà viết được nữ tu Thăm Viêng *Marie-Aimée de Blonay* sưu tập và xuất bản tại *Lyons* năm 1644, chỉ ba năm sau khi bà qua đời. Tập thư này cho thấy chiều sâu cõi lòng hiền mẫu bà dành cho các con cái thiêng liêng trong việc chăm sóc họ. Một nguồn khác có thể còn biểu lộ hơn nhiều là các thư Gio-a-na viết cho Phan-xi-cô, không may các thư này đã hoàn toàn biến mất khỏi lịch sử. Khi Phan-xi-cô qua đời, tất cả các giấy tờ, tài liệu của ngài đều được trao phó cho Gio-a-na. Trong khi bà cẩn thận lưu giữ cho hậu thế tất cả các bức thư ngài viết, còn thì bà đốt đi tất cả các bức thư bà viết cho ngài được lưu giữ qua nhiều năm tháng, một hành động có thể được cho là do khiêm tốn. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số lượng đáng kể các thư từ bà trao đổi với các người khác; và rồi vào cuối thế kỷ XX đã được xuất bản trong một ấn bản được nghiên cứu cẩn thận.¹⁰⁹

ẢNH HƯỞNG TIẾP THEO

Tổng hợp các yếu tố trên - tác phẩm của Đờ San được lưu hành rộng rãi và liên tục tái bản, ảnh hưởng tiếp theo của dòng Thăm Viêng, hồi ức lâu dài về các đáng sáng lập Sa-lê qua các giai thoại (*anecdotal*) cũng như các phát hành “*Tiểu Sử*” về các ngài - đã làm cho viễn tượng Sa-lê về một thế giới các con tim tiếp tục hiện rõ trước mắt các cộng đoàn Ki-tô qua các thế kỷ XVII, XVIII cho tới đầu thế kỷ XIX. Phan-xi-cô

109 Jeanne de Chantal, *Correspondance*, Edition critique, do nữ tu Marie-Patricia Burns, VHM thu thập và hiệu đính, VI Tomes (Alençon: Les Editions du Cerf Centre d'étude Franco-Italien des Universités de Turin et de Savoie, 1986-1993)

Sa-lê và Gio-a-na San-tan thuộc vào số câu lạc bộ các vị thánh nằm sâu trong trí tưởng tượng của nhiều Ki-tô hữu. Ta dám nói, ngoài các cư dân thuộc vùng Sa-voa và đông nam nước Pháp thường coi hai người bạn này như các vị anh hùng địa phương, những kẻ trọng vọng các vị sáng lập Sa-lê này hơn hết lại chính là các bậc uyên bác và có thể giá trong hàng giáo phẩm của Giáo hội Công giáo. Thật vậy, thanh danh các ngài càng ngày càng tỏa rộng hơn nhờ vào sự lan tỏa thể loại thánh thiện mà các ngài là những điển hình.

Vào thời đầu của Ki-tô giáo, các vị tử đạo, các vị hay làm phép lạ hoặc chữa lành các bệnh nhân đã đánh động trí tưởng tượng của giới bình dân và đều được giáo dân tôn phong lên bậc thánh. Sau này vào thời Trung cổ, khi Ki-tô giáo đã phát triển và tập trung quyền hành hơn, tiến trình phong thánh cho một vị nào đó để được chính thức tôn kính trong niên lịch của Giáo hội hoàn vũ đã ngày càng bị đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của hàng giáo phẩm. Thời đầu của Giáo hội Công giáo hiện đại, mà cao trào là những niên kỷ của Phan-xi-cô và Gio-a-na, tiến trình phong thánh bắt đầu rất được coi trọng. Trong thời kỳ *Bolandists*, một nhóm học giả dòng Tên khởi sự công trình ghi chép và cho ấn hành các tài liệu nguồn liên quan tới đời sống các thánh; điều này vô hình chung thúc đẩy qui chế hiện đại cho việc giải thích lịch sử phục vụ tiến trình phong thánh.¹¹⁰ Giá trị của một Hội Thánh chiến đấu thời tiền hiện đại có sôi động hay không sẽ được phản ánh qua thước đo thánh thiện của các vị lỗi cuốn người đời nể phục.¹¹¹ Các thánh

110 Tác phẩm vĩ đại của Bolandist chỉ được chấp nhận sau các cuộc tranh luận và phê phán quyết liệt.

111 R. Po-Chia Hsia, *The World of Catholic Renewal 1540-1770* (Cambridge: Cambridge University Press, 1998) trg. 122-137.

thịnh hành nhất vẫn là các đáng sáng lập các hội dòng mới hoặc các vị cải tổ các dòng tu hiện hữu, rồi tới các giám mục gương mẫu, các anh hùng bảo vệ tính chính thống của Giáo hội, rồi tới các nhà truyền giáo. Trong khi các tấm gương thánh thiện thời đầu Giáo hội như các vị tử đạo, đan sĩ, thị kiến, làm phép lạ, khổ hạnh... vẫn chưa bị quên lãng, trong những năm trước hay sau việc thiết lập truyền thống Sa-lê, những ai được Giáo hội công nhận là thánh đều dứt khoát phải rập theo khuôn phép do phẩm trật Công giáo đề ra. Giữa những năm từ 1570 tới 1770 chỉ có 27 người nam và 5 người nữ được phong thánh. Tất cả họ đều là hoặc giám mục, linh mục hay tu sĩ các dòng. Một nửa trong số các vị mới được tuyên phong là do có công thành lập các dòng tu mới trong thời kỳ cải cách, một phần tư khác là do cải tổ các dòng tu cũ. Gio-a-na và Phan-xi-cô rất phù hợp với khuôn mẫu thánh thiện được Công đồng Tri-đen-ti-nô đề cao. Trong tư cách Giám mục Phan-xi-cô là hiện thân cho việc củng cố định hướng và các qui định cải cách của Công giáo thời Tren-tô; trong tư cách nhà truyền giáo, ngài có công bảo vệ và phát huy đức tin chân chính. Và trong tư cách sáng lập dòng, Gio-a-na là hiện thân của sức sống và định hướng đời tu đang được Giáo hội Công giáo cải cách thúc đẩy.

Khi còn sống, các vị sáng lập truyền thống Sa-lê đã mang một hào quang thánh thiện, rồi sau khi qua đời theo thói quen thời đó, xác các ngài đã được tôn kính như thánh cốt. Phan-xi-cô Sa-lê được phong chân phước năm 1661 và hiển thánh năm 1665.¹¹² Gio-a-na San-tan trở hơn một chút: chân phước năm 1751 và hiển thánh năm 1767. Trong tiến trình chuyển tiếp từ một thực tế nhân loại phức tạp qua tình trạng trở

112 Về tiến trình tiền phong thánh rất phức tạp, và vai trò của Mẹ de Chaugy, xem Burns, *Francoise Madeleine de Chaugy*.

thành biểu tượng được mọi người tôn kính – cho dầu có thiêng liêng tới mấy đi nữa – cũng không tránh khỏi một mức độ tăng bốc nào đó. Gio-a-na và Phan-xi-cô cũng vậy, một số nhân đức của các ngài được đề cao tùy thuộc vào mục tiêu thay đổi của thời đại đó đòi hỏi. Chẳng hạn vào thế kỷ XIX, thời kỳ bị cuộc cách mạng Pháp tàn phá và bị thuyết khoa học và lý luận của thế giới hiện đại bao vây, Giáo hội đã nhìn thấy nơi giám mục Đờ San trước hết như một người hùng bảo vệ đức tin Công giáo chính thống, đồng thời cũng nhấn vào quãng đời truyền giáo của ngài. Cũng chính vào thời kỳ này, tức năm 1877, mà Đức Giáo hoàng Pi-ô IX đã tuyên phong ngài là Tiến sĩ Hội thánh.

Ngoài ra, các cuốn tiểu sử sau này đôi khi còn tạo ra trong tâm trí cộng đoàn một số hình ảnh về các đáng sáng lập Sa-lê không mấy quân bình; đặc biệt trường hợp của Gio-a-na San-tan. Cuốn tiểu sử dài và rất thành công viết về bà xuất bản năm 1863 do *Émile Bougaud* - Giám mục địa phận *Laval*, đã đối chọi tính khí của bà với một Phan-xi-cô Sa-lê dịu dàng, rồi vẽ lên hình ảnh bà như một nhân vật quyết đoán, mạnh mẽ, anh hùng tới độ đáng sợ. Định kiến về một Gio-a-na *femme forte* (phụ nữ sắt thép), qua hình ảnh vẽ bà như một người mẹ quyết đoán dám bước qua xác con mình vẫn còn phảng phất cho tới ngày nay. Lối nhìn này không quân bình mấy vì đã quên mất một điều hiển nhiên là tình mẫu tử thật dịu dàng bà dành cho các con riêng cũng như cho con cái thiêng liêng sau này, và khả năng bà duy trì một tình bạn vừa thâm sâu lại vừa

lâu bền.¹¹³

Trong khi đó vị giám mục đáng kính thường được ghi nhớ trước nhất vì các đóng góp ngài thực hiện trong việc canh tân Giáo hội, đôi khi ngài cũng được nhìn nhận như vị thánh làm nhiều phép lạ sau khi chết. Năm 1632 tin đồn *Jeanne des Anges*, nữ Viện Phụ của tu viện *Ursuline* ở *Loudum* bị quỷ ám, đã gây sốc trong cả nước; sau đó 17 nữ tu trong cộng đoàn cũng bị ám ảnh, vật vã khổ sở. Người ta mời *Jean-Joseph Surin* - một linh mục dòng Tên tới trừ tà. Sau nhiều bi kịch kéo dài và nhọc mệt, đôi lúc chính *Surin* cũng ngất xỉu vì căng thẳng, vị Nữ Tu viện Trưởng đã nghiệm thấy mình được chữa lành nhờ lời cầu bầu của thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Nghi thức trừ tà lần cuối được thực hiện trong cuộc hành hương long trọng viếng mộ vị Giám mục Sa-voa tại *Annecy* do chính giáo quyền cấp cao tổ chức, và được hoàng hậu Pháp và các Hồng y nhiệt liệt hoan nghênh.

TIẾP TỤC TÀM ẢNH HƯỞNG: TRƯỜNG PHÁI LINH ĐẠO PHÁP

Tuy không gây ấn tượng nhưng lại sâu sắc hơn nhiều đó là ảnh hưởng to lớn của Phan-xi-cô Sa-lê trên định hướng thiêng liêng và thần học của các thế hệ nối tiếp, cũng vậy âm hưởng của Gio-a-na qua Hội dòng Thăm Viếng của bà; các âm

113 Về các lối nhìn khác nhau về Gio-a-na, xem Stopp, *Hidden in God*. Stopp cho thấy chân dung Gio-a-na do Henri Brémond phác lên rất không chính xác, cũng như Bougaud khi cường điệu bà như nhà thần nghiệm chuyên về cầu nguyện. Cho tới nay tiểu sử do Stopp viết có lẽ vẫn là cuốn tốt nhất: *Madame de Chantal: Portrait of a Saint* (London: Faber, 1962)

hưởng này của các ngài quả thật rất sâu rộng. Nếu thẳng thắn trong tư cách hậu sinh ta sẽ nhận ra ngay các đóng góp của truyền thống Sa-lê vào các luồng linh đạo Pháp nở rộ vào cuối thế kỷ XVII, các luồng linh đạo sẽ có tầm ảnh hưởng to lớn đối với Hội Thánh toàn cầu trong hai thế kỷ tiếp theo.

Pierre de Bérulle – vị sáng lập nên trường phái *Bérulle* hay trường phái linh đạo Pháp, là người đồng thời với Phan-xi-cô; và cả hai đều đã rất khâm phục nhau ngay từ lần tiếp xúc đầu tiên tại câu lạc bộ *Acarie* ở Pa-ri. Mặc dầu có cuộc tiếp xúc đó cũng như nền đào tạo dòng Tên mà cả hai cùng nhận được, nhưng trên thực tế hai người vì xuất phát từ hai nền thần học rất khác nhau, đã triển khai hai học thuyết không tương đồng. Tư tưởng của *Bérulle* đậm nét tập trung vào Thiên Chúa nhưng vẫn tôn trọng khả năng nhân bản Ki-tô hữu, quan tâm tới huyền nhiệm thông qua việc thực hành “gắn bó” với “trạng thái” Giê-su; nhấn khía cạnh Thánh Mẫu, và đề cao thiên chức linh mục. Rất nhiều tư tưởng gia vĩ đại của phong trào canh tân Công giáo Pháp vào thời kỳ cuối *grand siècle* (thế kỷ hoàng kim) đã được đào tạo trong nhãn quan của linh đạo *Bérulle*. Tuy nhiên nhiều học giả đã phải nhìn nhận rằng, dầu chỉ song hành với trường phái linh đạo Pháp, nhưng ảnh hưởng Sa-lê trên nó cũng rất có ý nghĩa.¹¹⁴ Ngài Sa-voa và người bạn đồng liêu Pháp, mặc cho các khác biệt về thần học, nhân văn, và một số điểm nhấn (*Bérulle* từng lên tiếng phê phán thuyết lạc quan quá mức của Phan-xi-cô),¹¹⁵ cả hai cùng chia sẻ nỗi đam

114 Xem lời dẫn nhập của William Thompson cho *Bérulle and the French School: Selected Writings*, dịch do Lowell M. Glendon, ss (Mahwah, NJ: Paulist Press, 1994) trg. 39-40

115 Ibid. trg 40

mê chung là cải tổ Giáo hội. Thật vậy, chính Phan-xi-cô đã rất hứng khởi với ý tưởng nguyện xá I-ta-li-a do Phi-lip Nê-ri sáng lập, và ước muốn thành lập các công cuộc tương tự tại Savoa nhằm canh tân đời sống thiêng liêng hàng giáo sĩ; rồi cũng chính ngài cũng đã gọi hứng cho *Bérulle* thành lập Nguyện xá Pháp. Thực tế *Bérulle* đã thành công, còn Phan-xi-cô thì không, để rồi tu hội Nguyện xá được thành lập tại Pa-ri, cùng với các nhà liên kết rải rắc khắp nước Pháp, đã trở thành nôi đào tạo hàng linh mục, cống hiến nhiều cho việc quảng bá nền Công giáo cải cách thông qua các sứ vụ nội bộ được đánh giá là phương tiện rất hữu hiệu.¹¹⁶

Các khuôn mặt sáng giá khác của trường phái linh đạo Pháp như *Charles de Condren*, *Jean-Jacques Olier* và *Jean Eudes* đều là hậu duệ của tinh thần *Bérulle*, đồng thời họ cũng hít thở bầu khí đã hoàn toàn thấm nhuần tinh thần Sa-lê; cụ thể tất cả các bên đều chia sẻ niềm xác tín chung là phải cùng nhau thúc đẩy việc cải tổ Giáo hội Công giáo. *Charles de Condren*, người kế vị *Bérulle* làm bề trên Nguyện xá cũng là hội viên của câu lạc bộ *Acarie* và là người hâm mộ các vị sáng lập Sa-lê. Gio-a-na đã viết về ông như một người có khả năng dạy dỗ các thiên thần.¹¹⁷ *Olier* được nuôi dưỡng tại Nguyện xá Pháp và sau đó thành lập các chủng viện của riêng ngài và Hội *St Sulpice* (Xuân Bích) có mục đích cung cấp các nhà đào tạo chủng sinh. Khi còn bé, ngài từng được biết về ông già đáng kính Phan-xi-cô Sa-lê. Câu bé rất mực tôn kính vị giám mục

116 Raymond Deville, *The French School of Spirituality: An Introduction and a Reader*, dịch do Agnes Cunningham (Pittsburgh: Duquesne University Press, 1994) trg, 10

117 1914 *Catholic Encyclopedia*, "French Congregation of the Oratory".

lớn tuổi khi ngài tới thăm gia đình *Olier* ở *Lyons* vào năm 1622 và được khích lệ nhờ phép lành ngài ban. Lòng kính trọng này đã được *Olier* lưu truyền cho các con cái thiêng liêng của mình qua tận thế kỷ XIX.

Jean Eudes, người trẻ nhất trong số bộ tứ sáng giá của trường phái linh đạo Pháp, không những quý chuộng hai vị sáng lập Sa-lê, nhưng còn đề đường hướng linh đạo của riêng mình chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi nền linh đạo của các ngài hơn là của các vị tiền bối trường phái Pháp.¹¹⁸ *Eudes* thành lập một số cộng đoàn dân thân nhằm canh tân hàng linh mục, và xa hơn nữa là canh tân toàn thể Giáo hội; đó là các Tu hội Giê-su và Ma-ri-a (*Eudists*) và Hội dòng Đức Mẹ Bắc Ái Chôn Náu Nương. Ngài vốn là sản phẩm của nền linh đạo Pháp. Là một nhà giảng thuyết không mỗi một (sinh thời ngài đã giảng không dưới 110 tuần đại phúc trên toàn nước Pháp), như Đơ San, ngài tin rằng thánh giả có thể được lôi cuốn vào tình yêu Thiên Chúa “lòng bên lòng”. Thật vậy, ngài có lòng sùng kính sâu xa đối với Thánh Tâm của cả Ma-ri-a lẫn Giê-su.¹¹⁹ Bức ảnh Thánh tâm Giê-su rất quen thuộc đối với lòng sùng kính bình dân mà lâu nay vẫn được một số cộng đoàn tu sĩ sử dụng riêng, theo truyền thống linh đạo *Eudes* không mang nặng tính hình ảnh cho bằng tính biểu tượng nêu trên. Đây chính là ngôn ngữ của đời sống đạo đức – cuộc sống tâm đôi tâm – như Phan-xi-cô Sa-lê đã hướng tới. Chúng ta biết, *Jean Eudes* đã đọc cuốn “*Khảo luận về Tình yêu Thiên Chúa*”, và vì thế các

118 Tham khảo *Saint Jean Eudes*, do Paul Milcent dẫn nhập và chọn văn bản (Paris: Bloud et Gay, 1964), trg. 33-36

119 Lòng tôn sùng của Eudes không liên quan gì tới thị kiến Thánh Tâm của Ma-ga-ri-ta A-la-cốc dòng Thăm Viếng. Ông đã có từ trước và rút ra từ lòng sùng kính Thánh Tâm bình dân đang rất thịnh hành thời bấy giờ.

điền ngữ Sa-lê như “Sống Giê-su!” hay “Giê-su, Vua các cõi lòng” được tìm thấy nhan nhản trong tác phẩm “*Vương quốc Giê-su*” của tác giả trẻ tuổi này. Tuy nhiên trong khi *Bérulle* và các vị trường phái linh đạo Pháp nói về “đạo giáo” thì *Eudes* lại theo chân bậc tiền bối Sa-voa đã sử dụng từ “đạo đức” khi bàn về việc thực hành đời sống thiêng liêng Ki-tô giáo. Các ý tưởng của Phan-xi-cô cũng thường được *Eudes* lặp lại như câu “các tín hữu tiên khởi được cho là chỉ có một con tim, một linh hồn”. Chính nhạy cảm mục vụ cũng như cảm nghiệm thiêng liêng đã thúc ngài nhấn trên tình yêu Thiên Chúa thông qua biểu tượng Trái Tim Chúa. Ngài là người đã soạn bản văn Thánh Lễ và giờ kinh phụng vụ cho Lễ Kính Thánh Tâm Chúa được mừng lần đầu vào năm 1672. Lòng tôn sùng Thánh Tâm của ngài là kết quả của việc nội tâm hóa tinh thần Sa-lê vậy.

Tinh thần được lan tỏa khắp nước Pháp thời *Jean Eudes* không chỉ do các tác phẩm của Đờ San ngày càng trở nên phổ biến, mà còn vì dòng Thăm Viếng đã có mặt trên cả nước. Khi Gio-a-na qua đời, đã có trên 80 tu viện được thành lập, phần đa là ở Sa-voa và Pháp. Xin đan cử ra đây một trường hợp điển hình rút ra từ đời sống của *Eudes*, cho thấy nhà giảng thuyết này lệ thuộc vào cộng đoàn Thăm Viếng như thế nào trong khi chính ngài muốn thành lập một cộng đoàn nữ tu của riêng mình.¹²⁰ Trong số các tệ nạn xã hội ngài cho là cấp bách nhất phải can thiệp thì đứng đầu là cảnh ngộ của các phụ nữ bị ép buộc làm gái điếm. Năm 1641, ngài mở một trung tâm dành cho các “phụ nữ hoàn lương” và trao cho một nhóm các bà bác ái coi sóc; nhưng lối tổ chức đó không thành công vì nhiều bà

120 Hiến luật của dòng Đức Mẹ Bác Ái cũng đặt nền trên Hiến Luật Thăm Viếng. Xem Charles Lebrun, *La spiritualité de Saint Jean Eudes* (Paris: P. Lethielleux, 1933) trg. 18

bỏ bê công việc. Để có thể thành lập một cộng đoàn vững chắc hơn và đào tạo các tập sinh mới gia nhập, *Eudes* đã nhờ tới các nữ tu Thăm Viếng của tu viện *Normandie*. Tuy việc tham gia vào các việc tông đồ hoạt động như thế không nằm trong đoàn sủng minh nhiên của dòng Thăm Viếng, nhưng vì đây là trường hợp quá khẩn cấp nên đành phải cầu cứu tới sự phục vụ của các nữ tu đáng kính. Thế là Hội dòng Đức Mẹ Bác ái Chồn Nấu Nương của *Eudes* đã nhờ dòng Thăm Viếng mà được hình thành, và cũng trong tinh thần Thăm Viếng mà các nữ tu sống đời hoạt động này được đào tạo.¹²¹ Trước đó, Gio-a-na San-tan cũng đã đảm trách một nhóm các phụ nữ hoàn lương tại Pa-ri. Dòng Thăm Viếng Pa-ri đã điều hành công cuộc bác ái này cho tới năm 1677 khi các nữ tu Chồn Nấu Nương tới đảm nhận.

TIẾP TỤC TÂM ẢNH HƯỞNG: TRƯỜNG PHÁI LINH ĐẠO VINH SƠN

Phan-xi-cô và Gio-a-na không những có tâm ảnh hưởng

121 Nhóm đào tạo Thăm Viếng do Mẹ Patia dẫn đầu, chỉ sau này mới chấp nhận vai trò của mình trong việc thành lập dòng Đức Mẹ Bác Ái Chồn Nấu Nương. Có một thời gian các bà rút lui, sau đó chấp nhận vai trò điều hành và thi hành trên 20 năm. Dần dần tu hội mới có thể tự đảm trách vai trò lãnh đạo. Xem Clément Guillon, CJM, *In All Things the Will of God: Saint John Eudes Through His Letters*, do Louis Levesque, CJM dịch (Buffalo, NY: St John Eudes Center, 1994). Không phải chỉ ngẫu nhiên các nữ tu Đức Mẹ Chồn Nấu Nương được đào tạo theo tinh thần Thăm Viếng. Eudes không những ước ao linh đạo của nhóm phải là Sa-lê, ngài còn muốn mỗi nhà phải biệt lập về mặt quản trị, nhưng lại liên kết với nhau qua sợi dây thương mến. Tương tự Eudes đã lấy nguồn cảm hứng từ Thăm Viếng khi ngài viết Hiến Luật cho dòng Giê-su và Ma-ri-a (xem Lebrun, *La spiritualité de Saint Jean Eudes*, trg. 11). Một hình thức cộng đoàn gần đây quen thuộc hơn là dòng Đức Mẹ Bác Ái Đấng Chấn Chiên Lành (các Nữ Tu Đấng Chấn Chiên Lành), một chi nhánh của nhóm do Eudes thành lập.

và gần gũi với trường phái linh đạo Pháp, các ngài còn thi đua với một truyền thống linh đạo Pháp khác nữa của thế kỷ XVII, đó là truyền thống Vinh Sơn. Vinh-sơn Phao-lô (*Vincent de Paul*) mà các thế hệ sau vẫn quen gọi là vị tông đồ của kẻ nghèo khó, là người cùng thời với Phan-xi-cô Sa-lê, nhưng trẻ hơn đôi chút. Đối với sự trưởng thành thiêng liêng của Vinh Sơn thì việc gặp được ngài Sa-voa đã có một tầm ảnh hưởng rất lớn. Từ khi gặp nhau lần đầu năm 1618, giữa hai vị đã nảy sinh lòng kính trọng lẫn nhau sâu sắc nhất. Thái độ mực vụ đầy bác ái và hiếu hòa của Phan-xi-cô đã gây ấn tượng mạnh trên một Vinh Sơn tính tình nóng như lửa đốt, và chuẩn bị cho cuộc biến đổi thiêng liêng nơi ông; điều này thật dễ hiểu. Lúc đó trong tâm tình ủ rũ, Vinh Sơn đang cầu nguyện để được giải thoát khỏi tình trạng bi quan; trước tấm gương của Phan-xi-cô, người trẻ tuổi này đã dần dần hấp thụ được một thái độ sống mềm mỏng hơn.¹²² Hai người khổng lồ trong phạm vi đời sống thiêng liêng này đã duy trì mối liên hệ với nhau trong suốt thời gian Phan-xi-cô còn sinh thời.

Trong các bài huấn đức dạy dỗ các Nữ Tử Bác Ái, một hội dòng đơn sơ hiến mình thi hành các việc bác ái giúp đỡ người nghèo, Vinh Sơn đã đề cập rất nhiều tới công việc và lời nói của vị giám mục Giơ-ne-vơ. Cuốn sách *Dẫn vào Đời sống Đạo đức* quả quyết rằng... “bất cứ ai giữ trọn các điều chép trong sách này sẽ đạt được sự trọn lành lớn lao, cho dầu xem ra những thực hành nó đòi hỏi thật quá ư tầm thường và chỉ thích hợp với những người yếu đuối”; Vinh Sơn so sánh linh đạo của “*Dẫn Vào*” với cuốn Luật Đời Sống của các Nữ

122 *Vincent de Paul and Louise de Marillac: Rules, Conferences and Writings*, ed. Frances Ryan, DC and John E. Rybolt, CM (Mahwah, NJ, Paulist Press, 1995), trg. 21

Từ Bác Ái như thế đó.¹²³ Khi nói chuyện với các tân linh mục được đào tạo trong cộng đoàn nam thuộc hội dòng các Linh mục Truyền giáo (dòng Vinh-sơn hay La-da-rít), Vinh Sơn dạy họ thực hành trí nguyện “theo phương pháp của cha đáng kính chúng ta là đức Giám mục Gio-ne-vô”.¹²⁴ Lý tưởng linh đạo gia đình Vinh-sơn và Sa-lê hợp nhau tới độ, sau khi Phan-xi-cô qua đời, Vinh-sơn đã kế nghiệp người bạn quá cố để làm linh hướng dòng Thăm Viếng tại Pa-ri và trở thành vị linh hướng riêng của Gio-a-na San-tan.

Mạng lưới đan dệt giữa Sa-lê – Vinh-sơn trong thời kỳ canh tân linh đạo này còn xuất hiện *Louise de Marillac*, người bạn lâu dài của Vinh-sơn và là đồng sáng lập Nữ Tử Bác Ái. Ngay cả trước khi gặp được Vinh-sơn, Lu-i đã được nuôi dưỡng bằng các sách của các tác giả tu đức bình dân đương đại, trong đó có Phan-xi-cô Sa-lê. Trong giai đoạn bà rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng trước khi trở thành góa bụa, Lu-i đã nhận được ơn nội tâm chắc chắn rằng Chúa sẽ cho bà, một ngày nào đó, được tuyên lời khấn tu sĩ. Bà tin rằng mình nhận được ơn này là từ tay Phan-xi-cô Sa-lê, con người mà bà rất quý chuộng khi ngài còn sinh thời, và bà đã từng mơ ước được nhận ngài làm bạn tâm giao thiêng liêng.¹²⁵ Cho dầu ước muốn này không bao giờ thành tựu, nhưng trong việc hướng dẫn các Nữ Tử Bác Ái sau này, Lu-i luôn trích dẫn cuốn “*Dẫn Vào*” của Phan-xi-cô khi triển khai đề tài tình tâm cho cộng đoàn của

123 Ibid. trg. 127

124 Ibid. trg. 158

125 *Spiritual Writings of Louise de Marillac: Correspondence and Thoughts*, do Louise Sullivan dịch, DC (Albany, NY: New City Press, 1991), trg 1-2

bà;¹²⁶ và rồi trong suốt cuộc sống còn lại, bà đã không ngừng nại tới lời chuyển cầu của vị thánh Sa-voa. Năm 1630 nhật ký bà ghi lại quyết định cho tuần lễ Thăng Thiên – Hiện Xuống của bà như sau:

... Hăm mình bề trong cũng như bề ngoài trong khả năng cho phép. Dâng lên Chúa một vài lần trong ngày đức mến mà Người đã gieo vào lòng cha đáng kính Phan-xi-cô Sa-lê và cầu xin, nhờ lời cầu bầu của thánh nhân, để kế hoạch Thánh Ý Chúa được thực hiện nơi tôi.¹²⁷

Như vậy, cho dầu hai đáng mới ở vào điểm khởi đầu của tiến trình canh tân Công giáo Pháp, tinh thần của Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan đã rất sinh động trong suốt thế kỷ XVII, và đời sống gương mẫu của các ngài tiếp tục hình thành nền linh đạo Ki-tô giáo qua suốt thế kỷ XVIII cho tới đầu thế kỷ XIX.

TIẾP TỤC TÂM ẢNH HƯỞNG: *RAYMOND BONAL*, VÀ CÁC LINH MỤC ĐỨC MẸ THĂM VIẾNG

Ít được biết đến hơn nhưng không kém phần hấp dẫn là trường hợp ảnh hưởng Sa-lê trên *Raymond Bonal* (1600 -

126 Ibid., trg. 69.

127 Ibid., trg. 704

1653).¹²⁸ *Bonal* là một nhà giảng thuyết, giáo sư, văn sĩ không mới mẻ, một linh mục có đầu óc cải cách. Ngài trưởng thành vào thời cuối đời của Phan-xi-cô; vị giám mục Gio-ne-vơ từ trần hai năm trước khi Bonal thụ phong linh mục. Cho dầu hai người không hề gặp nhau nhưng danh tiếng và tinh thần của vị tiền bối không hề xa lạ đối với đầu óc của người giáo sĩ trẻ. Đờ San đã để tâm nhiều tới việc canh tân hàng giáo sĩ nhưng ngài lại không bao giờ thực hiện được giấc mơ thành lập một cộng đoàn dành đào tạo các linh mục. Vào thời *Bonal* thụ phong linh mục, Nguyễn xá Pháp của *Bérulle* nhằm vực dậy nền thần học, luân lý và thiêng liêng của các giáo sĩ triều đã phát triển vững trãi trên toàn nước Pháp. *Bonal* rất gắn bó với vị bề trên thứ hai của Nguyễn xá Pháp là *Charles de Condren*. Tuy nhiên vị Giám mục Gio-ne-vơ mới là người chiếm được chỗ nhất trong trái tim của *Bonal*: Giấc mơ của vị cố giám mục thật sự ám ảnh ông. Trong thời gian còn là sinh viên theo học các cha dòng Tên tại *Cahors*, và thời gian sống với hội Linh Mục Triều của Học thuyết Ki-tô giáo (*Doctrinaires*) tại *Villefranche* - quê hương ông, *Raymond* vẫn thường nghe đồn thổi nhiều về các vị anh hùng cải cách như Ca-rô-lô Bô-rô-mê-ô và Phan-xi-cô Sa-lê, do đó ông đã thấm nhuần giáo huấn của công đồng Tri-đen-ti-nô thúc đẩy việc cải tổ hàng giáo sĩ.

Nhất quyết rập khuôn theo gương của người mà ông vẫn quen gọi là “Thánh Phan-xi-cô” (Đờ San chỉ được phong thánh vào năm 1665), *Bonal* nhiệt tâm lao mình vào các bổn phận mục vụ như dạy giáo lý, giảng thuyết, linh hướng, giải

128 Về Bonal, xem Marcellin Rigal, *Raymond Bonal et son oeuvre: les premiers seminaires dans le Midi de la France* (Rodez: Société des Lettres, Sciences et Arts de l'Aveyron, 1966).

tội và cổ vũ cải cách. Người đương thời tuyên tụng với nhau rằng: Ông có tài thuyết phục tới nỗi tất cả những gì ông nói về Phan-xi-cô Sa-lê thì đều có thể áp dụng cho chính ông; rằng khi tới giảng tại một làng nào đó, ông cũng mang lại nhiều ơn ích cũng như tai họa bởi vì dân chúng có thể sẽ không còn ham nghe các vị giảng thuyết tới sau.¹²⁹

Trong khi giúp đỡ dân chúng của thị trấn *Villefranche* trong trận dịch tả năm 1630, *Bonal* thổ lộ với hai người bạn giấc mơ của mình là thành lập một cộng đoàn các linh mục coi xứ sống theo tinh thần Phan-xi-cô Sa-lê. Chỉ ít lâu sau giấc mơ này đã thành hiện thực. Ngài tiếp nhận đền thờ Đức Mẹ *Treize Pierres* tại *Villefranche* với mục đích rõ rệt là tập hợp các linh mục đạo đức có học thuyết chính thống. Cho dầu hai người bạn lúc khởi đầu có qua đời, *Bonal* vẫn quả quyết rằng mình được gọi để thành lập một cộng đoàn mà, dưới sự bảo trợ của Phan-xi-cô, sẽ theo gương lòng nhiệt thành của thánh nhân trong sứ vụ *Chablais*, nhất là tại các họ đạo xa xôi hẻo lánh nơi đức tin dần trở nên nguội lạnh. Và *Raymond* không chỉ khâm phục nhiệt tình truyền giáo của vị giám mục mà còn áp dụng phương pháp mà ngài đã từng sử dụng. Phan-xi-cô dạy rằng: Phải ghét bỏ tà thuyết nhưng yêu mến kẻ theo tà thuyết, nhờ các trao đổi lịch sự và dễ mến, các nỗ lực không ngừng để tạo tương quan “cõi lòng với cõi lòng”, Phan-xi-cô đã thành công trong việc cải hóa một vị luật sư ở *Thonon*; đây chính là tinh thần mà *Bonal* muốn các linh mục của cộng đoàn trong mơ của ông phải nhuần thấm.

Mùa xuân năm 1635, *Bonal* làm một cuộc hành hương

tới các nơi thánh Sa-lê. Đi theo hướng *Annecy*, trước hết ông dừng chân tại *Lyons* để tôn kính quả tim của thánh nhân đang được lưu giữ tại tu viện Thăm Viếng ở đó.¹³⁰ Tới Sa-voa, ông được diện kiến giám mục *Jean-Francois de Sales*, người em và kế vị của Phan-xi-cô. Sau hết ông được hàn huyên với chính Gio-a-na San-tan tại tu viện Thăm Viếng ở *Annecy*. Bà xác định suy nghĩ của *Bonal* rằng Phan-xi-cô ước mong thành lập một cộng đoàn linh mục phục vụ giáo xứ, là hoàn toàn chính xác; và vì thế, chính ngài và trong suy nghĩ của nhiều người, *Bonal* thật sự trở thành nghĩa tử của vị giám mục khả kính. Cuộc hành hương kết thúc với việc ông trở lại thăm *Jean-Francois de Sales*, qua đó mơ ước của Phan-xi-cô về một học viện càng trở nên rõ ràng, và ông nhận được phép lành cho việc này. Học viện “Các Linh mục Đức Mẹ Thăm viếng” phải mô phỏng theo cộng đoàn nữ mà Gio-a-na và Phan-xi-cô đã thành lập năm 1610. *Bonal* còn tiếp tục quen biết với linh đạo Sa-lê khi cha ghé thăm các tu viện Thăm Viếng tại *Rue de St-Antoine* và *Rue-St-Jacques* ở Pa-ri vào năm 1636.¹³¹

Và như thế là một cộng đoàn nam mà đáng sáng lập Sa-lê đã từng mơ ước, được thành lập. Cả Gio-a-na lẫn vị bề trên thứ hai tại *Annecy*, Mẹ *De Bloney* nhiều năm sau này, trong tinh thần gia đình vẫn thường gửi thư từ qua lại khích lệ kèm theo những lời chúc phúc. “Cha kính mến, sự khiêm tốn của cha đã biến cha trở thành một người anh em của dòng Thăm

130 Quả tim của thánh Phan-xi-cô Sa-lê, theo thói quen thời đó, được lấy riêng ra và đặt trong một mặt nhật để tôn kính. Xem Pedro Fernando Rodriguez, OP, *The Heart of St Francis de Sales in the Visitation Convent of Treviso* (Treviso: GMV Libri, 2002).

131 Ibid., trg 65

Viếng chúng con. Thừa cha, chúng con nhận biết nơi cha một nghĩa tử chân chính của Cha Thánh”, Mẹ *De Blonay* viết như thế vào năm 1643. Người nghĩa tử này đã muốn trung thành với tinh thần của đảng sáng lập tới độ cha muốn khuôn rập theo Luật dòng Thăm Viếng tới từng chi tiết. Điều này đã tạo nên một số khó khăn, nhất là khi cha nhấn mạnh rằng cộng đoàn phải được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của giám mục như dòng Thăm Viếng nữ; điều này có thể là thích hợp cho một dòng nữ với nội cấm, nhưng chắc sẽ khó áp dụng cho một cộng đoàn nam luôn di chuyển. Dầu thế nào đi nữa thì lòng tôn sùng tuyệt đối của *Bonal* đối với vị sư phụ của mình vẫn không hề sút giảm. Năm 1641, khi giảng tĩnh tâm cho các nữ tu Thăm Viếng tại *Albi*, toàn bộ nội dung bài giảng cha đều được trích ra từ tinh thần và châm ngôn của đảng sáng lập Sa-lê. Khi một nữ tu tỏ vẻ ngạc nhiên vì thấy cha đã nắm bắt các nguyên lý Sa-lê sâu xa đến thế, *Bonal* trả lời là cha đã nghiên cứu kỹ các tác phẩm của tổ phụ từ hơn 20 năm nay rồi.¹³²

Phần còn lại cuộc đời *Bonal* được công hiến cho việc canh tân hàng giáo sĩ ngày càng sâu rộng hơn, nhất là qua việc mở thêm các chủng viện, trước hết tại *Villefranche* rồi tiến dần ra ngoài, như *Toulouse* chẳng hạn. Tuy nhiên lịch sử của cộng đoàn linh mục đã không kéo dài được bao lâu. Sau khi *Bonal* qua đời, và do một số đổi thay, cộng đoàn này đã được sát nhập với Tu hội Truyền giáo Vinh-son. Phải đợi tới các thế hệ thừa kế sau này, nghĩa là tới cái thế giới các con tim của thế kỷ XIX, ngọn lửa nóng bỏng thành lập các hội linh mục theo tinh thần Đờ San mới được nhóm lên trở lại, và bùng cháy lên.

132 Ibid., trg. 74

TIẾP TỤC TÀM ẢNH HƯỞNG: CÁC TRANH LUẬN THẦN HỌC

Bonal không phải là trường hợp duy nhất, khi mà trong các cuộc tranh luận thần học người ta luôn nại tới thẩm quyền của Gio-a-na và Phan-xi-cô. Thường thì trong các cuộc đôi co thần học hoặc các vấn đề khúc mắc nảy sinh trong Giáo hội, các vị thánh Sa-lê đã dễ dàng bị đưa ra làm chứng cứ hoặc làm lý lẽ phản bác. Trường hợp điển hình xảy ra vào 25 năm cuối thế kỷ XVII trong cuộc tranh luận *Quietist*. Học thuyết “tình yêu thuần khiết” đã gây nên một làn sóng bạo động, dẫn tới việc quý bà *Guyon* bị lên án và các sách của *Francois Fénelon* bị Tòa Thánh kiểm duyệt; vị giám mục *Cambrai* lúc đó là người bênh vực bà. Vụ này cho thấy ảnh hưởng rất sâu rộng của linh đạo Sa-lê trên suy tư thần học thời đó. Trong tác phẩm “*Châm ngôn các Thánh*” được xuất bản năm 1697, *Fénelon* thường trích dẫn Phan-xi-cô Sa-lê, đặc biệt cuốn IX sách “*Khảo Luận*”. Vị giám mục *Cambrai* dựa vào truyền thống Sa-lê để bênh vực tư tưởng về một “tình yêu Chúa thuần khiết”; yêu chỉ vì mình Chúa mà thôi, không kèm theo tư lợi hoặc bất kỳ ham muốn có chủ đích nào. Vị giám mục trẻ đính ninh rằng học thuyết này đã được tìm thấy trong các tác phẩm của Phan-xi-cô và ông thấy tư tưởng của ngài Sa-voa thật gọi hứng. Việc Phan-xi-cô nhấn mạnh trên sự từ bỏ và “rừng rung thánh” trong việc đáp lại ý muốn vui thích của Chúa thật thích hợp cho lập trường thiêng liêng của *Fénelon*.¹³³ Nhiều hình ảnh cũng như trích dẫn được *Fénelon* sử dụng cho thấy ông

133 Jacques Le Brun, “La Visitation et la spiritualité du pur amour au temps de la querelle du quietisme”, trong *Visitation et Visitandines*, trg. 441-60

lệ thuộc rất nhiều vào tư tưởng Sa-lê.¹³⁴ Còn quý bà Guyon thì cũng chịu rất nhiều ảnh hưởng của hai vị thánh. Khi còn là một thiếu nữ trẻ, không những bà say sưa đọc cuốn “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” mà bà còn thấy rất xúc động trước đời sống của Gio-a-na San-tan tới độ chính bà hy vọng sẽ được gia nhập tu viện Thăm Viếng ở *Montargis* gần đó. Ước muốn này đã bị cuộc đính hôn được dàn xếp trước phá vỡ; dầu vậy bà vẫn tiếp tục kín mức nguồn linh hứng từ Gio-a-na và quyết tâm khuôn rập đời sống mình với đáng sáng lập dòng Thăm Viếng.¹³⁵

Điều đặc biệt là cừu thù của học thuyết linh đạo *Fénelon* và *Guyon* là nhà hùng biện tài danh *Jacques Bénigne Bossuet*, giám mục địa phận *Meaux*, cũng chính ngài lại dài dòng trích dẫn Đờ San trong khi phê phán *Fénelon*. Hơn nữa trong bài khen ngợi vị giám mục Sa-voa sống trước mình một thế hệ, ngài *Bossuet* đã tỏ lòng quý trọng đối với vị tiền bối Sa-lê, một thái độ mà hàng giáo sĩ cổ điển thời đó vốn có.¹³⁶ Vào thời đại đó, mọi người đều coi Phan-xi-cô Sa-lê như khuôn mẫu về tính quân bình, gương sáng về lòng nhiệt thành, nghiêm túc, cũng như một nhà vô địch trong việc trung thành bảo vệ các ràng buộc đức tin của Giáo hội giữa một thế giới đảo điên. Thời nào thì cũng tạo nên những diện mạo anh hùng cho thời đó; cuối

134 Cũng xem William C. Marceau, CSB, “Fénelon – Epigome of St Francis de Sales” trong *Salesian Insights*, trg. 103-113.

135 James Kelly, “Madame Guyon (1648-1717) trong *Spirituality*, 5:22 (tháng 01-02, 1999), 30-33.

136 Về Bossuet và Phan-xi-cô Sa-lê, xem Jean-Pierre Landry, “Panégyriques de Saint François de Sales par Bossuet, Bourdaloue et Fléchier: le regard de la génération classique”, và Thérèse Goyet, “Notre Mère la Providence” ou la méthode Salésienne lue par Bossuet”, trong *l'Univers salésien*, trg. 177-90 và trg. 163-73.

thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII người ta tìm thấy nơi tinh thần Sa-lê một diện mạo đáng để chiêm ngưỡng. Một Phan-xi-cô Sa-lê lạc quan sẽ nổi bật trên nền của một thời đại mà nền thần học bị quan do ảnh hưởng thuyết Âu-tinh cứng rắn đang phổ biến. Thứ đạo đức vui tươi của ngài tương phản với những gì chính các vị ca tụng ngài đang dạy dỗ, tuy nhiên họ vẫn không khỏi khâm phục ngài. Luồng sáng của Phan-xi-cô và Gio-a-na tiếp tục sự nghiệp truyền đạt học thuyết “con tim thổ lộ với con tim”.

5. HÃY NGẮM NHÌN TRÁI TIM NÀY! MA-GA-RI-TA MA-RI-A A-LA-CỐC VÀ THÁNH TÂM

...Tôi đã được điểm phúc qua trọn ngày lễ Đức Mẹ Thăm Viếng trước Thánh Thể Chúa. Vị Chúa Tể đã chỉ cho tôi thấy một nơi cao, rộng và vô cùng đẹp đẽ, tại chính trung tâm có dựng một ngai tòa rực lửa, trên đó có Trái Tim đáng mến mang thương tích của Chúa Giê-su. Từ trái tim này tuôn ra những ngọn lửa cháy rực, sáng tới độ cả không gian đó đều được thấp sáng và sưởi ấm. Đức Trinh Nữ đứng một bên, bên kia là thánh Phan-xi-cô Sa-lê và cha đáng kính *De la Colombière*. Cũng có mặt ở đó nhiều nữ tử Thăm Viếng với các thiên thần bản mệnh đứng kề bên, mỗi người đều cầm một trái tim trên tay... Thánh Sáng lập nói với các con cái ngài những lời sau đây: “Các con rất thân mến, hãy đến và kín múc lấy nước cứu độ từ nguồn mạch mọi phúc lành... Trong Thánh Tâm Chúa chúng con sẽ tìm được phương thế dễ dàng để chu toàn những điều mà khoản luật đầu tiên của Luật dòng đòi chúng con nắm giữ... Trọn đời sống và mọi nỗ lực chúng con làm là hãy hướng tới việc kết hiệp với Chúa... Vì mục tiêu này, chúng ta hãy cầu nguyện trong Thánh Tâm và qua Thánh Tâm Giê-su... Gương mẫu của chúng ta là trung thành sống theo các châm ngôn và nhân đức của Trái Tim Chúa...”¹³⁷

137 *The Letters of St Margaret Mary Alacoque: Apostle of the Sacred Heart*, dịch từ ấn bản 1920 của French Gauthey do Clarence A. Herbst, SJ (Rockford, Illinois: TAN Books, 1997), trg. 125-27.

Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-côc

Ngôn ngữ con tim trong truyền thống Sa-lê chỗ nào cũng xuất hiện.¹³⁸ Hai đảng sáng lập Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan đã truyền lại cho đệ tử các ngài viễn cảnh thiên liêng về một thế giới các con tim. Năm 1611 vào dịp kỷ niệm lần thứ nhất thiết lập tu viện Thăm Viếng, Phan-xi-cô đã viết cho bạn Gio-a-na rằng, ngài dám tự hào vì: “Hội dòng nhỏ bé của chúng ta thật sự là công trình của Trái tim Chúa Giê-su và Mẹ Ma-ri-a. Đáng Cứu Thế khi chết đã sinh ra chúng ta qua vết mở nơi Thánh Tâm Người.”¹³⁹

Nhiều năm sau này, khi viết cho các con cái tinh thần, Gio-a-na đã lập lại cùng một tâm tình đó:

Mẹ lại có mặt ở đây để chào chúng con là con cái mà mẹ hết lòng thương mến. Mẹ hy vọng chúng con vẫn tiếp tục nỗ lực ngày càng hơn để gột rửa khỏi tất cả những gì làm phiền lòng Đấng Lang Quân tối cao của chúng con, và tập tành mọi nhân đức để làm vui lòng Người. Ôi, các nữ tu thân yêu của Mẹ, nơi con tim của Mẹ ước muốn này đã được ghi khắc sâu biết bao! Hãy cho mọi người thấy được sự tín thác trẻ thơ và sự hiền dịu chúng con có đối với nhau... Nào, can đảm lên, các con thân yêu! Chớ gì mọi người chúng con, và từng người một, làm hết

138 Về hình ảnh Thánh tâm trong tu viện Thăm Viếng thời trước Ma-ga-ri-ta A-la-côc, xem Hélène Bordes và Jean Marie Lemaire, “L’oraison Visitandine et les sources de Marguerite-Marie”, và Henri Honoré, “Le culte du Coeur de Christ à la Visitation avant Marguerite-Marie” trong *Sainte Marguerite-Marie et le message de Paray-le-Monial*, do R. Darricau-B. Peyrous trách nhiệm (Paris: Desclée, 1993), trg. 75-118 và 119-32.

139 *Oeuvres*, XV, trg. 15, 63-4.

sức để đạt được điều này; và đừng bao giờ nản chí thoái lui. Chớ gì tất cả chúng con sống hòa thuận, một lòng một chí trong Chúa... Nếu chúng con noi gương Người trong mọi thử thách nhỏ mọn và làm cho Thánh ý Người ngự trị trên chúng con, thì Người sẽ tuôn đổ mọi phúc lành trên chúng con... Một lần nữa tự đáy lòng, mẹ thúc giục các con: Nhân danh tình yêu Đấng Cứu độ và Máu Thánh Người, cõi lòng các con hãy hoàn toàn thuộc về Chúa Giê-su.¹⁴⁰

Tuy nhiên đối với hai vị sáng lập, con tim trước hết chỉ là một biểu tượng, một ngôn ngữ hình ảnh hầu diễn tả một quan niệm thần học và thiêng liêng. Hình tượng Thánh Tâm Chúa Giê-su hiện nay chiếm một chỗ rất nổi bật trong giới Công giáo các thế kỷ sau này, thật ra chỉ là một phần nhỏ trong thế giới Sa-lê của các con tim; tuy nhiên nó vẫn hàm một ý nghĩa lớn lao¹⁴¹. Cây thánh giá bạc mà mỗi nữ tu Thăm Viếng từ ngày tuyên khấn đeo trên mình, ở giữa có khắc một trái tim bị đâm thấu, với thánh giá cắm phía trên và ba giọt máu đang tuôn chảy; hai chữ M.A. chỉ tên Đức Mẹ được các ngọn lửa bao quanh,¹⁴² bên dưới là ba ngọn đồi Cal-vê với cảnh vạn tuế tử

140 Francis de Sales, Jane de Chantal: *Lettres of Spiritual Direction*, trg. 261-2

141 Về hình tượng Thánh tâm thời đầu Thăm Viếng, xem H       Bordes và Jean Marie Lemaire, "Quelque aspects de la premier inconographie du Coeur de J      " trong *Sainte Marguerite-Marie et le message de Paray-le-Monial*, trg. 349-76.

142 Nữ tu Thăm Viếng có nhiều lối giải thích về hai chữ tắt MA trên thánh giá của họ: *Mater Admirabilis*, *Mater Amabilis*, *Mons Amoris* đều được cả. H       Bordes trong bài "Quelque aspects de la premier inconographie du Coeur de J      ", trg 355 cho thấy thánh giá Thăm Viếng tương tự như thánh giá của chính Phan-xi-c  , trên đó mang chữ MAR chỉ Maria. Trong phiên bản của Thăm Viếng chữ R bị trái tim che khuất. Bordes gợi ý rằng đây muốn nói lên sự trao đổi con tim giữa Maria và Người Con của Mẹ.

đạo. Trong cùng lá thư viết ngày 10 tháng 6 năm 1611, nhân dịp kỷ niệm một năm thành lập tu viện, Phan-xi-cô đã diễn đạt ước muốn của ngài về huy hiệu biểu tượng cho hội dòng trước thế giới. Ngài gởi một sứ giả mang lá thư ngài viết tới Gio-a-na, “người con thân yêu” và “người mẹ khả kính” của ngài:

...Tu tưởng Chúa ban cho cha đêm qua là Tu viện Thăm Viếng của chúng ta, nhờ ơn Chúa, đã danh giá và quan trọng tới độ phải có huy hiệu, và châm ngôn riêng. Vì thế, thưa mẹ đáng kính, nếu mẹ đồng ý, con nghĩ là chúng ta nên chọn cho huy hiệu một trái tim bị hai mũi tên đâm thấu, một vòng gai bao quanh, và một thánh giá cắm phía trên. Trái tim đáng thương này sẽ được ghi khắc với hai tên cực trọng Giê-su và Ma-ri-a.¹⁴³

Những hình ảnh trái tim như thế sẽ đập vào thị giác mọi người, và như thể đan xen vào từng sợi chỉ của tấm vải Thăm Viếng để diễn tả cách cụ thể thế giới các con tim Sa-lê. Phải tới cuối thế kỷ XVII, một nữ tu Thăm Viếng của tu viện *Paray-le-Monial* là Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-cốc (*Marguerite-Marie Alacoque*) (1647-1690), mới thật sự lên tiếng nói về một lòng sùng kính đích thực đối với Thánh Tâm Chúa Giê-su, lòng sùng kính mà sau này sẽ được Giáo hội Công giáo chấp nhận và phát triển rộng khắp.¹⁴⁴

Theo ý kiến truyền thống trong dòng Thăm Viếng, việc

143 Oeuvres, XV, trg. 15, 63-4

144 Về Ma-ga-ri-ta A-la-cốc, nguồn tra cứu là *Vie et oeuvres de Marguerite-Marie, présentations de Professeur R. Darricau* (Paris: Fribourg: Editions St Paul, 1991) 2 tập.

lá thư của Phan-xi-cô được viết vào đúng ngày thứ sáu sau lễ Mình Máu Thánh Chúa có một ý nghĩa rất lớn đối với lòng tôn sùng Thánh Tâm, vì cũng chính ngày này hơn 60 năm sau, Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a đã được Chúa Giê-su thăm viếng, Vị Khách đã kêu gọi thành lập ngày lễ kính Trái Tim Người. Thực vậy, điều Phan-xi-cô mô tả trên huy hiệu, và những năm sau đó đã được lặp lại trong nhiều dịp khác nhau, mang những nét rất giống với thị kiến Thánh Tâm mà Ma-ga-ri-ta sẽ phác họa sau này để tôn sùng tại tập viện của tu viện.

Tuy nhiên cũng nên lưu ý là Ma-ga-ri-ta A-la-cốc không phải là người đầu tiên khởi xướng lòng tôn sùng Thánh Tâm, cũng như không phải Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan trước đó là những người duy nhất dùng trái tim như hình ảnh cho đời sống thiêng liêng Ki-tô hữu (cho dầu chưa từng có ai dùng hình ảnh này cách căn cơ và rộng rãi như thế).¹⁴⁵ Trái tim trong ngôn ngữ Ki-tô giáo đã được tìm thấy kể từ thời các Giáo Phụ chú giải Kinh Thánh. Các ngài đã coi cạnh sườn Chúa bị

145 Sử tích cổ điển và các nghiên cứu mới đây về lòng tôn sùng: Rev. J. V. Bainvel, SJ, *Devotion to the Sacred Heart: The Doctrine and It's History* (London: Burns, Oates and Washburn, 1924), Faith in Christ and the Worship of Christ, ed. Loe Scheffszyk, do Graham Harrison dịch (San Francisco: Ignatius Press, 1986), và *Heart of the Saviour: A Sumposium on Sacred Heart Devotion*, ed. Joseph Stierli, do Paul Andrews dịch (New York: Herder and Herder, 1958). Về các tác giả và hình ảnh, xem *Spirituality of the Heart*, ed. Annice Callahan. Cũng rất có ý nghĩa nhận xét rằng thời đại mà hai đáng sáng lập Sa-lê sống đã từng được mệnh danh là thời đại đầy chia rẽ giữa các giáo phái và niềm tin, thì "tôn giáo của trái tim lại phát triển". Xem Ted A. Campbell, *The Religion of the Heart: A Study of European Religious Life in the Seventeenth and Eighteenth Centuries* (Columbia, SC: University of South Carolina Press, 1991). Về nguyên ngắm hiện đại tập trung vào biểu tượng trái tim, xem Wendy M. Wright, *Sacred Heart: Gateway to God* (Maryknoll, NY: Orbis/London: Darton, Longman and Todd, 2001).

đâm sâu, và nước cùng máu chảy ra (Ga 19:34) chính là hình ảnh của Hội Thánh với hai nguồn mạch bí tích Rửa Tội và Thánh Thể. Cạnh sườn bị đâm sâu chính là kẽ đá từ đó mạch nước vọt ra (Ga 7:37-38; Is 53:5; 1Cr 10:4; Dtc 2:14). Các Giáo phụ luôn coi Hội Thánh như được sinh ra từ vết thương cạnh sườn, từ trái tim Đức Ki-tô. Cũng vậy các ngài ghi nhận hình ảnh Gio-an, người môn đệ Chúa yêu, tựa đầu vào ngực Đức Giê-su (Ga 13:23-24) để coi ngài như mẫu gương đầu tiên của đời sống chiêm niệm, con người tâm tình với Trái Tim Đức Ki-tô.

Lời chú giải kiểu biểu tượng của các Giáo Phụ thời đầu đã được triển khai sâu rộng thêm vào thời trung cổ, và mở ra một hình thức đạo đức cá nhân thâm sâu được vun trồng cách riêng trong giới tu sĩ. Trọng tâm chuyển từ Chúa Ki-tô mang thương tích tới chính vết thương; cạnh sườn bị đâm sâu trở thành tâm điểm của lòng tôn sùng. Hình ảnh đó trở nên biểu tượng tuyệt hảo của tâm giao, của tương quan tình yêu giữa Đấng tạo thành và tạo vật. Từ đó triển khai thành một thứ thần nghiệm về Trái Tim, dùng ngôn ngữ của Điểm Tình Ca như lăng kính giải thích tương quan giữa Thiên Chúa và con người. Người thần nghiệm, vì ước mong kết hiệp, sẽ uống từ mạch cạnh sườn, sẽ ẩn náu trong vết thương mở ra, và sẽ hòa nhập với Thiên Chúa thông qua cạnh sườn rướm máu. Vết đồng này được coi như cánh cửa mở ra để đi vào Thánh Tâm. Trong căn phòng huyền nhiệm bậc nhất đó, màu nhiệm ẩn dấu thâm sâu của tình yêu Thiên Chúa được phát lộ cho người tình của Chúa là vị hôn thê, là chim câu làm tổ trên kẽ đá (Dtc 1:14; 4:9). Vào thế kỷ XIII, các phụ nữ thuộc nhóm sùng mộ của tu viện *Helfta* vùng sông *Rhein*, mà nhân vật nổi bật hơn cả là *Gertrude* Cả và *Mechtilde von Hackborn*, đều đã nhận được thị kiến Chúa

hiện ra để mạc khải Thánh Tâm Người.

Vào cuối thời Trung cổ, kinh cầu, kinh đọc, chuyện kể về các thị kiến, tranh vẽ và tượng điêu khắc tập trung vào vết thương và trái tim xuất hiện rất nhiều. Lòng sùng kính Trái Tim bị thương tích trong suốt thời trung cổ gắn liền với các dòng tu Xi-tô, Biển-đức, Phan-sinh, Đa-minh và *Carthusian*. Trong thế kỷ XV, lòng sùng kính này vượt ra khỏi các tu viện và rõ ràng đã thấm nhiễm vào truyền thống đạo đức của giáo dân. Qua thế kỷ XVI, tu hội Chúa Giê-su (dòng Tên) đã tiếp thu lòng sùng kính này. Như vậy, qua tất cả các đoàn thể này, từ tập hợp thần nghiệm thời trung cổ cho đến truyền thống các tượng ảnh, tất cả các nhánh của lòng sùng kính Thánh Tâm đã cùng tuôn đổ vào một con sông, mà đáy sông chính là truyền thống Sa-lê vừa xuất hiện.

NHỮNG NĂM ĐẦU

Như vậy, khi Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-cốc gia nhập cộng đoàn Thăm Viếng tại *Paray-le-Monial* năm 1671, đã có cả một lịch sử lâu đời về lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giê-su. Tuy nhiên đó chỉ là lòng tôn sùng bình dân và cá nhân, chưa được quảng bá rộng rãi cũng như – điều này kể cũng hơi lạ – chưa được phổ biến ngay tại chính tu viện *Paray-le-Monial*; thật vậy, các thực hành Ma-ga-ri-ta muốn du nhập vào tu viện đều bị coi là quá mới mẻ. Tuy nhiên đã có nhiều dấu hiệu cho thấy vào thời cuối thế kỷ XVII, lòng tôn sùng này ngày càng trở nên hệ thống hóa và có nền tảng thần học hơn trước. *Jean Eudes* - vị sáng lập dòng *Eudist* và là người tiêu biểu trường phái linh đạo Pháp hoạt động ở miền bắc nước Pháp khá xa

tu viện *Paray* ở miền Trung Nam - năm 1668, *Eudes* đã sáng tác bản văn dùng trong Thánh Lễ đầu tiên kính Thánh Tâm Chúa, đồng thời ngài cũng viết một tiểu luận thần học đầu tiên về lòng tôn sùng này với nhan đề *Thánh Tâm Chúa Giê-su*.¹⁴⁶ Cùng thời kỳ đó các tu sĩ dòng Tên cũng đã tích cực truyền bá lòng tôn sùng này.

Trong số các vị này có *Claude la Colombière* (1641 - 1682), người mà vào năm 1675 được trao nhiệm vụ làm cha giải tội tại tu viện Thăm Viếng *Paray*. Cha phát hiện trong nhóm nữ tu có một chị mới tuyên khấn đã thổ lộ các mặc khải mà chị quả quyết là nhận được từ Chúa Ki-tô liên quan tới các mong ước của Thánh Tâm Người. Ma-ga-ri-ta không dễ gì bộc lộ tâm tình; trong cộng đoàn chị còn bị coi là quá trẻ và bề ngoài xem ra không mấy thích hợp với các thị kiến như thế. Chị đã chọn đời tu mặc dầu bị gia đình phản đối, và đã nhập dòng với ý thức rõ về tương quan nội tâm đang triển nở với Chúa Giê-su dấu yêu. Những năm thơ ấu của chị cũng đầy đầy những khó khăn; cha chị qua đời để lại chị và một bà mẹ đơn độc sống hoàn toàn lệ thuộc vào bà con họ hàng. Lúc còn là cô gái trẻ, chị thường hướng về Chúa Giê-su như hướng về một người bạn, và Ngài đã dắt đưa chị vào đời tu sĩ. Thật vậy, chị đã thân thiết với Chúa tới độ hầu như hai người đã liên tục hàn huyên với nhau. Có lúc cuộc đàm đạo làm chị quên mất cả việc giữ luật tu viện. Người ta thường nhắc đi nhắc lại câu chuyện khi chị còn là một nữ tu trẻ được trao công việc canh chừng bày súc vật không để chúng xông vào phá vườn rau tu viện; hôm đó Ma-ga-ri-ta đã rơi vào cơn ngất trí và chị để bày

146 Xem *The Sacred Heart of Jesus by Saint John Eudes*, bản dịch của Dom. Richard Flower, OSB (New York: Kenedy and Sons, 1946).

súc vật ngốn hết sạch các luống rau. Chỉ sau này khi các mạc khải về Thánh Tâm được công nhận, người ta mới kể lại giai thoại này với vẻ hài hước thích thú. Cho tới khi cha *Claude la Colombière* xuất hiện, nữ tu trẻ này vẫn bị một số người coi như phần tử có vấn đề trong cộng đoàn, mặc dầu một số bề trên hữu trách đã bắt đầu đánh giá cao các ân thiêng mà chị nhận được.

Chị đã tỏ bày cho cha giải tội ba mạc khải đặc biệt mà chị đã nhận được. Sau này trong chính năm ngài tới tu viện, chị đã nhận thêm mạc khải thứ tư. Lần đầu tiên là vào tháng 12 năm 1672 dịp lễ thánh Gio-an - người môn đệ Chúa yêu - người mà Kinh Thánh nói là đã tựa đầu vào ngực Chúa trong bữa tiệc ly (Ga 13:23-26), đang lúc cầu nguyện trước Thánh Thể như vẫn thường làm, đột nhiên Ma-ga-ri-ta thấy mình như được bao quanh bởi sự hiện diện chính Chúa.

Chúa cho tôi được yên nghỉ hồi lâu trên ngực Người, ở đó Người chỉ cho tôi thấy những điều kỳ diệu của tình yêu Người, và những bí ẩn trước đây chưa từng được tỏ lộ của Thánh Tâm Chúa... Người nói, Trái tim Ta yêu say đắm nhân loại, đặc biệt là con, tới độ nó không thể giữ mãi được ngọn lửa tình yêu lại bên trong. Qua con, nó phải được trải rộng và bộc lộ cho nhân loại được biết...¹⁴⁷

147 *Vie et oeuvres de Marguerite-Marie*, 1:82. Về các bản viết khác của báo cáo này, xem Udouard Glotin, "Un Jour de Saint Jean l'Evangeliste", trong *Sainte Marguerite-Marie et le message de Paray-le-Monial*, trg. 211-65.

Trong cuộc gặp gỡ với Chúa, nữ tu Thăm Viếng trẻ đã được cảm nghiệm một cuộc “trao đổi con tim”. Chúa Giê-su xin chị trao cho Người quả tim của chị; Người đặt nó vào trong Con Tim của Người, rồi trả lại cho chị con tim đang rực cháy như một quả cầu lửa hình trái tim. Bảo chứng tình yêu này của Người cũng đồng thời sẽ là chia sẻ các đau khổ Người phải chịu. Đau khổ từ đây sẽ luôn đeo đẳng chị và chị sẽ trở thành người tích cực mang tình yêu đau đớn cứu độ của Chúa đi vào thế giới. Sau đó Chúa Giê-su đặt cho chị một cái tên mới: “Người Môn đệ Yêu Dầu của Thánh Tâm Ta”. Thị kiến đầu tiên này được tiếp nối bằng ba lần mặc khải khác mở rộng hơn sứ mệnh mà chị đã được trao phó. Chị phải cố sức việc cử hành Thánh Lễ kính Thánh Tâm mỗi thứ sáu đầu tháng; chị phải khích lệ việc giữ một giờ cầu Thánh Thể vào tối thứ năm rạng thứ sáu để tưởng nhớ Chúa Giê-su hấp hối trong vườn Cây Dầu; quan trọng hơn hết là chị phải thúc đẩy việc thiết lập lễ kính Thánh Tâm Chúa hàng năm vào ngày thứ sáu tiếp theo lễ phụng vụ *Corpus Christi* (lễ kính Mình Máu thánh Chúa).

Các mặc khải trên chứa đựng một âm sắc linh đạo rất độc đáo; chúng nhấn mạnh trên các việc đạo đức liên quan tới thái độ thờ lạy phạt tạ; thờ lạy vì Thánh Tâm đã yêu mến nhân loại tới mức tự hiến đến thế mà lại phải đau khổ nhiều vì chính tình yêu đó. Ma-ga-ri-ta liên kết mỗi khổ đau không ngại của Thánh Tâm với sự chênh mảng trong đời sống tu trì, với việc khinh khi mà các người chối bỏ, hoặc chủ trương không cần thường xuyên lãnh nhận, bí tích Thánh Thể ban nguồn ơn thánh dồi dào này. Đền bù vì Thánh Tâm bị xúc phạm: các việc đạo đức mà người nữ tu Thăm Viếng trẻ phác họa lên sẽ nhằm “bù đắp” tình yêu mà các thiệt hại đã gây ra.

Khi nghe người nữ tu mình hướng dẫn báo cáo các mạc khải chị nhận được, cha *Claude la Colombière* tin chắc rằng các mạc khải trên là xác thực. Cả hai vị tu sĩ này đều như thấy nơi các thông báo này của Chúa một lời mời gọi. Tháng 06 năm 1675 họ tận hiến mình cho Thánh Tâm Chúa và cho sứ mệnh họ tin là đã được Chúa ủy thác cho. Tuy nhiên bất chấp những lời cam kết mọi sự vẫn không diễn ra hoàn toàn êm đẹp. Chỉ ít lâu sau, cha *Claude* bị chuyển sang Anh quốc, ở đó chiếu theo luật buộc tuyên thệ trung thành với nhà vua, cha bị bắt bớ. Ngải qua đời năm 1679 do đau bệnh vì chịu đựng các thử thách khắc nghiệt. Về phần Ma-ga-ri-ta: Ngay trong chính cộng đoàn, tư tưởng của chị chỉ nhận được một sự dè dặt đầy lạnh nhạt. Cả trong tu viện Thăm Viếng lẫn bầu khí thiêng liêng chung vào cuối thế kỷ XVII, người ta vẫn thường nghi ngại các việc đạo đức mới mẻ hay các kinh nghiệm thiêng liêng mang tính cá biệt. Thời đó đời sống nữ tu Thăm Viếng được coi là mẫu mực khi giữ nhiệm nhặt luật dòng trong vâng phục đơn sơ và khiêm tốn; tu sĩ được ca ngợi khi họ được coi là “luật sống”. Vì thế chị khấn sinh trẻ có nhiều thị kiến sẽ bị coi là quá độc đáo; chị cần phải được thẩm tra kỹ lưỡng và bị thử thách nhiều để đo lường chị khiêm tốn tới đâu.

Dần dần sau này chị mới có thể thi hành sứ mạng được trao. Vào năm 1685 chị được trao nhiệm vụ giáo tập (sự kiện chứng tỏ chị đã chiếm được sự tín nhiệm của cộng đoàn) và tháng 7 năm đó, bức ảnh Thánh Tâm, phỏng theo hình ảnh chị đã thấy trong thị kiến và gợi nhớ trái tim thêu trên cờ hiệu của dòng Thăm Viếng, được trưng bày và được các tập sinh và vị giáo tập tôn kính. Như vậy là lòng tôn sùng Thánh Tâm đã đạt được một bước tiến. Việc lan truyền lòng tôn sùng này sau đó

sẽ phân thành hai nhánh, nhánh dòng Thăm Viếng và nhánh dòng Tên.¹⁴⁸

LÒNG TÔN SÙNG LAN RỘNG

Vẫn còn một số trở ngại phải vượt qua ngay trong nội bộ cộng đoàn *Paray*, nhưng dần dần, việc thực hành vượt ra ngoài tập viện và lòng sùng kính Thánh Tâm được cả tu viện chấp nhận. Người ta tiến hành kế hoạch xây dựng trong khu vườn tu viện một ngôi nhà nguyện với mục đích riêng là tôn sùng Thánh Tâm theo cách Ma-ga-ri-ta đã mô tả trong thị kiến. *Paray-le-Monial* trở thành tâm điểm phổ biến lòng tôn sùng. Dần dần các tu viện Thăm Viếng khác cũng du nhập việc thực hành, trước hết là các tu viện về địa dư gần với *Paray*, hoặc tu viện có nữ tu thường xuyên thư từ qua lại với Ma-ga-ri-ta. *Autun, Dijon, Charolles, Moulins* và *Pa-ri* nằm trong số các tu viện sớm khuyến khích lòng tôn sùng nhất. Thật đáng chú ý là việc cổ súy này, không còn mang tính riêng tư cá nhân, mà đã trở thành chương trình cộng đoàn “chiếm cả không gian lẫn cõi lòng” ngay bên trong thế giới Thăm Viếng.¹⁴⁹ Nguyện đường được xây dựng, tranh ảnh được vẽ mô tả các đấng sáng lập Sa-lê, hoặc Ma-ga-ri-ta sau khi bà qua đời. Một số nhà nguyện được xây dựng bên trong tu viện, và vì thế chỉ dành riêng cho các nữ tu, số khác được xây dựng bên cạnh tu viện và được

148 Xem Marilyn Masse, “La Visitation et la dévotion au Sacré Coeur”, trong *Visitation et Visitandines*, trg. 461-82 và E. Glotin, “Sainte Marguerite-Marie et les Jesuites” trong *Sainte Marguerite-Marie et le message de Paray-le-Monial*, trg. 323-48.

149 Masse, “La dévotion au Sacré Coeur”, trg. 469.

mở ra cho bốn đạo; giáo dân cũng đóng góp tiền của vào các việc xây dựng này. Rồi các hội đoàn Thánh Tâm được thành lập cho phép dân chúng tham gia vào việc thờ lạy và phạt tạ, dưới tà áo bảo trợ của dòng Thăm Viêng. Trong khi đó, khía cạnh phụng vụ của lòng tôn sùng cũng tiến triển nhanh chóng; Thánh Lễ và kinh cầu kính Thánh Tâm được các nữ tu Thăm Viêng chúc tác, và tại một vài nơi lễ kính Thánh Tâm đã bắt đầu được cử hành.

Niềm phấn khởi tôn sùng Thánh Tâm, lấy Chúa làm trung tâm, đã lây lan rất nhanh. Khi viết cho cha dòng Tên *Jean Croiset* vào năm 1689, Ma-ga-ri-ta đã thổ lộ:

Thánh tâm là nguồn mạch vô tận, từ đây ba mạch suối tuôn trào. Trước hết là mạch xót thương tuôn tràn trên kẻ tội lỗi mang lại cho họ tinh thần đau buồn sám hối. Mạch thứ hai là bác ái mang lại ủi an cho các kẻ đau buồn vì thiếu thốn các loại, nhất là những người khao khát vươn tới sự hoàn thiện; những người này sẽ tìm được phương thế để thắng vượt các khó khăn nhờ sự trợ giúp của các thiên thần. Thứ ba là mạch tình yêu và ánh sáng cho các bạn hữu trọn lành muốn kết hiệp với Người... Tuy nhiên Thánh Tâm Chúa sẽ là chốn nấu nướng an toàn và bền vững bảo đảm trong giờ chết cho tất cả những ai có lòng tôn sùng Thánh Tâm khi còn sống; Thánh Tâm sẽ che chở và bền vững chờ họ.

Viết thư này cho cha, con muốn đề cập tới một điều đã xảy ra cho chính con; đó là Thánh Tâm như một ngọn cây tuyệt vời đã đâm rễ sâu trong hội dòng Thăm Viêng chỉ vì hội dòng này thấp hèn. Ở đó quyền năng cao cả của Thánh Tâm mới bộc lộ được tất cả sự vĩ đại đáng

kinh ngạc của nó. Cây này sẽ mang lại hoa thơm quả ngọt đổi lại với độc dược tội lỗi, và hoàn lại sức sống cho các linh hồn.¹⁵⁰

Một thói quen của Thăm Viếng có từ thời đầu là chọn bề trên từ một cộng đoàn khác, có nghĩa là đôi nhân sự giữa các nhà; do đó một bề trên từ cộng đoàn có lòng tôn sùng mạnh mẽ sẽ khích lệ lòng tôn sùng khi tới cộng đoàn mới. Vào thời điểm Ma-ga-ri-ta qua đời năm 1690, việc quảng bá lòng tôn sùng đang trên đà tiến mạnh. Điều đáng nói là, mặc dù rất tích cực bênh đỡ lòng sùng kính sau khi được đặt làm giáo tập, Ma-ga-ri-ta vẫn chưa hề hé lộ môi tiết lộ các thị kiến mạc khải là nguồn gốc của lòng tôn sùng này. Chỉ sau khi những ghi chú tuần tĩnh tâm năm 1677 của cha *Colombière* được đọc lớn tiếng trong nhà cơm tu viện, cộng đoàn *Paray* mới biết là giữa họ hiện diện một nữ tu đã được thị kiến. Một khi xác tín rằng các thị kiến kia là chân thực, các bề trên khích lệ Ma-ga-ri-ta ghi lại toàn bộ các cảm nghiệm của chị.¹⁵¹ Chị sẽ không bao giờ viết xuống cuốn tự thuật thiêng liêng nếu cha giải tội là cha *Rolin* đã không đòi chị phải viết. Thực thế, khi cha *Rolin* vừa chấm dứt chức vụ và không còn ép buộc chị phải vâng lời ngài, chị đã ngừng viết luôn. Tuy nhiên lúc đó thì lòng tôn sùng đã có được sức sống vượt xa lúc khởi đầu rồi.

150 *The Letters of St Margaret Mary Alacoque: Apostle of the Sacred Heart*, bản dịch của Clarence A Herbst, SJ. in lại ấn bản Anh ngữ năm 1954 (Rockford, IL: Tan Books, 1997) trg. 222-3.

151 Hồi ký của Ma-ga-ri-ta A-la-cốc được thấy trong cuốn I của Ấn Bản nghiên cứu 1991 *Vie et oeuvres de Marguerite-Marie*. Nên xem *Sainte Marguerite-Marie: Sa Vie par elle-même* (Paris: Edition Saint Paul, 1979).

HỖ TRỢ CỦA DÒNG TÊN

Cùng với dòng Thăm Viếng, các cha dòng Tên cũng rất tích cực quảng bá việc tôn thờ Thánh Tâm. *Claude la Colombière* chỉ là người đầu tiên trong số các bạn tâm giao của Ma-ga-ri-ta. Đã luôn có một sự liên kết chặt chẽ giữa dòng Tên và Thăm Viếng; đáng sáng lập Phan-xi-cô đã từng theo học trường dòng Tên, chịu ảnh hưởng nặng nề của nhân giới nhân văn Ki-tô của dòng Tên và được đào tạo bởi linh thao Tu hội này thực hành; suốt đời ngài tìm được chỗ dựa thiêng liêng nơi các cha giải tội dòng Tên. Hơn nữa ngay từ thời đầu của Hội dòng, ngài đã yêu cầu Gio-a-na San-tan phải chọn các cha dòng Tên làm cha giải tội cho các tu viện Thăm Viếng, bởi vì ngài tin rằng chỉ các linh mục này mới thấu triệt tinh thần độc đáo của cộng đoàn. Qua nhiều thập niên sự cộng tác giữa dòng Tên và dòng Thăm Viếng vẫn tiếp tục cho đến hoàn cảnh lịch sử có đổi thay; điều này càng đúng hơn trong chính thành phố *Paray-le-Monial*. Vào thập niên cuối thế kỷ XVII, tâm trạng Giáo hội và xã hội Pháp rất khác xa với những gì xảy ra vào đầu thế kỷ; vua Lu-y XIV, vị Vua Mặt Trời, đang trong kỳ hiển hách nhất. Để tập trung quyền hành hơn nữa ông quyết định chấm dứt kỷ nguyên nhân nhượng tôn giáo đã từng tồn tại ở Pháp từ gần một thế kỷ qua; *Huguenots* – phe Tin Lành Pháp – bị trục xuất và Giáo hội Công giáo được công nhận và cổ súy với sức mạnh quân sự của nhà vua. *Paray-le-Monial* là địa phương có nhiều gia đình phái *Huguenot* giàu có sinh sống. Sau khi họ bị trục xuất, các cộng đoàn tu sĩ Công giáo như Thăm Viếng, dòng Tên lấp đầy các khoảng trống họ để lại, với nhiệt tình truyền giáo cao độ để đoạt lại dân chúng về cho Hội Thánh Rô-ma. Trước đó các linh mục dòng Tên cấp tiến đã

truyền bá một lòng tôn sùng Thánh Tâm Giê-su trong sứ mạng truyền giáo của họ; và khi cuốn ghi chú tinh tâm của *Claude la Colombière* được xuất bản sau khi ông qua đời đăng tải các thị kiến của Ma-ga-ri-ta A-la-cốc, nhiều cha dòng Tên khác đã đứng ra bảo trợ và hiệp tác với sứ mệnh của chị, trong số này đặc biệt hai vị là *Jean Croiset* (1656 - 1738) và *Joseph de Gallifet* (1663 - 1749) đã rất tích cực trong công việc này. Vị sau này đã được đào tạo dưới sự linh hướng của *Colombière*, và vì một lời khấn hứa khi gặp hiểm nghèo gần chết, cha đã cống hiến những năm cuối đời cho việc cổ súy lòng tôn thờ Thánh Tâm. Tác phẩm lớn của *Gallifet* đưa ra giải thích lý do cần phải mau thiết lập chính thức lễ phụng vụ. *Jean Croiset* viết một cuốn sách lưu hành rộng rãi nhan đề “*Lòng Tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giê-su Ki-tô*” gồm cả một tiểu sử về Ma-ga-ri-ta A-la-cốc, trong đó nêu lên các lý do của việc thực hành và vun trồng lòng tôn sùng Thánh Tâm Chúa.¹⁵² Cuốn sách cũng có những bài suy niệm dành cho các dịp lễ mừng Thánh Tâm như tuần bát nhật *Corpus Christi* và Thánh lễ các ngày thứ sáu đầu tháng.

Thánh Tâm, với sứ điệp tình yêu bao la Chúa tuôn đổ trong nguồn mạch Thánh Thể, là lòng sùng kính rất thích hợp cho việc tái truyền giáo đất nước. Tiến trình này sẽ được tiếp tục qua các thế kỷ XVII và XIX, và lòng tôn sùng Thánh Tâm ngày càng gắn chặt với các chuyển biến chính trị và xã hội tại Pháp. Mặc dầu lòng sùng kính có phát triển vượt ra ngoài bức

152 Xem E. Glotin, “*Sainte Marguerite-Marie et les Jésuites*” nhất là liên quan tới các đóng góp của Croiset. Bản dịch Anh ngữ tác phẩm của John Croiset: *The Devotion to the Sacred Heart of Our Lord Jesus Christ*, dịch từ bản Pháp ngữ xuất bản tại Lyons năm 1694 do Patrick O’Connell dịch (Westminster, MD: Newmwn Press, 1948).

tường tu viện Thăm Viếng hay các hội đoàn đạo đức giáo dân được các nữ tu nâng đỡ, nhưng tự bản chất, hội dòng vẫn gắn liền với Thánh Tâm và trong các giai đoạn máu chót, các nữ tu hay tu viện Thăm Viếng vẫn giữ một vai trò thiết yếu trong việc phát triển lòng tôn sùng này.¹⁵³

Việc tôn sùng càng trở nên thúc bách khi Ma-ga-ri-ta viết cho vua Lu-i XIV một sớ điệp rút ra từ thị kiến, nhưng không được vua phúc đáp (có thể vì đã không hề nhận được). Sớ điệp như sau: Nhà vua phải khắc biểu tượng Thánh Tâm trên cờ hiệu, trên vũ khí, trên tim mình và tim của các cận thần trong triều. Nếu đáp lại việc tận hiến này, nhà vua sẽ được bảo đảm chiến thắng trên quân thù, nhà vua và Thánh Tâm sẽ trở thành đồng minh trong một xã hội đang bị bẻ rối và đấu tranh chính trị cầu xé. Việc tận hiến yêu cầu đã không bao giờ được thực hiện, nhưng sớ điệp của nữ tu Thăm Viếng và niềm hy vọng chính trị - tôn giáo nó nhen nhúm sẽ không bao giờ tắt, kể cả sau khi bà qua đời năm 1690. Bốn chục năm sau, *Henri Francois de Belsunce*, giám mục giáo phận *Marseilles*, đã dâng hiến thành phố cho Thánh Tâm với niềm tin tưởng rằng, làm như thế Thánh Tâm sẽ ban xuống trên thành phố muôn vàn hồng ân; lý do của việc dâng hiến này là đang bộc phát một trận dịch trên toàn thành phố cảng vào năm 1720. Trong hành động này *Belsunce* đã được một nữ tu Thăm Viếng khác là *Anne-Madeleine Remuzat* của tu viện *Marseilles* cổ vũ. Giống như Ma-ga-ri-ta được thị kiến trước đó, *Anne-Madeleine* cũng có cảm nghiệm được ngắt trí kết hiệp với Thánh Tâm, được tham

153 Chuyện tích hấp dẫn về Thánh Tâm Chúa và chế độ quân chủ Pháp được kể chi tiết trong Raymond Jonas, *France and the Cult of the Sacred Heart: An Epic Tale for Modern Times* (Berkeley and Los Angeles: University of California Press 2000).

gia trao đổi con tim, được tên Giê-su khắc trên ngực, thậm chí được in các dấu thánh để biểu lộ bà được kết hiệp mật thiết với Đấng chịu đóng đinh. Giám mục *Belsunce* coi trận dịch như biểu tượng cơn bệnh thiêng liêng mà xã hội Pháp đang trải qua; ngài tham gia chiến dịch đền tội công khai các tội lỗi xã hội đang phạm; rồi ngài trước hết, và sau đó toàn thể giáo phận đã tận hiến cho Thánh Tâm Chúa. Hành động của vị giám mục đã khơi dậy trí tưởng tượng của quần chúng Công giáo Pháp: Cơn thịnh nộ Chúa có thể được ngăn chặn nhờ thống hối và khẩn cầu; cộng đoàn Công giáo phải kéo được ơn giải thoát nhờ các vết thương nơi Thánh Tâm Chúa.

Tới cuối thế kỷ XVIII, sự tích *Marseilles* đã trở thành tiêu đề trong cảm nang hướng dẫn dân chúng về lòng sùng kính Thánh Tâm. Nó tăng cường sức mạnh cho các lực lượng Công giáo và bảo hoàng đang yếu thế trong cuộc chiến chống lại sức mạnh đang bùng phát của Cách mạng Pháp. Cuộc nổi dậy chính trị khốc liệt, với các hệ quả lâu dài và đẫm máu của nó, đã ảnh hưởng sâu sắc tới số mệnh của biểu tượng Thánh Tâm. Cho dầu lúc đầu các lực lượng cách mạng không hề muốn tấn công Giáo hội (một cuộc khủng hoảng tài chánh của triều đình mới là ngòi nổ cho cuộc cách mạng bùng nổ), một số biến cố đã dẫn tới cuộc chiến dân sự tàn khốc giữa hai giá trị siêu hình: Thiên Chúa của Công giáo Rô-ma được nền quân chủ và phe bảo hoàng bên vực, và quần chúng Pháp chiến đấu cho lý tưởng Cộng hòa. Cả hai phía đều có các vị tử vì đạo gục ngã. Giữa thảm cảnh tương tàn, tin đồn về thị kiến mới của một nữ tu Thăm Viếng vô danh càng lan rộng; qua chị, mệnh lệnh của Chúa Cứu Thế đau khổ vang lên: Hãy làm sống lại đức tin của quần chúng Pháp nhờ vào lòng tôn sùng Thánh Tâm.

Ảnh tượng Thánh Tâm được sản xuất đại trà, và các tu viện trên khắp đất Pháp phân phát như một thứ bùa hộ mệnh chống lại mọi nỗi hiểm nguy; và trong con mắt phe bảo hoàng, hiểm nguy chính là phe Cách mạng phạm thượng. Chuyện tích về các phép lạ nhận được do lòng tôn sùng Thánh Tâm mang lại xuất hiện đầy dẫy khắp nơi. Thánh Tâm và các việc thực hành kèm theo được coi là giải pháp cho cuộc khủng hoảng cấp quốc gia. Một thí dụ điển hình được ghi nhận trong lá thư dài do Mẹ *Marie-Jéronyme Vérot*, bề trên tu viện Thăm Viếng tại *Lyons* viết vào năm 1794.¹⁵⁴ Lá thư tỉ mỉ ghi lại từng thời điểm số phận của cộng đoàn từ lúc bị đe dọa, giải tán, các nữ tu trốn chạy ra nước ngoài và cuối cùng tập hợp lại tại *Mantua*, nước I-ta-li-a. Trọng tâm nâng đỡ tinh thần tu viện trong suốt thời gian bị vây hãm chính là việc thực hành các ngày Thứ Sáu Đầu Tháng kính Thánh Tâm Chúa như Ma-ga-ri-ta A-la-cốc đã phác họa. Các nữ tu cũng được an ủi vì lưu giữ được (bất chấp các hiểm nguy rất lớn) trái tim của đáng sáng lập Phan-xi-cô Sa-lê, một thánh tích mà các chị tin là đã ban phát muôn ơn che chở phù trì.

Cũng có thể được coi là tiêu biểu cho sự liên kết chặt chẽ giữa các cộng đoàn Thăm Viếng với Thánh Tâm là một kinh đọc trích từ biên niên sử thế kỷ XVIII của tu viện *Nantes*.

Ôi, lạy Thánh Tâm Giê-su rất đáng kính chuộng mọi đàn ông, đền thờ của Ba Ngôi cực thánh cực trọng, lò lửa sốt mến, đại dương ân lành, kho chứa mọi niềm sướng vui, nguồn suối vô tận mọi ơn thiêng, chính từ

154 *I Live You My Heart: A Visitandine Chronicle of the French Revolution: Mother Marie Jeronyme Verot's Letter of 13 May 1794, co Péronne-Marie Thibert, VHM dịch* (Philadelphia: Saint Joseph's University Press, 1990).

nơi Thánh Tâm chúng con muốn kín lấy nguồn nước thống hối chân thành vì đã không yêu mến Chúa cho đủ, vì đã xúc phạm đến Người. Ngoài ra chúng con xin được chọn Thánh Tâm là nơi ẩn náu, là chôn nường thân, là trọn niềm hy vọng của chúng con. Mọi người nói chung và từng người cách riêng, chúng con chọn Thánh Tâm là Đấng cải tổ hùng mạnh của chúng con. Ôi, lạy Chúa Cứu Thế, xin ban cho chúng con trái tim khiêm nhường, để bảo trước hồng ân Chúa ban, thống hối và khiêm hạ: Chúng con cầu xin Chúa cậy nhờ lòng thương xót vô bờ của Chúa.

Xin giữ chúng con lại trong Trái Tim Chúa, và gìn giữ chúng con thoát khỏi cơn giận dữ của kẻ thù, cả hữu hình lẫn vô hình. Xin giải thoát chúng con khỏi tính kiêu ngạo và tự phụ, và xin ban cho chúng con trái tim sốt mến, để dưới sự che chở của Thánh Tâm Chúa, chúng con sẽ trở thành một đoàn thể nhiệt thành, khiêm nhu và trung thành nắm giữ luật Chúa. Ôi lạy Chúa Giê-su rất thánh, chúng con nài xin Chúa các ơn này cậy vì lòng mến Thánh Tâm Chúa, vì yêu mến Mẹ Thánh Người, và vì các đấng sáng lập hội dòng chúng con, để Chúa luôn tìm thấy giữa các nữ tu của tu viện chúng con những tâm hồn thờ lạy chân chính, các nạn nhân và nô lệ luôn sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh Chúa.

Chính để lãnh nhận được các ơn lành này, chúng con xin dâng cho Chúa cả chục lần chào đón mỗi năm, đồng thời đặt bút ký vào tờ cam kết này ngay trước mặt nhật Thánh Thể Chúa nơi Chúa ẩn mình trong Phép Thánh Thể nhiệm mầu, với ý chỉ trong tất cả các lần rước lễ được lập lại kinh đọc này đồng thời làm việc phạt tạ Trái Tim cực thánh Chúa vì những xúc phạm chúng

con hoặc những người tội lỗi gây nên. Ngợi khen và thờ lạy Thánh Tâm Chúa Giê-su trong phép Thánh Thể trên bàn thờ. A-men.¹⁵⁵

Thánh Tâm trở thành biểu tượng rõ rệt nhất của khuynh hướng phản cách mạng. Phe Cộng hòa đang lên được gán cho đặc tính như một âm mưu chống lại bàn thờ và ngai vàng, vì thế Thánh Tâm được coi như thuẫn đỡ và cứu tinh của nước Pháp. Sự phổ biến rộng rãi lòng sùng kính một phần xuất phát từ niềm xác tín của nhiều người cho là Vua Lu-i XVI cùng hoàng tộc và chính nước Pháp đã được bí mật dâng hiến cho Thánh Tâm Chúa. Ngay cả khi vua cùng hoàng hậu đã bị giết chết, biểu tượng này cũng không mất đi hiệu năng. Thực vậy, Thánh Tâm đã trở nên cờ hiệu dưới đó nhiều kế hoạch nổi dậy núp bóng, cũng như biểu hiệu của nhiều nhóm bảo hoàng cực đoan thúc đẩy việc khôi phục lại thể chế quân chủ. Đó cũng là biểu tượng trung tâm của hàng ngàn nỗ lực tái Ki-tô hóa nước Pháp trước làn sóng Cách Mạng đang nổi lên như cồn. Nhiều dòng tu mới đã mọc lên trên mảnh đất cháy bỏng này chọn Thánh Tâm làm huy hiệu cho mình.

Hình ảnh tiêu biểu này cũng xuất hiện trên ve áo của các chàng trai đáp lại tiếng gọi bảo vệ đức Thánh Cha và vương quốc tòa thánh chống lại phong trào thống nhất quốc gia I-ta-li-a đang phát động mãnh liệt. Sau này khuynh hướng thúc đẩy việc dâng hiến quốc gia cho Thánh Tâm được cụ thể hóa

155 Etienne Catta, *La Vie d'un monastère sous l'ancien régime: La Visitation Sainte-Marie de Nantes (1630-1792)* (Paris: J. Vrin, 1954). Trg. 465-66. Trích dẫn trong *I Love You My Heart*. Trg. 15-16.

qua việc xây dựng các đại thánh đường dâng kính Thánh Tâm Chúa. Vương Cung Thánh Đường kính Thánh Tâm trên đồi *Montmartre* lúc đầu được hoạch định như thánh đường của quốc gia tận hiến, một biểu tượng của sự se duyên giữa nền quân chủ và Giáo hội, và sự đối kháng của văn hóa Công giáo chống lại việc thực hiện các mục tiêu của nền Cộng hòa Cách mạng Pháp.

Dần dần hình ảnh Thánh Tâm vượt ra khỏi biên cương nước Pháp cùng với các ưu tư trần trở của nó để trở thành hình ảnh phổ biến và biểu tượng nhất của giới Công giáo trên toàn thế giới. Các khuôn mẫu của việc thi hành lòng sùng kính được Ma-ga-ri-ta A-la-cốc phát kiến ra từ cuối thế kỷ XVII đã được thể chế hóa vào giữa thế kỷ XVIII như một lòng sùng kính mang tính toàn cầu; lễ Thánh Tâm được thiết lập trong niên lịch phụng vụ vào Thứ Sáu tiếp sau lễ *Corpus Christi* (Minh Máu Thánh Chúa) y như vị nữ tu đã yêu cầu. Rõ ràng là vào lúc này khi thực hành lòng tôn sùng đã lan rộng trong giới Công giáo, nó đã mang một ý nghĩa và sắc thái vượt ra ngoài nội dung Sa-lê ban đầu về một thế giới các con tim như Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan đã mừng tượng. Tới lúc người nữ tu Thăm Viếng vô danh của *Paray* được Giáo hoàng Pi-ô IX phong hiển thánh thì hàng chục dòng tu khác đã được thành lập dưới ánh hào quang của lòng sùng kính này. Khi đức Lê-ô XIII dâng hiến toàn thể nhân loại cho Thánh Tâm vào năm 1899, ngài hàm ý qua đó ngọn cờ Thánh Tâm sẽ tung bay trên toàn Giáo hội để đối nghịch lại với các học thuyết thế tục, khoa học và duy lý (*rationalism*) của thế giới hiện đại.

Bất chấp tất cả các điều trên có xảy ra đi nữa thì ý nghĩa sâu xa nhất của lòng tôn sùng Thánh Tâm mà Ma-ga-ri-ta đã

gợi hứng vẫn hoàn toàn mang tính Sa-lê; đó vẫn là “tâm đôi tâm” với một Đức Chúa đầy yêu thương, để bắt chước (và trong ngày lễ) thánh Gio-an - người môn đệ Chúa yêu, mà người nữ tu Thăm Viếng đã nhận được mạc khải đầu tiên. Chính sự thân mật của chị đã dẫn tới việc trao đổi con tim và được ban tặng cho tước hiệu mới là “tông đồ của Thánh Tâm”. Chân ngôn của dòng Thăm Viếng “Sống Giê-su” phải trở thành sứ mạng dẫn đưa mọi người đến với mạch suối của con tim Thánh Thể. Lòng đôi lòng, Ma-ga-ri-ta A-la-cốc và các anh em dòng Tên đã khởi xướng tác vụ; và lòng đôi lòng, chị cũng đã truyền lại sứ điệp đó cho các nữ tu Thăm Viếng, các giáo dân và các tu sĩ khác. Lời mời gọi đã được gửi tới người nữ tu Thăm Viếng trẻ ở tu viện *Paray-le-Monial* cũng trở thành lời mời gọi gửi tới hết thảy mọi người: “Hãy nhìn xem Trái Tim này đã yêu mến nhân loại biết là đường nào”.

6. THẾ KỶ MUỖI CHÍN: LỄ NGŨ TUẦN SA-LÊ

Tình yêu là như “cầu thang Gia-cóp”, nó nâng chúng ta lên để tinh thần chúng ta được kết hiệp với Thiên Chúa, và nó đưa chúng ta trở lại mặt đất để liên kết chúng ta với anh em đồng loại trong tình yêu thương... Đó là hình ảnh của chính Thiên Chúa, và con người được dựng nên để thông hiệp với Thiên Chúa nhân lành, tham gia vào nguồn ân sủng và hưởng vinh quang với Ngài¹⁵⁶

Phan-xi-cô Sa-lê

Như thế qua nhiều dòng chảy khác nhau, truyền thống Sa-lê đã tiếp tục mang viển tượng về một thế giới của con tìm Thiên Chúa và con tìm nhân loại đi vào thế kỷ XIX. Đời sống của các vị sáng lập Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan tiếp tục được coi như là các mẫu gương sáng ngời. Phan-xi-cô được phong thánh năm 1665 và Gio-a-na năm 1767, và như thế các ngài được nâng lên địa vị các chứng nhân về đời sống Ki-tô hữu và được mừng kính trong niên lịch phụng vụ của Giáo hội toàn cầu.¹⁵⁷ Tới năm 1877, Phan-xi-cô được phong

156 *Khảo luận về Tình Yêu Thiên Chúa*, tập 10, chương 11

157 Lễ Thánh Phan-xi-cô Sa-lê được mừng vào ngày 24 tháng giêng, trong khi lễ của Gio-a-na đã vài lần bị đổi thay. Hiện nay tại Hoa Kỳ, Trung và Nam Mỹ mừng vào ngày 18 tháng 08 (hầu tránh trùng lặp lễ kính Đức Bà Goa-đa-lúp, bốn mạng các quốc gia Châu Mỹ). Trong khi tại các quốc gia khác lễ vẫn được giữ vào ngày 12 tháng 12.

Tiến sĩ Hội thánh, một tước hiệu dành cho các cây bút có văn phong diễn tả sâu sắc học thuyết của Hội thánh Công giáo cách đặc sắc nhất. Lễ phụng vụ tôn sùng Thánh Tâm Chúa mang nguồn gốc dòng Thăm Viếng, và các hiệp hội kèm theo, đã phát triển rộng rãi trên toàn thế giới Công giáo. Cả Ma-ga-ri-ta A-la-cốc cũng được Giáo hội chính thức nhìn nhận; chị được phong chân phước năm 1864 và phong hiển thánh năm 1920. Còn dòng Thăm Viếng, mặc dầu như nhiều dòng tu khác đã chịu thiệt hại nghiêm trọng tại châu Âu trong thời Cách mạng Pháp nhưng lại được du nhập vào Mỹ Quốc.

Xã hội Âu châu và Giáo hội Công giáo vào đầu thế kỷ XIX khác xa xã hội và Giáo hội thời truyền thống Sa-lê được khai sinh hai thế kỷ trước đó. Một tiến trình xã hội mang tính bài Ki-tô giáo đang dần dần xảy ra khắp nơi, cho dầu mức độ rộng khắp và trực diện có khác nhau. Cuộc Cách mạng Pháp đã tước đoạt khỏi Giáo hội nhiều tài sản, làm nền giáo dục Công giáo bị gián đoạn cả một thế hệ, cắt giảm hàng giáo sĩ, tàn phá các cộng đoàn tu sĩ, và tạo đối kháng giữa lý tưởng bình đẳng Cộng Hòa với các lý tưởng của một Giáo hội bị vây khốn. Cuộc chiến tranh *Napoleon* tiếp tục làm cho cuộc rối loạn xã hội càng thêm nặng nề. Thời gian kế tiếp ngay sau cuộc nổi dậy, Giáo hội đã phần nào khởi sắc trở lại. Một hàng giáo sĩ mới bắt đầu được hình thành; họ xuất thân chủ yếu từ giới nông dân và công nhân hơn là từ tầng lớp thượng lưu. Các linh mục mới này thường đánh giá đạo đức cao hơn nghiên cứu tri thức, đồng thời không như các bậc tiền nhiệm, họ ít chống đối các việc đạo đức bình dân cùng thời hơn. Hàng giáo sĩ này lại nhận được sự hỗ trợ của lực lượng nhiều cộng đoàn tu sĩ mới, phần đa là nữ. Các cộng đoàn này được hình thành rõ ràng nhằm phục vụ công tác giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

Vào khoảng giữa thế kỷ, các linh mục và tu sĩ này đã có những đóng góp to lớn vào việc tái lập tầm ảnh hưởng của Giáo hội Công giáo. Tuy nhiên thời kỳ này cũng thấy xuất hiện các chủ nghĩa khoa học, chủ nghĩa thực dụng và các chiến dịch bài giáo sĩ gây nhiều ảnh hưởng và dành đặt sự chấp nhận của quần chúng. Ngoài ra các chính sách không nhất quán của Giáo hội cùng với sự đổi thay các thể chế chính trị càng làm cho con lốc xã hội ngày càng thêm phức tạp. Tại Pháp các khuynh hướng này xuất hiện rõ nét nhất và dần dần lây lan sang các quốc gia chung quanh.

Linh đạo xuất hiện vào hậu bán thế kỷ XIX cũng có những nét cứng cỏi hao hao như thái độ Công giáo thời Công đồng Tri-đen-ti-nô thế kỷ XVIII¹⁵⁸; rất mạnh tính phẩm trật và giáo sĩ trị; nhìn thế giới nói chung và thân xác con người nói riêng như nguồn gốc của mọi thứ xấu sa, và ơn cứu độ được tập trung vào thế giới đời sau mà thôi. Tuy nhiên thời này cũng đã bắt đầu xuất hiện một số đổi thay quan trọng; cách riêng đang nhậ dần một nền mục vụ đặt nền tảng trên sợ hãi đe dọa, cũng như việc áp đặt một nền linh đạo với những lý tưởng cứng cỏi; thần học luân lý nghiêm ngặt của thế kỷ XVIII đã trở nên mềm mỏng hơn, và việc thực hành đền tội cũng đượm nét phụ tử hơn là quan tòa; càng ngày mục vụ càng nhấn mạnh

158 Ralph Gibson, *A Social History of French Catholicism 1789-1914* (New York: Routledge, 1989). Tác giả Gibson mô tả Công giáo tinh thần Công đồng Tri-đen-ti-nô vào thế kỷ XVIII với các đặc điểm sau: ngặt nghèo, giáo sĩ trị, tôn giáo tri thức nghịch với văn hóa quần chúng, giảng dạy một thứ luân lý nghiêm khắc, *contemptus mundi* (khinh miệt trần thế), và áp đặt bằng đe dọa hình phạt trầm luân. Khi Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan bắt đầu thành lập các công đoàn, các qui định của Tri-đen-ti-nô vẫn chưa được áp dụng trọn vẹn vào Pháp. Hơn nữa nội dung cái gọi là đặc tính Công giáo Tri-đen-ti-nô đã không xuất hiện tại Giáo hội Pháp cho tới cuối thế kỷ XVII.

trên tình yêu và sự tha thứ của Chúa hơn; đặc biệt trong bí tích Thánh Thể nổi bật hơn yếu tố tình yêu trao đổi giữa Thiên Chúa và con người. Các cuộc hành hương gia tăng và nở rộ các việc đạo đức đa dạng.¹⁵⁹ Đó là cái thế giới mà trong đó vương quốc Sa-lê của các con tim dễ dàng tìm được đất để bén rễ.

Cuốn sách “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” tiếp tục được dịch và in ra để trở thành sách đạo đức kinh điển. Các tác phẩm vĩ đại khác của Phan-xi-cô Sa-lê như cuốn “*Khảo luận về Tình yêu Thiên Chúa*” trở thành rất nổi danh và đã được dùng làm thủ bản đào tạo hàng giáo sĩ trong một số chủng viện. Một điển hình cụ thể là vào giữa thế kỷ XVIII, một chàng trai trẻ thuộc vùng *Napoli* là *Alphonso Liguori*, sau này sáng lập dòng Chúa Cứu Thế, đã được đào tạo trong hội Tông đồ Truyền giáo nơi nhấn mạnh rất nhiều tới lòng tôn sùng Thánh Thể, sùng kính Mẹ Ma-ri-a và sử dụng các tác phẩm của Phan-xi-cô Sa-lê. Việc đào luyện chàng nhận được đậm nét Sa-lê tới độ, sau này khi Liguori đặt bút viết các sách của mình, ngài thường trung thành trích dẫn từng lời của Phan-xi-cô Sa-lê, hay thoải mái sử dụng các giai thoại trong đời sống vị giám mục thánh này hầu quảng diễn các suy luận của mình. Vào thế kỷ XIX, khi mà

159 Thomas A. Kselman, *Miracles and Prophecies in Nineteenth Century France* (Brunswick, New Jersey: Rutgers University Press, 1983), nhấn mạnh các hiện tượng như phép lạ, in dấu đinh, và Đức Mẹ hiện ra... là lời đáp trả cho thế giới hiện đại đang đe dọa tàn phá cái màn linh thánh đang bao phủ các biểu tượng tôn giáo truyền thống. Việc nhấn mạnh trên đau khổ cứu rỗi và tầm quan trọng của các “linh hồn đền tạ” liên quan tới việc nhìn nhận tội lỗi của thời đại tân tiến, cũng như lý tưởng nghèo khó, đơn sơ, khiêm tốn trong việc vẽ lên chân dung các vị thánh được sử dụng như một phê phán đối với tinh thần theo đuổi giàu sang vô độ, duy lý và phản kháng xã hội của thế giới hiện đại. Việc gia tăng phẩm chất tình cảm trong đạo đức cũng có thể được coi là đồng hành với trào lưu lãng mạn đang thịnh hành đồng thời cũng là từng bước củng cố lại tính tôn giáo nghiêm khắc và trừng trị đang thống trị Giáo hội thời hậu Tri-den-ti-nô.

nền thần học luân lý của *Alphongso Liguori* được chấp nhận dùng trong các chủng viện của Giáo hội Công giáo trên khắp thế giới, các đề tài Sa-lê như tình yêu Thiên Chúa, hòa hợp với thánh ý Chúa, tin tưởng vào lòng thương xót Chúa, ý tưởng thánh thiện xứng hợp với mọi bậc sống, cũng như ý thức sâu đậm Sa-lê về sự hiền dịu và nghệ thuật chinh phục các cõi lòng trong việc chăm sóc mục vụ cũng đồng thời được phổ biến sâu rộng hơn¹⁶⁰. Đương nhiên *Alphongso* giữ được các sắc thái rất riêng của ngài đậm nét bầu khí tôn giáo của thời đại ngài.¹⁶¹

Tuy nhiên linh đạo Sa-lê không chỉ được tiếp nối qua các tổ chức ban đầu và các tác phẩm văn học, hay qua lăng kính hoạt động của các vị khác. Vào giữa thế kỷ XIX truyền thống Sa-lê còn tìm thấy sức sống mới được biểu lộ chủ yếu qua việc thành lập các cộng đoàn tu sĩ và giáo dân được đặt dưới sự bảo trợ của thánh Phan-xi-cô Sa-lê và tham gia truyền bá viễn cảnh thiêng liêng Sa-lê. Hiện tượng này được *Henri I" Honoré* - một học giả Sa-lê đặt tên là “Lễ Ngũ Tuần Sa-lê”¹⁶². Bài viết này không nhằm kê khai đầy đủ các nhóm khác nhau ít nhiều mang

160 Xem *Alphongsus Liguori: Selected Writings*, do Federick M. Jones, CSSR ấn hành (New York/Mahwah: Paulist Press, 1999)

161 Về cuộc tranh luận sự khác biệt giữa Liguori và De Sales, và cách thức nền đạo đức thế kỷ XVII đối nghịch với lòng sùng kính sau đó, xem Ann Taves, *The Household of Faith: Roman Catholic Devotions in Mid-Nineteenth Century America* (Notre Dame: University of Notre Dame Press, 1987) trg 71 tt. Chẳng hạn như khi Phan-xi-cô nhấn mạnh trên tình cảm do nguyện gấm phát sinh phải được hướng tới hành động luân lý thì An-phong lại dùng nguyện gấm để tạo thành ràng buộc tình cảm giữa con người với các đấng siêu hình.

162 Henri I" Honoré, OSFS, “Rammification de la famille Salésienne”. *L"Unidivers Salésien*, trg 459-71.

dấu ấn của tinh thần Sa-lê, nhưng chỉ muốn nêu lên một vài tổ chức được coi là tiêu biểu cho lối diễn đạt tinh thần Sa-lê về thế giới các con tim¹⁶³.

163 Trong số các nhóm mang danh gia đình Sa-lê-diêng, núp dưới bóng các tổ chức do chính Don Bosco thành lập như Tu hội Sa-lê-diêng Don Bosco, Nữ Tu hội Con Đức Mẹ Phù Hộ và Hiệp hội Cộng tác viên Sa-lê-diêng, tuy ở đây không liệt kê thật thấu đáo, ta vẫn phải kể tới các tổ chức như: Con cái thánh Phan-xi-cô Sa-lê hay Nữ tử thánh Phan-xi-cô Sa-lê (Ravenna Italia, 1872), Salesias hay các Sơ của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê (Venizia, 1751); Hiệp hội thế giới các Cựu Học Viên Don Bosco và con cái Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu; Tu hội đời Chí Nguyên Don Bosco; Nữ tử Thánh Tâm Chúa Giê-su và Mẹ Maria (Colombia, thành lập năm 1910 và chính thức được công nhận năm 1983); Tận hiến Sa-lê-diêng Thánh Tâm Chúa (Italia, 1933/1983); Nữ Tông Đồ Thánh Gia Thất (Italia, 1889/1984); Nữ tu Caritas Miyazaki (Nhật Bản, 1937/1986); Nữ tu Truyền Giáo Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu (Ấn-độ, 1942/1986); Nữ tử Trái Tim Vẹn Sạch Đức Maria (Thái-lan, 1957/1987); Nữ tử Đáng Cứu Chuộc (El Salvador, 1956/1987); Nữ tử Chúa Giê-su Hải Đồng (Bra-sin. 1938/1987); Hiệp hội Quý Bà Sa-lê-diêng (Damas Salesianas, Venezuela, 1968/1988); Nữ tu Giáo Lý của Mẹ Vô Nhiễm và Phù Hộ các Giáo Hữu (Ấn-độ, 1948/1992). Các nhóm khác bắt đầu từ sáng kiến của các Sa-lê-diêng: Nữ tu Truyền Tin của Chúa (Hong Kong, 1931); Hiệp hội Maria Mazzarello (Argentina, 1939); Nữ Tử thánh Giu-se (Josephina, Bra-sin 1949); Nữ Tử Maria Nữ Vương (Thái-lan, 1954); Nữ tử đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc (Italia, 1956); Tông Đồ Giáo Xứ Maria Phù Hộ các Giáo Hữu (Cộng hòa Đô-mi-ni-cô, 1961); Truyền Giáo Chúa Giê-su Nhân Lành (Bra-sin, 1964); Nữ tử Trung Gian Hòa Bình (Bra-sin. 1968); Nữ tử Phục Sinh (Guatemala, 1977); Nữ tu Thăm Viếng Don Bosco (Ấn-độ, 1983). Phát xuất từ công đoàn Thăm Viếng cũng có nhiều nhánh, cụ thể: “Bê-ta-ni của Thánh Tâm Chúa” (1918) do Mẹ Louise-Margaret Claret de la Touche thành lập; Nữ tu Thăm Viếng của Hội dòng Trái Tim Vẹn Sạch đức Maria (Iowa, 1952); Công đoàn Whitewater (Colorado, 1978).

TÔNG ĐỒ MIỀN *CHABLAIS*: CÁC THỪA SAI TỚI TỪ *ANNECY*

Yêu Chúa với cả con tim, yêu với trọn cõi lòng và sức lực, và yêu tha nhân như chính mình, đó mới chính là nhu cầu duy nhất, là truyền giáo, là tông đồ, và là hạnh phúc.¹⁶⁴

Pierre-Joseph Mermier

Annecy mà Phan-xi-cô và Gio-a-na thân thương gọi là “*Nessy* thân yêu” đã một thời được coi là trung tâm giáo phận. Dòng Thăm Viếng cũng đã được khai sinh ở đó trong “ngôi nhà hành lang” nhỏ bé phía bên kia thị trấn đối diện với nhà thờ chính tòa soi bóng trên hồ núi *Alpes* có cùng tên với thị trấn. Vào năm 1830, cũng như bao địa phương khác ở Âu châu, vùng Sa-voa cũng đang hồi phục sau các chấn thương và hậu quả do cuộc cách mạng Pháp gây nên. Tám năm trước đó, giáo phận *Annecy* mới được khôi phục trở lại sau một thời gian dài bị bỏ phế trong những năm của cuộc chinh chiến cách mạng. Cùng với việc khôi phục là cả một nhu cầu tái phức âm hóa quần chúng sau cả một thế hệ đã không được dạy dỗ giáo lý.

Vào năm 1838, được *Pierre Joseph Rey* - giám mục giáo phận *Annecy* (1770 - 1842) thúc đẩy và phê chuẩn, linh mục *Pierre-Marie Mermier* (1790 - 1862) và năm giáo sĩ triều khác cam kết sống theo một qui luật cộng đoàn thăm nhuần tinh thần Sa-lê. Họ chọn thánh Phan-xi-cô Sa-

164 Francis Moget, MSFS, *The Missionaries of St Francis de Sales of Annecy* (Bangalore, India: SFS Publications, 1985), trg 89.

lê làm quan thầy và gương mẫu cho đời sống tông đồ và nhiệt thành truyền giáo của họ. Thế là Tu Hội Thừa Sai của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê Annecy đã được khai sinh. Thực tế thì trước cả năm 1838 nhóm nhỏ này đã dần thân vào việc ban tuần đại phúc cho các họ đạo hầu tái phúc ân hóa vùng Sa-voa. Tuy nhiên với sự hình thành cộng đoàn mới này, hào quang Sa-lê chính thức tỏa sáng trên nhóm. Luật Tu hội của họ đòi các hội viên liên tục học tập các tác phẩm của thánh Phan-xi-cô Sa-lê và noi theo tinh thần cũng như phương pháp giảng dạy và công việc tông đồ của ngài.

Cả hai, giám mục *Rey* và linh mục *Mermier*, đều đã trải qua nhiều đau khổ trong thời kỳ cấm cách, và một khi được hưởng trở lại bầu khí tự do tôn giáo, cả hai đều cảm thấy rất hào hứng trong việc tái phúc âm hóa mảnh đất quê hương mình. Cả hai đều cảm thấy như được chiếc áo choàng của thánh Phan-xi-cô Sa-lê rơi xuống trên mình, vì chính ngài là người đã từng dần thân vào việc tái phúc âm hóa vùng đất này trước hết. Quả thật Giám mục *Rey* đã được sinh ra tại *Chablais*, trên chính vùng đất mà Phan-xi-cô đã cất công dành lại cho đức tin Công giáo. *Rey* theo học tại *Thonon*, thị trấn mà Phan-xi-cô đã chọn làm đại bản doanh truyền giáo của mình, và cả ở chủng viện *Annecy* thân yêu. Trong thời bị khủng bố, *Rey* đã chọn vùng núi đồi Sa-voa làm địa bàn cho các hoạt động linh mục “chui” của mình. Và tới khi giáo phận *Annecy* được tái thành lập, theo gương vị tiền nhiệm đáng tôn vinh, ông trở thành mục tử của nó. Cả *Mermier* cũng đã trải qua tình cảnh đáng sợ của thời cấm cách và bắt bớ. Thuở thơ ấu, nông trại gia đình ông nằm giữa *Annecy* và Gio-ne-vơ đã từng là địa điểm cử hành các Thánh Lễ đêm do các linh mục đang trốn tránh sự lùng sục của cảnh sát phe Cộng hòa. Sau khi lãnh tác vụ linh mục, *Mermier*

đã hiệp lực với cha *Joseph Marie Favre* trong việc vực dậy trở lại lòng đạo đức trong các giáo họ vùng quê này. Không bao lâu sau đó cả hai khởi sự giảng các tuần đại phúc tại Savoy; *Mermier* tập trung vào vùng *Annecy* trong khi *Favre* vùng *Chambéry*. Mong ước ban đầu của các ngài, tuy không bao giờ thực hiện được, là qui tụ một lực lượng và hợp nhất lại dưới cái tên “Hội Tận hiến của Phan-xi-cô Sa-lê”. Tuy nhiên dần dần sau đó, với tư cách là linh hướng của chủng viện *Annecy*, *Mermier* đã thôi thúc một số bạn hữu cùng mình lập nên một cộng đoàn tại thị trấn *La Roche*. Qui luật tiên khởi thời đó tại *La Roche* chủ yếu lấy từ qui luật Vinh Sơn, mà qui luật này lại chính yếu là *Qui Chế Dòng Thăm Viếng* do Phan-xi-cô Sa-lê biên soạn. Sau đó, nhờ được giám mục *Rey* nâng đỡ, cộng đoàn đang hình thành đã chuyển qua ngôi nhà mới được xây cất gần bên chủng viện. Ngay phía trên bàn thờ chính của cộng đoàn có đặt một tượng Thánh Phan-xi-cô Sa-lê.

Giám mục *Rey* còn hỗ trợ công cuộc của các linh mục truyền giáo này thêm một bước nữa khi ngài di chúc cho họ bất động sản *Les Allinges*, gồm cả một nguyên đường mang tính lịch sử trong đó Phan-xi-cô đã thường dâng Thánh Lễ trong các chiến dịch truyền giáo mang tính đột phá của ngài. Đức Cha *Rey* cũng chính là người đỡ đầu công việc trùng tu và cổ vũ tổ chức các cuộc hành hương tới địa điểm này.

... các thừa sai sẽ coi *Les Allinges* như tổng hành dinh của mình, vì tại nơi đây đâu đâu cũng thấy hiện rõ biết bao kỷ niệm gợi nhớ gương mẫu của vị Quan Thầy; và điều này chắc chắn sẽ đốt lên trong họ nhiệt tình truyền giáo cao đẹp và thánh thiện mà họ đang theo đuổi.¹⁶⁵

165 Moget, *The Missionaries of St. Francis*, trg. 25

Như thế năm 1838 vừa được coi là cao điểm của bao nhiêu năm phục vụ, lại vừa là khởi đầu cho một cuộc mạo hiểm mới dưới sự bảo trợ minh nhiên của Đấng Sáng Lập Sa-lê:

Bổn mạng và vị bảo trợ đặc biệt của Tu hội phải là Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, vì ngài là đấng đã trung thành noi gương Đức Giê-su Ki-tô trong mọi nhân đức, đặc biệt tình yêu Người dành cho các tội nhân, và lòng nhân ái (dịu hiền) Người đã thực hiện tới cấp độ anh hùng. Với sự trợ giúp của ơn Chúa qua lời cầu bầu của Đấng Chân Phước Quan Thầy, các thừa sai được điểm phúc mang danh ngài sẽ tuyên hứa thực hành các nhân đức này cách đặc biệt (Hiến Luật năm 1838)¹⁶⁶

Tinh thần tông đồ của *Mermier* không bao giờ vơi cạn; một khi đã nhận ra nhu cầu, lập tức ngài tìm các đáp ứng. Nhận thấy các cô gái thuộc tầng lớp nghèo ít có cơ hội học hành, hơn nữa nhiều thiếu nữ độc thân nơi thôn dã không thể gia nhập vào các cộng đoàn tu trì được chỉ vì không đủ của hồi môn, với sự cộng tác của *Claudine Echernier* - bà quản gia của một cha sở đã từng phát triển một lớp học *ad hoc* dành cho các thiếu nữ ngay tại khu bếp của nhà xứ tại *Chavanod* mà *Mermier* là linh hướng, ngài thành lập một cộng đoàn nữ như anh em linh tông dưới sự bảo trợ của Đờ San.¹⁶⁷ Đặc điểm của luật dòng Tu Hội các Nữ Tử Thánh Giá ấn định có hai loại nữ tu: Hội viên sống với cha mẹ hoặc chủ nhân mình và làm các công việc tay chân, và hội viên sống đời cộng đoàn trong tư cách nữ tu giáo viên

166 Ibid. trg 29

167 Cả hai Tu Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của một Bề Trên Tổng Quyền cho tới năm 1887 khi họ được thành lập hoàn toàn độc lập nhau.

hay công nhân. Họ có cùng các điều kiện gia nhập như nhau, theo đúng truyền thống của dòng Thăm Viếng thời đầu, các nữ tu Thánh Giá phải đón nhận các người nghèo khổ, dốt nát và già cả... như biểu hiện ơn gọi chân chính¹⁶⁸. Điều chính yếu là các nữ tu phải làm việc phục vụ người nghèo tại các vùng nông thôn.

Như thế di sản truyền thống là học thuyết “cõi lòng với cõi lòng”, sự dịu dàng thuyết phục đi đôi với nhiệt tình mục vụ, ơn gọi phổ quát tiến tới thánh thiện, và nhãn quan về một thế giới của các con tim tràn đầy lửa mến, lại được khơi dậy mạnh mẽ tại Sa-voa vào giữa thế kỷ XIX. Và một điều còn đặc biệt hơn nữa là, những gì các Thừa Sai *Annecy* đã làm như một nỗ lực nội bộ để tái Công giáo hóa Âu châu lại sớm biến họ thành một hội dòng truyền giáo chính yếu tại các miền đất xa lạ. Năm 1845 lãnh thổ thuộc địa Bồ Đào Nha tại Ấn Độ với giáo phận *Vizag* được trao phó cho các Thừa Sai *Annecy* coi sóc. Chính tại nơi đây mà hội dòng đã phát triển mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của một chuỗi các bề trên đạo hạnh, để rồi qua thế kỷ XXI dòng đã đặt đại bản doanh tại đó, cho dầu các cơ sở cũng đã được thành lập tại nhiều nơi khác nữa như Đức, Bra-xin, Anh quốc và An-giê-ri.¹⁶⁹

168 Khác với cộng đoàn Thánh Giá các nữ tu Thăm Viếng thời đầu phần lớn tiếp nhận ứng sinh từ tầng lớp thượng lưu. Roger Devos trong cuốn sách *Les Visitandines D'Annecy* đã cho thấy tu viện thứ hai tại Annecy được thành lập để chăm sóc các ứng viên từ tầng lớp thấp gia nhập, trong khi nhà đầu tiên dành cho quý bà thượng lưu.

169 Ngày nay các Thừa Sai đang điều hành một trung tâm ấn loát, tiếp tục cho tái bản hay xuất bản các tác phẩm gốc của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và các đề tài Sa-lê khác.

Mermier, trong tư cách là bề trên của một Tu Hội đang trên đà phát triển mạnh, đã tự mình hàng ngày suy niệm để đào sâu các tác phẩm của đáng bốn mạng, đồng thời cũng đòi hỏi các thừa sai mình làm như thế. Kết quả là rất nhiều câu nói được tuyên tụng trong số các lá thư ngài viết cho thấy ngài đã nhảy bén nắm bắt các nguyên tắc Sa-lê tới mức nào, cách riêng trong việc thực hành các nhân đức nhỏ mọn và sống giữa hai ý muốn của Chúa.

Về luật dòng ngài viết như sau:

Cho cha *Thevenet* bên Ấn Độ:

Tự hủy, sẵn sàng chấp nhận mọi bất tiện, trở nên mọi sự cho hết mọi người bất cứ nơi đâu, kể cả trong các việc nhỏ bé nhất, như hạt lúa bị chôn vùi. Sống bác ái và nhã nhặn với những người chung quanh, đó chính là ái nữ của tình yêu Thiên Chúa.

Cho các nhà truyền giáo lên đường qua Ấn Độ:

Hãy vui vẻ và sẵn sàng giúp đỡ, nhưng duy trì thái độ khiêm tốn có phần kín đáo. Hãy sẵn sàng chịu đựng khuyết điểm của các bạn đồng hành... Tại hải quan, khi cư xử với các quan chức và với hết mọi người, phải luôn chính trực. Hãy đối xử tốt với hết mọi người và đừng bao giờ làm ai phải phiền lòng...

Cho cháu gái: nữ tu *Louise Mermier*:

Đừng bao giờ từ chối bất cứ chức vụ hay công việc nào, cho dầu có vẻ thấp hèn và ghê tởm tới mấy. Vâng phục và yêu mến Chúa sẽ biến mọi sự thành vàng ròng.

Cho cha *Delalex*, Ấn Độ:

Chúng ta làm được nhiều cho dầu có làm ít, nếu làm cho Chúa, khi nào và cách nào Chúa muốn.

Cho cha *Decompoix*, Ấn Độ:

Điều mà Chúa muốn chúng ta trong lúc này là: chính trực, ý hướng ngay lành, trung thành với công việc, không quan tâm tới lượng nhưng tới phẩm.

Cho cha *Tissot*, giám mục tương lai của *Vizag*:

*... Hãy tránh xa nọc độc huênh hoang tìm hư vinh. Hãy làm việc cách đơn sơ hơn nữa. Phải, hãy thanh luyện ý hướng mình theo cách làm của thánh Phan-xi-cô Sa-lê; đó là những điều Luật Chung vẫn hằng đòi hỏi. “Mỗi người hãy có ý hướng trong sáng, nhất là chỉ làm vui lòng Chúa.” “Hãy cầu nguyện cho bề trên của con để ngài có thể bắt đầu thực hành, dầu có đôi chút muộn màng, điều mà ngài từng dạy dỗ cho các ông chủ của mình...”*¹⁷⁰

Tâm điểm của nỗ lực truyền giáo tại bất cứ đâu vẫn luôn phải là giảng đại phước cho các họ đạo. Phong cách giảng dạy của di sản Sa-lê là “con tim với con tim” sẽ lôi cuốn được nhiều người nghe đến gần Chúa hơn, đây là điều mà tân cộng đoàn luôn cố gắng. Noi gương vị tiền phong khi ngài cư trú tại *Chablais*, các Thừa Sai *Annecy* sử dụng tối đa các thủ bản đạo đức và phụng vụ truyền thống của Giáo hội Công giáo Rô-ma để đánh động các tâm hồn. Chính Phan-xi-cô đã tái thiết lập

tại *Thonon* việc thực hành đạo đức “Bốn Mươi Giờ Tôn Sùng Thánh Thể”. Các con cái thiêng liêng của ngài còn tiến xa hơn khi phát triển một mô hình rất phong phú dùng cho các tuần đại phước, qua đó toàn cộng đoàn tham gia và mọi người tham dự với cả thân xác, trí lòng và con tim.

Khi các Thừa Sai tiến vào làng, chuông nhà thờ sẽ đổ hồi, các người trong làng tề tựu làm thành một cuộc rước tới nhà thờ để kết thúc bằng một bài diễn từ của Cha Sở. Ngày hôm sau, một thánh lễ được long trọng cử hành với thánh ca và kinh nguyện, kết thúc với lời mời gọi mọi người tới tham dự tuần đại phước kéo dài 15 đến 21 ngày tiếp theo. Trong các ngày đại phước, các việc đạo đức đều được cử hành tại nhà thờ vào lúc 5:30 sáng, 9:00 sáng và 3:00 chiều. Các việc đạo đức có thể gồm giảng giáo lý, giảng thuyết về các chân lý đức tin và đời sống Ki-tô hữu, cầu phép lành Thánh Thể, xét mình, hát thánh ca, dạy cầu nguyện và giải thích các điều răn. Các bài giảng được làm theo phong cách Sa-lê tức là giản dị, nhằm đánh động con tim và thay đổi đời sống hầu yêu mến Chúa hơn. Rồi suốt hai tuần lễ kế tiếp sẽ có các lễ mừng rải đều bao gồm các cử hành bán phụng vụ với trưng bày hoa nến và các tranh ảnh Kinh Thánh. Sẽ có các Thánh Lễ cho trẻ em, lễ cầu cho các linh hồn đã qua đời, và nhiều lễ khác đặc biệt liên quan tới Đức Trinh Nữ Ma-ri-a. Ngoài ra các vị Thừa Sai thường đi hai người một, sẽ tổ chức giảng thuyết các đề tài tôn giáo theo thể đối thoại. Một linh mục sẽ đóng vai “trạng sư qui”, vị kia từ bục giảng sẽ giải thích các chân lý Công giáo. Các cuộc đối thoại này pha chút hài hước và các câu chuyện vui để hấp dẫn đám đông. Các Thừa sai cũng luôn sẵn sàng ngồi tòa giải tội và thường khi đòi hỏi nhân trở lại tòa ba bốn lần hầu khích lệ họ thành thật thay đổi đời sống. Để bảo đảm kết quả lâu dài cho

các tuần đại phúc, các ngài sẽ thúc dục cộng đoàn tham gia bảo trợ cho các hiệp hội địa phương (các nhóm nâng đỡ đức tin) được tổ chức theo giới và tình trạng hôn phối. Những tế bào thiêng liêng này sẽ giúp tiếp tục nuôi dưỡng việc đánh động con tim đã được tuần đại phúc giáo xứ đẩy lên, kể cả lâu sau khi các vị Thừa Sai đã lên đường đi khỏi.

Như thế nhãn quan về một thế giới các con tim được biến đổi nhờ giảng thuyết, dạy dỗ và tác vụ thánh, một điều mà từ lâu chính Phan-xi-cô Sa-lê đã ấp ủ trong tim, nay sau khi ngài đã mất lại được khơi dậy tại chính vùng đất mà hai thế kỷ trước ngài đã từng rao giảng “con tim nói với con tim”.

“KHOA SƯ PHẠM DỰ PHÒNG” GIA ĐÌNH CÁC SA-LÊ-DIÊNG CỦA DON BOSCO¹⁷¹

Nguyện xá này được đặt dưới sự bảo trợ của thánh Phan-xi-cô Sa-lê, bởi vì bất cứ ai muốn hiến mình cho

171 Tôi ý thức được rằng các phần tử thuộc gia đình Don Bosco cách đặc biệt có thể lấy làm khó chịu khi thấy mình bị mô tả như một trong số bao nhiêu con suối thiêng liêng bắt nguồn từ các vị sáng lập Sa-lê vào thế kỷ XIX. Trong khi chính Don Bosco là người dân vùng Piedmont đã ngụ lặn trong tư tưởng của Phan-xi-cô Sa-lê, thì các cộng đoàn do ngài thành lập thường nhìn lên ngài như chính nguồn gốc của tinh thần họ sống hơn là nhìn vào các vị tiền nhiệm của ngài. Tuy nhiên phần lớn các nguyên tắc vĩ đại hướng dẫn đường lối thiêng liêng của họ, dĩ nhiên là không phải toàn bộ, đều tìm thấy nơi Phan-xi-cô và Gio-a-na. Trong đoạn sách này tôi hoàn toàn lệ thuộc vào kiến thức và sự dẫn dắt của Joseph Boenzi SDB, và theo sát hướng dẫn của ngài trong đoạn viết về Don Bosco; tuy nhiên tôi hoàn toàn nhận trách nhiệm về tất cả các sai sót hoặc giải thích lệch lạc nếu có. Cũng xin đọc Arnaldo Pedrini SDB, *St Francis de Sales: Don Bosco's Patron; St Francis de Sales in the Times, Life and Thought of St John Bosco* (New Rochelle, NY: Don Bosco Publications, 1988)

công việc này (giáo dục) đều phải nhận ngài làm gương mẫu trong đức ái và tính hiền hòa. Từ các nguồn mạch này sẽ sản sinh được các hiệu quả mà chúng ta mong đợi tìm thấy nơi nguyện xá.¹⁷²

Don Bosco

Từ nhiều thế kỷ người Công giáo bình dân vẫn rất mực tôn sùng các “thánh quan thầy” của làng xã, nghề nghiệp và họ đạo mình. Các vị bảo trợ thần thánh này được họ cầu khẩn để thoát khỏi sự dữ và ban phúc lành cho những kẻ kêu xin. Lòng đạo đức bình dân của miền bắc nước Ý vào thế kỷ XIX cũng không có gì khác. Dầu chưa bao giờ được coi như vị thánh hay làm phép lạ, Phan-xi-cô Sa-lê đầu sao cũng là người con của vùng đất Sa-voia; và vì thế cũng dễ hiểu tại sao ngài lại

172 Giovanni Battista Lemoyne, *The Biographical Memoirs of Saint John Bosco*. Do Diego Borgatello dịch (New Rochelle: Salesians Pub., 1966 cho tới cuối những năm 80) gồm 38 tập. Giovanni Bosco, *Opere edite*, Ristampa anastatica, Vols 1-37. Prima Serie; Libri e Opuscoli, Centro Studi Don Bosco, Università Pontificia Salesiana (Roma: LAS, 1987). Các tác phẩm kinh điển về những trước tác của Don Bosco sẽ còn tiếp tục. Xin cũng đọc Giovanni Battista Lemoyne, Angelo Amadei và Eugenio Ceria, *Memorie Biografiche di Don Giovanni Bosco*, 19 tập (S. Benigno Canavese/Torino: Tipografia Salesiana, 1897-1917). Cũng phải kể trong số các ấn bản kinh điển về các trước tác của Don Bosco gồm *Constituzioni della Società di S. Francesco di Sales* (1858)-1875, dẫn nhập và chú thích của Francesco Motto, Istituto Storico Salesiano, Fonti, Serie I: Giovanni Bosco, *Scritti Editi e Inediti*, no. 1 (Roma: LAS 1982); *Epistolario*, Vol 1 (1835-1863), dẫn nhập và chú thích của Francesco Motto, Istituto Storico Salesiano, Fonti, 1-6 (Roma: LAS, 1991); *Epistolario*, Vol. 2 (1864-1868),), dẫn nhập và chú thích của Francesco Motto, Istituto Storico Salesiano, Fonti, 1-8 (Roma: LAS 1996); *Memorie dell'Oratorio di S. Francesco di Sales: Dal 1815-1855*, ấn bản nghiên cứu của Antonio Da Silva Ferreira (Roma: LAS, 1991); *Scritti pedagogici e spirituali*, ed. Piero Braido, Istituto Storico Salesiano, Fonti, 1-3 (Roma: LAS 1987). Bản dịch ấn bản Mỹ thực hiện tại New Rochelle (1964-) cho tới nay gồm 17 tập.

được nhìn nhận như người con yêu quý tại Tô-ri-nô và cả vùng Pi-ê-mông (*Piedmonte*).¹⁷³ Tại đó vào thế kỷ XIX, cách riêng giữa tầng lớp trí thức Công giáo ký ức về Đờ San hiển hiện rõ ràng và sinh động hơn khi nào hết. Tuy nhiên phải đợi tới khi một người dân Pi-ê-mông gốc gác dân dã thâm nhập sâu vào cái thế giới Sa-lê của những con tim thì cái tinh thần “con tim nói với con tim”, trước đó vẫn được coi như nhân quan dành cho một thiểu số ưu đãi mới trở thành gia sản của cả những kẻ nghèo hèn và bị phế bỏ nhất trong tầng lớp dân chúng sống tại Tô-ri-nô, và rồi trên toàn thế giới.

Tại Sa-voa cũng như trên toàn lãnh thổ Pháp, đạo đức tôn giáo hầu như đã ngừng trệ hoàn toàn do cuộc Cách mạng Pháp và chiến tranh *Napoleon* gây ra. Trong các nỗ lực canh tân sau đó người ta cố suy mạnh mẽ nhãn quan tập trung vào cõi lòng của vị “tông đồ miền *Chablais*”. Các vùng phụ cận *Annecy* là *Chablais* và Pi-ê-mông từ lâu đã bị đặt dưới ách thống trị của hoàng tộc Sa-voa. Trong cung đình, người ta vun trồng một nền văn hóa cao đẹp mang tính đặc trưng; và nòng cốt của bản chất cái nền văn hóa lâu đời đó chính là đức tin Công giáo Rô-ma. Tại *Convitto Ecclesiastico* ở Tô-ri-nô, mảnh đất vun trồng giới giáo sĩ cách tân, Phan-xi-cô Sa-lê được giới thiệu cho các cha sở sẽ được gởi đi phục vụ tại các vùng quê hẻo lánh như một tấm gương mục vụ trong việc coi sóc các linh hồn. Cùng với các trước tác của An-phong *Liguori*, các tác phẩm của ngài được đọc và các ấn phẩm châm ngôn của ngài được phổ biến rất rộng rãi. Đặc biệt *Giuseppe Cafasso* (1811 - 1860), một

173 Thật vậy, một số phần tử của gia đình hoàng tộc Sa-voa – Amadeus VIII (1383-1451) và Amadeus IX (1435-1472) – các quân vương đạo đức ngay chính – vẫn được mọi người thời đó tôn kính như các bậc anh hùng..

giáo sư tận tụy của *Convitto* đồng thời cũng là một nhà giảng thuyết đầy cảm hứng và linh hướng được biết tới như “viên ngọc của hàng giáo sĩ I-ta-li-a”, đã thúc đẩy việc quảng bá vị thánh - giám mục này. Khi *Cafasso* gọi các người dưới quyền ngài đi làm việc tại các khu vô đạo trong thành phố, ngài đề cao Đờ San.

Xin cho con các linh hồn, lạy Chúa. Chúng ta hãy nói lên các lời này với đức ái tông đồ thắm sâu của thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Xin hãy cho con các linh hồn để cứu rỗi! Xin cho con tội lỗi để chiến đấu và để tận diệt. Chúng ta hãy để cho các kẻ kênh kiệu và háo danh của trần thế có tất cả những gì họ muốn, phần chúng ta chỉ gia tăng nỗ lực làm cho dân số nước trời ngày một tăng thêm.¹⁷⁴

Trong số các đệ tử của *Cafasso* đáng quan tâm nhất là một linh mục trẻ xuất thân từ tầng lớp nông dân, *Giovanni Bosco* (1815 - 1888). Bé Gio-an chào đời tại Béc-ki (*Becchi*), một thôn nhỏ thuộc huyện *Castelnuovo d’Asti* vùng Pi-ê-mông. Từ thuở thơ ấu cậu đã mơ ước được làm linh mục, tuy nhiên giấc mơ này không dễ gì trở thành hiện thực vì bà mẹ góa bụa cần tới cậu cho kẻ sinh nhai gia đình. Dầu vậy Gio-an tiếp tục đeo đuổi, rồi nhờ khả năng cũng như quyết tâm dần dần thì cậu cũng tới được ngưỡng cửa của *Convitto* tham dự khóa đào tạo mục vụ ba năm, và đi vào quỹ đạo của cha *Cafasso*, nhờ đó mà

174 Giuseppe Cafasso, *Istruzioni per Esercizi Spirituali al Clero*, do Giuseppe Alamano xuất bản (Torino: Canonica, 1893) trg. 309. (bản dịch của Joseph Boenzi SDB).

vị linh mục trẻ này đã thấm nhuần được tinh thần Sa-lê. Tuy nhiên cả trước khi gia nhập chủng viện, không phải Gio-an hoàn toàn không hay biết gì về vị thánh giám mục mà thầy sẽ chọn như mẫu mực cho đời linh mục của mình. Thị trấn Ki-ê-ri (*Chieri*), nơi Bosco lần đầu tiên được học tập cách có hệ thống, đã nổi danh với nhiều hội đoàn giáo dân, trong số đó có một hiệp hội đã chọn thánh Phan-xi-cô Sa-lê làm bản mạng. Càng có ý nghĩa hơn nữa khi chủng viện địa phận tại thị trấn nơi Gio-an đã theo học từ năm 1835 tới 1841 lại chọn hai vị thánh là Phan-xi-cô Sa-lê và Phi-lip Nê-ri làm bản mạng. Ngày lễ kính hai vị thánh này được cử hành hết sức long trọng, và gương mẫu các ngài rất được đề cao. Vào buổi chiều trước ngày thụ phong linh mục khi biên soạn các quyết định Gio-an Bosco đã viết như sau, “Chớ gì đức ái và sự dịu hiền của thánh Phan-xi-cô Sa-lê hướng dẫn tôi trong mọi sự.”¹⁷⁵

Rồi tiếp theo, trong giai đoạn đầu đời linh mục, Gio-an được giữ chức vụ tuyên úy cho *Refugio*, “ngôi nhà ẩn náu” dành cho các thiếu nữ nông thôn muốn thoát khỏi kiếp sống điếm. *Refugio* là một trong số các tổ chức từ thiện đặt dưới sự bảo trợ của nữ Bá tước Barolo, một đại ân nhân rất đạo đức và đầy nhiệt huyết của dân nghèo trong thành phố. Một trong các kế hoạch không thực hiện được của nữ Bá tước là thành lập một đoàn thể các linh mục phục vụ cho các công cuộc bác ái của bà; và trong dự tính của bà, nhóm đó sẽ được đặt dưới sự bảo trợ của thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Thực tế là sau đó, từ *Refugio* đã xuất hiện một dòng nữ được hình thành rõ ràng

175 Lemoyne, *Memorie Biografiche*, 1:518.

theo các phong cách Sa-lê.¹⁷⁶ Chính trong thời gian phục vụ cho nữ Bá tước Barolo mà Gio-an Bosco bắt đầu qui tụ, vào các ngày Chúa nhật và lễ trọng, một nhóm công nhân trẻ để dạy chúng về tôn giáo và giáo lý trong hai căn phòng nữ Bá Tước dành cho.

... Người phụ nữ từ tâm đó đã vui lòng cho phép chúng tôi sử dụng hai căn phòng lớn làm nhà nguyện. Hai phòng này lẽ ra được dành làm phòng giải trí cho nhóm linh mục của *Refugio* một khi họ chuyển tới đây sinh sống... Đó chính là địa điểm Chúa Quan Phòng chọn làm nhà nguyện đầu tiên của Nguyễn xá. Chúng tôi bắt đầu gọi là nhà nguyện Thánh Phan-xi-cô Sa-lê... bởi vì bà Bá tước Barolo đã có ý định thành lập một tu hội qui tụ các linh mục đặt dưới sự bảo trợ của ngài, và cũng vì mục đích đó mà bà đã cho vẽ một bức họa của thánh nhân và đặt ngay lối ra vào của khu vực này.¹⁷⁷

176 Các nữ tu Phật Tà Thánh Ma-ri-a Ma-đa-lê-na đã tiếp nhận cả các chị em được cứu thoát từ đường phố. Luật đời sống của họ rõ ràng khuôn rập theo Hiến Luật của dòng Thăm Viếng. Họ sống rất giản dị theo sát những gì đã được chỉ dẫn trong sách *Dẫn vào Đời sống Đạo đức*.

177 S. Giovanni Bosco, *Memoirs of the Oratory of Saint Francis de Sales from 1815 to 1855: The Autobiography of Saitn John Bosco*, do David Lyons dịch (New Rochelle, NY: Don Bosco Publications, 1989), trg. 216-19. Trong ấn bản này có các chú thích và một tiểu sử nghiên cứu sâu rộng về Gio-an Bosco, phương pháp giáo dục và tu hội của ngài. Các nguồn khác bằng Anh ngữ về Don Bosco là Augustine Auffray SDB, *Saint John Bosco*, dịch từ bản Pháp ngữ từ năm 1930 (Blaisdom, England: Salesian Phblications, 1964); *The Spiritual Writtings of Saint John Bosco*, do Joseph Casselli dịch (New Rochelle: Don Bosco Publications, 1984); Eugenio Ceria, *Don Bosco With God*, do Hugh McGlenchey, SDB dịch (Madras: Salesian Publications, n.d.); Francis Desramaut, *Don Bosco and the Spiritual Life*, do Roger M. Luna dịch (Don Bosco, 1979).

Chỉ sau này, dưới sự dẫn dắt của cha *Cafasso* tại *Convitto*, mà Don Bosco mới có được lòng sùng kính sâu xa đối với thánh Phan-xi-cô Sa-lê, cũng như mới nhận ngài làm gương mẫu hướng dẫn cả cuộc sống, như đã được đề tập tới ở trên; để rồi đỉnh điểm là việc khởi xướng một công cuộc sẽ đeo bám ngài suốt quãng đời còn lại.

Nguyễn Xá Thánh Phan-xi-cô Sa-lê

Tiếng kêu than của nhóm công nhân trẻ không bao giờ rời khỏi tâm trí Gio-an Bosco. Chính vì xuất thân từ tầng lớp dân dã nên ngài tự nhiên có thiện cảm đối với giới quần chúng bình dân. Ngay từ đầu đời linh mục ngài đã đánh bạn với các trẻ em đường phố, và vì nhận thấy các em không được ai chăm sóc, ngài đã thành lập tổ chức gọi là Nguyên Xá Ngày Lễ Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Trong cuốn “*Hồi ký Nguyễn Xá*” (*Memoirs of the Oratory*) Bosco vẫn thường ghi nhớ về các giấc mơ tiên báo và hướng dẫn ngài tiến tới tương lai. Một giấc mơ thời niên thiếu lúc mới chín tuổi như đã hé mở cho cậu biết về công việc phục vụ tương lai, đồng thời cũng chỉ vẽ cho cậu các hướng dẫn cụ thể. Cậu thấy một bọn trẻ đánh nhau chửi thề... và nghe thấy lời hướng dẫn như sau; “con phải chinh phục các bạn trẻ này, không phải bằng đấm đá mà với lòng dịu hiền và tốt bụng. Vì thế ngay từ bây giờ hãy dạy cho chúng nhận biết tội lỗi là xấu xa và nhân đức là cao đẹp.”¹⁷⁸ Tính nhạy bén được lưu ý trong giấc mơ này đã lưu lại trong tâm khảm Gio-an suốt cuộc sống. Không những cha Bosco (mà bọn trẻ thân thương gọi là Don Bosco (đọc: Đông Bốt-cô)) quan tâm tới nhu cầu

178 Pedrini, trg 21. Trích đoạn từ *Biographic Memoires of Saint John Bosco*.

vật chất của bọn trẻ nghèo, cha còn nhận ra sự tốt lành nhân bản rất nền tảng tiềm tàng bên dưới vẻ bề ngoài đôi khi cứng cỏi, cục súc của bọn trẻ; (trong giấc mơ, bọn trẻ cho dầu có cách cử xử làm phật ý cậu bé vốn đạo hạnh, Gio-an được chỉ định trở thành “bạn” của chúng). Đây hoàn toàn là một nhân giới Sa-lê và đã cho phép vị linh mục tương lai có khả năng đã thông con tim với con tim. Nguyên Xá Ngày Lễ mà cha khai sáng phải là môi trường trong đó các con cái của Chúa đây, dầu trong quá khứ có mang bản chất những đứa trẻ cứng cỏi, nghèo nàn và thường khi hư hỏng, cũng có dịp để nhận ra nhân phẩm đích thực của mình. Và chính vị thánh Sa-voa đã dạy cho Gio-an Bosco biết cách thế.

Chúng ta phải phó thác công việc phục vụ này, vốn đòi hỏi phải hết mực bình thân và dịu hiền, cho Vị Thánh này với niềm tin tưởng rằng ngài sẽ khẩn cầu cùng Chúa cho chúng ta ơn có thể bắt chước ngài hết mực hiền lành, và chinh phục được nhiều linh hồn.¹⁷⁹

Và giống như vị tiền bối Phan-xi-cô, Don Bosco đã rất mực dịu hiền và dễ tiếp xúc; và cũng như mẫu gương của mình, cha có một nhiệt tình tông đồ không hề biết mệt. Trong nỗ lực chinh phục cõi lòng bọn trẻ bị bỏ rơi và xua đuổi này, cha đã phải đương đầu với bao nhiêu chống đối; đương nhiên không phải từ bọn trẻ háo hức chạy theo ngài, mà từ giới khá giả không muốn thấy một bọn cà bơ cà bắt tụ tập ồn ào trong khu vực của họ. Sau này Don Bosco đã tậu được một mảnh đất trong khu Valdocco thuộc thành phố Tô-ri-nô và xây được một ngôi nhà nguyện để dung nạp lũ trẻ ngày càng tuôn đến

với ngài đông đảo hơn. Một người quan sát đương thời đã ghi nhận về công cuộc mới này như sau:

Trong hai ngôi nhà này, bọn trẻ vô lại [*cendiosi*] và hỗn láo [*biricchini*] tụ tập đông đảo vào mỗi ngày lễ. Thật hết sức kỳ lạ khi thấy bọn trẻ yêu thích điều này, chúng tỏ ra rất hạnh phúc khi đến đó và cư xử thật tốt lành trong suốt thời gian ở đó. Trong số đó người ta nhận ra có những đứa bán diêm, có đứa bán vé số, vân vân và vân vân... có đứa học nghề, có đứa lao động tay chân hoặc giúp việc nhà, vân vân... tóm lại bọn trẻ từ mọi nghề, mọi nghiệp đều cùng nhau chơi đùa. Ai mà biết được bọn trẻ làm cái gì trong cái nơi mà chúng gọi là nhà của chúng? Trước hết chúng được mấy ông linh mục nhiệt thành dạy dỗ về đạo... rồi chúng đọc kinh, vào lớp học, chơi đùa, và thỉnh thoảng được ăn lót lòng sau trưa.¹⁸⁰

Hòa trộn mọi sự lại với nhau, từ chăm sóc đầy tôn trọng, giáo dục, bệnh đỡ, sùng kính và đạo đức bình dân... với một tinh thần chơi đùa vui tươi, chương trình của Don Bosco là ghi khắc nơi bọn trẻ ý thức về phẩm giá của mình và tinh thần trách nhiệm. Đào tạo tri thức đi đôi với chơi đùa vui tươi, vì không thiếu các ngày lễ để mừng trong năm của Giáo Hội. Ngày lễ mừng kính thánh bổn mạng Phan-xi-cô Sa-lê được cử hành trong bầu khí trang nghiêm hơn mọi lễ khác, vì được coi là dịp đào luyện liên tục nên trong suốt tuần lễ có huấn đức về

180 Arthur Lenti, "Don Bosco's Love Affair with "Poor and Abandoned" Young People and the Beginnings of the Oratory", trong *The Journal of Salesian Studies*, VI: 1 (Spring 1995), 9. Tập san *Journal of Salesian Studies* chứa đựng cả một kho tàng nghiên cứu mới nhất và các bài khảo cứu hội thảo về đề tài Salesians of Don Bosco, đồng thời cũng công bố biên bản liệt kê các sách liên quan tới đề tài này.

việc vun trồng các nhân đức Ki-tô hữu mà Thánh Phan-xi-cô Sa-lê đã dạy.

Phương pháp đào tạo của Don Bosco rất thực tế, phát xuất từ nhận thức điều gì cần làm. Khi trẻ tới với ngài, trước hết ngài chinh phục cõi lòng chúng bằng trò chơi, bằng các cuộc dã ngoại ngoài trời, xen kẽ với các buổi dạy giáo lý. Sự dịu hiền ngài hằng ngưỡng mộ nơi tính khí của Sa-lê cũng luôn được bộc lộ nơi chính ngài. Phương pháp của ngài là khích lệ và đánh giá cao các trẻ hơn là dùng tới hình phạt. Yêu mến hơn là sợ hãi là động lực giúp trẻ trở nên tốt hơn, và điều này thực sự mang lại kết quả mỹ mãn. Cách tiếp cận chinh phục cõi lòng vừa uyển chuyển lại vừa rất cách tân này hữu hiệu đến tuyệt vời thường được mệnh danh là “phương pháp dự phòng”. Chính Don Bosco viết về điều này như sau:

Giới trẻ cấu thành thành phần mỏng dòn nhất đồng thời cũng quý báu nhất của xã hội loài người, bởi vì hy vọng tương lai của chúng ta đặt nơi chúng. Tự bản chất chúng không hề hư hỏng. Nếu không vì bị cha mẹ biếng lười bỏ bê và bạn bè xấu lôi cuốn, điều thường xảy ra đặc biệt vào các Chúa Nhật và ngày nghỉ lễ, sẽ không mấy khó khăn khắc ghi vào con tim non nớt của chúng các nguyên tắc luân lý và đạo đức như giữ gìn trật tự, cư xử lịch duyệt, kính trên nhường dưới, và sống đạo hạnh. Nếu chúng có tỏ ra hư hỏng lúc còn non người trẻ dạ như thế thì nguyên nhân có thể là do tính vô tư hơn là cố tình xấu. Các trẻ em này thật sự cần được một ai đó quan tâm chăm sóc, làm việc với chúng, hướng dẫn chúng tới các nhân đức và gìn giữ chúng khỏi sự tội... Nguyên Xá phải được coi như phương thế hữu hiệu nhất để vun trồng tình

thần đạo giáo nơi các con tim còn hoang dại của các trẻ em bị bỏ rơi và quên lãng.¹⁸¹

Gia Đình Sa-lê-diêng

Lịch sử Nguyễn Xá là cả một nghiên cứu về tính sáng tạo làm ta gợi nhớ lại câu nói thường được gán cho Vinh-son Phao-lô là người đương thời và bạn của Phan-xi-cô Sa-lê, và cũng đã chịu ảnh hưởng nhiều bởi nhãn giới về một thế giới các con tim: “Sáng tạo là vô tận”. Don Bosco muốn chinh phục các cõi lòng và vì vậy ngài không ngại sử dụng bất cứ phương tiện nào. Nhưng thái độ thiêng liêng thì vẫn không hề thay đổi: dịu hiền, thuyết phục liên kết với nhiệt huyết tông đồ mục vụ. Khi công việc Nguyễn Xá không có ai trợ giúp, Don Bosco chiêu mộ cả bà mẹ của ngài tới sống giữa đám trẻ để chăm sóc chúng. Khi thấy nạn mù chữ đè nặng trên bọn trẻ, ngài mở các lớp bình dân học vụ buổi tối dành cho những đứa phải làm lụng cả ngày. Khi nhận thấy chỉ vì thiếu tay nghề nhiều đứa buộc phải lang thang kiếm sống ngoài đường phố, ngài tổ chức các chương trình huấn nghệ. Khi thấy những người trợ lực không đáp ứng được nhiệm vụ được trao, ngài khởi xướng một cộng đoàn riêng của mình. Năm 1848 chủng sinh đầu tiên của Don Bosco nhận áo trùng thâm và tới sống với ngài tại Nguyễn Xá, bước đầu tiến tới việc thành lập một hội dòng hoàn toàn hiến mình cho sứ mệnh ngài khởi xướng, được họ được đào tạo theo phong thái Sa-lê. Cộng đoàn đã được chính

181 Ibid., trg. 19. Cái gọi là “hệ thống dự phòng” thực sự chẳng phải là hệ thống cũng chẳng “dự phòng”. Gốc rễ của nó là việc đào luyện sống Kitô hữu theo nhãn giới Sa-lê: Thế giới của các con tim. Về điểm này, xin đọc Francis Desramaut, *Les cents mots-clés de la spiritualité Salésienne* (Paris: Editions Don Bosco, 2000), trg. 501 và tiếp theo.

thức nhìn nhận vào năm 1859 và được Tòa Thánh châu phê năm 1974. Họ sẽ được biết tới dưới danh xưng Sa-lê-diêng dựa theo Phan-xi-cô Sa-lê, đáng trở thành mẫu gương cho họ cả về hiền dụ yêu thương lẫn nhiệt tình thành khẩn tông đồ.

Trong nhóm đệ tử tiên khởi của Don Bosco có Mi-ca-e Ru-a, sau này trở thành một trong số các Sa-lê-diêng đầu tiên, đồng thời là người kế vị Don Bosco làm bề trên của cả một gia đình Sa-lê-diêng rộng lớn. Câu chuyện về Ru-a là tiêu biểu của cách thức gia đình Sa-lê-diêng lớn mạnh. Lần đầu tiên tới Nguyễn Xá lúc mới tám tuổi đầu, Ru-a được một đứa bạn rủ đi. Mặc dầu gia đình đang gặp khó khăn nhưng bà mẹ cậu bé vẫn không ư gì việc đưa con út bà kết thân với lũ trẻ ngỗ nghịch vẫn thường lui tới Nguyễn Xá. Chỉ có Don Bosco là nhận ra nơi cậu một món quà và một ơn gọi. Ngài khuyên cậu nên học La-tinh và giao cho cậu nhiệm vụ theo sát các học sinh trên đường về nhà sau khi đã tham dự các sinh hoạt tại Nguyễn Xá. Tiếp đến Ru-a chuẩn bị và rời lãnh chức linh mục. Cha được trao phụ trách các lớp giáo lý hàng tuần, rồi trông coi thư viện, sau nữa phụ trách các Nguyễn Xá vệ tinh đang dần mọc lên. Trách nhiệm được trao ngày càng lớn để rồi cuối cùng Ru-a trở thành bề trên tổng quyền sau khi Don Bosco qua đời năm 1888 (một biến cố làm rung động vị linh mục trẻ này cách sâu xa), và Ru-a đã thành công trong việc duy trì và phát triển công cuộc mà vị tiền bối đã khởi xướng. Một vang vọng của linh đạo dòng Thăm Viếng vẫn thường được lặp đi lặp lại nhiều lần để diễn tả Don Ru-a: “Ngài chính là Luật sống”.

Dòng tu nam - Sa-lê-diêng Don Bosco (SDB) đã xuất hiện do nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên Don Bosco không hề nghĩ đời sống Ki-tô hữu trước hết phải mang tính cách giáo sĩ hay nam giới. Thực tế là các cộng sự viên tiên khởi của ngài lại

là các người đời, cả nam lẫn nữ, những người đã thấm nhuần nhân quan về sự hoàn thiện Ki-tô hữu có thể đạt được qua việc tích cực phục vụ các thành phần sống bên lề xã hội. Giáo luật thời đó không tiên liệu được một cộng đoàn tu trì trong đó gồm cả giáo dân lẫn giáo sĩ, cả nữ lẫn nam. Do đó Don Bosco thành lập các hội đoàn linh tông (*cognate*) song song với cộng đoàn tu sĩ nam, đó là Hiệp hội Cộng tác viên Sa-lê-diêng dành cho giáo dân (1875),¹⁸² và Con Cái Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu (FMA) cho nữ tu. Trong tác phẩm “*Luận về Tình Yêu Thiên Chúa*” Phan-xi-cô Sa-lê đã viết cách hùng hồn về hai khía cạnh của tình yêu: Cảm khoái và cảm thương, được thể hiện qua tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân. Ngài cũng hùng hồn không kém khi viết rằng mọi người, bất luận giáo dân hay giáo sĩ, đàn ông hay đàn bà, đều có thể theo đuổi tình yêu sung mãn. Vào thế kỷ XIX tại Pi-ê-mông nhân giới này đã biến thành thành hiện thực nơi gia đình thiêng liêng Sa-lê-diêng.

Các Ki-tô hữu cần liên kết lại với nhau để làm việc thiện... Trong thời buổi khó khăn này các Ki-tô hữu chúng ta phải hiệp nhất để cổ võ tinh thần cầu nguyện, bác ái bằng mọi phương tiện mà đạo giáo có thể cung cấp, hầu xóa bỏ - hay ít là giảm bớt các sự tội đang đe dọa nền luân lý tốt lành nơi các người trẻ đang lớn, vì chúng nắm trong tay vận mạng của xã hội dân sự chúng ta.¹⁸³

182 Mục tiêu của Hiệp hội giáo dân Cộng tác viên thật đơn giản: Đào luyện thiêng liêng Ki-tô hữu đạt được thông qua tích cực phục vụ.

183 S. Giovanni Bosco, “The “Rules” Given by Don Bosco to the Cooperators”, trong *Regulations of Apostolic Life*. Association of Salesian Cooperators, do George Williams dịch (Roma: Tipografia Don Bosco, 1995) 88, khoản 1.

Con Cái Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu

Các hạn chế do Giáo luật áp đặt không những gây khó dễ cho Don Bosco trong việc thành lập một cộng đoàn trong đó tu giáo và người đời có thể chung vai làm việc, nó còn tạo khó khăn cả trong việc thành lập một cộng đoàn nữ tu phục vụ cho công cuộc ngày càng phát triển mau lẹ. Trước đó Giáo luật đã có vài tiền lệ dành cho cộng đoàn nam tu để thích nghi với việc tích cực hiến mình cho công việc tông đồ. Các Sa-lê-diêng phát triển hết sức mau lẹ; khi Don Bosco qua đời năm 1888, đã có 250 cộng đoàn rải rác trên khắp thế giới phục vụ trên 130.000 trẻ em, và có trên 6000 linh mục được đào tạo trong các trường này, trong số đó trên 1200 ở lại phục vụ trong các công cuộc Sa-lê-diêng. Tuy nhiên đối với các cộng đoàn nữ tu, nhất là khi hiến mình cho các hoạt động tông đồ, Giáo hội lại có lối nhìn khắt khe hơn, đặc biệt liên quan tới quản trị. Tuy nhiên đứng trước nhu cầu cấp bách của xã hội, cần phải phát huy sáng tạo. Trong thời kỳ đó, đồng thời với việc nhiều dòng tu chiêm niệm truyền thống đang bị các chính quyền dân sự dẹp bỏ, đâu đâu cũng thấy xuất hiện nhiều dòng nữ mới rất sáng tạo hầu đáp ứng các vấn đề xã hội khẩn cấp, nhất là đối với người nghèo và thất học. Giữa những năm 1815 và 1846, Giáo hội đã phê chuẩn 183 dòng nữ mới được thành lập; 104 trong số đó là ở vùng bắc I-ta-li-a.¹⁸⁴ Các cộng đoàn này đều có khuynh hướng hoạt động, và để trung thành với qui định của Giáo luật, họ đều được tổ chức như một thứ “dòng ba” kết nối hay trực thuộc các dòng tu nam. Đây chính là mô hình mà Don Bosco sử dụng.

184 Xin đọc Cf. Tullo Goffi, *La Spiritualità dell'Ottocento* (Bologna: Edizione Bohneniane, 1989) trg. 312

Vị linh mục người Pi-ê-mông vốn nhận thấy rõ hoạt động phục vụ đám trẻ nam rất thành công vẫn chưa thể tới được với các chị em của chúng. Để sửa sai tình trạng này, Don Bosco thường cộng tác với các nhóm nữ đang hiện hữu hay với các phụ nữ như *Benedetto Savio*, một quý bà sống như nữ tu tại gia (*monaca in casa*)¹⁸⁵ ngay trong thành phố, hay với *Marie-Louise Clarac*, một Nữ Tu Bác Ái đã xây dựng một trung tâm tiếp nhận ban ngày, một bệnh xá, và một trường tiểu học dành cho các trẻ nữ nghèo tại Tô-ri-nô. Hầu hết trong số các cộng sự viên của Don Bosco đều cách này hay cách khác tham gia vào giáo dục và đào tạo các trẻ em gặp hiểm nghèo. Tuy nhiên phải là *Maria Domenica Mazzarello* (1837 - 1881) mới chính thức hợp tác với Don Bosco để hình thành một dòng nữ trong gia đình Sa-lê-diêng hầu đáp ứng nhu cầu của các trẻ nữ bị lãng quên nhất trong xã hội.¹⁸⁶

Vị linh mục vùng Pi-ê-mông gặp được người phụ nữ này lần đầu vào mùa thu năm 1864 khi ngài tới ngôi làng *Mornese*. Trong dịp này họ không gặp riêng nhau nhưng Ma-ri-a cùng với dân làng tham dự lễ hội do nhóm thợ trẻ từ Tô-ri-nô tới tổ chức. Sau đó Don Bosco gặp riêng nhóm hiệp hội phụ nữ của họ đạo lo việc phục vụ các thiếu nữ túng quẫn mà Ma-ri-a là hội viên. Hiệp hội đạo đức này, các “Con cái Đức Mẹ Vô Nhiễm”, đã được vị linh mục quản xứ là cha Pestarino du nhập vào giáo xứ; ngài cũng đồng thời là linh hướng của Ma-ri-a. Vị linh mục này đã lãnh hội ý tưởng này từ một *Don Frassinetti*,

185 Nữ tu tại gia đã là một lý tưởng được An-phong Liguori cổ vũ

186 Đối với độc giả Anh ngữ xin đọc Domenico Agasse, *Saint Mary Mazzarello: The Spirit of Joy*, do NT Louise Passero FMA dịch (Boston: Pauline Books & Media, 1993). *Journal of Salesian* là một nguồn rất giá trị để nghiên cứu về sự cộng tác giữa Don Bosco và người phụ nữ này.

giám quản địa phận Ge-nô-va được đào tạo theo truyền thống linh đạo An-phong *Liguori*, một truyền thống tích cực cổ võ các nhóm nhỏ xây dựng đức tin hầu canh tân đời sống Giáo Hội. Nhân giới thiệu liên hệ mà Don Bosco phác họa lên cho nhóm hội đoàn này tại họ đạo *Mornese* là sự cao đẹp của các nhân đức, bốn phận làm gương sáng, viễn tượng cuộc sống trong tình yêu và phụng sự Chúa; viễn tượng này đã nung nấu trí tưởng tượng của Ma-ri-a.

Rồi thì các Con Cái Mẹ Vô Nhiễm tách làm hai nhóm, nhóm thứ nhất tuyên khấn cách riêng tư để trở thành nữ tu tại gia, nhóm thứ hai quây quần quanh Ma-ri-a không tuyên khấn và được chuyển tới một nơi ở chung, tại đó họ cùng nhau cầu nguyện và dạy các trẻ nữ bắt hạnh trong làng công việc nội trợ. Năm 1868 khi Don Bosco trở lại *Mornese* nhân dịp thánh hiến ngôi nhà thờ mới, ngài để ý ngay tới cộng đoàn non nớt này. Tới năm 1874 ngài thấy đã chín mùi ý tưởng về việc thành lập một cộng đoàn nữ tu liên thông với tu hội Sa-lê-diêng; thế là hội dòng Con Cái Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu thành hình. Ma-ri-a Mát-da-ren-lô và các bạn, khi tham gia vào Gia đình Sa-lê-diêng, đã không giống như nhiều Sa-lê-diêng linh mục và sư huynh xuất thân từ chính nhóm trẻ bị bỏ rơi của Don Bosco, các chị tới từ các gia đình nông thôn Công giáo đạo hạnh và đã tích cực dần mình vào công tác bác ái.

Ngay từ thời niên thiếu, Ma-ri-a đã tham gia vào việc tông đồ phục vụ do hậu quả của một cơn bạo bệnh; đang tuổi thanh xuân, sức khỏe nàng bị suy sụp hoàn toàn do lây dịch cúm khi chăm sóc một người bà con nhiễm bệnh, và thế là nàng dành thời giờ suy nghĩ về đời sống mình và tiền tới quyết định hiến mình phục vụ tha nhân. Từ ý nghĩ này, nàng đi tới

quyết định mở một lớp xưởng dạy các thiếu nữ trong làng may vá. Hoàn toàn bị vị linh mục thánh chinh phục ngay từ lần gặp mặt đầu tiên, Ma-ri-a đã tin chắc ngài là một vị thánh, và đã bị cuốn hút vào quỹ đạo Sa-lê cách hết sức tự nhiên. Với sự trưởng thành thiêng liêng sẵn có, bà đã làm cho gia đình thiêng liêng mà nàng mới gia nhập càng được thêm phong phú; trong công tác phục vụ, Ma-ri-a thấy rất rõ nhu cầu cần biết rõ tính khí mỗi người, hầu có thể nâng đỡ và khích lệ họ. Hơn thế nữa, việc nhấn mạnh cách tiêu cực trên tội lỗi, hỏa ngục hay ma quỷ, như thường thấy trong một số sách thiên liêng Công giáo thời đó, đã không thấy xuất hiện trong lối tiếp cận mục vụ của bà. Thay vào đó là một phong cách thực sự mang tính Sa-lê; Ma-ri-a nhấn mạnh trên sức mạnh của các tương quan “lòng đối lòng” trong mọi giao tiếp liên vị, trong linh hướng, trong tình bạn cũng như nơi gia đình. Bà sở đắc niềm lạc quan Sa-lê ngay trong khả năng con người hướng về Thiên Chúa và khả năng tăng trưởng thiêng liêng. Và bà bênh vực cho một nền đạo hạnh toàn diện có chỗ cho việc làm, sức khỏe, hài hước vui tươi, và tôn trọng sự sống.¹⁸⁷ Nét hiền dịu Sa-lê, và tiếp theo đó là việc thực hành truyền thống chinh phục cõi lòng làm ta gợi nhớ tới Gio-a-na San-tan, đã luôn nổi bật trong các thư từ bà gửi tới chị em hội viên trong Hội Dòng, đang, cùng với Tu Hội Sa-lê-diêng, mở rộng công cuộc phục vụ ra phạm vi toàn thế giới.

187 Xin đọc Edma Mary MacDonald, FMA, “Towards a Theology of the Body: An Analysis of the Letters of Maria Domenica Mazzarello”, *Journal of Salesian Studies*, VIII: 2 (Fall 1997), 310-31. Tác phẩm do Mẹ Mazzarello trước tác gồm 68 lá thư được ghi nhận viết vào những năm 1874-1881. Trong Ý ngữ có ba ấn bản vào những năm 1975, 1980 và 1994. Bản dịch Anh ngữ chỉ có một ra mắt vào năm 1978: *Letters of St. Maria Domenica Mazzarello Cofoundress of the Institute of the Daughters of Mary Help of Christians*, dịch từ nguyên bản (Shillong: Auxilium, 1978).

Mẹ rất buồn vì nghe biết công việc không được trôi chảy lắm đối với cộng đoàn mới tại *Las Piedras* [Uruguay, Nam Mỹ]. *Sr Giovanna* còn quá trẻ, và chưa thật sự có khả năng chu toàn chức vụ Bề trên. Tuy nhiên, không có gì phải lo lắng! Hãy nhớ rằng khuyết điểm thì đâu cũng có thôi, chỉ cần chúng ta cố gắng sửa chữa và bù đắp trong khả năng cho phép, nhưng luôn phải bình tĩnh trao phó mọi sự vào tay Chúa. Hơn nữa đừng quá quan tâm tới tiểu tiết. Đôi khi vì quá bận bịu dõi theo các việc nhỏ mọn vặt vãnh mà chúng ta lại bỏ qua các việc lớn lao hơn... Sửa bảo và lưu ý không ngừng, nhưng luôn phải cảm thông và hiền dịu với hết mọi người.¹⁸⁸

Lạc quan, nhân bản và cảm thông là các đặc điểm của tinh thần Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan đã lại tái hiện rất rõ nơi tinh thần đang lan tỏa sâu rộng trong gia đình Sa-lê-diêng đã được Gio-an Bosco gây dựng hai thế kỷ sau đó. Các trẻ em được trao phó cho gia đình thiêng liêng này coi sóc không ngừng được nghe các Sa-lê-diêng, các Con Cái Mẹ Phù Hộ và các Cộng tác viên Sa-lê-diêng nhắc nhở rằng: Không những chúng được yêu mến, mà chúng thật sự đáng yêu và có khả năng yêu. Trong trí tưởng tượng dựa trên Thánh Kinh của Phan-xi-cô Sa-lê, tình yêu chinh phục tất cả; từ đó ta rút ra được kết luận là, trong các tương quan thì bất cứ hình thức cưỡng chế nào cũng cần phải tránh cho xa. Cùng một phong cách đó, “phương pháp dự phòng” của Don Bosco neo chặt trên tình yêu, tức là tránh xa mọi cưỡng bức thể lý hay tinh thần. Đối với vị thánh Sa-voa cũng như vị thánh Pi-ê-mông, tình yêu Thiên Chúa phải là điều gì rất cụ thể và cảm nhận được. Trung

thành yêu Chúa hệ tại ở yêu mến những người được Chúa trao phó cho, bất luận tình trạng đời sống của chúng có thể nào đi nữa. Các việc nhỏ mọn làm cho những người bé mọn nhất, cho dầu là hành vi xem ra vô nghĩa, nhưng được làm vì yêu và với ý định trong sáng, đều trở thành con đường vinh quang dẫn tới sự hoàn thiện.¹⁸⁹

Chỉ hơn một thế kỷ sau, Gia đình Sa-lê-diêng của Don Bosco đã nở rộ. Tiến qua thế kỷ XXI gia đình thiêng liêng này bao gồm trong đó một số lớn các cộng đoàn khác nhau cùng chia sẻ lối sống, lối tiếp cận mục vụ và giáo dục và cả một di sản thiêng liêng phong phú được Don Bosco linh hứng, đã thiết lập được sự hiện diện của mình rộng khắp trên toàn thế giới, đồng thời chiếm chỗ đứng thứ ba trong số các dòng nam, và thứ hai trong các dòng nữ toàn cầu.

KẾT NÓI PA-RI: GIÁM MỤC *DE SÉGUR*, *HENRI CHAUMONT* VÀ CÁC NỮ TỬ

Nếu các vị thánh khác, khắc khổ và nghiêm nghị, dùng lưỡi kiếm bằng thép để cắt bỏ “cái tôi xấu xa” của mình, thì Phan-xi-cô Sa-lê, với nụ cười trên môi, sẽ dùng lưỡi guom làm bằng đường để cắt bỏ cái tôi của ngài. Nếu một người thích đường như thế nào, thì cái tôi của họ cũng mau lẹ tan biến như vậy.¹⁹⁰

Louis Gaston de Ségur

189 Jack Ayers, “The Salesianity that Wins Hearts”, *Journal of Salesian Studies*, III: 2 (Fall 1992), 1-22

190 Từ tác phẩm *Le renoncement* của Ségur được Marthe de Houdeville trích dẫn trong: *Monseigneur de Ségur, Sa vie-son action 1820-1881* (Paris: Nouvelles Editions Latines, 1957) trg. 287

Vẫn trong nhãn quan Sa-lê, một con tim bốc lửa yêu mến Chúa có thể nhóm lên ngọn đóm nơi ngàn vạn con tim khác. Tại Pa-ri vào giữa thế kỷ XIX trái tim của một người đã bị viễn tượng Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan khơi xướng chinh phục hoàn toàn; và vì say mê với viễn tượng đó nên đã dâng hiến cả cuộc đời để thấp lên nơi các tâm hồn khác cùng một thứ tình yêu đó; người đó là *Louis Gaston de Ségur*. Ngài sinh vào năm 1829 tại thủ đô nước Pháp và qua đời năm 1881 cũng tại đó. Từ thủ đô của nền văn hóa Pháp, ảnh hưởng của ngài đã lan rộng trên toàn đất nước. Dòng họ *Ségur* vốn rất nổi danh tại Pháp từ nhiều thế kỷ nay: Thân phụ và ông anh họ được phong bá tước, ông bác là hiệp sĩ trong quân đội hoàng gia phẩm hàm *St. Louis*. Về bên ngoại thì cậu bé Lu-i thuộc dòng dõi quý tộc Nga. Vì được giáo dục trong nhiều trường học khác nhau nên tới năm tuổi 18, đức tin Công giáo của cậu vẫn còn rất mơ hồ. Tình trạng rúng rúng đạo nghĩa này đã được chấn chỉnh tận căn qua việc cậu tiếp xúc với bà ngoại gốc Nga là nữ Bá Tước *Rostopchine*. Bà là người tích cực bảo trợ văn chương nghệ thuật, và bà đã trao cho Lu-i *Gaston* cuốn sách “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*”. Sau một tuần phòng được hướng dẫn bởi suy niệm của Đờ San, chàng trai trẻ đã hoàn toàn hoán cải để tiến tới một đời sống trọn vẹn hiến mình cho Chúa. Tương tự như Phan-xi-cô Sa-lê trước đây, thân phục của chàng có ý định cho con mình hành nghề luật sư, nhưng *Ségur* đã có hướng riêng của mình là chức linh mục. Mặc cho gia đình chống đối, chàng gia nhập chủng viện Xuân Bích và lãnh tác vụ linh mục năm 1847. Trong thời gian chủng viện thầy khám phá ra rằng, linh đạo của các vị sáng lập Sa-lê trung hòa được sự từ bỏ nghiêm khắc được trường phái linh đạo Pháp chủ trương.¹⁹¹ Đờ San,

191 Ibid., trg. 87

cùng với Phan-xi-cô Át-si-di, Ca-rô-lô Bô-rô-mê-ô và vua thánh Lu-i sẽ là các vị bôn mạng của thầy trong suốt cuộc sống.

Với kinh nghiệm hoán cải của riêng mình, Ségur ước mong có thể hoán cải được dân chúng kinh thành Pa-ri, nơi mà việc gắn kết với đạo Công giáo chỉ là hình thức và loi lỏng. Phục vụ người nghèo, người trẻ và các binh sĩ bị cầm tù là công việc mà vị linh mục trẻ này đã làm trước khi được gọi về Rô-ma để trở thành bồi thẩm trong tòa án đạo (*Rota*). Trong thời gian lưu lại Rô-ma, Ségur là công cụ hỗ trợ cho việc thành lập Học viện Pháp. Và cũng tại kinh thành muôn thừa cha đã chiếm được lòng Đức Thánh Cha Pi-ô IX, người sau này hết mình ủng hộ kế hoạch đầy tham vọng của Ségur trong việc bảo vệ và duy trì đức tin Công giáo. Sau này vì thị giác suy yếu mau lẹ, ngài được phép trở về quê quán và được phong giám mục như một ân huệ và danh dự. Tuy vậy chính tại Pa-ri, Ségur đã trở thành một cây viết sung mãn, chước tác nhiều bài biện giáo để thuyết phục các kẻ vô đạo, và viết các sách thiêng liêng với mục đích phổ biến các nguyên lý Sa-lê chống lại đường lối cứng rắn của truyền thống Gian-sê-nít. Tuy nhiên ngài vẫn được nhớ tới nhiều hơn qua các cộng đoàn tông đồ ngài thành lập dưới sự bảo trợ của thánh Phan-xi-cô Sa-lê.

Con tim của Lu-i *Gaston* đã bị “thế giới Sa-lê của các con tim” hoàn toàn chinh phục. Ngài bắt đầu cuộc sống mới tại Pa-ri với đôi mắt mù lòa về thể lý, nhưng về mặt thiêng liêng thì hề bị tổn thương chút nào. Tháng giêng năm đó nhân dịp lễ Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, ngài đặt mình dưới sự bảo trợ của “vị linh hướng thánh thiện, nhân ái và khôn ngoan nhất, học thuyết của Người làm say mê lòng người không thua kém gì

đức ái và sự quân bình của Người”¹⁹². Và tất cả những ai tìm tới *Ségur* để được ngài linh hướng – số đó không phải là ít – đều tìm thấy nơi ngài một vị hướng dẫn hiền dịu nhờ đó giúp họ dễ dàng mở rộng cõi lòng. Lá thư sau đây viết năm 1879 cho một chàng trai tới xin lời khuyên có thể coi là điển hình về sự nhạy cảm mục vụ của ngài.

Cha quan tâm tới con với tất cả cõi lòng cha, vì thế con gọi cha là cha của con cũng là phải lắm. Con làm cho chính cha cảm thấy mình thật sự là cha khi con tin tưởng bộc lộ cho cha tới cả các yếu đuối của con. Cha chỉ mong con tiếp tục làm cha cảm thấy như thế khi con nghiêm túc đón nhận lời khuyên cha sẽ dành cho con.¹⁹³

Hiệp hội Thánh Phan-xi-cô Sa-lê

Mười năm sau khi phong chức giám mục, Đức Cha *Ségur* bắt tay chuẩn bị cho công tác Sa-lê, điều sẽ làm ngài bận rộn trong suốt thời gian còn lại của cuộc đời. Quan tâm mục vụ của vị giám mục Pa-ri luống tuổi này thật đa đoan, nhưng ngài ngày càng quan tâm hơn tới các thách đố đối với đời sống và việc thực hành đạo giáo: Thuyết tục hóa, tinh thần bài giáo sĩ, và lối truyền giáo lẫn sâu của Tin Lành. Với sự ủng hộ của đức Pi-ô IX, vào năm 1857 ngài triệu tập một nhóm đáng kể các lãnh đạo Công giáo nhiệt thành trên toàn nước Pháp tới gặp gỡ nhau tại sảnh đường Tòa Giám mục Pa-ri. Đại biểu tham dự

192 Ibid., trg 305

193 Từ các thư của *Ségur* trích dẫn trong Ibid., trg. 333. Hedouville đã mô tả cách chi tiết ảnh hưởng của Phan-xi-cô Sa-lê trên tư tưởng của *Ségur*, cũng như cách thức thi hành mục vụ mà hai người hoặc đồng thuận hoặc đôi khi trái nghịch nhau.

gồm dòng Tên, Đa-minh, La-da-rit (Vinh-sơn), tu hội Nguyên Xá và Xuân Bích, cùng với sự hiện diện của một số linh mục triều trong đó có *Gaspard Mermillot* từ Sa-voa (tương lai sẽ là kế vị Đờ San cho ngôi giám mục Giơ-ne-vơ) và *Louis Brisson* thuộc giáo phận *Troyes*. Trong số đó hai vị giám mục cuối sau này sẽ trở thành các cổ động viên hàng đầu cổ súy linh đạo Sa-lê, đặc biệt là *Mermillot* trong vai Hồng y Giáo chủ, đã quảng bá học thuyết Phan-xi-cô trong nhiều môi trường khác nhau.¹⁹⁴ Một Hiệp hội mang mục đích rõ rệt là bảo vệ và phát huy đức tin Công giáo được thành lập và *Ségur* được bầu làm hội trưởng. Vị Thánh miền Sa-voa - “Tông đồ của *Chablais*” được chọn làm bổn mạng của hội. Hiệp hội thánh Phan-xi-cô Sa-lê ra đời như thế đó. Pa-ri trở thành trung tâm – con tim – từ đó phát ra ngọn lửa bác ái tỏa sáng. Giám đốc và phó giám đốc giáo phận được chỉ định để tạo thuận tiện cho ngọn lửa ấy lan rộng. Tuy nhiên để trung thành với phong cách Sa-lê mẫu mực, hiệp hội sẽ không có cấp bậc chỉ huy đầy quyền lực; thay vào đó, trong mỗi giáo phận Hiệp hội sẽ thích ứng mục tiêu và chương trình hành động thích hợp với tình hình địa phương. *Ségur* chỉ nắm vai trò soi sáng và khích lệ. Năm tháng sau đó, chính ngài còn thành lập một số tổ chức khác và tiếp tục giữ vai trò cổ động và nâng đỡ từ xa cho nhiều hiệp hội khác nữa trong các giáo phận trên toàn Âu châu. Mỗi khi thăm viếng

194 Cùng với việc nâng đỡ Hiệp hội Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và các sáng kiến tông đồ tương tự, *Mermillot* còn là công cụ trong việc đưa ra ánh sáng các bản thảo của De Sales hầu như đã bị hoàn toàn rơi vào quên lãng, luân phiên được gọi là *Meditations on the Church* hay *The Controversies*. Đây là một tập hợp các bài Phan-xi-cô viết trong thời gian đang truyền giáo tại Chablais. Xin đọc luận văn của Elisabeth Stopp, “Meditation on the Church”, trong *A Man who Heal Differences*, trg. 51-74 và Blandine Delahaye, “La Diffusion des Controverses pendant la Mission du Chablais”, trong *L’Unidivers Salesien*, trg 68-70.

các hội đồng địa phương, ngài thường giảng về tình yêu Thiên Chúa “tâm đối tâm”, và nhường công việc quản trị cho giới lãnh đạo địa phương. Vào năm 1881, Hiệp hội đã đạt tới con số 1.900.000 hội viên.¹⁹⁵

Ngay giáo phận mà giám mục *Ségur* phụ trách cũng đã được hưởng nhiều lợi ích từ các sáng kiến tông đồ này. Một năm sau cuộc họp khai mạc tại phòng khách tiết Pa-ri, vị giám mục qui tụ một nhóm các linh mục của ngài hình thành nên một hiệp hội mang tên Hội Các Linh Mục Thánh Phan-xi-cô Sa-lê với mục đích giúp thánh hóa các hội viên và phúc âm hóa các quận huyện Pa-ri. Các linh mục này giúp hỗ trợ các linh mục quản xứ quá bận rộn, bằng cách giảng dạy, mở tuần đại phúc và tĩnh tâm, tổ chức các khóa giáo lý cho giáo dân... Một tuần đại phúc đạt chuẩn có thể dẫn đưa một số người tới bí tích rửa tội, hoặc chấn chỉnh hôn nhân, lãnh bí tích thêm sức và rước lễ lần đầu. Rồi thành công nơi này sẽ trở thành tấm gương cho các giáo phận khác noi theo. Thật đáng buồn cho vị sáng lập là chỉ sau một vài năm hoạt động rất tích cực, vì việc quản trị hiệp hội được chuyển giao vào tay các lãnh đạo địa phương, nên việc tông đồ đã bị ngưng trệ hoàn toàn; ngay cả chiến dịch nhằm huy động việc tôn trọng ngày nghỉ Chúa Nhật tại chính thủ đô Pa-ri cũng đoàn thọ.

Trong khi nuôi dưỡng người khác về tinh thần Sa-lê, về phần mình Đức Cha *Ségur* cũng được các nữ tu Thăm Viếng dưỡng nuôi trong cùng một tinh thần đó. Ngài vẫn thường lui tới tu viện trên đường *De Vaugirard*, nơi bà chị ngài là *Sabine*

195 Mục nói về “Louis Gaston de Ségur”, trong *Catholic Encyclopedia*, ấn bản 1913.

sinh sống. Ngài đã kết bạn thiêng liêng với một nữ tu khác tên là *Marie-Donat Poisson*, là người đã chăm sóc *Sabine* khi lâm trọng bệnh. *Sr Marie-Donat* hơn ngài vài tuổi và rất nổi tiếng về tính đơn sơ. Trong nhiều năm liền *Ségur* trao đổi thư từ với bà với nội dung đầy cảm xúc.¹⁹⁶ Một biểu hiện của sợi dây cột chặt vị bảo trợ vĩ đại này của Lễ Ngũ Tuần Sa-lê với dòng Thăm Viếng là sự kiện sau khi ngài lần thân mẫu ngài qua đời, trái tim của cả hai đều được bảo quản trong di cốt được tôn kính trong tu viện trên đường *De Vaugirard*.¹⁹⁷ Hơn nữa trong các cuộc hành trình thường xuyên, vị giám mục Pa-ri vẫn thường xuyên ghé thăm các cộng đoàn Thăm Viếng tại các thị trấn nơi Hiệp hội được thành lập. Ngài đặc biệt yêu quý các cộng đoàn *Annecy* và *Troyes* nơi có Mẹ Bề Trên đáng kính là *Marie de Sales Chappuis*, người đã từng làm bề trên tại Pa-ri, và cổ vũ cho Hiệp hội cách đặc biệt tích cực.

Cho dầu hội dòng Thăm Viếng đã phải chịu rất nhiều tổn thất trong các cuộc chính biến do Cách mạng Pháp gây nên, cùng với tất cả những hậu quả lâu dài của nó, dòng tu này vẫn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc vực dậy thế giới Công giáo. Việc truyền bá lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa chẳng hạn là một điển hình. Một điển hình khác là điều sau đây: Xa khỏi Pa-ri, nhưng lại rất quen thuộc đối với nhiều độc giả là trường hợp của Tê-rê-xa *Lisieux*, một nữ tu Cát Minh thánh thiện với “con đường thơ ấu” rất phổ biến sau khi chị

196 Hedouville, *Monseigneur de Ségur*, trg. 464.

197 Vào thời đó rất phổ biến thói quen bảo quản và trưng bày trái tim của các bậc vị vọng. Về điều này xin đọc Jean Nagle, *La Civilisation du Coeur: histoire du sentiment politique en France du XII e XIX siècle* (Librairie Arthème Favard, 1998).

qua đời năm 1897.¹⁹⁸ *Thérèse Martin* lớn lên trong một bầu khí rất đạo hạnh rõ ràng đậm nét Sa-lê. Và như chị *Léonie*, một nữ tu Thăm Viếng tại *Caens* đã viết trong cuộc phỏng vấn lập hồ sơ phong chân phước cho Tê-rê-xa vào năm 1910, "...tất cả các tu viện chúng tôi đều có lòng sùng kính đối với Tê-rê-xa". Điều đó chẳng lấy gì làm lạ bởi vì lòng đạo đức của chị giống hệt như lòng đạo đức của chúng tôi và của Đấng Thánh sáng lập dòng chúng tôi là Phan-xi-cô Sa-lê.¹⁹⁹

Trên toàn cự lực địa, người ta có thể kể ra không biết bao nhiêu là câu chuyện về các ảnh hưởng Sa-lê nhờ các nữ tu Thăm Viếng.

198 Tê-rê-xa có bà di và chị *Léonie* là nữ tu Thăm Viếng của các tu viện LeMans và Caens. Cả hai chị *Pauline* và *Marie* sống với thánh nữ tại Lisieux trong nội cấm Cát Minh đều đã từng học nội trú tại trường Thăm Viếng nơi bà di sống. *Pauline* đã trở nên bà mẹ trẻ thứ hai của Tê-rê-xa sau khi thân mẫu qua đời, đã hướng dẫn cô em qua các lá thư đậm các hình ảnh hần rõ nét Sa-lê không thể chối cãi – hoa thiêng, các nhân đức nhỏ mọn, và Thánh Tân Chúa Giê-su. Ngay các thư từ của Tê-rê-xa cũng cho thấy rõ chị được đào luyện trong học thuyết của Phan-xi-cô Sa-lê, và "Con Đường Thờ Ấu" của chị cũng vang vọng nốt nhạc Sa-lê nữa. Các vị hướng dẫn thiêng liêng sau đó của chị tại tu viện Cát Minh, đặc biệt Mẹ *Marie de Gonzaga*, cũng đều là hoa trái của trường Thăm Viếng ở Caens. Và khi chính chị trở thành người linh hướng, nhất là trong các lá thư gửi cho chị *Léonie* đang bị dày vò, Tê-rê-xa đã cho thấy chị gần gũi như thế nào với truyền thống con tim đã xuất hiện thời *Magherite Marie Alacoque*. Về mục này xin đọc *Wendy M. Wright, "A Salesian Pentecost: Léonie, Aviat and Salesian Tradition", Studies in Spirituality 12 (2002), trg. 156-77.*

199 *Saint Thérèse of Lisieux by Those Who Knew Her: Testimony from the Process of Beatification*, do Christopher O'Mahoney, OCD dịch, (Huntington, IN: Our Sunday Visitor, 1975), trg. 180

Henri Chaumont, Caroline Carré de Malberg và các Nữ Tử Thánh Phan-xi-cô Sa-lê

Ngay từ năm 1850, *Ségur* đã sớm nhận ra một chàng trai sau này sẽ trở thành vai chính trong Mùa Hiện Xuống Sa-lê; đó là *Henri Chaumont* (1838 - 1896). Ngài được đem đến giới thiệu cho vị trưởng lão vào buổi chiều trước ngày rước lễ lần đầu tại *St. Sulpice*. *Ségur* đã nói tiên tri cho mẹ đứa trẻ rằng con bà sau này sẽ trở thành linh mục,²⁰⁰ và sự việc đã xảy ra đúng như thế; chín năm sau *Chaumont* gia nhập chủng viện tại *Issy*. Sách đọc trong nhà cơm là các thư của Phan-xi-cô Sa-lê đã thu hút được sự chú ý của thầy chủng sinh, và thầy bắt đầu tìm hiểu học thuyết của vị giám mục Sa-voa... và rồi việc học này sẽ kéo dài suốt quãng đời còn lại của thầy. Niềm say mê càng tăng cao hơn nữa khi *Ségur* dần xếp đề chủng viện Xuân Bích có được vị linh hướng khả kính là Cha *Grandvaux*, hầu hướng dẫn chàng trai trẻ. Trong khi khích lệ niềm đam mê đối với linh đạo Sa-lê của thầy, *Grandvaux* cũng khuyến khích *Chaumont* nuôi dưỡng giấc mơ thành lập một hiệp hội dành cho những ai sống giữa đời khát khao xây dựng cho mình một nền linh đạo. Các tân hồn đạo hạnh này sẽ được đào tạo thể theo các nguyên lý đã được Phan-xi-cô Sa-lê triển khai. Và như thế, *Chaumont* đã trích lấy các lời khuyên của Đấng Thánh, lược lặt từ các tác phẩm ngài viết và dần dựng chúng theo đề mục các nhân đức. Tiểu luận bàn về các nhân đức theo nhãn giới Sa-lê này sẽ được dùng như thủ bản chương trình đào luyện dành cho

200 Về Chaumont xin đọc Debout, *Le chanoine Henri Chaumont et la sanctification des prêtres* (Paris, 1930), và Mgr Laveille, *L'abbé Henri Chaumont: fondateur de trois sociétés Salésiennes (1838-1896)* (Paris: Téqui, 1919)

những ai tìm cách đi sâu hơn nữa vào đời sống thiêng liêng.

Chaumont hiểu rất rõ các hoạt động của Hiệp hội thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Ngay sau khi được bổ nhiệm là cha phó họ đạo bình dân *St Marcel* tại Pa-ri, ngài đã nỗ lực làm cho cộng đoàn thấm nhuần tinh thần Sa-lê qua việc sử dụng các nhóm đào tạo đức tin. Một trong các ước mơ lớn nhất của ngài là tập hợp được một nhóm linh mục được đào tạo sống các nhân đức Sa-lê, để qua các tác vụ khác nhau sẽ canh tân được đời sống thiêng liêng của hàng giáo sĩ địa phận. Ngoài ra ngài cũng rất quan tâm tới sức sống thiêng liêng của các gia đình Ki-tô hữu. Vì mục đích này, ngài đào tạo các người vợ và bà mẹ trong nhãn quan của thế giới các con tim. *Chaumont* đã rất thành công trong việc thành lập một hiệp hội dành cho giáo dân với mục tiêu rõ rệt như sau:

... Hầu cho phép các nữ giáo dân có khuynh hướng sống đời thiêng liêng được làm quen với bậc trọn lành đã được Thánh Phan-xi-cô Sa-lê vạch ra, và để quảng bá học thuyết... trích ra từ cuốn *Dẫn vào Đời sống Đạo đức*; hầu thúc đẩy và nuôi dưỡng gia đình thiêng liêng gồm tất cả những ai đón nhận các chỉ dẫn này; và do đó có thể thành lập một thứ tu hội không lời khấn dành cho những người sống giữa thế tục mà vẫn không loại bỏ những người đã lập gia đình.²⁰¹

Kế hoạch Sa-lê này đã được ít là Mẹ *Marie de Sales Chappuis* ở *Troyes* và giám mục giáo phận Giơ-ne-vơ là *Marmillot*, người mà *Chaumont* đã ghé thăm trong cuộc hành

201 Laveille, *L'abbé Henri Chaumont*, trg. 165

huong tới *Annecy*, đón nhận và phê chuẩn. Tại nơi thánh tích của cuộc hành hương, ngài đã cầu nguyện trước mộ hai đấng sáng lập để xin các ngài bầu cử cho kế hoạch được thành công. Giấc mơ tông đồ đã thành sự khi *Chaumont* được chuyển tới họ đạo *St. Clothilde*, tại đó ngài được tiếp xúc với quý bà *Carré de Malberg*, một cựu học sinh của dòng Thăm Viếng tại *Metz* và là vợ của đại tá *Paul Carré*. Là một phụ nữ rất đạo đức, thông minh và năng động, *Caroline Carré de Malberg* còn tỏ ra có một đời sống thiêng liêng thâm sâu khi bà phải phấn đấu trước sự ra đi liên tiếp của bốn người con. Khi bà từ *Metz* chuyển tới Pa-ri do cuộc chính biến năm 1870, *Chaumont* tiếp nhận bà dưới sự che chở của ngài, và *Carré* bắt đầu một chương trình đào luyện do chính cha biên soạn dựa trên các trước tác của Đờ San. Và rồi, với một nhóm nòng cốt là các bà đạo đức tương tự - vợ của các quân nhân, quý bà *Carré* đã khởi xướng một hiệp hội không chính thức, đó là các Nữ Tử Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, trong đó các các hội viên sẽ...

... vươn tới sự thánh thiện Tin Mừng trong tinh thần đơn sơ Ki-tô hữu. Để đạt được điều đó họ luôn ghi nhớ rằng, khởi đầu, con đường và mục đích của đời sống Ki-tô hữu phải là tuyệt đối kết hiệp với Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Họ phải xa tránh và thắng vượt cả những lỗi nhỏ mọn nhất hoặc mọi khuyết điểm cố tình... Họ sẽ luôn canh tân mình bằng việc ý thức tình trạng thấp hèn của mình, yêu mến và thực hành bao có thể ba nhân đức phúc âm của đời sống đạo đức [Tin, Cậy và Mến].²⁰²

Với sự trợ giúp của cha *Chaumont*, người vợ và bà mẹ

202 Ibid., trg. 240. Cũng xin đọc *Vie de Madame Carré de Malberg* của Laveille.

từ Metz tới này bắt đầu tổ chức một chu trình đào luyện gồm thời kỳ “thử thách”, các khóa học và luyện tập thiêng liêng, tập trung vào các nhân đức được thực hành theo phong cách Sa-lê, đặc biệt đức khiêm nhường, nhẫn nhục, trung thành, cẩn trọng, chừng mực và mau mắn để bảo đối với Chúa Thánh Thần.²⁰³

Và cũng như *Chaumont* và *Ségur* (người vẫn muốn người ta gọi mình là “ông ngoại” của các Nữ Tử), *Caroline Carré* hằng chất chứa trong lòng niềm mơ ước làm sao nhân quan về một thế giới các con tim phải được lan tỏa rộng hơn nữa. Các nỗ lực của bà, không chỉ giới hạn trong việc phục vụ các Nữ Tử, mà còn cố đạt tới việc thành lập một hội các linh mục thẩm nhuận linh đạo Sa-lê để chu toàn mục tiêu là cống hiến hướng dẫn thiêng liêng cho các nhóm giáo dân. Và cũng như *Chaumont* bà nghĩ nhiều tới việc thành lập các hiệp hội khác nữa để cổ súy các giá trị Ki-tô hữu trong gia đình, Quý bà này cũng có ý định thành lập một hiệp hội nhằm mục đích giáo dục luân lý cho tầng lớp người ở đợ. Không phải tất cả các kế hoạch đầy tham vọng liên quan tới việc thiết lập một thế giới, nơi mà con tin Thiên Chúa và nhân loại gặp gỡ, đều đã trở thành hiện thực hay tồn tại được lâu bền; tuy nhiên Hiệp hội Nữ Tử Thánh Phan-xi-cô Sa-lê đã thật sự phát triển. Vào những năm 80” số thành viên gia tăng mau lẹ nhờ sự tham gia của nhiều nữ tu, do các sắc lệnh chính phủ ban hành, bị trục xuất khỏi các tu viện, nhưng vẫn muốn tiếp tục sống đời trọn lành phúc âm, cho dầu không còn lời khẩn chính thức hay các dấu chỉ bên ngoài như tu phục.

203 *Chaumont* có lòng tôn kính cách riêng đối với Chúa Thánh Thần, và vì thế trở thành một phần di sản thiêng liêng ngài để lại cho các Nữ Tử. Xin đọc Laveille, *L’abbé Henri Chaumont*, trg. 345 tt.

Khởi đi từ nguồn Hiện Xuống Sa-lê, các Nữ Tử Thánh Phan-xi-cô Sa-lê đã trở thành một tổ chức mang tầm cỡ thế giới. Bước qua thế kỷ XXI hội vẫn là một tổ chức giáo dân được thiết lập theo giáo luật, hoạt động dưới danh xưng Hiệp hội Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Hội cổ súy cùng một mục tiêu thánh hóa trong tinh thần Sa-lê và sử dụng cơ bản cùng các thực hành, huấn luyện thiêng liêng như khi mới được thành lập, cho dầu có thích ứng cho hợp thời hơn. Vào cuối thế kỷ XX xuất hiện vài tờ rơi mô tả các đặc điểm thiêng liêng của chi nhánh truyền thống Sa-lê này với các điểm nhấn sau đây:

Thánh Phan-xi-cô Sa-lê đã coi lời Đức Ki-tô dạy rằng, hết thảy mọi người đều phải trở nên thánh thiện như một đòi hỏi nền tảng, và ngài cũng đề xuất các phương thế để chúng ta có thể đạt được mục tiêu đó. Chính từ tinh thần này mà đáng Sáng Lập đáng kính của chúng ta, kinh sỹ *Chaumont*, đã được linh hứng để viết nên luật đời sống... một bộ luật mà, dầu có thích nghi với phong cách sống hiện đại, nhưng vẫn không xa lạ gì với ý nguyện nguyên thủy khi thành lập, đó là kêu gọi mọi tín hữu hãy sống tinh thần Đức Giê-su, sống Tin Mừng trong lòng Giáo hội và trong thế giới, sống Phúc Âm như người môn đệ của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, và cùng với Ma-ri-a là Mẹ Giáo hội và Mẹ của mỗi chúng ta, sống trọn vẹn Tin Mừng...

Phan-xi-cô Sa-lê sẽ dẫn dắt chúng ta tới tình yêu trọn hảo, nhờ tin tưởng vào sự tốt lành của Thiên Chúa; khiêm tốn và với cõi lòng hiền dịu, đó là nguồn mạch của lòng can đảm, thái độ chân thành và sẵn sàng “vâng nghe” thiêng liêng của chúng ta. Vâng phục có nghĩa là tự nguyện

đồng lòng trong yêu mến để các bổn phận theo bậc sống mỗi người được thấm nhuần tình yêu; thanh khiết được thực hành tùy theo bậc sống mỗi người sẽ trở nên nhân tố thanh luyện và tạo được sự quân bình đích thực; nghèo khó làm cho con người càng tự do và sẵn sàng hơn.²⁰⁴

Vào tháng Bảy năm 1881, khi *Gaspard Mermillot* giảng trong tang lễ của *Ségur* tại nhà thờ Đức Bà Pa-ri, không một ai trong đám đông cử tọa cảm được nước mắt. Khi so sánh *Ségur* với Phanxi-cô Sa-lê, lời của vị Hồng y, tuy có đôi chút hoa mỹ, nhưng diễn đạt được tình cảm của mọi người có mặt; “hôm đó họ đã chứng kiến cuộc ra đi của một trong những người tôi tớ vĩ đại nhất của thế hệ họ, người đã có những hoạt động tông đồ quảng đại và không mỏi mệt; người đã in dấu không thể phai nhòa trên con tim mọi người và từng người, cũng như con tim của toàn cộng đoàn Giáo hội Công giáo nói chung”.²⁰⁵

204 Trích dẫn từ tập sách nhỏ của các Nữ Tử Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, n.p., n.d.

205 Hedouville, *Monseigneur de Ségur*, trg. 18

TẬP “*THỦ BẢN THIÊNG LIÊNG*”: CÁC TÂM HỒN TẬN HIẾN VÀ CÁC CHỊ EM TẬN HIẾN

Sứ mệnh của các con là gì? Đó là sứ mệnh của mỗi tu sĩ: đó là cứu vớt các linh hồn, đồng thời tạo cho linh hồn các con một nền tảng vững chắc dựa trên một đời sống Ki-tô hữu chân chính và vững chãi. Càng thánh thiện bao nhiêu các con càng có ảnh hưởng trên các linh hồn đến với các con bấy nhiêu. Tuy nhiên phương thế tốt hơn hết để đạt được sự thánh thiện này chính là kết hợp với Chúa qua trung thành thực hành cuốn “*Thủ Bản Thiêng Liêng*” của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê.²⁰⁶

Linh mục *Louis Brisson*

Cuộc cách mạng – cả chính trị lẫn kỹ nghệ - của thế giới hiện đại đã để lại dấu ấn khó phai trên mọi lãnh vực của xã hội thế kỷ XIX. Tại một vài vùng, sau thời kỳ Phục hưng, việc giữ đạo Công giáo trở nên sốt sắng và phổ biến hơn, thế nhưng tại nhiều vùng khác sự hiểu biết và thực hành đức tin lại trở nên lạnh nhạt.²⁰⁷ Trong khắp mọi miền, việc dân số chuyển động từ nông thôn ra thành thị, và nền kinh tế chuyển đổi mau chóng từ

206 Lấy từ bài nói chuyện của Cha Brisson tháng 6 năm 1899. Trích từ *The Constitutions and the Spiritual Directory of the Oblates of St Francis de Sales* (Oblates of Francis de Sales, 1964) trg. 157

207 Gibson, *A Social History of French Catholicism*, trg. 174-6.

nông nghiệp qua công nghiệp đã tạo nên cả một thảm cảnh xã hội. Hình thái của các cộng đoàn Công giáo đang hồi sinh chắc chắn cũng bị các thực tế xã hội này bao trùm. Trong giáo phận *Troyes* ở miền đông bắc nước Pháp, cuộc hồi sinh này lại mang nặng dấu ấn của đặc tính Sa-lê. Từ nhiều năm việc giữ đạo tại *Troyes* đã rất lỏng lẻo và nguội lạnh, tuy nhiên cũng chính tại đó mà ngọn lửa chói chang của mùa Ngũ Tuần Sa-lê lại lóe lên. Trung tâm của ngọn lửa thấp sáng con tim này là ba khuôn mặt: *Marie de Sales Chappuis* (1793 - 1875), Mẹ Bề Trên của tu viện Thăm Viếng *Troyes*, Cha *Louis Brisson* (1817-1908) đã cùng với Mẹ *Chappuis* thành lập tu hội Tân Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, và *Léonie Aviat* (1844 - 1914) cùng với cha *Brisson* đồng sáng lập dòng Nữ Tu Tân Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê.

Bà “Mẹ Tốt Lành”

Nhiều người Công giáo đạo đức tìm thấy nơi Phan-xi-cô Sa-lê một tấm gương và người bảo trợ tuyệt hảo cho công việc tái phúc âm hóa đang dần trở thành một mạng lưới rộng khắp. Giám mục *Ségur* ở Pa-ri, Giám Mục *Mermillot* ở Sa-voa, Don Bosco ở Pi-ê-mông đều đã rất ý thức về các nỗ lực tông đồ của nhau, đồng thời họ cũng ý thức về công việc đang được thực hiện dưới hào quang Sa-lê đang được triển khai tại *Troyes*. Và cũng như nhiều vị lập dòng khác đã phải chịu nhiều đau khổ trong suốt thời kỳ đạo giáo bị triệt hạ, người phụ nữ đặc biệt này ở *Troyes*, từ khi còn tấm bé và được đào tạo trong bối cảnh đen tối của cuộc bắt đạo, cũng đang đốt lên ngọn lửa thiêng

sao cho nó cháy bùng lên.²⁰⁸ *Marie-Thérèse Chappuis* ra đời tại *Soyhières*, một làng nhỏ trên núi cao vùng *Jura* Thụy Sĩ; trong cuộc Cách mạng Pháp vùng đất này bị sáp nhập vào Pháp. Trong ký ức được người viết tiểu sử bà ghi lại, lúc mới lên bốn, cô bé đã phát hiện ra, ngay trong nhà mình ông cậu đang dâng Thánh Lễ chui vào lúc nửa đêm. Ngài là nguyên chánh xứ *Soyhières*, và để khỏi bị phát hiện đã buộc phải sống chui nhủi vào ban ngày. Cha mẹ bà xuất thân từ một gia đình Công giáo lâu đời trong vùng và dưỡng dục mười một người con (*Marie-Thérèse* là thứ bảy) trong một bầu khí rất đạo hạnh; trong số mười một người con, sau này có tới sáu đứa trở thành linh mục và tu sĩ. Rất sớm cô bé *Marie* đã được hội nhập tinh thần Sa-lê do theo học trường Thăm Viếng tại *Fribourg* Thụy Sĩ, nơi cô nhiều năm ở nội trú. Năm 1811 cô đã từng gia nhập tu viện nhà dòng trong tư cách thử sinh, nhưng vì quá nhớ nhà, cô chỉ ở lại được có vài tháng; ba năm sau cô trở lại nhà dòng và ở lại luôn. Và thế là bắt đầu một sự nghiệp đáng lưu danh của người phụ nữ từng coi mình là một Tông Đồ của tinh thần Sa-lê để mong biến đổi cả thế giới. Lời kêu gọi cao đẹp này thực tế đã được định nghĩa bởi tinh thần tự hủy (*kenosis*) khuôn rập theo

208 Về Marie-Thérèse de Sales Chappuis xin đọc tiểu sử do Louis Brisson viết: *Vie de la Vénérable Mère Marie de Sales Chappuis de l'ordre de la Visitation de Sainte Marie* (Paris: Chez l'Aumonie de la Visitation, 1891) và tập sách nhỏ hơn nhiều *The Venerable Marie de Sales Chappuis of the Order of Visitation Holy Mary 1793-1875* do các nữ tu Thăm Viếng Brooklyn biên soạn (Brooklyn, NY: Sisters of the Visitation, 1924), cũng như sách Mẹ Marie de Bellaing, *Abrégé de la vie et des vertus de notre très honoré et vénéré Mère de Sales Chappuis* (Troyes, n.d., n.1.), bản dịch Anh ngữ, *Abridgement of the Life of the Venerable Mother Mary de Sales Chappuis* (Brooklyn, NY: n.p., n.d.) Tôi cũng chịu ơn Alexander Pocetto, OSFS, nghiên cứu về bà “Mẹ Tốt Lành” tập trung trong bài luận văn 2002 chưa được ấn hành, “Mary de Sales Chappuis (1793-1875), Apostle of the Salesian Spirit”.

đời sống của Đức Ki-tô mà các vị sáng lập dòng Thăm Viếng hằng cổ súy. Trong một thị kiến xảy ra trong năm tập, gần giống như Gio-a-na San-tan và Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a Alacoque, *Marie Thérèse*, lúc này được gọi là nữ tu *Marie de Sales*, đã cảm nhận một biến đổi sâu xa đang xảy ra trong cõi lòng mình.

Con tim tôi lúc đó mở rộng lớn lắm. Một nguồn linh hứng tràn ngập nó, và làm cho tôi hiểu rất rõ rằng Thiên Chúa muốn đời tôi từ nay phải do chính Ngài định đoạt... Toàn bộ hiện hữu tôi phải bị hủy diệt hoàn toàn. Thiên Chúa phải được nhận biết, và Ngài muốn rằng sự sống của Ngài hoạt động trong tôi phải nhằm duy nhất một mục đích này. Tương lai tôi từ đây sẽ phải là như thế! Một khi Ngài gửi vào hồn ngọn lửa sáng rực và mạnh mẽ có sức biến đổi đời sống con người, thì toàn bộ đời sống tôi sẽ chỉ còn có một định hướng duy nhất đó mà thôi.²⁰⁹

Quả thật Phan-xi-cô đã từng giảng cho các con cái thiên liêng dòng Thăm Viếng của ngài về ơn gọi tông đồ của họ, và lời ngài được họ trung thành ghi nhớ trong tập “*Huấn Đức*”.

Ôi ơn Chúa ban cho các con lớn lao dường nào! Ngài làm cho các con trở thành tông đồ không phải vì chức quyền mà vì phận vụ và công nghiệp. Đúng là các con không được giảng dạy vì giới tính của các con không cho phép, giống như Thánh Ma-đa-lê-na và chị ngài là

209 *The Little Notebook of Fribourg (Le Petit Cahier de Fribourg)*, Phân tích, phiên dịch và chú thích của Edward Carney, OSFS (Private Printing, n.p., n.d.), trg 38. Cũng xin đọc Marie de Sales Chappuis, *Le petit cahier de Fribourg*, do Roger Balducelli, OSFS ấn hành (Troyes: private printing, 2000).

Mat-ta vậy, nhưng các con sẽ không ngừng thi hành chức vụ tông đồ bằng chính việc truyền đạt cách sống của các con.²¹⁰

Đối với *Marie Chappuis*, cuộc sống của một nữ tu Thăm Viếng phải rập theo khuôn mẫu đã được chỉ cho thấy ngay từ buổi đầu của lời cam kết tu trì. Vì nắm bắt cách sâu sắc các nguyên lý Sa-lê và tỏ ra có tài lãnh đạo hiếm thấy, nên chỉ trong vòng một năm mà bà được gởi tới *Metz* để tái lập lại tu viện Thăm Viếng tại đó, rồi được chỉ định làm giáo tập tại *Fribourg* và còn được gởi đi phục hưng tinh thần Sa-lê tại tu viện *Troyes* đã từng bị giải tán năm 1789 và được tái lập năm 1807. Vào thời điểm *Marie de Sales Chappuis* tới đó, rõ ràng tu viện đang cần một người lãnh đạo có tầm nhìn bao quát. Vài chục năm trước đó cộng đoàn đã bị Giáo hội tuyên vạ vì nhiễm khuynh hướng phái *Jansen*, và âm hưởng của nó vẫn tiếp tục tồn tại; ngoài ra mực thước đời sống của cộng đoàn Thăm Viếng này cũng đang rất lộn xộn. Trong phong cách Sa-lê tinh túy bà đã chinh phục được cõi lòng mọi người và sớm biến *Troyes* thành một cộng đoàn trong đó việc các con tìm liên kết chặt chẽ với nhau luôn ngự trị. Trong nhiều năm liên tiếp, trừ thời gian bà trở về lãnh đạo cộng đoàn Thăm Viếng tại *Pa-ri*, *Marie de Sales* luôn phục vụ tại cộng đoàn *Troyes*. Bà được mọi người biết tới như bà “Mẹ Tốt Lành”, qua các nữ tu trong tu viện cũng như từ các người bên ngoài đã nhận được thành quả của biết bao công việc bà làm.

Bà “Mẹ Tốt Lành” có một nhận thức Sa-lê rất thâm sâu; thật vậy thời đó bà đã được coi như người giải thích giáo huấn

Sa-lê cách trung thực nhất.²¹¹ Tuy nhiên cũng như với tất cả mọi truyền thống thiêng liêng phong phú và súc tích, mỗi vị chuyển dịch sẽ nội tâm hóa giáo huấn theo cách riêng của mình, đồng thời nhấn trên một số khía cạnh nào đó. *Marie de Sales Chappuis* cũng vậy; chính bà đã trở thành nguồn gốc của một số lời cũng như một số việc thực hành, xuất phát từ lòng tôn trọng sâu sắc bà dành cho cuốn “*Thủ Bản Thiêng Liêng*” của Phan-xi-cô Sa-lê. Bà định ninh rằng trung thành với nó chính là con đường đảm bảo nhất để lãnh hội tất cả chất tinh túy của tinh thần Sa-lê, tất cả đều được tóm gọn trong khẩu hiệu “Sống Giê-su”.

“Thủ Bản Thiêng Liêng”

Khi phác họa các hướng dẫn dành cho cộng đoàn mới được thành lập với sự cộng tác của Gio-a-na San-tan, Phan-xi-cô Sa-lê đã viết một số thủ bản về các việc điều hành cuộc sống thường ngày. Có thủ bản dành cho giáo tập, có thủ bản bàn về việc đọc kinh nhật tụng nhỏ kính Đức Mẹ và thi hành một số việc đạo đức khác, thủ bản hướng dẫn một số chức vụ trong tu viện... riêng thủ bản sau cùng này được biết tới với tên, “*Thủ bản Thiêng liêng cho Hoạt động Thường nhật*”. Tập thủ bản cuối này chứa đựng nhiều hướng dẫn cụ thể cho việc chu toàn các bổn phận trong suốt ngày sống. Việc thực hành này chú trọng đặc biệt tới ý ngay lành mà người nữ tu phải đưa vào trong tất cả các sinh hoạt thường ngày như thức giấc, tham dự Thánh Lễ, xét mình, ăn uống trong nhà cơm, giữ thinh lặng và đi ngủ. Đó là những thực hành mang tính đào luyện được

211 Louis Brisson, *Retraites de l'année 1890*, tr. 2

phác họa đề hướng dẫn mỗi hội viên trong cộng đoàn tập cho có thói quen ý thức sự hiện diện của Chúa và mục đích tối hậu trong mỗi giây phút của cuộc sống trong ngày. Tuy nhiên không phải tất cả mọi cá nhân cũng như tu viện Thăm Viếng đều coi trọng cuốn “*Thủ bản Thiêng liêng*” như cách bà Marie de Sales Chappuis có. Đối với bà, việc trung thành áp dụng “*Thủ Bản*” chính là chìa khóa cho đời sống thiêng liêng. Về điểm này, bà cũng không phải là duy nhất trong số các người đương thời; vào thế kỷ XIX thời hậu Cách mạng rất nhiều người khác khi bắt tay vào việc tái thiết nếp sống đạo cũng đã nhấn mạnh trên giá trị thánh hóa của Luật đời tu sĩ, do đó việc bà “Mẹ Tốt Lành” coi trọng cuốn “*Thủ Bản*” thì cũng tương tự như bao kẻ khác coi trọng luật dòng thôi.

Mẹ xin lặp lại rằng, nếu không sống theo tinh thần cuốn “*Thủ Bản*”, không một ai có thể được soi sáng để hiểu thấu điều đó, nhưng với tinh thần đó, Chúa nhân lành sẽ soi dẫn chúng ta từng giây từng phút... Vào giờ lâm tử, Chúa chỉ đòi nơi chúng ta lòng trung thành nắm giữ các điều chứa đựng trong cuốn sách nhỏ này mà thôi. “*Thủ Bản*” dạy chúng ta phong cách chu toàn mọi sự. Chính qua việc trung thành với bản văn mà ta mới thấu đạt tinh thần, và chính qua tinh thần “*Thủ Bản*” mà mỗi chúng ta sẽ được bao bọc như dưới một tà áo choàng, và do đó có được một tinh thần khác xa với ý riêng của mình. Nếu từng nữ tu đều có cùng một tinh thần, các chị sẽ có chung một khuynh hướng, và như thế mới thực là sống trong hiệp nhất. Để có thể trở thành một tu sĩ từ trong tâm hồn, buộc ta phải thực hành các điều “*Thủ Bản*” dạy. “*Thủ Bản*” tới từ Thánh Tâm Chúa, hàng ngàn người đã thánh hóa nó và nó cũng đã từng thánh hóa cả ngàn người.

“*Thủ Bản*” sẽ không bao giờ lỗi thời.²¹²

Đặc biệt nhất là việc xây dựng ý ngay lành, việc thực hành cần làm mỗi khi khởi sự bất cứ công việc gì, bên trong cũng như bên ngoài, đó là xin Chúa chúc lành và dâng cho Ngài tất cả mọi điều tốt lành có thể có tới từ công việc – đó là mục tiêu rõ ràng nhất của cuốn “*Thủ Bản*”. Mục tiêu đó chính là biết kết hiệp trái tim Thiên Chúa với trái tim con người. Khi bà “Mẹ Tốt Lành” đề cập tới “Con Đường” tức là mẹ đang đề cập tới sự kết hiệp thâm sâu này, đặc biệt khi được cảm nghiệm như một tín thác và hoàn toàn lệ thuộc vào ý muốn “khoái cảm” của Thiên Chúa ngay trong giờ phút hiện tại. Và mỗi khi *Marie de Sales* nhắc nhở các đệ tử thiêng liêng ngài phải cắt xén (*couper court*), chính là lúc mẹ đang khuyên họ phải giải phóng mình khỏi tính lợi lòng, tự thương cảm, qui về mình... qua việc hướng tâm trí và cõi lòng lúc đó về với Chúa.

Tinh thần tự do quảng đại là chính tâm điểm của linh đạo Sa-lê, đó là khả năng sống hòa hợp giữa điều mà Phan-xi-cô gọi là “hai ý muốn của Thiên Chúa”, dựa trên nền tảng là một ý thức thâm sâu về lòng tín thác. Bà “Mẹ Tốt Lành”, như các đáng sáng lập khác mà mẹ mô phỏng, tựa đầu vào ngực Chúa như một trẻ thơ tín thác. Cuốn “*Pensées*” (*Tư Tưởng*) mẹ viết ghi nhận lời mẹ diễn tả sâu sắc về chân lý này.

Chúng ta hãy hoàn toàn phó thác mình trong bàn tay Thiên Chúa. Chúng ta hãy hô lên với cả con tim: “Tôi vững chãi nhờ Chúa”.

Về phần mẹ, mẹ thật sự vững chãi trong Chúa; và mẹ có thể tuyên bố chắc nịch điều này. Mẹ ước mong lời cam đoan này có thể thấu tới Thánh Tâm Chúa để nói cách đơn sơ và thẳng thừng rằng: “Con tựa nương nơi Chúa, không cần biết làm sao, thế nào, chỉ biết rằng con tựa nương nơi Chúa”²¹³

Sự tín thác mà mẹ cảm thấy bắt nguồn từ việc hằng ôm ấp ý muốn khoái cảm của Chúa, một tư thế thiêng liêng mà chính Gio-a-na San-tan đã từng tích cực vun trồng.

Mẹ không muốn bỏ lỡ bất cứ dịp nào để xin Chúa hãy tỏ rõ sự nhân lành của Người ra, bởi vì làm như thế là lấy cấp của Người điều mà Người yêu thích nhất. Tự bản chất Thiên Chúa chỉ có thể làm điều tốt lành; vì Người là như thế. Vì chính mình, Chúa muốn làm cho ta những điều tốt lành; mà điều tốt lành Người muốn thi thố nơi ta trong Người chính là cho ta nhận ra lòng Người thương xót vô biên.

Chúng ta sẽ không bao giờ có thể hiểu thấu lòng nhân lành Chúa thật sự là như thế nào. Các đặc tính của Người vượt xa tầm hiểu biết của ta, và thường làm ta nghĩ sai về chúng; vì thế tốt hơn hết là ta chỉ đơn sơ thưa “vâng” đối với mọi điều Chúa đòi hỏi nơi ta, rồi để Chúa lòng lành khôn dò sẽ làm nơi ta điều Người muốn.²¹⁴

Lạy Chúa, con vui lòng chờ đợi, vì hạnh phúc của con chính là được đặt mình dưới khoái cảm của Chúa. Con sẽ hoàn toàn vui sướng khi bị cất khỏi, cũng như khi đạt

213 *The Venerable Mother Mary de Sales Chappuis*, trg. 99. Câu trích dẫn từ *Pensées* đã không có chú thích nào.

214 *Ibid.*, trg. 101-2

được, những gì con mong muốn; vì tất cả những gì con mong muốn là mong chờ tình yêu cảm khoái của Chúa mà thôi. Đạt được điều con muốn sẽ không còn là những gì con ưa thích, nếu chúng không phải do là do Thánh Ý Chúa định đoạt.²¹⁵

Sự bình thản nội tâm được diễn tả trong tập “*Tư Tưởng*” riêng tư của mẹ Marie chính là thừa đất mầu mỡ để từ đó các công việc tông đồ của mẹ được vun sỏi và triển nở.²¹⁶

Marie de Sales nhận ra vai trò chuyển biến các con tim của mình không chỉ giới hạn trong cộng đoàn mình, mà còn phải mở rộng ra thế giới chung quanh; và mẹ đã tìm ra các phương thế để thực hiện điều này cách rất sáng tạo đáng khâm phục. Được cuốn “*Thủ Bản*” dẫn dắt, mẹ đã cống hiến cho cộng đoàn một đường lối lãnh đạo hết sức cao quý. Mẹ cũng thúc đẩy công cuộc cải tổ các trường nội trú tu viện sao cho đạt được mục tiêu giáo dục các thiếu nữ trẻ. Mẹ đòi phải nuôi dưỡng nơi các em nội trú, dựa vào một bầu khí giống như trong tu viện, các nhân đức tuy nhỏ mọn nhưng vững chãi rất thiết yếu để một phụ nữ Ki-tô hữu có thể sống trung thành giữa đời. Dưới sự lãnh đạo của mẹ, nhãn quan “*Dẫn nhập vào Đời sống Đạo đức*” của Phan-xi-cô Sa-lê bắt đầu thâm nhập vào môi trường học đường.

215 Ibid., trg 98

216 Dự án phong thánh cho “Mẹ Tốt Lành”van được khởi sự vào cuối thế kỷ XIX. Do một số tình huống rất phức tạp và đáng tiếc, các tác phẩm của mẹ bị nghi ngờ. Để biết toàn cảnh về tiến trình lấy lại danh giá cho mẹ cũng như chứng minh các tác phẩm của mẹ hoàn toàn chính thống, xin đọc Roger Balducci, OSFS, *The Cause for the Beatification of Venerable Mother de Sales Chappuis*, do Alexander Pocetto, OSFS dịch (*International Commission on Salesian Spirituality*, Oblates of St Francis de Sales, 2000).

Hiệp hội Thánh Phan-xi-cô Sa-lê vốn được Giám mục *Ségur* rất nhiệt tình cổ vũ cũng sớm được bà “Mẹ Tốt Lành” quan tâm; được các sinh viên nội trú ủng hộ, bà tích cực nâng đỡ việc phát triển phong trào giáo dân này. Qua các cố gắng của bà, vào năm 1860 đã có 6.000 hội viên tại 35 giáo xứ trong vùng *Troyes* tham gia vào việc học tập các tác phẩm của Phan-xi-cô Sa-lê. Ngoài ra số phận các người nghèo cũng không thoát khỏi sự quan tâm của bà: Chẳng hạn nhu cầu cấp bách của các cô gái trẻ mới lên thành phố kiếm công ăn việc làm. Dưới sự bảo trợ của Mẹ *Chappuis*, năm trung tâm đã được thành lập để đáp ứng các nhu cầu này. Các trung tâm này lúc đầu đã được một nhóm thiện nguyện điều hành, sau này do cộng đoàn các Nữ Tu Tận Hiến thánh Phan-xi-cô Sa-lê, một chi nhánh thuộc trường phái Thăm Viếng. Ngay cả tới các linh mục, thậm chí các giám mục, mẹ cũng không hề quên lãng. Cha *De Malet* chọn bà “Mẹ Tốt Lành” làm linh hướng để rồi chính ngài đã trở thành cha giải tội và linh hướng cho nhiều giám mục và cơ man nào là linh mục khác, và đào tạo họ trong tinh thần Sa-lê. Rồi cũng nhờ ảnh hưởng của bà mẹ mà nền thần học luân lý của tân hiến thánh An-phong *Liguori* đã được đưa vào dạy trong chủng viện *Troyes*. Đáng ghi nhớ hơn cả vẫn là trách nhiệm của Mẹ *de Sales Chappuis* trong việc thành lập dòng nam Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Công tác này được mẹ coi như công việc để đời, vì trong hàng chục năm liền mẹ hằng thôi thúc *Louis Brisson*, tuyên úy đồng thời là cha giải tội của tu viện.

Louis Brisson²¹⁷

Brisson lớn lên trong một gia đình đạo hạnh tại làng *Plancy*, và trong thời niên thiếu đã từng chạm trán với phong trào bài giáo sĩ hoành hành trong các cuộc nổi dậy năm 1830. Do đó việc gia nhập chủng viện của cậu được coi là khá bình thường đối với một sinh viên học hành nghiêm túc và rất nổi bật về văn chương và khoa học. Quả thế, lòng đam mê các sáng chế khoa học của *Brisson* sẽ không bao giờ phai nhạt; suốt đời ngài tiếp tục các thí nghiệm và khám phá để rồi sáng chế ra chiếc đồng hồ thiên văn, một công trình kéo dài hàng chục năm. Năm 1840, sau một thời gian làm giáo sư khoa học tại đại chủng viện, vị linh mục trẻ chuyển qua làm linh giám, cha giải tội, giáo sư các môn khoa học, tôn giáo và văn chương tại trường nội trú dòng Thăm Viếng *Troyes*, ở đó cha chịu ảnh hưởng rất mạnh của bà mẹ. Sự cộng tác giữa hai người dần dần mang lại thành quả trong một số công việc tông đồ. Năm 1843, cha chính thức trở thành tuyên úy của cộng đoàn tu viện này; và cùng với cha mẹ già ngài dọn tới ở sát gần bên nhà dòng. Trong cả hai chức vụ tại trường nội trú cũng như ở tu viện, cha *Brisson* đều thấm nhuần tinh thần Sa-lê mà Mẹ *Marie de Sales* đã cẩn thận ghi khắc nơi cha. Kinh nghiệm Thăm Viếng đã gây lên nơi cha tình yêu ngày càng lớn đối với vị thánh Sa-voa mà Lu-i đã biết tới từ khi còn học tại đại chủng viện.

Như nhiều người Công giáo đương thời vừa thoát ra

217 Tiểu sử của Louis Brisson gồm Katherine Burton, *So Much So Soon: Father Brisson, Founder of Oblates of St Francis de Sales* (New York: Bensinger Bros., 1953), Prosper Dufour, OSFS, *Le Très Révérend Père Louis Brisson, Fondateur des Oblates et Oblats de Saint Francois de Sales (1817-1908)* (Paris: Desclée de Brouwer, 1936).

khỏi các hỗn loạn chính trị và tôn giáo, *Brisson* đã tự coi mình là người bảo vệ đức tin chính thống khỏi cả khuynh hướng nghiêm ngặt của phái *Jansen* lẫn tính thể tục phản tôn giáo cùng thời. Để chống lại các khuynh hướng trên, đức tin mà cha dạy chính là đạo đức nhân bản của Phan-xi-cô Sa-lê cùng với nhãn quan về thế giới nơi con tìm Thiên Chúa và nhân loại gặp gỡ. Nòng cốt của linh đạo Sa-lê hệ tại ở “Sống Giê-su”, hệ tại ở biến đổi con tim nhờ cầu nguyện thân mật lòng đối lòng, và sau đó là biến đổi con tim người khác. Cùng với *Marie de Sales*, *Louis Brisson* vẫn thường đề cập tới việc này như tiến trình “tái bản Phúc Âm”. Các ngài dạy rằng mỗi người phải “Sống Giê-su” hay “tái bản Phúc Âm” trong mọi khía cạnh cuộc sống. Đặc biệt nhờ cầu nguyện, làm việc, truyền giáo và hy sinh mà cuộc biến đổi trở nên hữu hiệu.

Đọc Phúc Âm thôi không đủ để có thể hiểu được Phúc Âm. Chúng ta còn phải sống Phúc Âm. Phúc Âm là câu chuyện có thật về Ngôi Lời Thiên Chúa sống giữa loài người. Chúng ta phải cho tái bản Phúc Âm giữa mọi người bằng cầu nguyện, làm việc, giảng dạy và hy sinh; và cả bốn điểm làm một.

Chúng ta in lại Phúc Âm trước hết bằng cầu nguyện... vì nhờ cầu nguyện, con người hiến mình cho Thiên Chúa trong mọi sự, không giữ lại cho mình bất cứ điều gì...

Chớ gì mọi sự trong ta và của ta đều tìm được lối đi vào cầu nguyện, kết hiệp với Chúa và phó thác trọn vẹn cho tình yêu Người,²¹⁸

218 *Cor ad Cor: Meditation for Every Day of the Year from the Teachings of Father Louis Brisson*, do osephe E. Woods, OSFS dịch (Philadelphia: William T. Cooke Publishing, 1955) trg. 25.

Thứ tới, chúng ta in lại Phúc Âm thông qua công việc; ta cần tái bản Phúc Âm và in lại từng trang một không bỏ sót bất cứ điều gì. Vì Chúa chúng ta đã tới trần gian và đã qua ba mươi năm lao động tay chân..., chính vì Người là một công nhân lao động làm việc với đôi bàn tay mà Người biết ngôn ngữ của khoa học Thiên Chúa cao xa hơn trí óc con người biết bao, ngôn ngữ của kết hiệp với ý muốn của Thiên Chúa. Người khởi sự bằng lao động chân tay. Tất nhiên là không phải mọi người đều làm việc tay chân, nhưng trong cuộc sống vẫn luôn luôn có lao động tay chân không ít thì nhiều. Vẫn có thư viện cần xếp lại cho trật tự, vẫn cần một bàn tay nâng đỡ, thừa vườn cần vun xới, điều gì đó cần xếp lại cho ngăn nắp trật tự. Nếu bạn phụ trách một lớp học, vẫn đòi phải chăm sóc điều gì đó rất vật chất. Cha thật yêu cầu duy trì một sự kính trọng nhất mực đối với lao động tay chân. Chúa dành cho việc lao động tay chân nhiều ơn huệ rất lớn lao.²¹⁹

Trách vụ thứ ba của Phúc Âm là... rao giảng Tin Mừng cho các dân nước, giảng dạy về Chúa chúng ta..., vì rao giảng Phúc Âm là một trong những mục tiêu chính mà Đức Giê-su đã đến trần gian. Vì thế cả chúng ta cũng phải tái bản Phúc Âm của Người qua lời giảng dạy của chúng ta. Mọi người chúng ta đều rao giảng; người làm việc tay chân cũng như kẻ phụ trách các công việc bên ngoài, người đứng lớp cũng như kẻ dạy dỗ qua gương sáng, người hướng dẫn các linh hồn cũng như kẻ được trao tác vụ giảng thuyết trên tòa giảng. Mọi người chúng

ta đều phải rao giảng; phải rao giảng cách thật cụ thể; chúng ta phải dạy dỗ những người chung quanh, nếu không bằng lời nói thì ít ra cũng phải bằng việc làm.²²⁰

Điều thứ tư trong Phúc Âm là hy sinh; Ngôi Lời nhập thể cầu nguyện để dạy ta cầu nguyện; Người đã làm việc; Người đã rao giảng; sau cùng Người đã chịu đau khổ; đó là bốn điều kiện cần thiết để tái bản Phúc Âm. Điều thứ tư và trang cuối chính là Cuộc Khổ Nạn của Chúa...

Bà “Mẹ Tốt Lành” cho chúng ta thấy rằng hy sinh trường kỳ nhất chính là “cắt các dính bén” (*couper court*). Khi chịu đau đớn, ta phải cắt gọn mọi suy tưởng, mọi ta thán, và hãy nói: “con chấp nhận”. Khi bị cám dỗ kiêu ngạo hay ham mê xác thịt, ta phải cắt bỏ ngay. Nếu có ai gây cho con đau khổ hay tỏ ra miệt thị, tại sao dừng lại ở đó? Thánh Phan-xi-cô Sa-lê nói: “Tại sao lại lắng nghe suy nghĩ của chính mình?” Hãy cắt bỏ/ *Couper court*!

Hy sinh nếu được hiểu và thực hành như thế sẽ làm vui lòng Chúa biết bao! Hãy cắt gọn tất cả những gì cột con vào ý riêng mình, tất cả những gì làm con ngoái lại đằng sau, tất cả những gì trói buộc và giam cầm con.

Nhờ thực hành “*couper court*”, con sẽ tích lũy được một số nghị lực đáng kể... Từng ngày, từng giờ con hãy phát huy khả năng hy sinh, để khi mệnh lệnh rõ ràng của Chúa đòi hỏi con một điều gì thật khó khăn, điều mà xem ra là không có thể đối với bản tính tự nhiên, con sẽ biết can đảm chấp nhận cách trọn vẹn.²²¹

220 Ibid., trg. 30

221 Ibid., trg 34-5

Đây chính là nhãn quan sống Giê-su rất độc đáo và rõ ràng Sa-lê mà cha *Brisson* dạy cho tất cả những ai ngài tiếp xúc. Độc đáo đáng ngạc nhiên nhất là nhãn mạnh trên lao động tay chân và phẩm giá người lao công. Trong sự nhạy bén này, các Sa-lê tại *Troyes* phản ánh đúng lối suy nghĩ của thời đại mà sau này sẽ được Giáo hoàng Lê-ô XII chính thức công bố vào cuối thế kỷ XIX; *Rerum Novarum* (Về Điều kiện Lao động) của đức Lê-ô là thông điệp vĩ đại đầu tiên về học thuyết xã hội Công giáo hiện đại, thông điệp công bố rằng mỗi con người đều có nhân phẩm, do đó đòi phải có điều kiện lao động xứng tầm con người, cũng như được hưởng đồng lương công bằng. Nhãn quan về một thế giới các con tim của cha *Brisson* và Mẹ *Marie de Sales Chappuis* bao gồm luôn cả các con tim của giới bình dân lao động.

Ngay từ khi mới bắt đầu cộng tác với nhau, bà “Mẹ Tốt Lành” đã cảm nhận nơi cha *Brisson* người Chúa chọn để dấn thân vào việc thúc đẩy vương quốc các con tim trên trần gian này. Thực tế là mẹ đã có một viễn tượng rất rõ về điều mẹ tin là cha được gọi để thực hiện, đó là thành lập một cộng đoàn nam tu, điều mà chính Phan-xi-cô đã không thực hiện được khi còn sống. Nói cho ngay, lúc đầu nghe mẹ xác quyết điều đó (cho dầu có dựa trên liên kết thân mật với Chúa), và bị mẹ không ngừng thôi thúc đi theo hướng này, vị tuyên úy trẻ đã không ít bực bội. Trong ba chục năm ròng cha đã quá mệt mỏi phải nghe mẹ van nài với những lời tiên tri; cha luôn quả quyết với mẹ rằng mình không có khả năng, cũng chẳng có khuynh hướng gì về một công trình lớn lao như thế. Một phần vì cha thấy mình có ơn gọi chiêm niệm và một thời đã từng thử ơn gọi này trong một tu viện *Carthusian*, một cộng đoàn ẩn sĩ trong đó thỉnh lạng chỉ bị phá vỡ có lẽ vào các giờ hát kinh nguyện

phụng vụ mà thôi. Tuy nhiên dần dần sau đó, các lời tiên tri và thuyết phục của mẹ đã bắt đầu có tác động.²²² Trong khi đó cha *Brisson* phải bận rộn cả ngày với các bồn phận mà cha phải chu toàn đối với tu viện Thăm Viếng. Hơn thế nữa cha còn bị cuốn hút vào cao trào kế hoạch (do Pa-ri đề xướng) liên quan tới việc thành lập Hiệp hội thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Được mẹ *Marie de Sales* khích lệ, cha tiên phong trong các nỗ lực thiết lập Hiệp hội trong địa phận *Troyes*. Chỉ ngay năm đầu, Hiệp hội đã ghi danh được trên 3.000 hội viên. Công việc của Hiệp hội rất là đa diện; trong số các kế hoạch, hội bảo trợ cho một câu lạc bộ học tập dành cho binh sĩ, một câu lạc bộ truyền giáo, một câu lạc bộ Công giáo Tiến hành dẫn thân vào việc lôi kéo quần chúng lãnh nhận các bí tích (lần đầu hay trở lại), và một câu lạc bộ tương trợ dành cho các nữ công nhân. Công việc tông đồ cuối cùng này đã dần dần cho ra đời một cộng đoàn nữ tu mới mang danh các Chị Em Tận Hiến thánh Phan-xi-cô Sa-lê.

*Léonie Aviat*²²³

Trong số các sinh viên tốt nghiệp trường Thăm Viếng,

222 Nói việc thành lập dòng Tận Hiến được bao phủ bởi các lời tiên tri và phép lạ có lẽ không đơn giản chỉ là sản phẩm của lòng đạo đức muộn màng. Mẹ de Sales Chappuis thật sự có khả năng tiên tri và nhìn xa thấy rộng. Liên quan tới vấn đề này, xin đọc tiểu sử về Mẹ và cha *Brisson*

223 Về Mẹ *Aviat*, xin đọc *Marie-Aimée D'Esmauges, M'oublier entièrement: Léonie Aviat, Mère Françoise de Sales, 1844-1914* (Sainte Savine: l'Imprimerie COVAM, 1991)/ *To Forget Entirely: Léonie Aviat, Mère Françoise de Sales, 1844-1914*, do Oblate Sisters of Francis de Sales of Childs, Maryland dịch (Wilmington, DE: Litho Print, 1991). Cả hai cuốn sách trên đều dựa trên tiểu sử [Mère Aimée de Sales de Cisse], *Vie de la très Révérende Mère Françoise de Sales Aviat, Fondatrice de la Congrégation des Oblates de Saint Françoise de Sales* (Rome: Imprimerie Polyglotte Vaticane, 1928).

có một phụ nữ trẻ vùng *Troyes* tên là *Léonie Aviat*. Đời sống cô sẽ được đan dệt cách hết sức chặt chẽ với *Louis Brisson* và bà “Mẹ Tốt Lành”. *Léonie* là con gái thứ của một đôi vợ chồng lái buôn rất có thể giả tại *Sézanne*. Cô gặp cha *Brisson* lần đầu khi ngài tới thăm gia đình vì chị cô theo học nội trú tại trường mà cha làm tuyên úy. Tới tuổi mười một chính cô cũng vào trường và ở lại đó cho tới năm mười sáu. Đối với cô đó là những năm đào luyện xuất sắc. Cô yêu trường, yêu cha tuyên úy, yêu bà “Mẹ Tốt Lành”, vì dưới sự hướng dẫn của các ngài cô học được các nguyên lý sống Sa-lê. Cô yêu thích trải nghiệm đời Thăm Viếng tới độ, sau khi về nhà, đã hai lần cô có ý định trở thành nữ tu. Tuy nhiên cha mẹ cô, vì không phải là những người đạo đức cho lắm, nên đã dàn xếp cho cô một tấm chồng; dầu vậy *Léonie* vẫn thường xuyên liên hệ với nhà trường và với cha *Brisson*, và cô vẫn tiếp tục các cuộc tĩnh tâm hàng tháng cũng như hàng năm tại tu viện, với hy vọng rằng một ngày kia cô có thể đáp lại tiếng Chúa gọi tự hiến hoàn toàn cho Người.

Khi tới tuổi hai mươi một, tức là hạn tuổi luật pháp cho phép tự quyết định, *Léonie* đã từ chối mơ ước của bố mẹ. Tuy nhiên tương lai sẽ không như cô suy tính thuở ban đầu. Cha *Brisson* và bà “Mẹ Tốt Lành” có chung mối bận tâm đối với các cô gái trẻ đang lũ lượt kéo lên thành phố tìm việc trong một xã hội ngày càng kỹ nghệ hóa. Hồi đó các công cuộc được mở nhằm quan tâm tới các cô còn rất hiếm; đã có một số câu lạc bộ và chương trình được mở cho các nam công nhân, nhưng các chị em thì chưa. Cha tuyên úy dòng Thăm Viếng và Mẹ Bề Trên tậu được một ngôi nhà trên đường *De Terrasse* có thể dung nạp được khoảng năm mươi em, nhưng các lớp tập huấn mở ngày Chúa Nhật còn lồi cuồn số tham dự đông hơn nhiều.

Nhiều quản trị viên thiện nguyện được triệu tập để điều hành chương trình này; tuy nhiên chẳng bao lâu sau nhu cầu phải có một ban lãnh đạo thường trực hơn ngày càng trở nên cấp bách. Năm 1866, cùng với cô bạn học cũ là *Lucie Canuet*, *Léonie* tham dự khóa tĩnh tâm tám ngày với bà “Mẹ Tốt Lành” để biện phân hướng đi tương lai, trong khi cha *Brisson* nâng đỡ bằng kinh nguyện. Vào cuối tuần phòng, cô mau chóng dần thân vào con đường dẫn tới việc hình thành một hội dòng trong đó các hội viên, theo linh hứng của vị tông đồ *Chablais* xưa, sẽ đóng vai trò làm mẹ và thầy của các cô gái công nhân này.²²⁴ *Léonie* và *Lucie* tới ở trong căn nhà được đặt tên là “ngôi nhà Hành Lan Nhỏ” (“*The little Galery House*”), để gợi nhớ lại ngôi nhà năm 1610 đã được trao tặng để làm chỗ ở cho cộng đoàn Thăm Viếng đầu tiên.

Cộng đoàn nhỏ bé này được biết đến dưới tên gọi Chị Em Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, rất được bà “Mẹ Tốt Lành” để tâm chăm sóc. Nhà khách tu viện luôn rộng mở đón tiếp các Chị Em tới tham khảo ý kiến, và một phụ giáo tập đã được mẹ chỉ định hướng dẫn các Chị Em áp dụng cụ thể Luật Dòng Thăm Viếng với các thích ứng cần thiết cho hợp với hoạt động tông đồ của Chị Em. Trung tâm đời sống thiêng liêng của Chị Em Tận Hiến chính là việc thực hành “*Thủ Bản Thiêng Liêng*”, điều này cung cấp cho Chị Em một mẫu mực để “tái bản Phúc Âm” cho riêng chị em. Việc thực hành này giúp các chị em luôn rộng mở đón lấy ân sủng được trao tặng trong từng giây phút cuộc sống, dâng trước cho Thiên Chúa nhân lành tất cả những gì là tốt lành, và thanh thản chấp nhận trước tất cả các khó khăn như được cùng một Thiên Chúa nhân lành đó gửi

tới; đó là ý hướng ngay lành, và chính điều này đã nâng đỡ ơn gọi của *Léonie* trong những lúc nặng nề nhất. Nhiều năm sau chính chị sẽ lên tiếng:

Tôi vẫn còn nhớ như in lời Mẹ Tốt Lành một ngày kia nói với chúng tôi về điều này: “Trung thành với việc thực hành “ý hướng ngay lành” là bậc thang đầu tiên dẫn tới ta tới sự thánh thiện”. Chính Mẹ đã trung thành biết bao với khoản này và vì thế mẹ biết rõ phần thưởng nó sẽ mang lại.²²⁵

Trong cùng một phong cách rất Sa-lê này, việc thực hành đời sống nội tâm đã củng cố cả đời sống nội tâm của nữ tu Thăm Viếng lẫn đời sống tích cực tham gia phục vụ của các Chị Em Tận Hiến.

Các con thân mến, [bà “Mẹ Tốt Lành” viết] các con không được gọi để lúc nào cũng đọc kinh nhật tụng. Công tác chính của chúng con là làm việc. Hãy thi hành nó cách tốt đẹp bao có thể; hãy mau mắn đi làm khi tới giờ; hãy lên đường cách vui tươi như Luật Dòng ấn định, tựa như chúng con đi đọc kinh nhật tụng hay nguyện gẫm vậy, bởi vì đối với chúng con, làm việc là nguyện gẫm không ngừng.²²⁶

Trong nghi thức thánh hiến do *Gaspard Mermillot*, lúc đó là Giám mục Phụ tá các địa phận *Lausanne*, *Fribourg* và *Genève*, cử hành, *Léonie* nhận tên khăn dòng là *Francoise de Sales Aviat*. Từ đó cho tới khi chết tức bốn mươi sáu năm sau,

225 Ibid., trg. 56

226 Ibid., trg 38

nữ tu, rồi Mẹ Bề Trên *Francoise de Sales* sẽ làm việc cật lực để điều hành một hội dòng đang phát triển mau lẹ. Cộng đoàn tìm cách đáp ứng các nhu cầu thiết thực của đám quần chúng đồng, thời cũng tham gia vào một số hoạt động khác, kể cả một số công tác thuộc cộng đoàn Tân Hiến nam do cha *Brisson* thiết lập. Các công tác này vẫn thường xuyên bị ngăn trở do chiến tranh, các đổi thay chính trị hay sách lược nhà nước, nhất là các cuộc cấm đạo không ngơi nghỉ. Trong tất cả các tình huống đó, *Léonie* luôn nhìn lên đáng bảo trợ để cầu xin các ngài trợ giúp. Trong cơn sợ hãi và tuyệt vọng trước mỗi kinh hoàng do cuộc chiến tranh Pháp - Phổ gây ra, bà đã cầu nguyện như sau:

Lạy Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, Người đã đặt con đứng đầu đạo binh nhỏ bé này, xin hãy ban cho con tinh thần và con tim của Người. Xin Mẹ Gio-a-na San-tan ban cho con sự vững mạnh của ngài, đồng thời cũng biết cảm thông và có lòng đối với tha nhân, biết quên mình, và đơn sơ phó thác cho Cha Nhân Lành. Xin cho con được kết hiệp với Chúa để biết làm mọi sự trong Chúa và không làm điều gì mà không có Người.²²⁷

Các vị thánh lập dòng chắc cũng phải mỉm cười về lời cầu nguyện này, vì *Léonie* đã nội tâm hóa được tinh thần Sa-lê cách sâu xa đến thế. Cảm nhận được Chúa nhân lành và không bao giờ nghi ngờ về sự chăm sóc quan phòng của Người, bà đã tiếp tục dẫn dắt cộng đoàn trong nét Sa-lê độc đáo, biết kết hợp tính nhất mực hiện diện với lòng nhiệt thành chinh phục các cõi lòng. Bà viết: “Tin tưởng sẽ kéo theo tin tưởng, mà không hề ra lệnh... Ta phải nhất mực thận trọng, bác ái và cẩn mật. Người trẻ phải cảm thấy nơi ta sự tôn trọng những bí mật bé

nhỏ nhất của chúng”²²⁸

Cùng một kiểu cách đó, đời nội tâm của bà hình thành nhờ mong ước được kết hiệp với Chúa không ngừng. Trong tập ghi nhớ tuần phòng bà đã ghi lại lời cầu nguyện độc đáo sau đây:

Lạy Chúa... chớ gì con không còn ước muốn nào khác ngoài việc được đem ra áp dụng cho mình cuốn “*Thủ Bản*”, và được trọn vẹn kết hiệp với Chúa. Chớ gì vâng phục của con không bao giờ biết giới hạn, và dẫn thân cho các linh hồn của con không biên cương! Lạy Mẹ Maria, xin cho con biết chạy tới với Mẹ và Chúa Giê-su với con tim của một trẻ thơ, con tim của một Chị Em Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, không chút sợ hãi.²²⁹

Và cũng như vị cố vấn của mình, *Léonie* cảm nghiệm được một sự thân mật đậm nét tin tưởng và phó thác. Tột đỉnh của đời sống thiêng liêng là “... tự đặt mình trong cánh tay Chúa là Cha nhân ái, như một trẻ thơ không hiểu biết tí gì, nhưng trong tin tưởng phó thác luôn cố gắng làm tất cả những gì mình phải làm”.²³⁰

228 D’Esmauges, *M’oublier entièrement*, trg. 121

229 Ibid., trg. 88

230 “Petit Cahiers” de Mère Françoise de Sales Aviat, Edition Dactylographiée, trích dẫn trong D’Esmauges, *M’oublier entièrement*, trg. 126

Các “Tận Hiến của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê”²³¹

Các Chị Em Tận Hiến sẽ không phải là cộng đoàn tu sĩ duy nhất cha *Louis Brisson* giúp thành lập. Bà “Mẹ Tốt Lành” không bao giờ cho phép cha được quên đi thị kiến đã đặt cha đứng đầu một dòng tu nam giới mang mục đích quảng bá tinh thần Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Được nhiều người thúc đẩy, đặc biệt giám mục *Mermillod*, một phần cũng vì chính ngài say mê linh đạo Sa-lê và ngày càng xác tín rằng mẹ *Marie de Sales* quả thật có thị kiến tiên tri, cha *Louis Brisson* bắt đầu quan tâm sâu sắc tới việc hình thành một cộng đoàn nam tu: Các “Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê”.²³² Nhu cầu cấp bách để

231 Về Tận Hiến, xin đọc cách riêng Prosper Defour, OSFS, *Les Oblats de Saint Francois de Sales* (Paris: Letouzey et Ane, 1933)/ *The Oblates of St Francis de Sales*, do Joseph Bowler, OSFS dịch (Wilmington, DC: De Sales Publishing, 1994). Cũng xin đọc Louis Brisson, OSFS, *Chapitres, retraites et allocutions*, ed. Jacob Langelaan, OSFS, 7 vols. (Tilburg: Maison “Ave Maria”, 1966-68/ *Chapters by the venerable Father Louis Brisson*, OSFS, do Joseph D. Bowler dịch, 7 vols. (Center Valley, PA: Oblates of St. Francis de Sales and Allentown College of St Francis de Sales, 1981-); Louis Brisson, OSFS, *Documents pour servir à l’histoire des Oblats de Saint Francois de Sales*, ed. Roger Balducelli, OSFS (Rome: Curia Generalizia, 1987)/ *Documents to be Used for the History of the Oblates of St Francis de Sales*, do Alexander Pocetto, OSFS dịch (Rome: Generalate, 1987); *The Foundational Years: Letters and Documents 1867-1875 (Texts and Studies Concerning the Origins of the Oblates of St Francis of Sales*, Ed. Roger Balducelli, OSFS (Rome: Curia Generalizia, 1992). Hội dòng Tận Hiến bảo trợ Ủy Ban Quốc Tế Nghiên Cứu Sa-lê hầu quảng bá kiến thức về truyền thống Sa-lê. UBQTNCSL này xuất bản một bản thông tin có thể tra cứu trên mạng qua website www.desales.edu/salesian/

232 Câu truyện Brisson cường lại đặc ân tiên tri của Mẹ Tốt lành dài lâu như vậy có những tình tiết rất hấp dẫn. Dần dà cha đi tới xác tín rằng mẹ thực dự có đặc ân biết trước những gì liên qua tới hội dòng linh mục này. Điều này cũng liên quan đến việc cha xác quyết cho mình về mối bận tâm của Thánh Tâm Chúa Giê-su, đồng thời xuất hiện một số bằng chứng hầu như là phép lạ đối với sức mạnh của cha.

cuối cùng thúc đẩy ngài thành lập cộng đoàn chính là việc giáo dục giới trẻ. Ngôi trường được biết tới như Trường Cao đẳng Thánh *Bernard*, đã là việc tông đồ đầu tiên mà cha *Brisson* cùng với nhóm tuyển mộ tiên khởi đảm trách. Do tình hình xã hội lúc đó, công việc trên thực tế đã không mấy dễ dàng; vào chính ngày khởi công đào móng xây dựng ngôi trường mới theo thiết kế thì cuộc chiến tranh Pháp - Phổ bùng nổ. Chống đối dồn dập từ mọi phía, nhưng cha *Brisson* vẫn kiên trì, và thị kiến mà bà “Mẹ Tốt Lành” đã loan báo hơn ba chục năm về trước đã dần dần tỏ hiện. Dần dà nhiều trợ cấp được đổ vào, nhiều ơn gọi xin gia nhập dòng tìm đến, các sinh viên kéo đến, và từ các địa phận chung quanh yêu cầu mở các trường có các linh mục điều hành tới tấp ập đến. Hội dòng càng phát triển thì công việc tông đồ càng nhiều; ngoài trường học các Tận Hiến còn mở rộng việc tông đồ chăm sóc các trẻ em giới thợ thuyền và công tác rao giảng. Qua tất cả các điều đó, nhãn quan về một thế giới của “con tim Thiên Chúa và con tim nhân loại” là sức đỡ nâng Dòng Tu mới này. “Con đường” mà bà “Mẹ Tốt Lành” và cha *Louis Brisson* thường nói tới chính là “con đường Đức Ki-tô” theo tinh thần Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, và thể hiện qua việc trung thành với thực hành “*Thủ Bản Thiêng Liêng*”.²³³

Tất cả mọi dòng tu đều có tinh thần riêng và nhiều phẩm chất đặc biệt, do các thực hành đã được hoạch định mà có. Tu sĩ *Carthusian* là con người của tĩnh lặng và đơn

233 Cho tới ngày nay việc đào luyện của các Tận Hiến vẫn bắt rễ từ *Thủ Bản Thiêng Liêng*. Các Tận Hiến cũng tìm hướng dẫn trước nhất là trong Thánh Kinh, rồi tới thần học và các tác phẩm của Phan-xi-cô Sa-lê. Như Thánh Phan-xi-cô vẫn dạy: một khi hoàn tất được công việc mang tính đào luyện của *Thủ Bản* và các ý hướng của nó được nội tâm hóa, thì các việc nắm giữ chi tiết có thể đơn giản hóa.

độc, *Trappist* là người của lao động và hãm mình.

Thế thì tinh thần của chúng ta là gì? Phương pháp của chúng ta không thể là phương pháp của các dòng đánh tội. Đấng sáng lập đã để lại cho ta một con đường thẳng tắp và bảo đảm: Tập “*Thủ Bản Thiêng Liêng*”. *Thủ Bản* chính là phương pháp của chúng ta, là lý do khiến chúng ta hiện hữu và cung cấp cho ta phẩm chất của riêng mình.

“*Thủ Bản*” là tự hủy trong mỗi hành động và mỗi giây phút trong ngày, là kết hiệp với Đấng Cứu Thế, là để cho bàn tay Đấng Cứu Thế dẫn dắt mỗi người chúng ta trên mọi nẻo đường. Qua việc thực hành “*Thủ Bản*” ta không những được đào tạo để trở thành một tu sĩ thực thụ, mà chính qua việc thực hành cách trung thành và ý thức, ta sẽ được soi sáng và hiểu biết sâu rộng hơn, và có thể nắm bắt được cả những chân lý thần học tín lý và luân lý cao siêu nhất.

Với việc thực hành “*Thủ Bản*” ta sẽ trở nên hoàn hảo, hơn là theo bất cứ một phương pháp nào khác, cho dầu có đáng tin cậy, đạo đức và cao đẹp tới mấy. Các cách tiếp cận khác nhấn trên quy luật hướng dẫn các hành động bên ngoài, còn cách tiếp cận của chúng ta chạm tới chiều sâu thẳm nhất của hiện hữu và bất tâm trí cõi lòng cũng như các ước vọng của ta phải được cột chặt vào Thiên Chúa.

“*Thủ Bản*” đã tạo nên Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Ngay từ thời niên thiếu, đáng Bỏn Mạng của chúng ta đã thực hành nó trước khi trao nó cho các nữ tu Thăm Viếng. Và chính “*Thủ Bản*” mới làm cho Thánh Nhân trở nên hình ảnh sống động của Chúa Cứu Thế nơi trần gian.

Hoa trái của “*Thủ Bản*” là bình an trong tâm hồn, nghỉ dưỡng của tinh thần trong Chúa, thoát khỏi mọi ưu tư và lo lắng... “*Thủ Bản*” là con đường trong sáng và dễ dàng nhất để linh hồn được an bình kết hiệp với Chúa.²³⁴

Cha *Brisson* tin chắc rằng việc thực hành ý hướng ngay lành - tâm điểm của “*Thủ Bản*” chính là phương thể qua đó ta đạt được ý thức thường xuyên về sự hiện diện của Chúa. Ý thức này không chỉ thuần tâm lý nhưng là thiêng liêng, và tác động tới hiện trạng của ơn thánh Chúa hoạt động trong ta. Tuy bên ngoài xem ra có vẻ tầm thường, nhưng học thuyết này hướng tới chính sự kết hiệp huyền nhiệm với Thiên Chúa.

Học thuyết này [hướng ý ngay lành] đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc ngay từ những năm thần học đầu tiên. Một trong các giáo sư làm tôi chú ý đến nó đã nói: “Xin hãy lưu ý: Lời dạy của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê ăn khớp với nền thần học cao siêu nhất.” Nhập thể là Thiên Chúa làm người, nhưng không phải chỉ có một Chúa - người duy nhất có thể kết hiệp với Thiên Chúa. Trong kế hoạch của Chúa, không phải Thiên Chúa chỉ kết hợp với một người để làm thành Chúa - người, mà Chúa cũng muốn Nhập thể được ứng dụng cho mọi người. Ngài muốn đi vào tương quan với hết thảy nhân loại. Ngài muốn được nhập thể trong mọi người, đương nhiên không phải

234 Père *Brisson*, *St Francois de Sales: Commentaire du Directoire spiritual à l'usage des Oblats de St Francois de Sales* (Eichstatt: Imprimerie St Francois de Sales, 1935), trg. 3-4. Về đề tài này xin đọc khảo cứu của Edward J. Carney, OSFS, *Fr. Brisson's Commentary on the Constitutions and the Spiritual Directory of the Oblates of St Francis of Sales* (Hyattsville, MD: Institute of Salesian Studies, 1966)

dưới dạng hai bản tính, nhưng không kém phần hữu hiệu cho tất cả những ai đã sẵn sàng và chuẩn bị. Đức Chúa là Thiên Chúa, Ngài hành động và làm việc trong mỗi người chúng ta.

Trong khi Nhập Thể chỉ áp dụng cho có một bản tính nhân loại mà thôi, nhưng trên thực tế nó lan rộng tới mọi phần tử của Nhiệm Thể Chúa Ki-tô tức là Hội Thánh. Máu lưu thông trong Thánh Tâm Chúa Giê-su cũng chảy qua mọi phần tử của Nhiệm Thể Ngài nữa.²³⁵

Ý thức thường xuyên về Sống Giê-su như thế sẽ vẫn luôn mãi là chương trình đào luyện thiêng liêng của tu hội Tân Hiến, khi bước vào thế kỷ XXI với các phục vụ tông đồ đa diện trên khắp thế giới, như giáo dục, truyền giáo và hoạt động mục vụ trong các giáo xứ, bệnh viện, tuyên úy quân đội v.v...

235 *Cor ad Cor*, trg 143

CÁC CẢM TÌNH VIÊN ANH QUỐC VÀ QUI BÀ ĐẠO ĐỨC

Bà đã trung thành cách cao thượng – trung thành với cộng đoàn mình và truyền thống quý giá của nó, trung thành với từng nữ tu chị em của bà, trung thành với Hội Dòng và với Đấng Sáng Lập, với Hiến Luật và Qui Chế nhà dòng. “Chúa đặt nơi bàn tay trung thành của chúng ta sự toàn vẹn của Hội Dòng” đó là một trong các châm ngôn ưa thích nhất vẫn thường xuất hiện trên môi miệng bà, và rõ ràng đã luôn được diễn tả trong cách sống tu sĩ của bà... Ảnh hưởng của Nữ Tu *Evangelista* không hề gây khó chịu, vì nó hoạt động tuy âm thầm nhưng hữu hiệu, qua con người bà, qua tính khí tốt đẹp, rất thiêng liêng mà sâu sắc – đó là đơn sơ, thành thật, thẳng thắn, vô tội như một trẻ thơ.²³⁶

Năm 1922, thư tang về Nữ Tu *Evangelista Prince*

Tu viện Thăm Viếng *St Louis*

Nhân quan năng động về một thế giới các con tim, được quảng bá lần đầu vào đầu thế kỷ XVII do một người Sa-voa ngôn ngữ Pháp và một phụ nữ Pháp từ *Burgundy*, đã không bị giới hạn quá lâu trong số đám quần chúng nói các ngôn ngữ gốc La-tinh; cả thế giới Anh ngữ cũng bắt đầu có các đệ tử

236 Công hàm tu viện Thăm Viếng Saint Louis, “Death Letter of Sr Evangelista Prince”, 28 October 1922. Không ghi rõ tên rửa tội. Tôi ghi ơn Paula McCarthy, VHM, và Mary Grace McCormack, VHM, về sự hiểu biết của các Sr về dòng Thăm Viếng tại Hoa Kỳ.

Sa-lê.²³⁷ Ngay khi Phan-xi-cô còn sống, tác phẩm của ngài đã được bờ bên kia eo biển Anh quốc biết tới. Chính vua *James I* nước Anh đã tỏ ý muốn được gặp tác giả cuốn sách “*Dẫn Nhập vào Đời Sống Đạo Đức*” cao quý. Biết được điều này, Phan-xi-cô - luôn trong tư cách một nhà truyền giáo, đã phúc đáp rằng: Ngài sẵn sàng hiến dâng mạng sống mình cả ngàn lần hầu đưa Anh quốc trở về với Hội thánh Rô-ma; nhưng để thực hiện được điều này nhất thiết phải có sự sai phái của Đức Giáo Hoàng.

Ước vọng của vị Giám mục Sa-voa để mang đảo quốc trở về đã được rất nhiều người cùng chia sẻ, nhất là những người Anh trung thành với đức tin Công giáo. Bắt đầu từ triều đại vua *Henry VIII*, họ đã bị gạt ra bên lề xã hội, bị pháp luật kỳ thị và ngay cả bị cấm cách ngặt nghèo. Giáo hội Anh quốc bị bách hại vẫn giữ được sức sống trong chui nhủi và được các tổ chức giáo dục bên ngoài nuôi dưỡng; Dòng Tên thiết lập một chủng viện tại *Douai*, miền *Flanders* thuộc Pháp (sau này được chuyển tới *Rheims*), và một học viện được thành lập tại Rô-ma nhằm đào tạo các người Công giáo Anh; tại những nơi đó di sản Sa-lê được truyền đạt. Qua suốt thế kỷ XVII và XVIII các tiếp xúc giữa Giáo hội Anh quốc bị bách hại với Công giáo lục địa vẫn được duy trì đều đặn.

237 Về các công trình đề tài truyền thống Sa-lê bằng Anh ngữ, xin coi trên internet các sách tham khảo do Lm Joseph Boenzi, SDB biên soạn, “Saint Francis de Sales: Toward a Complete Bibliography of English-language Works”. <http://www4.desales.ed/~salesian/fdsbibli.html>. Cũng xin đọc William Charles Marceau, “Early English Translations of Salesian Writings”, *Indian Journal of Spirituality*, 8.2 (June 1995): 155-64; 8.3 (September 1995): 316-20.

Các tu viện Phan Sinh và Biển Đức Anh bị triệt hạ đã có thể tái lập trở lại tại Hòa Lan và Pháp. Kết quả là bản dịch Anh ngữ đầu tiên tác phẩm “*Huấn Đức*” của Đờ San do một nữ tu Biển Đức trong cộng đoàn lưu đầy hải ngoại thực hiện. Nhiều bản Anh ngữ dịch trực tiếp cuối “*Dẫn Nhập*” được in ra và xuất hiện tại *Antwerp, Louvain, Rouen, Pa-ri, Douai* và *Rheims*. Mức độ ý thức thiêng liêng của người Anh về tư tưởng Sa-lê được mở rộng như vậy có thể một phần là do phong trào “nguyện gắm thơ văn” hay “thơ văn siêu hình” vào cuối thế kỷ XVII, gắn liền với các tên tuổi như *Herbert, Crawshaw, Vaughn* và *Donne* đều ít nhiều tùy thuộc vào tác phẩm này. Phương pháp nguyện gắm của Phan-xi-cô được phác lên trong cuốn “*Dẫn Nhập*” tập hợp các giác quan, tình cảm, trí tưởng tượng và khả năng trí tuệ để đạt được chiều sâu thiêng liêng. Chính phương pháp này, cùng với các phương pháp khác của thời tân hiện đại được các tác giả đạo đức Công giáo cổ vũ, đã hình thành nên những cảm hứng vừa tôn giáo vừa văn học của người Anh.²³⁸

Ngoài ra mối liên kết Anh quốc với lục địa còn được tăng cường nhờ thói quen ràng buộc hôn nhân giữa các gia đình hoàng tộc Âu châu, đương nhiên là nhằm lợi ích chính trị hơn là phù hợp với tiêu chuẩn tôn giáo. Chính linh mục *Claude la Colombière* dòng Tên, đã từng là cha giải tội và bạn tâm giao của Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a Alacoque, năm 1675 được chỉ

238 Một khảo luận sâu hơn về truyền thống thơ văn siêu hình của phong trào Cải cách Công giáo Anh được tìm thấy trong Louis L. Martz, *The Poetry of Meditation: A Study in English Religious Literature of the Seventeenth Century* (New Haven/London: Yale University Press, 1954). Ảnh hưởng Sa-lê thời đầu bên kia eo biển Channel cũng được Elisabeth Stopp nghiên cứu, trong “Healing Differences: St Francis of Sales in Seventeenth Century England”, in *A Man to Heal Differences*, trg. 85-118.

định làm giảng sư triều đình cho *Mary of Modena* Công giáo (*Marie-Beatrix d'Este*), là người dâng Thánh Lễ đầu tiên kính Thánh Tâm Chúa Giê-su trên đất Anh. Ba năm sau, do tình cảm chống Công giáo lại nổi lên, cha *Claude* bị cầm tù và gục ngã vì sức khỏe suy yếu. *Mary of Modena*, vợ của Công Tước *York* (sau này trở thành vua *James II*) không những là công giáo mà còn là người rất hâm mộ dòng Thăm Viếng. Hình như bà có kế hoạch nhưng không thực hiện được, đó là thiết lập dòng Thăm Viếng tại Anh quốc. Hoàng hậu *Mary* liên hệ chặt chẽ với tu viện Thăm Viếng tại *Chaillot* gần Pa-ri, do hoàng hậu Anh người Công giáo bị lưu đầy trước đó là *Henrietta Marie*, vợ góa của vua *Charles I*, thành lập. Sau này, quả tim của hai hoàng hậu này lẫn của vua *James II*, và của con gái do ông và bà *Marie-Louise* do *Mary of Medena* sinh ra đều được bảo quản và tôn kính trong tu viện cộng đoàn *Chaillot*.²³⁹

Sau cùng, tới đầu thế kỷ XIX, dòng Thăm Viếng mới được thiết lập trên đất Anh nhờ nỗ lực của quý bà *Mrs Turnstall of Lancashire*; trong số tổ tiên của dòng tộc bà bị bách hại có cả một vị tử đạo. Năm 1804 ba nữ tu Thăm Viếng từ tu viện *Rouen* đến thiết lập công cuộc tại *Acton* gần *London*. Các ứng sinh Công giáo Anh đã trực đợi sẵn, đức tin của họ đã được các cha dòng Tên tích cực nuôi dưỡng; điển hình là câu chuyện về *Mary Weld* có tuyên úy cho gia đình là cha *Nicolas Grou*

239 Về dòng Thăm Viếng tại Anh quốc, xin đọc chuyên khảo của Elisabeth Stopp, *Saint Francis de Sales and the Order of the Visitation* (Waldron, Sussex: Monastery of Visitation, 1962). Tôi rất chịu ơn Sr Péronne Marie Thilbert rất quen biết với *Année Sainte* vì đã cung cấp các thông tin về các quả tim của gia đình hoàng tộc Anh tại *Chaillot*. Marie Beatrix còn muốn mình được chôn cất tại *Chaillot* cho tới khi con bà, James III, được tái lập trên ngôi báu Anh triều.

dòng Tên, một trong các linh hướng thời danh hồi đó. Mary sau này đổi tên thành nữ tu *Mary de Sales* và giữ chức vụ Bề Trên người Anh đầu tiên của cộng đoàn. Rồi lần lượt cô em gái là *Clare* và cô cháu là *Fanny Vaughan* tuân tự làm bề trên hội dòng. Cộng đoàn *Acton* rời tới *Somerset*, và vào năm 1816 thành lập huynh đoàn Thánh Tâm; năm 1896 một lần nữa cộng đoàn rời tới *Westbury on Trim*, rồi lại tới *Harrow-on-the-Hill London*, và cuối cùng sau thế chiến II lại rời tới *Waldron ở Sussex*. Dây chuyền kết nối Anh ngữ này đã rất thành công trong việc quảng bá viễn ảnh Sa-lê. Các nữ tu của *Harrow-on-the-Hill* đã cho xuất bản một số tác phẩm Anh ngữ trong đó có tuyển tập các thư của Gio-a-na San-tan, các thư của Phan-xi-cô, bản dịch cuốn “*Khảo Luận*”, và một khảo cứu độc đáo về các bậc vị vọng của dòng Thăm Viếng.²⁴⁰

Dom Mackey và Thư Viện Thánh Phan-xi-cô Sa-lê

Nhóm Công giáo Anh phục hưng của thế kỷ XIX, gồm một nhóm tuy nhỏ nhoi nhưng rất chặt chẽ, đã lấy dòng Thăm Viếng và nhãn giới Sa-lê làm nòng cốt. Danh sách các gia đình danh giá trung thành với Công giáo chiếm phần lớn bản ghi chép của Huynh Đoàn Thánh Tâm và công hàm dòng Thăm

240 Xin đọc chẳng hạn, *The Life of Jeane Charlotte de Brécard of the Order of the Visitation: Friend and Spiritual Daughter of St Francis de Sales and St Jane Frances de Chantal, 1580-1637* do các nữ tu Thăm Viếng, Harrow-on-the-Hill biên soạn (New York/London: Longmans, Green and Co., 1924). Cũng xin coi trên internet các sách tham khảo do Lm Joseph Boenzi, SDB biên soạn, “Saint Francis de Sales: Toward a Complete Bibliography of English-language Works”. <http://www4.desales.ed/~salesian/fdsbibli.html>, để có một danh sách các tác phẩm Anh ngữ về đề tài Sa-lê, gồm luôn cả các tác phẩm do Harrow-on-the-Hill xuất bản.

Viếng. Một trong các hội viên của *Harrow-on-the-Hill* nhận tên *Frances Margaret* khi gia nhập cộng đoàn vào năm 1866, là em gái của *Henry Benedict Mackey* (1846 - 1906), một linh mục Biển Đức có tầm ảnh hưởng nhất định trong việc gieo rắc linh đạo Sa-lê trong thế giới Anh ngữ.²⁴¹ *Henry* và năm cô em gái được sinh ra trong một gia đình Công giáo trí thức Anh tại *Erdington*. Được đào tạo tại Pháp trong trường cao đẳng *St. Edmund* ở *Douai*, một trường được thành lập để đào tạo các người Công giáo Anh bị vây hãm. *Henry* gia nhập tập viện Biển Đức tại *St Micheal's* ở *Hereford*. Tại đó thầy gặp được *Cuthbert Hedley OSB*, sau này làm Giám mục giáo phận *Newport*, ngài đề nghị người tu sĩ trẻ làm một công việc sau này trở thành tác phẩm để đời: nghiên cứu đời sống và các chước tác của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Quả thật, *Henry* trở nên quen thuộc với Thánh Phan-xi-cô trong suốt phần còn lại của đời thầy và trở thành mẫu mực cho nhiều tu sĩ Biển Đức khác tại Anh về thái độ đối với Thánh nhân.²⁴² Trước hết cha bắt đầu đọc tập “*Huân Đức*”, rồi tiến qua việc phiên dịch và soạn các tập sách nhỏ về Phan-xi-cô. Bài viết đầu tiên được xuất bản là vào năm 1877 trong dịp đức Pi-ô IX ban sắc phong danh hiệu Tiến Sĩ Hội Thánh cho vị thánh rất được tôn kính này. Tiếp theo là một số bài khác, tất cả xuất hiện trên tạp chí *Dublin Review*, cho thấy *Mackey* quen biết đời sống và tư tưởng của vị sáng lập Sa-lê sâu sắc tới mức độ nào. Quả thế, cha đã hăng say lao vào cuộc tranh luận, đôi lúc tới độ căng thẳng, với các

241 Về Mackey, xin đọc Joseph F. Power, OSFS, “Henry Benedict Mackey, OSB: Ninteenth Century Interpreter of St Francis de Sales,” *Downside Review*, Vol. 120, no 420 (July 2002), 215-28. Bài viết này còn có cả một bản tham khảo theo niên biểu các tác phẩm của Mackey về De Sales.

242 Chẳng hạn như Dom John Chapman.

tác giả Anh ngữ khác, những người đã từng viết về hay phiên dịch các tác phẩm của vị giám mục Sa-voa.

Năm 1822 cha *Mackey* bắt đầu thư từ với dòng Thăm Viếng tại *Annecy*, ở đó một nhóm nữ tu đang chuẩn bị cho ra đời một ấn bản mới (sau này trở thành phiên bản quan trọng) các chức tác của Phan-xi-cô. Sau này vị tu sĩ Biển Đức được cất khỏi công tác mục vụ giáo xứ, và trong mười hai năm ngài qua lại giữa *Annecy* và Rô-ma (nơi cha nhiều lần giữ vai trò đại diện chính thức của Dòng Biển Đức), tham gia nhiều công tác khác nhau trong việc biên soạn và xuất bản các ấn bản nhiều tập này. Cha đưa vào công việc mình bắt tay làm tất cả sự uyên thâm và phương pháp khảo cứu khoa học của cha tới độ, sau này nhiều nhà phê bình phải công nhận sự đóng góp to lớn của cha đã làm cho ấn bản càng mang tính khoa học sâu sắc hơn. Đối với cha *Mackey*, công cuộc không chỉ mang tính học giả, trong sự cộng tác này ngài có mục tiêu là:

... để xuất bản tất cả mọi tác phẩm của vị Thánh Tiến sĩ, để tái ấn bản trong sự trung thành tuyệt đối với nguyên văn, với tất cả sự chăm chút và in ấn hoàn hảo bao có thể hầu xứng đáng với một học thuyết có tầm cao quý như thế; nói tóm lại, làm cho Phan-xi-cô Sa-lê được nhận biết cách trung thực, theo những nét ngài đã phác họa về mình trong các tác phẩm, và theo như ngài được suy tôn trong Hội Thánh.²⁴³

Hội Thánh Chúa ở Anh quốc, theo suy nghĩ của *Dom Mackay*, không thể bị cất khỏi nhãn quan Sa-lê chỉ vì thiếu

ảnh hưởng của ngôn ngữ Pháp. Có lẽ thành công vĩ đại nhất của vị tu sĩ Biển Đức này chính là những gì ngài đã làm để chuẩn bị cho *Thư Viện Thánh Phan-xi-cô Sa-lê*.²⁴⁴ Mackey tự mình dịch thuật hầu như toàn bộ các tác phẩm, đồng thời viết lời tựa hay nhập đề cho phần lớn các tập sách, gồm cả một số được xuất bản sau khi ngài đã qua đời. Điều khá thú vị là, *Thư Viện* lại thiếu vắng bản dịch của tác phẩm danh tiếng nhất “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*”; có phải vì Mackey cảm thấy đã có quá nhiều bản dịch Anh Ngữ được lưu hành (chính ngài đề nghị sử dụng bản dịch của cha *Richard*)? Tuy nhiên nhân vật từng ngưỡng mộ nhân quan Sa-lê này về sau lại bị nhiều dịch giả chỉ trích, đặc biệt những ai làm việc với cuốn “*Khảo Luận về Tình Yêu Thiên Chúa*”. Họ cho rằng lối hành văn của ngài quá cứng cỏi và quá sát từng chữ với nguyên văn Pháp ngữ.²⁴⁵ Trong khi đó với các nữ tu Thăm Viếng *Annecy* ngài cũng sung khắc không ít khi ép họ phải chấp nhận đưa các công lao nghiên cứu của ngài vào ấn bản *Annecy* đang được biên soạn (đối với các nữ tu, lối suy nghĩ của ngài (*mentalité*) quá *Ăng-lê* và không đủ chất Pháp). Không kể đến khả năng dịch

244 *Thư viện Thánh Phan-xi-cô Sa-lê*, dưới sự điều hành của Cuthbert Hedley OSB, gồm các tập sách sau đây: I *Letters to Persons in the World* (London: Burn and Oates, 1883); II *Treatise on the Love of God* (London: Burn and Oates, 1884), III *The Catholic Controversy* (London: Burn and Oates, 1886); IV *Letters to Persons in Religions* (London: Burn and Oates, 1888); V *The Spiritual Conferences*, do các nữ tu Thăm Viếng Harrow-on-the-Hill dịch (London: Burn and Oates/New York: Benziger Brothers, 1906); VI *The Mythical Explanation of the Canticle of Canticles by St Francis of Sales and The Deposition of St Jane Frances de Chantal in the Cause of the Canonization of St Francis de Sales* (London: Burn and Oates/ New York: Benziger Brothers, 1980); VII *The Spirit of St Francis of Sales*, by his friend Jean Pierre Camus, do J.S. dịch (London: Burn and Oates, 1910).

245 Power đưa ra trường hợp của cả John Ryan và Joseph Kerns những dịch giả sau này đã thấy rằng các bản dịch của Mackey có nhiều thiếu sót.

thuật, các đóng góp của cha *Mackey* vào việc truyền bá linh đạo Sa-lê trong thế giới Anh ngữ không thể bị đánh giá thấp; hơn nữa, các phân tích và chú giải ngài viết trong các bài phê lộ thì quả thật là chính xác và rất tiện dụng.²⁴⁶ Đặc biệt khi xử lý cuốn “*Khảo Luận*”, một công trình rất cô đọng và xem ra rất thách thức, ngài tỏ ra đầy thiện cảm, thâm sâu và thấm nhuần tận gốc rễ tinh thần của chính Phan-xi-cô. Đối với cha *Mackey*, hiểu được tuyệt tác phẩm này không phải là một công việc lý thuyết, nhưng đó là một cuốn sách mà trên đó một người phải suy niệm và cầu nguyện, một cuốn sách có khả năng mở toang tâm hồn độc giả để đưa tới tình yêu sâu thẳm khôn lường trào dâng từ con tim Thiên Chúa.

Trong các bài viết, *Don Mackey* quả quyết rằng “nghệ thuật đạo đức” ngọt ngào và hấp dẫn của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê là con đường bảo đảm nhất dành cho những ai sống giữa thế tục. Trong việc thực hành các nhân đức nhỏ mọn, ngài nhận ra tuyệt đỉnh chính là “nhân đức của các nhân đức”, tức thi hành Ý Chúa. Một đặc điểm nữa của *Mackey* khi tóm lược đặc tính các nhân đức Sa-lê vào một nhận xét về hãm mình, “giống như tất cả các nhân đức khác, hãm mình bắt đầu từ con tim và ý chí, và phải đi từ bên trong ra bên ngoài”.²⁴⁷ Đối với người tu sĩ Biển Đức rất sùng mộ này, đời sống đạo đức được cuốn “*Dẫn Nhập*” phác họa không thể tách rời khỏi “khoa học uyên thâm của đời sống thiêng liêng được tìm thấy nơi “*Khảo Luận*”.” Chú giải của ngài về tập sách tập trung vào “Thánh Ý khoái cảm” của Chúa như “một thái độ, một trạng thái chờ

246 Xin đọc chẳng hạn, Dom B. Mackey, *St Francis de Sales as a Preacher: A Study*, do Thomas F. Dailey OSFS, dịch (Bangalore, India: Indian Institute of Spirituality, n.d.).

247 Trích trong Power, “Henry Benedict Mackey”, trg. 219

đội thường trực”. Chú giải cũng nhấn mạnh trên truyền thống chiêm niệm mà Phan-xi-cô đã hội nhập cách sâu xa cả trong cả lý thuyết lẫn thực hành, điều mà vị thánh “biết rõ trong tâm hồn thánh thiện của ngài, cũng như của Gio-a-na San-tan - người được ngài coi như “cùng một lòng một dạ” với ngài. Việc vun trồng trạng thái tâm hồn rộng mở này sẽ được thể hiện qua đơn sơ phó thác mình (*simple remise*) trong cánh tay Thiên Chúa.

Chống lại một số các nhà bình luận (đặc biệt nhóm Tin Lành) cho rằng thứ linh đạo hấp dẫn của Phan-xi-cô có thể dễ dàng làm ngài xa rời nền thần học Công giáo, Mackey đã quyết liệt phản bác. Từ tư thế một người đã từng sống trong cộng đoàn với niềm tin bị thử thách cách khốc liệt để có thể trung thành với Rô-ma, vị tu sĩ Biển Đức đã đánh giáo cao Công giáo tính của vị giám mục Sa-voa: “Ai đã từng rao giảng với lòng yêu mến chắc cũng sẽ rao giảng đủ mạnh để chống lại các lạc giáo”.²⁴⁸

Tinh Thần Sa-lê tại Hoa Kỳ

Dân số Công giáo trong nhóm kiều dân Anh tại Tân thế giới và trong nước Cộng hòa Hoa Kỳ mới thành lập không phải là đông, tuy nhiên tại đó di sản Sa-lê lại lộ rõ tới mức đáng kinh ngạc. Điển hình ta có thể minh họa trải nghiệm của *Elizabeth Ann Seton*, người sáng lập dòng Chị Em Bác Ái Hoa Kỳ. Chị từng là một tín đồ của phái Tin Lành Trưởng Lão (*Episcopalian*), và đang phải phân đấu với tình cảnh góa bụa

248 Ibid., trg 220

từ khi còn rất trẻ. Elizabeth được một người Công giáo Ý, là bạn làm ăn với ông chồng mới qua đời, trao cho một cuốn “*Dẫn vào Đời Sống Đạo đức*”. Viễn tượng Sa-lê về một thế giới của những con tim, cùng với bầu khí Công giáo đậm âm của người Ý đã chinh phục con tim của người phụ nữ góa bụa này, và bà quyết định trở lại đạo. Trong cơn khắc khoải trước cái giá rất đắt phải trả cho cuộc cải đạo của mình, Elizabeth đã viết cho người bạn Ý như sau:

Mỗi ngày tôi đều đọc chương 6 của Phúc Âm Gio-an và lời Chúa hứa với Thánh Phê-rô, rồi tôi hỏi Chúa, phải chăng tôi sẽ xúc phạm tới Người nếu tôi đặt niềm tin vào các lời tuyên bố rõ ràng đó. Rồi khi đọc Thánh Phan-xi-cô yêu quý tôi cũng tự hỏi, có thể nào tôi dám suy nghĩ khác với ngài, hay có thể tìm kiếm thiên đàng cách nào khác nữa chẳng?

Tôi đọc quá nhiều về Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và tha thiết mang nhiều người vào trong lòng Hội Thánh Công giáo. Tôi tự hỏi mình rằng làm sao mình có thể biết cách làm đẹp lòng Chúa... hơn cả Thánh Nhân, và rồi quì gối xuống, tôi thẳm khóc với ngài và cầu xin ngài cho tôi được ơn đức tin.²⁴⁹

“Phan-xi-cô yêu quý” của *Elizabeth* tiếp tục là nguồn cảm hứng hướng dẫn bà sau khi trở lại và cả khi bà gia nhập đời tu.

249 Elizabeth Bayley Seton, *Collected Writings*, ed. Regins Bechtle, sc, and Judith Metz, sc (New York: New City Press, 2000), Vol. 1 *Correspondence and Journals*, trg. 317-18.

Sự quen biết linh đạo Sa-lê của bà càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn khi cộng đoàn của bà được đặt dưới sự coi sóc của các cha Xuân Bích. Sau này cha *Simon Bruté* được chỉ định làm linh hướng cho *Elizabeth* (cha đúng là một người Mỹ chính gốc), bởi vì như cha bề trên Xuân Bích đã từng nói, tâm hồn bà vĩ đại tới độ chỉ có thể một “vị thánh bậc nhất như Phan-xi-cô Sa-lê” mới hướng dẫn nổi.²⁵⁰ *Bruté* khuyên *Elizabeth* đọc nhiều các tác phẩm của Đờ San. Trong số các sách lấy từ thư viện riêng mà ngài cho bà mượn có cuốn “*Các Thư Từ*” của Phan-xi-cô, một thư luân lưu từ dòng Thăm Viếng bên Ba-lan, và cuốn “*Huấn Đức*”. Tập sách cuối cùng này được bà dịch lại toàn bộ từ nguyên bản gốc tiếng Pháp. Rải rác trong suốt các lá thư mà vị lập dòng này gởi đi là các trích dẫn lấy từ Đờ San và Đờ San-tan mà bà đã đọc, cũng như các hướng dẫn của cha *Bruté*. Rõ ràng là vị linh hướng Xuân Bích đã nhìn thấy nơi *Elizabeth Seton* một Gio-a-na San-tan thứ hai. Trong tuần phòng cuối cùng dưới sự hướng dẫn của cha vào năm 1820, ngài tiếp tục đào tạo bà theo mẫu gương của thánh Gio-a-na, đáng cũng như bà đã từng là người vợ, người mẹ và vị lập dòng. Khi đọc những lời nhắn nhủ Mẹ Đờ San-tan gửi cho các chị bề trên, Mẹ *Seton* đã “nỗ lực lãnh hội tinh thần của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và quý bà Đờ San-tan, bởi vì tinh thần các ngài cũng chính là tinh thần của cộng đoàn bà.”²⁵¹ Khi bà lâm trọng bệnh thì cũng chính các lời của vị giám mục Sa-voa đã làm cho kinh nghiệm đó trở thành có ý nghĩa. “Chúng ta chỉ muốn nghe lời sau đây của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê: “Con muốn thật ít – và lúc này

250 Joseph I. Dirvin, *Mrs Seton: Foundress of the American Sisters of Charity* (New York: Ferrar, Strauss and Giroux, 1975), trg. 139.

251 Ibid., trg. 444

còn muốn ít hơn bao giờ hết”²⁵². Thật đáng ghi nhận ở đây là Mẹ *Seton* và các vị linh hướng Xuân Bích Hoa Kỳ của bà hình như đã nhấn mạnh trên các khía cạnh linh đạo Sa-lê phù hợp nhất với tinh thần nhiệm nhứt của Trường Phái Pháp: Ước muốn ít, tín thác hoàn toàn cho ơn Chúa vào thời điểm đó, tôn thờ ý muốn của Thiên Chúa, và phấn đấu đạt tới tình yêu tuyệt hảo đối với Chúa, tước bỏ - qua từng bước một - mọi thứ tình yêu khác ngoài tình yêu Chúa mà thôi. Đây chính là các đề tài thiêng liêng liên quan chặt chẽ tới các vị Thánh Sa-lê.

Bà *Seton* rất rành tiếng Pháp và vì thế có thể thưởng thức các chức tác của Đờ San trong nguyên ngữ; nhưng nhiều người Mỹ khác lại không mấy quen thuộc với Pháp ngữ như vậy, tuy nhiên điều này cũng không phải là trở ngại lớn đối với việc quảng bá ảnh hưởng của Phan-xi-cô. Một bản dịch Anh ngữ cuốn “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” đã được xuất bản tại Hoa Kỳ từ năm 1706, và đã được phát hành tương đối rộng rãi. Ảnh hưởng của Đờ San càng gia tăng qua việc phát hành rộng rãi cuốn “*Vườn Thiêng*” (*The Garden of the Soul*) - một cuốn sách kinh do giám mục người Anh là *Richard Challoner* biên soạn, trong đó có mục tóm gọn mười bài nguyện gẫm nhập đề cho cuốn “*Dẫn Vào*”, cùng với một bài dẫn nhập về việc nguyện gẫm Sa-lê.²⁵³ Những cuốn sách như thế cung cấp của ăn tinh thần cho đám di dân Công giáo Mỹ ngày một gia tăng.

Tới năm 1848 có hơn nửa triệu trẻ em (phần lớn là Công giáo) theo học tại các trường công. Càng ngày dân chúng càng học đọc Anh ngữ, do đó một cuốn sách kinh mới

252 Công hàm của nhà tỉnh St Joseph, Emmitsburg, 1-3, 3-12:65a.

253 Taves, *The Household of Faith*, trg. 72-3

sẽ trở nên một món ăn đạo đức chính yếu đối với các gia đình gốc Ái Nhĩ Lan. Quả vậy, trong gói hành lý mà *Paddy Leary* vác trên vai khi lên đường tới *Philadelphia*, chắc hẳn phải có cả cuốn “*Vườn Thiêng*”.²⁵⁴

Mối liên kết chặt chẽ giữa người Pháp hay hàng giáo sĩ Công giáo được Pháp đào tạo với Giáo hội còn non nớt của tân Cộng Hòa Hoa Kỳ đồng nghĩa với việc Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan được rất nhiều người biết tới, và tinh thần Sa-lê của các ngài được quảng bá rộng rãi. Một thí dụ điển hình là trường hợp *John Carroll* (1735 - 1815) - giám mục đầu tiên của Hiệp Chúng quốc mới được thành lập. *Carroll* xuất thân từ một gia đình ái quốc rất tiếng tăm: ông anh của ngài là *Charles* đã có mặt tại Đại hội Toàn lục địa đầu tiên (*First Continental Congress*), được bầu vào ban hành chánh của bang *Maryland* và giữ chức vụ Nghị sĩ Hoa Kỳ. Như nhiều người Công giáo vào thời đó, *John* được đào tạo tại Âu châu và gia nhập dòng Tên. Việc đào tạo của ngài phản ánh phần lớn khuynh hướng nhân bản của truyền thống Pháp, đặc biệt tiêu biểu là Phan-xi-cô Sa-lê, song song với truyền thống Công giáo Anh và di sản Y Nhã. Trong thời gian theo học, *Carroll* đã được làm quen với lý tưởng người lịch duyệt Ki-tô hữu của cuốn “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*”. Các giá trị Sa-lê như nhẹ nhàng thuyết phục, khổ chế ôn hòa và lấy đức ái làm tâm điểm cho đời sống thiêng liêng... đã gây ấn tượng mạnh trên vị giám mục tương lai và sẽ trở thành nền móng cho thái độ mục vụ đầy sáng tạo trong bối cảnh tân thế giới. Các bài giảng của *Carroll* được mọi người biết đến vì rất đậm âm, phản ánh rõ nét nhạy cảm Sa-lê, đồng

thời cũng biểu lộ một nội tâm đạo đức thâm sâu nhấn mạnh trên “biến đổi cõi lòng chúng ta bằng các cảm xúc và tình cảm của Đức Giê-su Ki-tô.”²⁵⁵ Và mặc dầu tới lúc đó, lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa không còn phải là đặc điểm riêng của dòng Thăm Viếng, nhưng thực hành việc sùng kính này lại được vị giám mục Công giáo đầu tiên của Hợp Chúng quốc nhiệt tình cổ vũ. Năm 1793, vì chủ đích mục vụ, *Carroll* đã cho phân phát 100 tập “*Hướng dẫn Đạo đức cho Việc Cầu nguyện và Lòng Sùng kính*” (*The Pious Guide to Prayer and Devotion*) do các cha dòng Tên của Đại học *Giorgetown* biên soạn (đại học này liên kết chặt chẽ với tu viện Thăm Viếng *Giorgetown*). Một phần tập “*Hướng dẫn Đạo đức*” cũng nhằm phản bác chỉ trích của nhóm *Jansenist* cho rằng lòng sùng kính này quá duy vật, khi nhấn mạnh rằng “quả tim” chính là biểu tượng của toàn bộ nhân tính Đức Ki-tô. Qua việc thực hành lòng sùng kính này, tập sách cho rằng Ki-tô hữu có thể dần dần biến đổi qua việc khuôn rập con tim mình với con tim Thiên Chúa. Mục tiêu của lòng tôn sùng Thánh Tâm chính là “chu toàn các hoạt động hằng ngày trong sự kết hiệp với Thánh Tâm, sao cho, khi cầu nguyện là ta cầu nguyện trong Thánh Tâm; khi yêu là yêu trong Thánh Tâm; khi hành động là hành động trong và với Thánh Tâm; và khi ta chịu đau khổ là chịu trong và cho Thánh Tâm”.²⁵⁶ Ngay cả Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan chắc cũng không thể diễn tả hay hơn thế.

255 Joseph P. Chinnici OFM, *Living Stones: The History and Structure of Catholic Spiritual Life in the United States* (New York: Macmillan Publishing, 1989) trg. 30.

256 Ibid., trg. 31

Dòng Thăm Viếng tại Hoa Kỳ

Chúng ta có thể kể ra nhiều thí dụ khác tương tự về cách truyền thống Sa-lê vừa âm thầm lại vừa tràn lan hội nhập vào Giáo hội Tân thế giới, nhưng việc thực hành “Sống Giê-su” sẽ được diễn đạt cách rõ ràng hơn một khi dòng Thăm Viếng được thiết lập trên đất Hoa Kỳ. Hai nhóm nữ tu Công giáo đầu tiên đặt chân lên đất Hoa Kỳ là dòng Cát Minh từ *Antwerp* đến định cư tại *Port Tobacco, Maryland*,²⁵⁷ và ba nữ tu dòng Clara Nghèo từ Pháp đến định cư trước hết tại *Baltimore*.²⁵⁸ Giám mục *Carroll* nhận thấy rất rõ nhu cầu cần có nhiều nhà giáo dục cho một tân quốc gia, trong khi đó các nữ tu Cát Minh cảm thấy họ được gọi để sống đời tu kín trong nội vi, còn các chị Clara nghèo thì lại không có khả năng giảng dạy trong các trường vì vốn liếng Anh ngữ quá nghèo nàn. Lúc đó có một số quý bà nói tiếng Pháp đã mở một trung tâm học vụ dành cho các thiếu nữ tại *Georgetown*, kề ngay bên trường cao đẳng dành cho nam giới mà giám mục *Carroll* và vị kế nhiệm là *Leonard Neale* (1747 - 1817) trực tiếp lãnh đạo. Giống như *Carroll*, *Neale* xuất thân từ một gia đình phát đạt có thể giá đã rất quảng đại phục vụ Giáo hội Hoa Kỳ mới hình thành. Trong khi làm mục vụ tại *Philadelphia*, *Neale* đã tiếp xúc với nhóm ba phụ nữ đạo hạnh đang hướng tới đời sống tu trì, một trong số họ là cô *Alice Lalor*. Cả ba đã gặp nhau trên chuyến tàu viễn dương từ Ái Nhĩ Lan qua Mỹ, và vì cảm thấy một lòng một

257 Một số các chị Cát Minh tham gia chuyến xuất hành truyền giáo này sinh ra tại Mỹ, được gửi ra ngoại quốc học và gia nhập đời tu bên Âu châu.

258 Từ *Baltimore* nhóm Clara nghèo này chuyển tới *New Orleans* rồi tới *Georgetown*. Sau này họ lại trở về Pháp.

trí, họ đã tậu một căn nhà tại *Philadelphia* để cùng nhau cầu nguyện và chung sống. Một cơn bệnh sốt rét vàng da bộc phát trong ngôi nhà và cướp đi sinh mạng hai cô bạn của *Lalor*. Một thời gian sau cô trở về nhà mình, rồi thể theo lời đề nghị của giám mục *Neale* cô trở lại *Georgetown* với hai người bạn mới là bà *Mary McDermott* và bà *Sharpe*, cả hai cũng đều góa bụa. Khi mới tới nơi ba người này hình như đã hợp tác với các nữ tu Clara Nghèo trong việc điều hành trường học. Ít lâu sau đó các nữ tu Pháp trở về quê hương, trao lại công việc dạy học ở khu *Washington* cho ba “bà đạo đức”, và một số người sau này tới tham gia để phục vụ các thiếu nữ trẻ.

Truyền thống của tu viện ghi lại rằng, trong một chuyến hành trình mục vụ buổi đầu, *Neale* trong một thị kiến đã thấy một đám rước lớn gồm các nữ tu với sắc phục rất lạ đối với ngài dẫn đầu là một quý bà với khuôn mặt uy nghiêm. Gần đó có một người đàn ông mang sắc phục giáo triều tuyên bố: “Con hãy xây cất một ngôi nhà cho dòng tu của ta đây”. Nhiều năm sau đó, khi được thấy các bức chân dung của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan, *Neale* nhận ra các ngài là những người đàn ông và đàn bà trong thị kiến. Tuy nhiên thị kiến này có ý nghĩa bao xa trong nhận thức muộn màng của ngài thì lại là điều khác. Chính xác hơn, người viết tiểu sử thời đầu về *Neale* đã thuật lại:

Từ lâu đó đã là đề tài mà ngài để tâm suy nghĩ cách nghiêm túc, và là một điểm đã gây nên cho ngài không biết bao nhiêu là bối rối: xác định nên trao nhóm quý bà đã tham gia vào hội đạo đức này cho tổ chức chuyên biệt nào đây? Con số họ ngày một gia tăng, và ích lợi

họ mang lại thì mọi người đều nhìn nhận và được đánh rất giá cao; tuy nhiên họ vẫn chưa có một qui luật điều hành ngoài những gì trích ra từ các hướng dẫn đạo đức của ngài; điều này quả thực quá bấp bênh. Sau thời gian dài suy xét cách chín chắn, cùng với lời khấn nguyện không ngại cầu xin Thiên Chúa Toàn Năng hướng dẫn quyết định trong việc chọn ra một đồng tu có kỷ cương để điều hành lối sống trong tương lai, vị giám mục đã đi tới quyết định du nhập dòng Thăm Viếng đã được Thánh Phan-xi-cô Sa-lê sáng lập, mà theo ngài có lẽ là thích hợp hơn hết với tinh thần thời đại và với các phận vụ chuyên biệt mà họ phải gánh vác ngoài đời. Trong số các bốn phận đời mà họ đã từng thi hành từ nhiều năm qua có việc giáo dục các thiếu nữ trẻ và dạy dỗ cho chúng về tôn giáo và nhân đức.²⁵⁹

Việc sát nhập với dòng Thăm Viếng thật sự không phải là ý muốn của *Neale*, cho dầu các nhà viết hạnh các thánh truyền thống vẫn trình bày như thế. Chính bản thân nhóm “Các Bà Đạo Đức” rất tự quyết và sáng tạo, và quyết định của họ chấp nhận chính thức gia nhập một hội dòng là một quyết định được đồng thuận.²⁶⁰ Cô *Lalor*, cùng với quý bà *Sharpe* và *McDermott*

259 Eleanor C. Sullivan, *Giorgetown Visitation: Since 1799* (Baltimore: French Bray Printing, 1975), trg 50. Tường thuật của Sullivan là chính xác nhất trong số ít các tường thuật về việc thành lập Thăm Viếng tại US đã được in ấn. Một vài lịch sử về các cộng đoàn Thăm Viếng Hoa Kỳ cho tới nay vẫn chưa được viết xuống hoặc ấn hành. (nguyên tác sau đó đã liệt kê chừng 20 tác phẩm đã xuất bản mà dịch giả thấy không mấy cần thiết đối với độc giả Việt Nam). Đặc biệt trong công hàm Giorgetown có cả một kho các bản viết tay, thư từ và tài liệu liên quan tới lịch sử tu sĩ Hoa Kỳ.

260 Mada-anne Gell, VHM, “Introduction to the Devout Life: the First Rule of the Sisters of the Visitation in the United States”, *Salesian Living Heritage*, IX: 2, 4-13.

đều rất quen thuộc với tinh thần Sa-lê nhờ chuyên chăm đọc các cuốn “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” và “*Cẩm nang Thiêng liêng*”. Thăm Viêng là một trong số các hội dòng phổ biến và có tầm ảnh hưởng nhất tại châu Âu thời đó – tới năm 1773 đã có hơn 120 tu viện được thành lập chỉ riêng tại Pháp – tuy nhiên vào thời điểm “*Quý Bà Đạo Đức*” muốn sát nhập vào Hội Dòng, rối loạn chính trị và tôn giáo đã bao trùm toàn thể bối cảnh Nước Pháp. Liên lạc xuyên Đại Tây Dương trở nên khó khăn nhất là trong thời kỳ các tu viện bị dẹp bỏ. Nhiều tu viện Thăm Viêng bị đóng cửa vĩnh viễn, ngay cả tu viện “*Sainte Source*” cũng mãi tới năm 1822 mới được phục hồi. Trong cùng thời kỳ, các cộng đoàn Hoa Kỳ tăng trưởng và các nữ tu được giám mục cho phép tự coi mình như các Vi-sít-tan-đin (*Visitandines* = nữ tu Thăm Viêng).²⁶¹ Để chống lại áp lực buộc phải liên kết với các Nữ Tu Bác Ái của *Elisabeth Seton*, hay với dòng Cát Minh, năm 1814 họ đã tự nguyện tuyên lời khấn đơn. Lúc đó họ chưa biết gì tới tu phục Thăm Viêng đúng cách, hay các áng văn căn bản – như các sách “*Điều Lệ*” hoặc tương tự - hầu có thể liên kết một lòng một trí với các chị em bên trời Âu. Sau này, khi lá thư của Tổng Giám mục *Neale* tới được cộng đoàn *Annecy* đang lưu đày tại *Chambéry* và một vài nhà khác còn hoạt động, người ta mới gởi qua 40 mẫu Thánh Giá riêng của Thăm Viêng, một số cách vờ cần thiết, và một búp bê nhỏ mặc tu phục Thăm Viêng. Tháng 12 năm 1816, các nữ tu Hoa Kỳ đầu tiên tuyên lời khấn trọng, và như vậy kết thúc tiến trình họ gia nhập Hội Dòng với sự chuẩn nhận của Tòa Thánh. Do nhu cầu, các bà phải làm một số thích nghi về Luật Dòng cho phù hợp với hoàn cảnh của Tân thế giới, tuy nhiên “*Quý Bà Đạo Đức*”, do đã từng được nuôi dưỡng trong tinh thần của

261 Ibid., trg. 56

cuốn “*Dẫn vào*”, biết phải “Sống Giê-su” như thế nào. Về điều này *Neale* đã viết như sau:

Như thế, do dàn xếp của Chúa Quan Phòng, vào chính ngày kỷ niệm Thánh Phan-xi-cô Sa-lê tạ thế, cộng đoàn đầu tiên của Hội Dòng Ngài được thành lập, hiện diện và hoạt động trên đất Hoa Kỳ.²⁶²

Vì được tọa lạc sát bên thủ đô của một quốc gia đang trên đà phát triển mạnh, Tu viện Thăm Viếng, cùng với Học viện của nó, đã là nơi giao thoa các khuynh hướng của đời sống Mỹ và phản chiếu tất cả các chuyển động cũng như các biến cố của những thế kỷ tiếp theo. “Quý Bà Đạo Đức” tiên khởi, với trình độ học vấn giới hạn, sớm được tăng cường với các giáo viên được đào tạo bài bản hơn.²⁶³ Công hàm của dòng Thăm Viếng Hoa kỳ thời đầu đã thu thập được nhiều tài liệu đáng kinh ngạc về nhiều phụ nữ khác nhau tham gia vào cuộc phiêu lưu kỳ thú này. Một thí dụ điển hình là bà *Jerusha Barber* (hay nữ tu *Mary Austin*), trước khi gia nhập tu viện năm 1817 đã từng là giáo viên một trường học tại *New York*, nơi chồng bà làm hiệu trưởng. Khi cặp vợ chồng này thuộc phái Tin Lành Trưởng Lão (*Episcopalian*) trở lại Công giáo, chồng bà *Barber* quyết

262 Về việc phát triển hội dòng trong những năm đầu, xin đọc Barbara Misner, SCSC, *A Comparative Social Study of the Members and Apostolates of the First Eight Permanent Communities of Women Religious Within the Original Boundaries of the United States 1790-1850*, Luật văn tiến sĩ tại Catholic University of America, Washington DC, 1980.

263 Alice Lalor là người Ái Nhĩ Lan được học hành tại gia vì các trường học tại Ái Nhĩ Lan thời đó không tiếp nhận người Công giáo. Bà McDermott cũng được cho là đã được cha mình dạy dỗ tại gia.

định gia nhập dòng Tên trong khi bà vợ gia nhập dòng Thăm Viếng với mấy đứa con gái nhỏ còn đi kèm. Việc bà gia nhập đã trở thành một phép lành cho cộng đoàn về nhiều mặt. Một đảng bà có kiến thức uyên bác, một cô giáo giỏi giang nên đã có thể sớm vượt trình độ tri thức và khả năng của cả thầy lẫn trò của trung tâm lên. Đảng khác đời sống cá nhân của bà thật quá phức tạp; khi vừa mới tới, người ta đã lo là bà đang mang thai, rồi còn vấn đề phải làm gì đây với mấy đứa con của bà. Cho dầu với tất cả các vấn đề này, và còn nhiều biến cố khác nữa có thể xảy ra, nhất là vào thời buổi phiêu lưu ban đầu, nhà trường và tu viện vẫn tiếp tục phát triển.

Học viện khởi đầu với hai việc tông đồ - lưu xá dành cho các em thuộc giới trung lưu và một cho các học sinh ngoại trú nghèo đến từ các vùng phụ cận.²⁶⁴ Trường tiếp nhận các em Công giáo cũng như ngoài Công giáo, và dần với năm tháng trở thành một cơ sở phát đạt được trang bị rất đầy đủ. Tới năm 1828, dưới sự hướng dẫn thiêng liêng của cha *Michael Wheeler* thuộc hội Xuân Bích, trường nội trú được trang bị các máy móc tối tân để dạy nhiều ngành khoa học hiện đại. Các thiếu nữ cũng được học văn chương, địa lý, toán học, văn phạm, lịch sử, ngoại ngữ, âm nhạc và hội họa, cũng như các môn thực dụng liên quan tới “việc nội trợ” như may mặc, nghệ thuật nấu ăn, giặt ủi và nữ công gia chánh. Càng những năm về sau chương trình học viện càng tiến triển và tiếp tục đáp

264 Về nền giáo dục trường học những ngày đầu này, một vấn nạn thú vị được đặt ra liên quan tới học sinh nghèo da đen. Có dấu hiệu cho thấy việc này được làm trong các trường lớp tách riêng. Cũng có dấu hiệu cho thấy, như nhiều người thời đó, các nữ tu Thăm Viếng có giữ nô lệ. Xin đọc Mada-anne Gell, VHM, “Georgetown Visitation: The Myth of the Finishing School” trong *Living Heritage*, Vol. I, số 1 (Sp 1986) 29-42.

úng các tiêu chuẩn học vụ cao nhất. Trong suốt hai thế kỷ từ ngày thành lập, học viện *Giorgetown* đã giáo dục được nhiều thế hệ các thiếu nữ trung lưu. Ngoài ra trong số các sinh viên cũng còn phải kể các thiếu nữ con cái giới ưu tú của thủ đô *Washington* như các chính trị gia, sĩ quan quân đội hay các văn nhân, cũng như con cháu của các vị đại sứ nước ngoài.²⁶⁵ Các cựu sinh viên của học viện đặc biệt tỏ ra rất trung thành với cái nôi học đường, bởi vì, cho dầu nền giáo dục của tu viện có khắt khe, bầu khí lan tỏa trong trường vẫn là tinh thần Sa-lê nhẹ nhàng thuyết phục và “chinh phục cõi lòng”.

Kể từ khởi đầu sự hiện diện tại Hoa Kỳ bên bờ sông *Potomac*, Hội Dòng Thăm Viếng đã dần tiến về phía Tây, cùng với sự mở rộng bờ cõi của nước Mỹ: Các cơ sở mới được tiếp tục thiết lập tại *Alabama, Illinois, Maryland, Missouri, Pennsylvania, Iowa, New York, Virginia, West Virginia, Minnesota, Kentudky, Idaho, Nebraska, Ohio, Washington* và *Georgia* trong suốt một thế kỷ rưỡi sau đó.²⁶⁶ Tất cả các cơ sở này đều thấm nhuần tinh thần của Đấng Sáng Lập. Và bởi vì nhu cầu giáo dục là rất lớn trên các lãnh thổ ngày càng mở rộng nên Dòng Thăm Viếng Hoa Kỳ tiên vãn được biết tới như một hội dòng dạy học. Một số học viện đã trở nên danh tiếng về một số bộ môn có trình độ cao, điển hình như trường nhà dòng tại *Wheeling, West Virginia* rất nổi tiếng về môn âm nhạc. Tuy nhiên phần đa các trường hợp khác thì chính nhu cầu địa phương đòi cộng đoàn phải tham gia vào các phục vụ khác nhau. Các Tu viện *Federal Way, Washington, Springfield,*

265 Ibid.

266 Tài liệu rất phong phú về các cộng đoàn Thăm Viếng Hoa Kỳ có thể được tìm thấy trong văn khố của tu viện Thăm Viếng Mendota Height...

Missouri and Mobile, Alabama dần dần được chuyển qua lãnh vực tỉnh tâm, như bảo trợ các trung tâm cũng như chương trình tỉnh tâm. Có trường hợp tu viện đứng ra đảm nhận một công tác nào đó hầu đáp ứng nhu cầu cấp bách của địa phương, và điều này đôi khi còn đòi tu viện phải chấp nhận những thay đổi tận căn. Trường hợp các nữ tu Thăm Viếng *Dubuque, Iowa* chẳng hạn là điển hình. Lúc đầu họ được giám mục yêu cầu dạy trong một trường thuộc giáo xứ ở phía bên kia đường lộ, sau này khi qui định giáo luật không còn cho phép các nữ tu tiếp tục di chuyển tự do như vậy, các chị đã chọn giải pháp là tách khỏi Hội Dòng (nhưng không chối bỏ tinh thần Sa-lê), để đến năm 1952 thiết lập một dòng giáo phận riêng hầu có thể tiếp tục dạy học trong trường giáo xứ. Các trường Thăm Viếng thường là các trường điểm của cộng đồng địa phương, góp phần vào việc nuôi dưỡng số dân Công giáo Hoa Kỳ đang gia tăng rất nhanh trong suốt thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Tại vùng Trung Tây (*Midwest*), ở các thành phố đang phát triển như *St. Paul* và *St. Louis*, các trường Thăm Viếng lo giáo dục các trẻ nữ sau này trở thành phu nhân hoặc hiền mẫu của tầng lớp lãnh đạo xã hội Công giáo ngày một phát triển và có tầm ảnh hưởng lớn. Thật vậy, khắp mọi nơi trên đất nước Hoa Kỳ, người ta có thể thấy tên các gia đình Công giáo thế giá trong sổ bộ các trường Thăm Viếng, trong tư cách giáo sư hoặc sinh viên; trong khi đó, tại hầu hết môi trường giáo dục, các thanh nữ được các nữ tu ưu tiên dạy dỗ lại không xuất thân từ tầng lớp ưu tú.

Các phục vụ năng động của dòng Thăm Viếng Hoa kỳ chưa hề bao giờ được coi như thế chỗ cho cầu nguyện, vốn là cốt lõi của đoàn sủng Hội Dòng. Chiều kích chiêm niệm luôn phải chiếm chỗ nhất trong đời sống của mọi nữ tu Thăm

Viếng, cho dầu nó có được diễn đạt trên bực nguyện đường hay trong lớp học. Qua thế kỷ XX, trong thời kỳ toàn Giáo hội Công giáo nhấn mạnh trở lại về tầm quan trọng của đời sống chiêm niệm đích thực, nhờ nhận được bảo đảm là của hồi môn do các gia đình khá giả hiến tặng mà một số cộng đoàn Thăm Viếng hiện hữu đã có thể đóng cửa nhà trường để quay về với nếp sống cộng đoàn tập trung vào việc thực hành chiêm niệm. Nhiều tu viện như *Wilmington, Delaware (Tyringham)*, *Richmond, Virginia (Rockville)*, và *Dethesda, Maryland* gia nhập hàng ngũ này. Vào giữa thập niên 1950, khi Giáo hội toàn cầu nhóm họp các hội dòng chiêm niệm để thành lập một liên hiệp hầu nâng đỡ lẫn nhau, căn tính của Hội Dòng Thăm Viếng Hoa Kỳ bị đặt thành vấn nạn. Vào thời điểm đó, các tu viện có trường học hay các hoạt động liên quan đều buộc phải dành ra một khu vực riêng trong cơ sở của mình để thiết lập khu nội vi thuộc quyền giáo hoàng. Lúc đó Hoa Kỳ có khoảng 20 cộng đoàn hiện diện, vì thế hai Liên hiệp Hội dòng Thăm Viếng được thành lập; một nhóm duy trì trường học, nhóm kia tập trung vào thực hành chiêm niệm là chính. Qua đầu thế kỷ XXI, trong số 13 tu viện còn hoạt động được, bảy tu viện điều hành trường học, hay bảo trợ các đối tượng gặp khó khăn trong cộng đồng địa phương. Trong các môi trường này, công việc truyền bá linh đạo Sa-lê giữa các giáo sư người đời, sinh viên, phụ huynh và học sinh trở nên ưu tiên. Một khi các nữ tu không còn chiếm đa số trong hành chính cũng như trong ban giảng huấn nhà trường như trước đây, thì việc làm thâm nhập tinh thần Sa-lê là rất khó khăn, vì thế cần triển khai các sáng kiến mới trong chương trình cũng như hoạt động hầu đưa viễn tượng Sa-lê về một thế giới các con tim vào trong cộng đoàn xã hội xung quanh.

Các Nữ Tu “Khu Xóm”

Cho dầu là thế giới Sa-lê của các con tim được sống trong nội vi tu viện, tập trung vào việc kết hiệp mật thiết giữa con người và Thiên Chúa, hay khi mình nhiên nhận mạnh bình diện hàng ngang trong cuộc trao đổi giữa các con tim nhân loại với nhau, các nữ tu Đức Mẹ Thăm Viếng đều là những người mang viễn ảnh Sa-lê trên đất Hoa Kỳ. Bởi vì linh đạo Sa-lê tiên quyết là thuộc lãnh vực con tim – như câu nói của Phan-xi-cô “Vì con tim là nguồn của mọi hoạt động chúng ta, và như thế nó là chìa khóa mọi sự” – do đó nó có thể được sống và thể hiện bằng nhiều đường lối khác nhau; ngay cả Hội Dòng Thăm Viếng cũng trở thành chứng tá của chân lý này! Một trong các lối diễn tả mới nhất của đoàn sủng Thăm Viếng chính là tu viện *Minneapolis, Minnesota*. Việc thiết lập tu viện này năm 1989 bắt nguồn từ lời thỉnh cầu của ba nữ tu Thăm Viếng tới từ cộng đoàn *St. Louis, Missouri*. Cả ba đã từng trải qua năm tháng dài dạy học tại Học viện gắn liền với tu viện, học viện này cung cấp một nền giáo dục lý tưởng cho khối dân chúng khá giả. Cả ba đã chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi khuynh hướng tư duy xã hội của Công giáo thời giữa thế kỷ XX, đặc biệt bởi nền thần học giải phóng với cao trào “lựa chọn giới nghèo”. Sau khi tham khảo nhiều đáng bậc, Liên hiệp Thăm Viếng II quyết định tài trợ dự án của ba nữ tu và một nữ tu khác nữa tới từ tu viện *St. Paul, Minnesota* được sống, cầu nguyện và hiện diện giữa những người bị gạt ra bên lề xã hội. Địa điểm các nữ tu đã chọn quả là điển hình: Một ngôi nhà mục nát cần được tu bổ ngay giữa một khu ổ chuột đa phần gồm các người Mỹ da đen tại thành phố *Minneapolis*.

Đối với nhóm nữ tu này - không lâu sau sẽ được mệnh

danh “Các Nữ Tu Khu Xóm” - thì linh đạo Sa-lê là chuẩn mực thích hợp cho việc thiết lập một tu viện giữa đô thị; sự hiền dịu Sa-lê đúng là món quà đối với cộng đồng khu phố đầy dẫy bạo lực. Ý thức là dòng Thăm Viếng tiên khởi đã từng được tổ chức với một nội vị hết sức uyển chuyển – không gắn với bất cứ một việc tông đồ nhất định nào, nhưng là một ngôi nhà cho phép các phụ nữ như Gio-a-na San-tan công hiến đời mình cho việc chuyên cần cầu nguyện với Giê-su yêu quý, và rồi “Sống Giê-su!” đáp ứng nhu cầu các người nghèo khổ trong khu vực – các nữ tu *Minneapolis* hăm hở lên đường. Qua thử thách và thất bại, dần dần lối sống của họ được hình thành, tuy rằng qui luật Thăm Viếng vẫn chi phối tất cả. Nếp cầu nguyện tu viện truyền thống vẫn được rải đều trong ngày: Trung thành nguyện gắm một tiếng rưỡi đồng hồ, sách thiêng và Thánh Lễ hàng ngày. Trong ngôi nhà nguyện bé nhỏ của tu viện, khách khứa thuộc đủ mọi hạng người, bà con lối xóm cũng có, linh mục hay mục sư cũng có, kể cả các gã qua đường muốn tìm một nơi tĩnh lặng... tất cả cùng tham gia cầu nguyện với các nữ tu. Nhu cầu của cộng đồng xung quanh đòi các nữ tu phải có các giải pháp khác nhau: Cung cấp cho các trẻ em khu xóm sân chơi hay sách đọc, xây dựng cộng đồng khu phố “Thăm Viếng Hàng Xóm” theo nhân quan Sa-lê để phục vụ người nghèo, tiếp nhận nhóm người trẻ thành niên Mễ của giáo xứ, dạy dương cầm, dạy kèm toán, giúp đỡ các gia đình lối xóm đã mất người thân trong các vụ bạo động đô thị, xoa bóp trị liệu, cộng tác với liên hiệp khu xóm cung cấp nhà ở giá rẻ, hay nâng đỡ nhóm tư vấn phục vụ các người già của cộng đồng Mỹ gốc Phi. Tâm điểm của đời sống tu viện giữa thế kỷ XXI này tại Bắc Mỹ chính là các giá trị của đời sống cộng đoàn, cầu nguyện và hiện diện. Tuyên ngôn sứ mệnh của nhóm phản ánh nhân quan Sa-lê về

một thế giới gồm những con tim được biến đổi từ bên trong, và rồi biến đổi con tim của những người chung quanh mình.

Quan trọng không phải những gì chúng ta LÀM; quan trọng chúng ta LÀ và chúng ta TRỞ THÀNH ai, qua những gì chúng ta tham gia với tư cách nữ tu Thăm Viếng.

Chúng ta diễn tả lối sống chiêm niệm của mình qua đời sống, cầu nguyện và phục vụ những kẻ thường bị thế giới này rẻ rúng. Chúng ta tới khu vực Bắc *Minneapolis* để khám phá Đức Ki-tô hoạt động trong thành phố này, thông qua các giao tiếp với dân chúng trong “khu xóm” chúng ta.²⁶⁷

Qua bất cứ hình thức nào nó diễn tả, Dòng Thăm Viếng Hoa Kỳ đều tiếp tục “Sống Giê-su” trong các cách thức phản ánh được nhận quan của Phan-ci-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan: nhận quan về một thế giới trong đó “con tim trò chuyện với con tim”.

Tập trung nơi Đức Giê-su ban Thần Khí Người cho chúng ta, đời sống chúng ta trở nên một lối yêu mến, hành động và tín thác, một lối hết lòng từ bỏ. Cuộc sống chúng ta có đặc điểm là tập trung vào ý muốn Thiên Chúa và tinh thần tự do của chúng ta. Do đó trọn đời chúng ta là một đời cầu nguyện – cầu nguyện liên tục, cầu nguyện đơn sơ – thoải mái như ở nhà và an nghỉ

267 Website liên quan tới dòng Thăm Viếng Minneapolis. www.visitationmonastery.org/index.html

trong trái tin Giê-su, học đòi và diễn đạt ước muốn sâu thẳm của Ngài là chúng ta sẽ trung thành thể hiện được ý muốn của Thiên Chúa.

Chúng ta được kêu gọi để thực hành yêu mến hơn là nhiệm nhặt. Hai nhân đức cách đặc biệt dệt nên tấm vải tình yêu là khiêm tốn và hiền dịu: Khiêm nhường được chân lý thánh hóa, khiêm nhường “Magnificat” của Đức Ma-ri-a; và hiền lành dám xả thân tới chết, hiền lành của Thánh Tâm Chúa Giê-su.

Đời sống chúng ta, đời sống duy nhất của chúng ta phải là đời tình yêu được Giê-su nhập thể vào, được Giáo hội công bố, và có nghĩa là được chia sẻ sao cho mọi người được sống. Chúng ta chia sẻ đời sống phong phú này trước hết qua cầu nguyện, kinh nguyện sống động trong cộng đoàn.

Gương mẫu chúng ta trong đời sống này là Đức Ma-ri-a, người đã suy niệm, nhưng suy niệm trong lên đường, lên đường theo nhịp đập của Con Tim Giê-su. Chúng ta tin rằng Mẹ sẽ còn hàng ngày lên đường, lên đường thăm viếng trong yêu thương, và mời gọi chúng ta “Sống Giê-su” trong Hội Thánh và trong thế giới.²⁶⁸

268 Tuyên ngôn “đời sống và sứ mệnh” trích từ *A Possible Model for the Revision of the Constitutions, Juridical Directory and Federation Statutes for the Visitation Sisters of the Visitation of Holy Mary*, Tài liệu chưa xuất bản của Đệ nhị Liên hiệp, 1987.

7. ON GỌI NÊN THÁNH PHỔ QUÁT: CÔNG ĐỒNG VA-TI-CAN II VÀ CÁC THÁNH SA-LÊ

Các thánh vượt qua thời đại họ sống bởi vì các ngài đã sống cho và trong Chúa... Tiểu sử các ngài được lồng trong lịch sử Giáo hội tựa như các dòng chảy đổ dồn vào đại dương. Các ngài hiện diện giữa chúng ta, cho dầu chúng ta có ý thức về việc này hay không. Điều này đặc biệt đúng với thánh Phan-xi-cô Sa-lê. Ngay cả nếu bối cảnh đời sống ngài có khác xa thời đại chúng ta, sẽ là một sai lầm lớn nếu có ai vì thế mà đi tới kết luận rằng ngài chẳng còn giá trị gì liên quan tới chúng ta ngày nay... Ai muốn khám phá ra dấu ấn của Thánh Phan-xi-cô Sa-lê trên Hội Thánh hôm nay sẽ không khó để thấy, không phải tên tuổi nhưng là ảnh hưởng rõ rệt của ngài ẩn hiện trong các tài liệu vĩ đại của Công đồng Va-ti-can II... Trong dịp kỷ niệm Đệ tứ bách chu niên này của ngài sẽ thật thích hợp nếu thế hệ chúng ta nhìn nhận món nợ tri ân mà chúng ta phải có đối với ngài. Đối với mỗi chúng ta, ngài thật gần gũi, sống động và thiết thực. Sự hiện diện đậm ấm, tươi sáng và thanh thản của ngài giúp chúng ta thấu hiểu và sống để nếm cảm được niềm vui của sự thông hiệp các thánh.²⁶⁹

269 Hồng y Léon Joseph Suenens, "Saint Francois de Sales et Vatican II" trong *Saint Francois de Sales, Témoignages et Mélanges, Mémoires et Documents*, do L'Académie Salésienne xuất bản, Tập LXXX (Amabilly-Annemasse: Editions Franco-Swissess, 1968), trg 23-4. Suenens, một Hồng y đã có tầm ảnh hưởng quan trọng trong đường hướng của Công đồng Va-ti-can II, ngài đã từng là thành viên của Hiệp hội các linh mục của Phan-xi-cô Sa-lê.

Vào những năm giữa thế kỷ XX, khi chú thích về tầm ảnh hưởng sâu rộng của Phan-xi-cô Sa-lê trên nền linh đạo Pháp, sử gia *Pierre Serouet* đã nhận xét, “không ai dám mơ tới việc thử làm một ước tính về tầm ảnh hưởng vừa quá rõ rệt lại vừa quá bao la này”. *Serouet* tiếp tục bằng việc trích dẫn ý kiến của sử gia kiêm văn sĩ *Henri Bremond* tuyên bố rằng ảnh hưởng của vị giám mục Sa-voa này lớn tới độ trên thực tế linh đạo Công giáo không thể nào tách khỏi linh đạo Sa-lê được.²⁷⁰ Nếu tính theo các nghiên cứu địa lý về Công giáo hiện nay, cùng với sự xuất hiện phong phú của nhiều truyền thống linh đạo rất khác nhau, ta thấy lời khẳng định trên xem ra quá đáng. Tuy nhiên nó cũng chỉ cho thấy một sự thật là gia sản Sa-lê, thông qua nhiều kênh khác nhau, đã đưa được nhãn quan về một thế giới gồm các con tim nhân loại và thần linh, được khai sinh vào đầu thế kỷ XVII, tới tầm hiểu biết cũng như đón nhận của một con số không nhỏ các Ki-tô hữu, trong quá trình bốn thế kỷ kế tiếp. Nhãn giới đó, hay đúng hơn những khía cạnh chính yếu của nhãn giới đó, thực tế đã được các tài liệu của Công đồng Va-ti-can II phản ánh lại.

Hồng y *Suenens* là một trong các công trình sư chính của Công đồng, chính ngài đã gán cho Phan-xi-cô một tầm ảnh hưởng có thể nhận ra trong nội dung các văn kiện vĩ đại của Công đồng.²⁷¹ Trong con mắt của *Suenens*, Chương V của *Lumen Gentium* (*Hiến Chế Thần Học về Hội Thánh*) đã vang vọng tư tưởng của vị thánh vùng Sa-voa. Chương năm mang

270 Pierre Serouet, bài viết về “Francois de Sales”, *Dictionnaire de Spiritualité ascétique et mystique*, Tập I, Col. 1093. Trong chương về Công đồng Va-ti-can II này tôi dựa vào khảo cứu chưa được xuất bản của cha cố Joseph Power, OSFS.

271 Suenens, “Saint Francois de Sales et Vatican II”.

tựa đề “Ơn Gọi Phổ quát tới sự Thánh Thiện” nhấn mạnh rằng cùng một ơn gọi duy nhất xuất phát từ Bí tích Rửa Tội dành cho cả giáo sĩ lẫn giáo dân; điều này có nghĩa là chính Hội Thánh và mọi phần tử của Hội Thánh, tùy theo bậc sống mỗi người, đều được mời gọi trở nên “trọn lành như Cha anh em là Đấng Trọn Lành”, và đây chính là tâm điểm của thế giới những con tim Sa-lê. Ngoài ra *Suenens* còn nhận ra ảnh hưởng của Phan-xi-cô trong *Gaudium et Spes* (*Hiến Chế Mục Vụ “Hội Thánh Trong Thế Giới Hôm Nay”*) trong chương bàn về hôn nhân. “Ngày nay khái niệm tình yêu là tâm điểm của hôn nhân đã trở thành phổ biến, và người ta nhấn mạnh trên nhu cầu xây dựng hiệp thông liên nhân vị giữa các cặp vợ chồng... (tuy nhiên) những ai đã cất công soạn thảo các văn bản trên đều biết rõ..., trước khái niệm thuần pháp lý của hôn nhân, cần phải liềm lĩnh lắm mới đưa được tư tưởng đó vào và bảo vệ được nó.”²⁷² Như vậy, thật đúng đắn khi Phan-xi-cô đặt tình yêu làm trung tâm của mọi tương quan nhân vị, và tác phẩm “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” ngày càng phổ biến đã duy trì được sự hiểu biết này qua nhiều thế hệ nơi những người sống trong bậc vợ chồng. Sau cùng vị Hồng y này còn coi Va-ti-can II như, trong một ý nghĩa nào đó, ghi một chiến tích muôn màng cho nhân quan uyển chuyển của Phan-xi-cô Sa-lê về các cộng đoàn nữ tu. *Suenens* nhận ra kế hoạch ngài thiết lập dòng Thăm Viếng là một cảm hứng đầy linh cảm về tương lai đời sống tu trì.

Một đánh giá mang sắc thái khác về dấu ấn của Phan-xi-cô Sa-lê trên Giáo hội giữa thế kỷ XX đã được thần học gia dòng Đa Minh là *Yves Congar* công hiến. Trong khi vẫn đánh giá rất cao việc Phan-xi-cô nhấn mạnh trên bậc giáo dân,

Congar cho thấy nhân vật Sa-voa không phải là người duy nhất phát kiến ra điều này. Từ vài ba thế kỷ trước, trước cả khi xuất hiện cuốn “*Dẫn Vào*”, đã có một cuộc thức tỉnh tiệm tiến về sự tham gia cũng như sức năng động thiêng liêng của giáo dân.”Nỗ lực của Phan-xi-cô, theo ý kiến này, chỉ đẩy nhanh một phong trào đã được khơi dậy từ lâu và rất sinh động”.²⁷³ Cũng trong cách thức tương tự, *Congar* đánh giá Phan-xi-cô như một vị thánh dành cho phong trào đại kết thời hiện đại. Thời đại đổi thay, và “đại kết” khác xa với công việc truyền giáo, cũng như động lực tông giáo trước đây. Dầu vậy, khi đặt Phan-xi-cô trong bối cảnh lịch sử của ngài, thần học gia dòng Đa Minh đã nhận ra nơi ngài một tiền thân của các khuynh hướng mang nét đặc tính của Giáo hội Công giáo đương đại. Và thật là thích hợp và sâu sắc khi ông đã đánh vào chính tâm điểm của linh đạo Sa-lê khi tìm câu trả lời cho vấn nạn do chính ông đặt ra:

Nếu sống ở thời đại này thì Phan-xi-cô sẽ nghĩ gì đây? Nếu được mời giảng trong Tuần Lễ Cầu cho Hiệp nhất thì ngài sẽ nói gì đây? Từ *Genève* hay từ *Chablais* ngài sẽ mang tới Công đồng của Gio-an XXIII những vấn đề nào đây? Chúng ta có thể chắc chắn một điều: Đó sẽ là những tư tưởng do đức ái thôi thúc và lời văn do ước muốn duy nhất được vâng theo các chỉ dẫn của ý muốn Thiên Chúa.²⁷⁴

273 Yves Congar, “S. Francois de Sales aujourd’hui”, trong tạp chí *Choisir*, (tháng 07-08, 1962) 24-6. Bài viết ngắn này được dịch ra Anh Ngữ do Francis Sullivan, OSFS trong *Salesian Studies* 3 (1966), 5-9

274 Ibid, trg. 9. Elisabeth Stopp đã nhìn Phan-xi-cô tích cực hơn khi gọi ngài là “tiền thân đại kết” (proto-ecumenist). Xem *A Man to Heal Differences*, trg. 193-202

Khi bóc trần nhãn quan của Phan-xi-cô Sa-lê tới những gì là thiết yếu nhất, *Congar* đã chứng minh mình là một nhà diễn giải tinh thần Sa-lê chính xác nhất. Đối với nhân vật Savoa, cũng như truyền thống linh đạo ngài cư mang, tình yêu chính là khởi điểm, kết thúc và phương tiện của toàn bộ đời sống Ki-tô hữu. Ngập tràn trong cảm giác về một Thiên Chúa đầy nhân ái và quan phòng chăm sóc mọi tạo vật, đồng thời tin tưởng vào sự thiện và khả năng yêu thương của con người, thế giới Sa-lê hiện lên như một thế giới của những con tim. Con tim con người được cuốn vào sự thân mật với Con Tim Thiên Chúa và với con tim của đồng loại thông qua Thánh Tâm Giê-su. Quả tim con người đập đồng một nhịp với quả tim của Thiên Chúa khi “Sống Giê-su”, và tạo điều kiện để con tim hiền dịu và khiêm hạ của Đấng Cứu Thế ngự trị và sinh động trong mình. Quả tim con người yên nghỉ trong con tim Thiên Chúa như trẻ thơ trong vòng tay mẹ hay tình quân trong lòng tình lang. Quả tim con người cũng cùng thở hít và đập nhịp thân tình trong gia đình, trong những cộng đoàn có tổ chức, trong Hội Thánh, và trong phục vụ yêu thương làm cho Con Tim hiền dịu của Giê-su tiếp tục sống động mãi trong thế giới. Do đó linh đạo Sa-lê thiết yếu là phạm trù của con tim, và có thể được sống trong vô vàn cách thức. Cho dầu vẫn tồn tại một số thực hành đạo đức theo truyền thống chẳng hạn như giữ các ngày thứ sáu đầu tháng hay tận hiến cho Thánh Tâm, đặc điểm của linh đạo này không nhất thiết phải gắn với một lối sống hay một số thực hành đạo đức nào, nhưng tiên quyết là chất lượng của con tim được diễn đạt qua lời nói và hành động. Trong sự tự do của con cái Chúa, người Sa-lê đáp lại Thiên Chúa tình yêu qua việc tích cực dẫn mình vào “ý muốn bộc lộ” của Chúa, đồng thời cũng phó mình cho “ý muốn vui

thích” của Ngài. Và với con tim tự do của tình nhân Thiên Chúa, người môn đệ theo đường lối Sa-lê giữ con tim mình làm ổ trong trái tim Thiên Chúa, và mở rộng con tim dịu hiền mình cho tha nhân theo bất cứ hình thức nào mà Tình Yêu và hoàn cảnh lúc đó kêu mời.

Qua nhiều thế kỷ, nhãn quan về một thế giới những con tim đã được diễn đạt và trải nghiệm trong nhiều bối cảnh xã hội, chính trị, tôn giáo và thần học rất khác nhau. Ngay cả mạc khải về Thánh Tâm Giê-su của nữ tu Thăm Viếng Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-côc thiết lập mô hình sùng kính Thánh Tâm được Giáo hội chính thức chuẩn nhận cũng còn phản ánh nhãn quan âm đạm của nền thần học Âu Tinh thịnh hành vào thời đó, khác xa với lòng đạo đức nhân bản đầy lạc quan của Phan-xi-cô Sa-lê.²⁷⁵ Trong môi trường Pa-ri vào giữa thế kỷ XIX, trong khi giám mục *Ségur* nhận ra việc cải đạo của những người Tin Lành là mục tiêu tối hậu của Hiệp hội Phan-xi-cô Sa-lê của mình thì giữa bối cảnh bạo lực sâu trong thành phố *Minneapolis* của thế kỷ XXI, các nữ tu Thăm Viếng “Khu Xóm” lại thấy mình cần nuôi dưỡng Thánh Tâm “bất bạo động” của Giê-su trong phục vụ đồng đều dân chúng thuộc mọi tín ngưỡng. Trong khi các gia đình của Sa-lê-diêng của Don Bosco đề cao phương pháp “sự phạm dự phòng” trong công tác phục vụ người trẻ sống bên lề xã hội thì nhiều cha, thầy và nữ tu Tận Hiến trong các việc tông đồ của mình lại nhấn mạnh trên việc thực hành “*Thuần bản Thiêng liêng*”. Một bà nội trợ tham dự tuần tĩnh tâm với

275 Điển hình như trong việc nhập thể, nữ tu Magarita nhìn thấy vệc Thiên Chúa tự hạ trong khi Phan-xi-cô lại thấy việc nhân loại được tôn vinh. Do đó trong khi chị nhấn mạnh trên cần thiết phải phạt tạ vì tội lỗi, trong khi cha đòi phải kết hiệp sâu xa. Magarita Maria vẫn còn phản ánh phần nào tính bi quan Âu Tinh của thời đại chị.

cuốn “*Dẫn vào Đời sống Đạo đức*” có thể cuối tuần sẽ hít thở được làn hương thơm kinh nguyện của bó hoa tinh thần, trong khi một nữ tu nội vi Thăm Viếng lại tự đồng hóa mình với Gioa-na San-tan trong kinh nghiệm nội tâm “tử đạo vì yêu”. Tất cả các diễn đạt khác nhau trên của thế giới Sa-lê các con tim thật ra trong thâm sâu và cốt lõi chỉ là một. Do đó các ẩn dụ chính yếu của truyền thống này sẽ còn tiếp tục được lặp đi lặp lại mãi và phản ánh qua nhiều thế hệ.

CÁC THÁNH SA-LÊ

Tiến trình phong thánh chính thức của Giáo hội Công giáo Rô-ma là rất phức tạp và đôi khi gây tranh cãi.²⁷⁶ Dầu vậy sẽ không phải là điều vô nghĩa khi rất nhiều phần tử của gia đình thiêng liêng Sa-lê được cộng đoàn Giáo hội chính thức nhìn nhận như gương mẫu đời sống Ki-tô hữu đồng thời là người cầu bầu các tín hữu có thể chạy tới van xin. Cách nào đó các ngài được công khai nhìn nhận như vừa gần gũi với con tim Thiên Chúa, lại vừa đi sát với con tim loài người.

Trong số những vị được tuyên phong “Hiển Thánh” trước hết đương nhiên phải kể tới Phan-xi-cô Sa-lê và Gio-a-na San-tan. Riêng Dòng Thăm Viếng trong số các vị được phong thánh ngoài bà mẹ Sáng Lập còn có Ma-ga-ri-ta Ma-ri-a A-la-cốc. Trong số các nguyên tắc Ngũ Tuần Sa-lê của thế kỷ XIX có Gio-an Bosco, *Léonie Aviat* – sáng lập dòng Nữ Tu Tận Hiến Thánh Phan-xi-cô Sa-lê, và *Maria Domenica Mazzarello*, sáng lập dòng Con Đức Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu, đã được phong hiển thánh, cùng với Đa Minh *Savio* – một trong các đệ tử đầu tiên của Don Bosco. Hàng chục các phần tử khác của gia đình thiêng liêng Sa-lê, trong số đó có 7 nữ tu Thăm Viếng tử đạo tại Tây Ban Nha trong cuộc Nội Chiến²⁷⁷ đã được

276 Để có được lời giải thích và phê phán thấu đáo về tiến trình này, xin đọc Kenneth Woodward, *Making Saints: How the Catholic Church Determines Who Becomes a Saints and Who Doesn't* (New York: Simon and Schuster, 1990).

277 Về các vị Tử Đạo Tây Ban Nha xin đọc Martina Lopez, RA, *And They Gave Their Lives: The Seven Visitandine Martyrs of Madrid*, bản dịch Anh ngữ do nữ tu Tham Viếng Hoa Kỳ (Fremond, Ohio: Leshner Printers, 1997), và Robert Royal, *The Catholic Martyrs of The Twentieth Century* (New York: Crossroad, 2000), trg. 107-30.

phong tặng danh hiệu Chân Phước hoặc Đáng Kính.²⁷⁸ Điều này có gì liên quan tới khảo cứu linh đạo Sa-lê mà chúng ta đang làm? Sẽ là không đáng kể nếu chúng ta không nghiêm túc nhìn vào nguyên lý nền tảng của nhân quan Sa-lê: Đó là con tim nhân loại được dựng nên để yêu cách thâm sâu và trọn vẹn, để cảm nghiệm được chiều sâu của ý muốn Thiên Chúa, và để yêu như chính họ đã từng được yêu. Sự thánh thiện, bậc hiển thánh: Trong từ vựng Sa-lê các từ này không dành cho một thiểu số ưu tú những siêu nhân anh hùng, hay cho một nền đạo đức nhiệm nhặt và phi nhân; chúng không được dành cho các tu sĩ chuyên nghiệp hay những cá nhân “không thuộc về trần thế”. Thánh thiện phải là điểm đến của tất cả mọi người. Thánh thiện đơn giản là thực hiện một cuộc sống trao hiến cho Tình Yêu. Các Thánh là tất cả những ai đã để cho con tim mình đập theo tiếng gọi của Tình Yêu. Và mọi người không trừ ai đều được dựng nên để, và được mời gọi đi vào mầu nhiệm của thể giới Thiên Chúa và nhân loại trong đó con tim thân mật thổ lộ với con tim.

Phan-xi-cô Sa-lê - Tiến sĩ của Tình Yêu Thiên Chúa sẽ không an nghỉ bao lâu các tín hữu chưa đón nhận tình

278 Trong số này, và không chỉ giới hạn trong số này, có những đệ tử của Don Bosco như Micae Rua – linh mục và kẻ vị Don Bosco, Giám mục Louis Versiglia và linh mục Callisto Caravario – truyền giáo tử đạo, Laura Vicuna - học sinh, linh mục Philip Rinaldi, Madalena Moreno FMA, Maria Romero Meneses FMA, linh mục Louis Variara, Sư huynh Artemide Zatti, Dorotea Chopites – Cộng tác Viên, linh mục August Czartoryski, Linh mục Anrê Beltrami, Zeferino Namuncura – thiếu niên, Teresa Valse FMA, Vincent Cimatti – Đại diện tông tòa, Sư huynh Simon Srugi, linh mục Rudolf Komorek – truyền giáo. Các nữ tu Thăm Viếng phải kể Anne Madeleine Remuzat, Charlotte de Bréchar, và Marie de Sales Chappuis. Các tu sĩ Tận Hiến phải kể Louis Brisson.

yêu Thiên Chúa hầu sống tình yêu này cách sung mãn, chưa hướng con tim họ về Chúa và chưa kết hiệp với Người. Do đó, dưới sự hướng dẫn của ngài, bất cứ Ki-tô hữu nào cũng có thể bước đi trên đường trọn lành. Ngài cho họ thấy rằng mọi người đều được kêu gọi tới một đời sống thiêng liêng sâu xa, bất kể nghề nghiệp và hoàn cảnh họ có là gì đi nữa. Ngài dạy rằng “Hội Thánh là một thửa vườn với cơ man nào là các loại hoa, cao thấp, màu sắc, hương thơm khác nhau, tóm lại những bậc trọn lành khác nhau. Trong khi mỗi bông mỗi vè, rực rỡ, duyên dáng với giá trị riêng của mình, thì tập hợp trong sự đa dạng chúng lại có một nét đẹp đáng kinh ngạc khác.” Là một người lịch duyệt tốt lành biết cách giới thiệu cho tất cả mọi người ngài gặp gỡ một Thiên Chúa - Đáng kiên nhẫn và xót thương, ngài đề xuất cho họ một nền linh đạo vừa đòi hỏi lại vừa thanh thả dựa trên tình yêu, bởi vì “đây mới chính là niềm vui lớn lao nhất trong đời sống dương thế cũng như trên nơi vĩnh hằng”.

Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

Tông thư gửi cho Giám mục *Annecy*

Nhân dịp Kỷ niệm Đệ tứ Bách chu niên Phan-xi-cô Sa-lê được phong giám mục²⁷⁹

279 http://vatican.va/holy_father/john_paul.../hf_jp-ii_let_20021209_frances-sales.fr:htm

MỤC LỤC

Lời Tựa	trg 05
Lời Tựa & Tri ân	trg 09
Đôi lời của Dịch giả	trg 12
1. Truyền thống linh đạo Sa-lê	trg 15
2. Thế giới các con tim: Phan-xi-cô Sa-lê	trg 21
3. Nguồn thánh: Gio-a-na San-tan & Hội dòng Đức Mẹ Thăm Viếng	trg 54
4. “Vàng Sáng Lớn”: Truyền bá Tinh thần Sa-lê	trg 89
5. Hãy ngắm nhìn trái tim này! Ma-ga-ri-ta A-la-cốc và Thánh Tâm	
6. Thế kỷ Mười chín: Lễ Ngũ Tuần Sa-lê	trg 154
7. Ôn gọi nên thánh phổ quát: Công đồng Va-ti-can II và các Thánh Sa-lê	trg 255



CON TIM THỎ LỘ VỚI CON TIM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Quang Học

Sửa bản in: Đặng Khâm

Bìa: Nguyễn Văn Ty

In 1.000 bản, khổ 20,5 x 13,5 cm

tại Cty TNHH MTV Lê Quang Lộc

161 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 238-2015/CXBIPH/06-21/PĐ

Cục xuất bản, In và Phát hành ký ngày 29 tháng 01 năm 2015

Quyết định về bản số: 042/QĐ-PĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2015

In xong và nộp lưu chiểu tháng 02 năm 2015

Mã số ISBN: 978-604-63-1095-2

THÁNH PHAN-XI-CÔ SA-LÊ

THÁNH PHAN-XI-CÔ SA-LÊ



THÁNH PHAN-XI-CÔ SA-LÊ

THÁNH PHAN-XI-CÔ SA-LÊ



TỈNH DÒNG SA-LÊ-DIÊNG DON BOSCO VIỆT NAM
54 đường số 5, Linh Xuân, Thủ Đức, Tp.HCM